

The book cover features a stylized illustration. At the top, a red and yellow superhero figure with a cape is shown in a flying pose against a light pink background. To the left, a dark, curved shape resembling a ship's hull or a cave entrance is set against a dark blue background with a white cloud. Below the superhero, a bright yellow beam of light extends diagonally across the cover. In the bottom right corner, a blue, mechanical-looking structure, possibly a submarine or a piece of machinery, is depicted against a dark blue background with white waves. The title and author's name are centered in the middle of the cover, overlaid on the yellow beam of light.

SERGEY BELYAEV

**NHỮNG CUỘC PHIÊU LƯU
CỦA SAMUEL PINGLE**





SERGEY BELYAEV

**NHỮNG CUỘC PHIÊU LƯU
CỦA SAMUEL PINGLE**

Tên sách: Những cuộc phiêu lưu của Samuel Pingle

Tác giả: Sergey Belyaev

Dịch giả: Nguyễn Đức Vinh

Trình bày mỹ thuật: Grisin N. I.

Nhà xuất bản Tiến Bộ - Moskva - 1982

Bản dịch của Nhà xuất bản Lao động Hà nội

Khổ sách: 17x22 cm

Hình thức: bìa cứng

Số trang: 220

Thể loại: khoa học viễn tưởng

Сергей Беляев

ПРИКЛЮЧЕНИЯ СЭМЮЭЛЯ ПИНГЛЯ

на вьетнамском языке

Đánh máy: 4DHN, nerissa, Michelia

Thực hiện eBook: 4DHN

<http://www.thuvien-ebook.com>

Tặng vợ tôi

Chương một

I

Để thỏa mãn những lời yêu cầu khẩn khoản của người vợ thân yêu và của Jim, đứa con trai chúng tôi, một tiến sĩ sinh vật học trẻ tuổi, tôi sẽ trình bày lại trong cuốn sách này sao cho đầy đủ hơn những sự kiện ly kỳ xảy ra ở Ashworth khoảng ba mươi năm năm trước, cùng những cuộc phiêu lưu mà số phận đã đẩy tôi vào. Những sự việc ấy xảy ra vào lúc mà loài người vừa hồi tỉnh lại sau những nỗi kinh hoàng của cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất và đã tưởng được yên hưởng một nền hòa bình lâu dài, chẳng hề nghi ngờ rằng lại sắp bị xô đẩy xuống vực thẳm của những tai họa chiến tranh khủng khiếp nhất.

Có thể là đối với một số người thì phần nào những biến cố và những cuộc phiêu lưu của tôi có vẻ như hoàn toàn không đúng sự thật. Tuy nhiên tôi cho rằng sự tiến bộ của khoa học và kỹ thuật là vô tận, và hy vọng trong tương lai sắp tới tôi với các bạn cùng thời của tôi sẽ được thấy những phát minh sáng chế và những đầu kỳ diệu hơn nhiều so với những việc tôi mô tả hoặc những điều con trai tôi mới viết trong chuyên khảo “sự giải đáp về bản chất của những virus qua lọc” (năm 1966).

Những hồi ức về thời niên thiếu hiện nay vẫn làm cho lòng tôi xao xuyến khôn xiết, nhưng tôi sẽ cố viết lại những hồi ức đó bằng cái giọng bình tĩnh của những nhà văn cổ điển mà ngày xưa, khi còn bé, cha tôi đã dạy tôi đọc những tác phẩm của họ, những tác phẩm ấy đã giáo dục chúng ta biết yêu tha thiết tổ quốc tươi đẹp của chúng ta.

Tôi sẽ thực sự vui mừng nếu các bạn tìm thấy ở cuốn sách của tôi những kiến thức hữu ích và có thể học hỏi được, bởi vì ánh sáng của kiến thức thì soi đường cho nhân loại còn việc quan sát tỉ mỉ những hành vi của mọi người xung quanh sẽ làm giàu cho kinh nghiệm cá nhân của mỗi người.

Bởi vậy, trong khi tự cổ vũ mình bằng niềm hy vọng rằng tất cả những ai có dịp đọc cuốn sách này đều sẽ lượng thứ cho những mặt yếu và nhược điểm của tôi, tôi, Samuel Pingle, quê ở Ashworth, hôm nay, một buổi sớm đẹp trời ngày 17 tháng Năm, năm 1968, vừa lúc tôi tròn năm mươi tuổi, bắt đầu trình bày những sự kiện đúng với sự thật và còn có thể là chi tiết nữa.

Tôi sinh vào lúc sôi sục nhất của cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất ở Ashworth một thành phố nhỏ bé và tiện nghi, nằm trên bờ Đại tây dương, trong gia đình ông Isidor Pingle, một thư lại trong văn phòng của lâu đài Oldmount thuộc quyền sở hữu của lord* Pucklington.

Tôi là đứa con cuối cùng và duy nhất còn sống sót của cha mẹ tôi. Các anh, các chị sinh trước tôi đều đã chết khi còn ít tuổi. Tất nhiên là cha mẹ tôi hết sức yêu quý “thằng nhóc” của mình. Mẹ tôi yếu, và bệnh sưng phổi đã cướp mất bà khi tôi mới lên bảy. Cha cha tôi và tôi khóc lóc mãi không nguôi trước cái tang đau đớn này.

Cha tôi đã sống những ngày góa bụa trong một ngôi nhà nhỏ ở gần bãi chợ cùng với bác Reggie, anh mẹ tôi, một ông già độc thân. Bác tôi, trung sĩ Reginald Brand về hưu, bị lựu đạn làm cụt cánh tay trái ở Gallipoli năm 1917 lúc nào cũng tự hào mang tấm huân chương “Vì dũng cảm” trên ngực và đã kể cho tôi nghe rất nhiều câu chuyện kỳ lạ.

Có lẽ chính những câu chuyện ấy đã làm nảy ra trong óc tôi ý muốn tha

thiết được tới những nước nhiệt đới để thấy tận mắt những điều kỳ diệu. Lúc còn bé tôi hoàn toàn không ngờ rằng thực tế còn kỳ lạ hơn nhiều so với những cuộc phiêu lưu mà bác tôi thường hay thuật lại vào những đêm đông dài, khi ông ngồi hút thuốc trước ngọn lửa ấm cúng của bếp lò.

Tôi nhớ rằng bác tôi đã từng kể về một con tàu, con tàu ấy lớn đến nỗi khi nó đi ngang qua eo biển Dover thì mũi tàu chạm vào đỉnh tháp Calais trên bờ biển Pháp, còn lá cờ đang tung bay phía lái đã hất cả một đàn cừu đang đứng trên những tảng đá Dover xuống biển. Những cột buồm của con tàu này cao tới mức một thủy thủ thiếu niên leo lên đến đỉnh, lúc tụt xuống tới boong tàu thì cậu ta đã trở thành một ông già râu dài tới rốn. Bác tôi còn kể là có lần ông đi sang Tân Ấn-độ trên một tàu thủy nhỏ, con tàu của ông đã phải len lỏi giữa những hòn đảo trên một eo biển hẹp đến nỗi ông có thể với tay sờ tới được những tảng đá trên bờ, với cơ man là vàng bạc, châu báu. Ông còn kể về eo biển Ballambang Jang, khiến sau đó tôi cứ lần mò tìm mãi trên các bản đồ địa lý nhưng vẫn không thấy đâu. Trên những cây mọc hai bên bờ eo biển này có rất nhiều khỉ nhiều đến nỗi, người ta không thể nào đi đâu khiến được những cánh buồm nữa; đuôi của chúng thông xuống thành từng chùm và rối cả vào với những dây căng buồm.

Nghe những câu chuyện ấy, tôi đã thề với mình rằng thế nào cũng phải trở thành một nhà du lịch.

Dần dần về sau tính hài hước hồn hậu ở bác tôi bắt đầu đơm về u sầu bí ẩn. Hồi ấy ở Ashworth người ta coi bác tôi là một ông già bản tính và hay lý sự đến phát ngấy lên. Được tiền trợ cấp chiến tranh, bác tôi đã dùng phần lớn thì giờ của mình ở hiệu ăn “Hỗ Vương”, ở đây ông giao du thoải mái với cái xã hội của những khách hàng quen.

Ông chủ hiệu ăn “Hỗ Vương”, ông Tom Bridge mắt lác, nổi tiếng là một

quán quân cờ bạc kiệt xuất ở vùng Ashworth. Ông ta còn nổi tiếng về nhiều điều khác nữa, sắp tới đây tôi sẽ nói đến.

Bác tôi thường ngủ ở hiệu ăn “Hổ Vương” từ sáng sớm, ông rút cái tẩu thuốc Brazil lớn nhồi đầy thuốc “Sur tử phương tây”, loại thuốc bốn xu một gói, và chậm rãi uống từng ngụm rượu ale đựng trong cốc vại bằng thiếc với cái vẻ của một người đã làm việc khá nhiều trong cuộc đời của mình và giờ đây có quyền tiêu xài tiền trợ cấp nhỏ mọn một cách vô tư lự.



Nhiều lần ông trở về nhà khi đã ngà ngà say và trêu chọc gọi tôi là đồ

“gấu con chưa liếm”, đi đầu ấy làm tôi rất giận. “Gấu con chưa liếm” nghĩa là “thằng hậu đậu”. Thành ngữ này bắt nguồn từ sự mê tín ngu xuẩn là nếu gấu con mới đẻ mà chưa được mẹ liếm thì chưa có hình dáng một con gấu. Nhưng nào tôi có hậu đậu, những bắp thịt ở đôi cánh tay tôi vẫn phát triển khá mạnh.

Tôi đã tranh cãi với bác tôi về việc này một cách nghiêm túc, ông xin lỗi và thôi không nói nữa. Sau khi mẹ tôi mất, việc nuôi dạy tôi chuyển vào tay u già Olivia, bởi vì cả cha và bác tôi đều không có thì giờ làm việc ấy. Tuy nhiên những cố gắng của u già trong việc nuôi dạy tôi chưa hẳn có thể gọi là đầy đủ và toàn diện. Olivia theo dõi cho tôi ăn uống theo giờ, quần áo tôi lúc nào cũng thơm tất. Những việc ấy đã dạy cho tôi tính cẩn thận.

Sau đó tôi bắt đầu vào học ở trường trung học của tỉnh và được quyền giải quyết lấy mọi việc cho chính bản thân mình.

Trước đây, ở vùng ngoại ô Ashworth người ta khai thác than, nhưng vào thời tôi, những mỏ than bị bỏ hoang vì nguồn than đã cạn. Tụi trẻ con ở Ashworth, trong đó có tôi và bạn tôi là Ed, con trai ông chủ hiệu thuốc Orfi, thường nghịch ngợm leo trèo và tìm bắt dơi trong các mỏ than cũ ấy. Việc này còn thú vị hơn nhiều so với việc cùng u già Olivia đến nhà thờ vào những ngày chủ nhật để nghe cha trưởng đạo Jeremiah đọc những lời truyền đạo mà tôi chẳng hiểu một chút nào. Trong việc này bác Reggie đứng hẳn về phía tôi, ông chứng minh cho bà Olivia thấy rằng đối với trẻ con ở lứa tuổi tôi thì những chuyến đi chơi ngoài trời có ích hơn là những lời truyền đạo của cha Jeremiah. Tất nhiên tôi hoàn toàn tán thành ý kiến của bác tôi.

Từ phía sân nhà thờ mở ra cảnh đẹp tuyệt diệu của những ngọn núi bao quanh Ashworth và cảnh biển cả mênh mông. Những ngọn tháp màu xám

của lâu đài Oldmount nổi bật lên đẹp đẽ trên nền rừng Patrick bao phủ những ngọn núi. Thẳng ngay phía dưới Ashworth, phía bên kia con đường nhựa đi về thành phố nhỏ Wesley, là mỏm đá Hai Bông Hồng, phía trên mỏm đá có một bãi phẳng, từ đây có thể nhìn thấy bờ biển ở cả hai phía. Còn sau bãi phẳng là những mỏm than bở hoang thú vị nhất, trong đó có mỏ Vòi Dài là mỏ nổi tiếng bí ẩn và ghê sợ, chỉ những người đặc biệt dũng cảm mới dám chui xuống đó. Ed đã khoắc lác về kỳ công này của nó. Tôi thì chưa đến đấy bao giờ. Đường đi đến Vòi Dài không phải là gần. Nhưng tôi luôn luôn ước mơ được chui xuống đó để xác minh xem nó có đáy hay không.

Trong khi leo núi tôi thường nghĩ tới lúc tôi đã lớn và sẽ lên đường đi du lịch sang phía bên kia đại dương xa xôi. Ngoài những câu chuyện bác tôi kể thì việc đọc những cuốn sách mô tả những đất nước xa lạ đã khiến tôi có ý nghĩ ấy. Tôi cảm thấy rất ghen tức với cái ông chủ lâu đài Oldmount, chẳng mùa thu nào là ông ta không lên đường đi du lịch khắp thế giới. Thường cứ vào mùa xuân lord Pucklington lại trở về sống đơn độc trong lâu đài Oldmount của ông. Tôi chưa được thấy ông lần nào, còn cha tôi thì hầu như không muốn kể về ông chủ của mình, mặc dù vẫn gặp ông luôn, và đương nhiên biết rõ mọi việc ở lâu đài Oldmount. Người ta chỉ có thể hiểu rằng lord Pucklington nghiên cứu khoa học và đối xử rất tốt với những người giúp việc ông, rằng một số người ở Ashworth coi đó là những việc kỳ quặc.

Khi tôi tốt nghiệp tiểu học, cha tôi đã đưa tôi vào học ở trường học Dijan trước sự kinh ngạc của mọi người, vì ai cũng biết rằng chỉ có con cái những nhà rất giàu mới được học ở đấy. Tôi được như vậy là nhờ ơn của lord Pucklington. Ông đã cho cha tôi một số tiền cần thiết và giấy giới

thiệu. Giấy đó hoàn toàn đủ để chấm dứt mọi câu chuyện xì xào trong đám các học sinh về cái tên họ hoàn toàn không thượng lưu của tôi. Hơn nữa, tôi có nhiều bạn trong lớp thấy thích thú trước những thành tích của tôi trong môn bơi lội quyên anh và bóng đá. Vào những kỳ nghỉ hè tôi trở về Ashworth không lâu, bởi vì một trong những người bạn của tôi là Robert Smalls thường hay mời tôi về chỗ dinh cơ của bố cậu ta, ở đấy chúng tôi đã dùng thì giờ một cách đầy thú vị. Gần ngày Tết tôi thường gửi thiệp chúc mừng đến người đỡ đầu tôi là lord Pucklington, đồng thời báo cho ông biết các điểm số của tôi. Và việc này bao giờ cha tôi cũng trả lời: “Ông lớn cảm ơn những lời chúc mừng của con và mong con tiến bộ hơn nữa”.

Từ năm thứ ba trở đi tôi bắt đầu thấy thích thú sinh vật học và thực vật học. Tôi cho rằng những môn khoa học ấy sẽ có ích trong những chuyến đi du lịch sau này và thật là thú vị, nếu có được một phát hiện nào đấy về loại thảo mộc hiếm có mọc trong những khu rừng rậm nhiệt đới, mà tôi đã thề là thế nào cũng phải tìm đến.

Tôi đã cùng với Robert lập ra những kế hoạch phi thường nhất, và cha Robert, một thương gia nổi tiếng, đã hứa cho chúng tôi đi du lịch trên Địa trung hải ngay sau khi chúng tôi bắt đầu lớn

II

Khi đã là một thanh niên mười sáu tuổi, tôi tốt nghiệp trung học đệ nhất cấp với lời nhận xét khen ngợi và được nhận bằng, trong đó chữ ký của ông giám đốc và của các giáo sư ở phía dưới huy hiệu vương quốc đẹp để chứng nhận rằng tôi có những hiểu biết đầy đủ về lịch sử vương quốc, về

địa lý, hóa học sơ cấp, sinh vật học, thực vật học và những ngành khoa học khác. Cái dấu to có hình con sư tử vàng đã làm cho tấm bằng của tôi thêm phần trang trọng, và tôi đã ngắm nghía không biết đến bao nhiêu lần tờ chứng chỉ có tính chất lịch sử đối với tôi, vừa ngắm, tôi vừa đọc hàng chữ Latin xung quanh đầu sư tử trong con dấu: “Neptune* quyết bảo vệ người thủy thủ” - đó là một câu thần chú cổ từ thời Caesar vẫn còn được giữ lại trong huy hiệu của Dijan theo truyền thống.

Trên đường về Ashworth tôi đã ghé vào nhà Robert vài ngày, chúng tôi đã hẹn với nhau một tháng nữa sẽ lên đường đi du lịch theo như lời cha Robert đã hứa với chúng tôi từ lâu. Chúng tôi dự định sẽ thăm Rivier và sống ở Thụy-sĩ ít lâu. Tôi hy vọng cha tôi sẽ cho tôi một số tiền cần thiết cho chuyến đi ấy.

Tôi trở về Ashworth với niềm hạnh phúc đang bùng cháy trong lòng. Tốt nghiệp cấp đệ nhất của trường trung học Dijan có phải là chuyện đùa đâu! Ở bến tàu tôi gửi đồ đạc của tôi về nhà, còn tôi thì bắt đầu đi bộ dọc theo phố King. Tôi muốn ngắm nhìn thành phố quê hương. Bởi vì đã tròn một năm tôi chưa về.

U già Olivia đón tôi ở nhà.

- Chào cậu Samuel, - u nói đơn giản bằng cái giọng của một người nuôi dạy.

- Ông Pingle đã nhận được điện của cậu, ông đã chuẩn bị đi đón, nhưng sớm nay lord đã gọi ông ấy đến lâu đài.

- Có chuyện gì vậy ư?

-Tôi không biết, bác Reggie cũng đi để săn tin của ông Bridge.

- Nghĩa là đã xảy ra chuyện gì rồi, - tôi nói và bước vào căn phòng đã dọn dẹp cho tôi. Chắc có chuyện gì liên can đến lord Pucklington phải

không u? - tôi hỏi u.

Olivia lúc ấy đang giúp tôi cởi áo mưa.

- Hình như thế, - u Olivia trả lời. - Rồi cậu sẽ rõ hết mọi chuyện. Ông Pingle bảo cậu gọi cho ông. Điện thoại tự động ở góc trước mặt kia kìa. Ông Pingle sẽ hết sức vui mừng được nghe giọng cậu nói. Còn bây giờ thì tôi đi sửa soạn ăn sáng và cà-phê đây.

Tôi đã cố gắng nói chuyện bằng điện thoại với Oldmount mấy lần nhưng đều vô ích, không ai trả lời. Cuối cùng một nữ nhân viên điện thoại nói:

- Máy hỏng, không nói được.

Tôi quyết định đến lâu đài để gặp cha. Tôi bắt đầu thấy lo lắng vì một nỗi băn khoăn không rõ rệt nào đó. Bến xe taxi ở phố King. Nhưng tôi đi theo con đường ngắn nhất, và giờ đây những con đường phố bụi bặm của Ashworth đã làm cho lòng tôi buồn nản vô cùng. Đã xảy ra chuyện gì ở Oldmount nhỉ? Không hiểu sao tôi là tin rằng tai họa đã đến với cha tôi. Đi qua mặt ngõ hẹp quanh co tôi đến phố Ginger, ở đây hiệu ăn “Hải vương tinh” và hiệu ăn “Hổ Vương” nằm đối diện nhau, cả hai đều nổi tiếng như nhau trong biên niên sử của Ashworth. Tôi dừng lại một lát ở phía dưới cửa sổ của hiệu ăn “Hổ Vương”. Từ trong ấy vọng ra những tiếng tranh cãi. Những luồng khói thuốc luồn qua cửa sổ thông hơi như ở một đám cháy. Điều ấy có nghĩa là bác Reggie ở đây và đang hút tẩu thuốc của bác. Tôi bước vào. Trong hiệu ăn chẳng ai để ý đến tôi. Mọi người đang chăm chú vào bác tôi lúc ấy đang nhả khói ra như một miệng núi lửa và say mê hùng biện.

- Đối với chúng ta việc ấy xảy ra không phải là vô ích. Rồi có lúc các ông sẽ nhớ tới lão già Reggie và khẳng định rằng lão ta đúng. Rất nhiều

nơi đang xảy ra chiến sự, người ta đánh nhau ở châu Phi, ở Trung-quốc.

Qua lời bác tôi, có thể hiểu rằng người ta đang tranh cãi về những nơi có chiến sự.

- Nếu chúng ta không muốn cho cuộc ẩu đả xảy ra trên vịnh Ashworth này thì ông thủ tướng của chúng ta phải thay đổi cái dù... Cái dù hiện nay ông ta mang theo lên đường đi ngoại giao sẽ không gây được những ấn tượng tốt ở nước ngoài.

Ông Tom Bridge mắt lác đang rót whiskey vào các cốc nhỏ ở sau quầy bán hàng ngắt lời tôi:

- Đúng lắm. Nhưng hôm qua hai người thợ mỏ ở Wesley, họ cũng ngồi ở chính chỗ ông đang ngồi ấy, ông bạn ạ, - khuyên phải thay ông thủ tướng chứ không phải là thay cái dù.

Những khách hàng quen của ông cười rộ lên. Tôi cũng cười đúng lúc ấy ông Tom Bridge nhìn thấy tôi.

- Xin mời vào đây, chàng trai lịch lãm. Nhìn kìa, ông Reggie. Cháu ông muốn gặp ông đấy.

Bác tôi ngoảnh lại.

- Samuel!..

Chúng tôi bắt chặt tay nhau. Những khách hàng quen của hiệu ăn chăm chú nhìn tôi. Tôi thấy một người trong bọn họ bất nhã hất hàm về phía tôi và lẩm bẩm:

- Sẽ xảy ra một chuyện kỳ lạ nếu mọi việc đều đúng sự thật... Một thằng bé đáng thương...

Ông Bridge rời khỏi quầy bán hàng và tới sát bên tôi.

- Samuel, thế là cháu đã trở thành một chàng trai đẹp đẽ đến nỗi bác

không còn tin vào mắt mình nữa. Một chàng công tử chính cống...

- Nhưng đi đâu ấy không hề ngăn trở cháu thân tình hỏi thăm bác, bác Bridge thân mến ạ, - tôi nói và chìa tay ra cho ông chủ hiệu ăn.

- Hô-hô! - Ông Bridge cười bằng cái giọng thấp khàn khàn và đập mạnh vào lòng bàn tay tôi. Ông Reggie, ông có đứa cháu thật giỏi giang. Nó vẫn không quên có lần tôi đã kéo nó lên khỏi cái hố mà nó với thằng con trai ông chủ hiệu thuốc đã tụt xuống. Úi da, những thằng tinh nghịch... Nào, ngồi xuống và kể đi. Về khi nào thế? Hử, đi tàu thủy chở bưu kiện ư? Mới đến trước đây một giờ thôi à? Peggy, đưa lại cho cậu ấy một cốc rượu chanh!

Bác Reggie cầm tay tôi và quay về phía ông Bridge:

- Bác Tom, chớ vội. Để cho nó hồi sức lại đã. Hình như nó vẫn chưa biết gì...

Mọi người im bật nhìn tôi khiến cho tôi thấy lúng túng.

- Có chuyện gì ạ? - Tôi thì thầm hỏi, ngồi xuống ghế và sẵn sàng nghe câu chuyện kinh khủng đã xảy đến với cha tôi.

Bác tôi ngồi xuống bên cái bàn nhỏ và xua tay bảo mọi người để chúng tôi yên. Cô cô hầu bàn Peggy cười nỉn nỏ để lộ cả những chiếc răng vàng ra và đem lại cho tôi một cốc rượu chanh để trên khay.

- Chào anh Samuel!

- Vâng, xin chào chị!

- Uống đi một hớp, cháu, - bác tôi nói, mắt nheo lại. - Sẽ tỉnh người ra đấy.

Khi bác tôi nheo một mắt lại thì có nghĩa là ông muốn nói đi đâu gì đó quan trọng - Có chuyện gì thế, bác nói đi! - tôi lẩm bẩm.

Chúng tôi ngồi sau chiếc bàn nhỏ. Cốc rượu chanh có màu da cam thắm để cạnh cốc rượu đã uống một một nửa. Đó là phần rượu của bác tôi, ông chỉ gọi rượu chanh vào những ngày long trọng trong cuộc sống của gia đình họ Pingle. Và giờ đây tay bác trịnh trọng nâng cốc rượu lên, nhưng cái nhìn của ông lại đượm màu tang tóc.

- Samuel ạ, tất cả mọi người đều yêu mến cháu, - bác tôi nói, - Toàn thể Ashworth biết cháu. Bác với ông Tom vẫn thường nhắc đến cháu và nói: “Chà, thật là quý hóa, thằng bé Samuel của chúng ta đang được học trong trường trung học của những người thượng lưu”. Ừ cứ cho là lord Pucklington kỳ quặc cũng được. Nhưng nếu ông có giúp đưa con trai của một viên thư lại thì có lẽ cũng chẳng vì thế mà nghèo đi.

Bác tôi có đặc điểm là trước khi nói vào những việc quan trọng bao giờ ông cũng nói lạc sang những chuyện trữ tình khác. Tôi chạm cốc với ông già rồi trong một tợp rượu

- Bác ơi, bác nói vào đề đi. Có việc gì xảy đến với cha cháu? Tại sao bác với cha cháu không đón cháu ngoài bến?

Ông uống hết cốc rượu rồi trả lời:

- Có lý do đấy cháu ạ. Cha cháu vẫn sống và khỏe mạnh. Ông ấy đến Oldmount...

- Cháu biết... Nhưng điện thoại ở lâu đài không trả lời...

- Hử... Không trả lời à? Nghĩa là công chuyện có bẽ bàng nghiêm trọng. Hiện giờ bác chưa thể nói gì cho rõ ràng được, nhưng...

Tôi bật dậy khỏi ghế. Người ta đã giấu giếm tôi đi đâu gì đấy. Tôi phải tự mình đến Oldmount. Ông già nắm chặt lấy tay tôi.

- Khoan... Sao cháu nóng vội thế... Cháu đến đấy phỏng sẽ có ích gì...

- Vậy có chuyện gì, bác có nói không?

- Quả là bác không biết gì. Hãy đợi cha cháu về..

Nhưng không nghe lời bác, tôi chạy ra phố. Sau góc phố là bến xe taxi. Hai mươi phút nữa tôi sẽ gặp cha và hiểu hết mọi chuyện.

Cái hiệu thuốc mà tôi quen thuộc đây rồi, những cái bình to, hình cầu chứa đầy các chất lỏng nhiều màu sắc để trên các cửa sổ rộng đang ánh lên như những tia cầu vồng dưới ánh sáng mặt trời Ashworth. Ở đây người ta còn thấy hàng đông cao dán, mù-tạc, thuốc chữa chai sẹo và thuốc đau răng, những ống nhỏ và hàng lô những đồ vật mà có lẽ ngay cả những người sáng chế ra chúng cũng hoàn toàn không biết là để làm gì. Vẫn như trước đây như hồi tôi còn nhỏ, trên cửa sổ cuối cùng dưới cái chụp đèn bằng thủy tinh phủ đầy bụi để một con thằn lằn khô, đó là vật đã gây ra biết bao tò mò cho lũ trẻ con ở Ashworth.

Vừa rảo bước tôi vừa ngoảnh nhìn con thằn lằn. Nó có bộ da khô cũ kỹ với với những vạch màu vàng, và vẫn như trước đây, một mắt nhỏ bé của nó mở rộng ngấm nhìn thế giới với vẻ sợ sệt. Những hồi ức lơ mơ về thời thơ ấu vụt qua trong óc tôi. Cha tôi từng sai tôi tới đây mua thuốc khi mẹ tôi ốm...

Bất ngờ tôi vấp và ngã xuống vỉa hè. Có lẽ là mũi giày của tôi vấp phải một hòn đá nhô lên. Dù sao thì khi tôi đứng dậy, lấy khăn mùi xoa phủi bụi ở quần áo, đầu óc tôi cứ quay tròn, tai bên phải bị ù đi. Một ông già nhỏ nhắn qua đường nói với tôi.

- Này anh thanh niên, tới chỗ ông Orfi đi thôi! Người anh bị xây xát khá nhiều.

Ông già thật tốt bụng, ông ân cần mở cửa hiệu thuốc ở ngay trước mặt tôi. Tôi bước vào, tai điếc đặc. Ông Orfi, chủ hiệu thuốc, người cùng tuổi

với cha tôi, đứng sau quầy bán hàng, cặp mắt lim dim, ông đang thận trọng gãi lưng vào thành cái tủ đựng đầy những thuốc. Trông vẻ mặt của ông Orfi thì đúng là việc ấy đang làm ông khoái trá.

Bác sĩ Fleet, một người béo tốt, đang ng ồi sau cái bàn con cạnh cửa sổ. Ông ng ồi duỗi thẳng người ra đến nỗi không còn thấy ghế đâu nữa, dường như ông thấy thuốc ở Ashworth của chúng tôi đang an tọa giữa trời như một quả khí cầu lớn, vừa xua tay ông vừa say sưa chứng minh một đi ều gì đó với ông chủ hiệu thuốc.

- Đứng trên quan điểm khoa học thì đi ều đó là hoàn toàn không thể được...

Nhưng vừa lúc ấy tôi bước qua ngưỡng cửa hiệu thuốc. Bác sĩ Fleet im bật, còn Orfi thì hé mở một mắt.

- Samuel đấy ư?

Tôi chỉ vào bên tai đau. Không để tôi kịp mở miệng nói lời nào, hai ông đã lập tức chặn bệnh.

- Cậu Samuel ạ, người ta nện cậu khéo lắm, - ông chủ hiệu thuốc nói, thôi không gãi lưng nữa và đã mở nốt mắt bên kia. - ông bác sĩ, ông chẩn đoán thế nào?

Bác sĩ Fleet cười vẻ khoan dung.

- Bị xây xát và b ầm máu. Không có gì nguy hiểm nhưng không đẹp mắt.

Rõ ràng là ông chủ hiệu thuốc cứ muốn tò mò, ông hỏi dò:

- Nện nhau khi nào thì cậu Samuel?

- Đừng hỏi nữa, ông Orfi. Mọi việc đã ầu đã rõ ràng, - vừa nói ông Fleet vừa thở hển hển và dùng chiếc khăn mùi xoa lụa màu tím lau khuôn mặt đỏ dừ, tròn vành vạnh và đầy những râu quai nón m ầu đỏ hung.

Ông đứng xa tôi ba bước đi ngắm nghía, dường như đang soi tôi qua kính lúp, rồi ông nói tương lên:

- Rõ ràng như soi qua kính hiển vi vậy, khoảng mười hai tiếng đồng hồ trước đây, một vật có tính đàn hồi trong khi rơi xuống theo một góc ba mươi độ đã đập vào đầu chàng thanh niên này, nếu rơi theo góc thẳng đứng thì vật ấy đã làm gãy cổ anh ta rồi ít ra thì cũng bị chấn thương não.

- Xin lỗi hai ông, - tôi nói. - Tôi bị ngã ngoài phố và không phải mười hai tiếng trước đây mà là vừa rồi. Có lẽ tai tôi...

Tôi định đưa tay sờ vào bên tai đau đã bắt đầu sưng phồng lên.

- Chớ đụng tay vào! - bác sĩ Fleet nói với giọng cần thận, ông chau mày giận dữ và ra lệnh cho ông chủ hiệu thuốc: - Làm tất cả việc cần thiết cho anh ta, ông Orfi. Mọi việc đều rõ ràng như soi qua kính hiển vi vậy.

- Lại đây, cậu Samuel, - ông chủ hiệu thuốc dịu dàng gọi tôi.

Ông ta ngại luồn qua quầy bán hàng. Tôi tiến về phía những cái tủ, ông già Orfi bắt đầu đặt băng dính cho tôi. Còn bác sĩ Fleet thì lại tiếp tục câu chuyện bị ngắt quãng do việc tôi đến bất thành lình:

- Này nhé, ông bạn Orfi ạ, sự thể là như sau. Người ta ốm hoặc là do không tuân theo những nguyên tắc vệ sinh, hoặc là do bị chấn thương trong những trường hợp bất hạnh, hoặc là do những vi trùng gây bệnh. Ăn quá nhiều, uống quá nhiều, phơi nắng quá nhiều, để lạnh chân tay - ốm. Đánh nhau hoặc ngã ngoài phố như cậu Samuel của chúng ta đây - ốm. Vi trùng vào cơ thể, sinh sôi nảy nở ở trong đấy - ốm. Ông Orfi ạ, không có bệnh nào là không do những vi trùng tương ứng gây ra, những nhà bác học vĩ đại là Pasteur và Koch đã chứng minh như vậy. Nếu ai cho phép mình nghi ngờ điều ấy và lại còn làm những thí nghiệm tội lỗi nữa thì, ông biết không, ông bạn Orfi?

Đến đây tay ông Fleet vung lên cao như để đánh ai:

- Luật pháp sẽ trừng trị kẻ tội phạm. Và hình như đã trừng trị rồi. Quả thật đôi khi những người vô tội cũng đau khổ vì việc ấy nhưng rõ ràng quy luật tự nhiên là như vậy đó. Ông Orfi đã băng xong và chỉ cho tôi một tấm gương treo giữa những tờ quảng cáo hấp dẫn của các hãng dược phẩm.

- Nhìn vào gương mà xem, - ông ta nói. - Chẳng còn thấy gì nữa... - Ông cười và nói thêm:

- Cậu phải thừa nhận rằng cậu uống rượu khá nhiều. Cậu thơm như một cây cam chanh đang nở hoa. Tôi khuyên cậu về nhà ngủ đi cho sáng mắt. Tôi định nói với con khi già ấy rằng tôi chẳng việc gì mà phải đi ngủ, nhưng rồi thấy là vô ích.

Tôi lẩm bẩm:

- Tôi nhức đầu.

- Vậy cậu hãy cầm lấy những viên thuốc này, - ông Orfi đề nghị.

- Quỳ tha những viên thuốc của ông đi. - vừa nói bác sĩ Fleet vừa bọc dọc lau mồ hôi trán, ông đã phá vỡ cái hợp đồng thương mại giữa hai người. - Người ta dập những viên thuốc như những đĩa gạt tàn thuốc lá ấy. Tôi đã nuốt hàng tấn những viên ấy để chống phát phì, thì lại phì ra thêm, ông thấy đấy... Do đó hãy giữ lấy tiền, anh bạn trẻ ạ. Tiện thể cậu cho biết cậu có khó thở không?

Câu hỏi này của bác sĩ Fleet không phải chỉ nổi tiếng ở Ashworth. Trước đây ông đã cho đăng trên tạp chí “Dao trích” một bài báo dưới đầu đề “Khó thở là một tai họa của loài người”. Từ đấy ý nghĩ về sự khó thở đã đưa bác sĩ ra khỏi con đường suy nghĩ bình thường một cách từ từ và vững chắc. Ông nêu ra câu hỏi ấy cho bất kỳ bệnh nhân nào và cho cả

những người tình cò nói chuyện với ông. Với những người đến hỏi ông cách chữa những chai chân đã lâu ngày, ông cũng hỏi họ có khó thở hay không.

- Không, thưa ngài bác sĩ, - tôi trả lời một cách lễ độ.

- Lạ thật, - bác sĩ Fleet lẩm bẩm và nheo mắt lại. - Tuy nhiên chẳng có giá trị nào mà không được đánh giá lại. - Bác sĩ đưa mắt nhìn về phía ông chủ hiệu thuốc:

- Có đúng thế không, ông Orfi?

Ông này chỉ nhún vai. Đúng lúc ấy cánh cửa ở giữa những cái tủ mở ra và Ed, con trai ông chủ hiệu thuốc xuất hiện, nó mặc áo choàng trắng không sạch lắm, khăn mặt vắt vai. Mặc dù đầu tôi buộc băng nó cũng nhận ra ngay.

- Ôi! Samuel thân yêu! Mình đang đi đâu chế các hợp dịch trong phòng thí nghiệm thì bỗng nhiên nghe thấy một giọng quen thuộc... Chào cậu. Cậu làm sao thế? Ngã à? Về khi nào vậy? Đã biết tin chưa?

- Chẳng biết gì hết, - tôi bắt bàn tay ướt của Ed và trả lời. Một việc không may nho nhỏ đã khiến mình không đến Oldmount bây giờ được.

- Cậu vẫn chưa gặp cha ư? - Ed kêu lên. - Tuy nhiên bác sĩ Fleet biết...

- Hiện giờ vẫn chưa có tin gì chắc chắn - bác sĩ nói làu bàu. - Nhưng có tin đồn rằng ở Oldmount người ta tiến hành thí nghiệm mổ sống các động vật, - bác sĩ Fleet vung tay phải lên như để cảnh cáo và nói thêm: - không được phép của chính quyền...

- Việc ấy bị pháp luật nghiêm cấm - Orfi bổ sung, ông đang thu dọn ống thuốc trên quầy hàng.

- Thế thì sao? - tôi nói và cảm thấy đầu càng đau dữ dội hơn.

- Trời ơi, cậu ta vẫn không hiểu! - bác sĩ Fleet bắt đầu cựa quậy trên chiếc ghế đầu, ông đang định nhổ neo. - Chà, tôi phải đi thăm bệnh nhân. - ông trườn khỏi ghế và cần lấy cái va li có vằn dùng để đựng dụng cụ của ông. - Cậu Pingle ạ, câu chuyện sẽ có quan hệ đến cả cậu đấy. Cậu nên biết rằng chính lord Pucklington chứ không ai khác đã tiến hành các thí nghiệm ở lâu đài.

- Nghe, nghe đây! - Ông Orfi nói nhanh, dường như bác sĩ Fleet đang phát biểu trong nghị viện.

Tôi thét lên:

- Như thế thì đã sao nào?

Bác sĩ và ông chủ hiệu thuốc nhìn tôi với vẻ thương hại.

- Những thí nghiệm của lord được tổ chức bí mật đến nỗi không ai đoán ra được. Còn bây giờ thì tấm màn đã bị vén lên rồi.

Bác sĩ Fleet lắc đầu.

- Và tôi cũng chẳng ngạc nhiên nếu lord Pucklington làm thí nghiệm cả trên cơ thể những người sống... Luật pháp sẽ trừng trị ông ta... nếu như chưa trừng trị.

Tôi không thích cái giọng bức tức của bác sĩ. Tuy rằng mọi người ở Ashworth đều biết bác sĩ Fleet bao giờ cũng ở trong tình trạng cáu bẳn kinh niên. Bởi vì ông có hai cô con gái xấu xí là Annie và Jenny mà ông không làm thế nào gả chồng cho được. Do đó tranh cãi với bác sĩ là vô tích sự. Dù sao tôi cũng vẫn phản đối:

- Người làm khoa học phải có quyền tự do làm thí nghiệm.

Những lời lẽ của tôi đã có tác dụng. Bác sĩ Fleet vung tay lên.

- À, ra ngày nay ở các trường học người ta dạy dỗ như thế đấy!

Ông già Orfi nhăn nhó đến nỗi nhìn vào mặt ông ta thật là khó chịu, ông thét Ed:

- Đi làm việc đi! Mày lại vẫn chưa chuẩn bị được những hợp dịch cho ông Seyton và thuốc viên cho cha trưởng đạo phải không? Xéo.

Ed từ từ lẩn vào sau những tủ thuốc. Rõ ràng là ông Orfi giữ thái độ rất nghiêm khắc với nó.

Và thế là tôi muốn trả thù cho Ed. Tôi nói:

- Hai ông biết không, thưa hai ông? Nếu như khoa học cần đến những thí nghiệm mạo hiểm thì thân thể tôi sẽ thuộc về..

Bác sĩ Fleet cười ran:

- Thuộc về nhà bác học Pucklington? Ha-ha-ha! Ôi, cậu Pingle ời, cậu sẽ làm tôi với ông Orfi chết trước khi lord làm cậu chết. Cậu về nhà đi và hãy đặt một cục nước đá lên đầu. Quả thật là cậu có những triệu chứng bị chấn động não...

Tôi lạnh lùng cằm mũ lên:

- Chào hai ông.

- Xin cậu một shilling, - ông Orfi nhắc tôi trả tiền miếng băng dính của ông.

Ông chủ hiệu thuốc muốn thu được tiền bán hàng về, nên giọng nói của ông có phần xúc động.

Đồng tiền mà tôi xĩa lên quầy kêu leng keng. Bác sĩ nhìn nó với vẻ trù mến.

- Cậu Pingle ạ, tôi sẽ gửi giấy thanh toán tiền công chẩn đoán và chỉ dẫn dùng thuốc đến nhà cậu, - bác sĩ nói với vẻ thành thạo. Điều ấy cũng rất tự nhiên thôi: bác sĩ Fleet muốn có phần của mình vì đã cấp cứu một

người thân thiết.

III

Đầu tôi đau không thể chịu được. Tôi quyết định không đến Oldmount nữa mà sẽ đợi cha tôi ở nhà.

Cô bé gái Mary, con gia đình Winters bên cạnh, ngồi trên chiếc ghế dài cạnh cửa vườn nhà tôi. Cô bé đang ru con búp-bê làm bằng giấy rách với cái giọng thanh thanh rầu rĩ:

Trẻ con khóc, à ời chúng khóc

Khóc vì đau, chúng khóc vì đau.

Các cô khóc à ời than khóc

Khóc vì buồn, họ khóc vì buồn.

Các chú khóc, à ời họ khóc

Khóc vì vui họ khóc vì vui.

Cô bé tóc vàng chào tôi.

- Chú Samuel!.. Ôi, chú đánh nhau à? Mặt chú tím bầm cả lên! - Mary cười ranh mãnh: - Cháu biết mà... Những người say bao giờ cũng đánh nhau.

Tim tôi thót lại, tôi nói với giọng tự hào và dứt khoát ngoài ý muốn của mình:

- Cháu đoán đúng đấy. Chú đã thách đấu và bị đánh. Tuy nhiên những ông chú không khóc vì đau khổ chứ?

Cửa vườn mở, Edith, chị của Mary, tiến nhanh về phía tôi.

- Trời ơi, anh Samuel bị thương à?

Mớ tóc quăn màu tro xám của Edith hơi ngả sang màu đồng đỏ dưới ánh nắng mặt trời. Cặp mắt sâu thẳm của cô nhìn tôi đầy vẻ lo lắng.

- Nguy hiểm quá nhỉ?

Tôi gượng cười, nhìn vào khuôn mặt trẻ trung của cô, một khuôn mặt mà chẳng bao giờ tôi quên được.

- Xin lỗi Edith nhé. Tôi nói đùa về chuyện thách đấu đấy. Chỉ hơi bị xây xát một chút. Tôi vội đến bên xe taxi và bị ngã gờn hiệu thuốc. Tôi muốn đến Oldmount gặp cha tôi...

- Ô, em hiểu, anh Samuel ạ, - Edith nói, cô càng trở nên buồn rầu và nghiêm trang hơn. - Anh cần phải bình tĩnh.

- Đúng, tôi đã quyết định trở về nhà chờ cha tôi...

U Olivia xuất hiện trên bậc cửa. Thấy tai tôi buột băng bà cuống quýt lên và suýt nữa bật khóc. Mấy phút sau tôi đã ngồi trong chiếc ghế bành cũ kỹ của cha tôi.

Bà Olivia chạy ngược chạy xuôi chuẩn bị bữa sáng. Hình như là Edith đã giúp bà ở dưới bếp. Cô ngó vào phòng trong chốc lát.

- A, anh Samuel ạ, lúc anh ở bến tàu về tới đây, em có trông thấy anh. Rồi sau đấy anh lại vội ra đi. Và thế là em hiểu...

- Nhưng hiểu gì. Nói đi, Edith.

- Không, không. Anh cần phải nghỉ. Ngủ đi anh ạ.

Tôi làm ra bộ sốt ruột:

- Tôi không cần nghỉ. Có chuyện gì xảy ra thế, nói đi cô!

Edith thở dài:

- Người ta kể những chuyện khủng khiếp về lord Pucklington...

Bà Olivia bước vào ngắt lời Edith:

- Chẳng ai hiểu rõ đi đâu gì cho ra lẽ. Ở Ashworth này lúc nào cũng lấm
tin bịa đặt.

- Cô Edith thân mến, hình như bà Winters đang gọi cô đấy.

U Olivia đã đuổi Edith rất khéo léo và dọn bữa sáng nóng sốt lên bàn.

- Ăn đi cậu Samuel, r ồi nằm mà nghỉ. Xảy ra chuyện gì thế, cậu kể đi.

Nghe tôi kể, u Olivia phúc hậu chỉ lắc đầu, và u ng ồi xem tôi ăn như h ồi
tôi còn bé để bắt tôi ăn thật nhi ều.

- Ngủ đi, cậu ấm ạ - U Olivia nói dịu dàng. - Tôi đã sửa soạn giường và
túi cao su để chườm r ồi đấy.

Mệt mỏi và h ồi hộp, tôi đã thiếp đi trong ngôi nhà thân thuộc vắng vẻ.

Tỉnh dậy, tôi thấy cha tôi ng ồi trong ghế bành cạnh giường tôi. Cái
chụp đèn đã được đẩy xuống thấp để che bớt ánh sáng. Ngọn đèn chiếu
xuống đôi bàn tay xanh xao của cha tôi đang đặt lên hai đầu gối vụng về

- Cha vẫn chờ cho con thức dậy, - cha tôi nói nhỏ nhẹ - Con thấy người
thế nào, con?

- Con khỏe r ồi, cha yêu quý ạ, - tôi nói và định đứng dậy.

- Cứ nằm xuống con ạ - cha tôi bảo, r ồi chìa bàn tay ra cho tôi tôi nắm
chặt lấy nó, - muộn r ồi. Con cứ ngủ cho đến sáng đã. Cha chỉ muốn nói để
con khỏi lo...

Những lời nói ấy khiến tôi nhớ lại rất rõ ràng tất cả mọi sự kiện trong
ngày.

- Vậy mà con lại đang bắt đầu lo lắng, - tôi nói to. - Cha hãy nâng chụp
đèn lên để con được nhìn thấy cha.

Ánh sáng hắt vào khuôn mặt hi ền hậu của cha tôi. Khuôn mặt ấy như đã

gầy và già đi. Cha nhìn tôi trùu mến.

- Cha đây. Con thấy chưa?

- Con thấy rồi và muốn biết chuyện gì đã xảy đến với cha.

- Samuel, con muốn biết sự thật ư?

- Vâng.

- Nguyện vọng của con hoàn toàn hợp lý. Bác Reggie cũng đòi cha phải kể cho con biết mọi việc mà cha hay.

Và cha tôi bắt đầu câu chuyện.

- Lord Pucklington có, hoặc nói cho đúng hơn đã có đủ tiền để làm tất cả những gì ông muốn...

Tôi ngắt lời cha tôi:

- Cha tha lỗi cho con, cha nói: “Đã có đủ tiền”. Thế là thế nào, lord đã bần cùng rồi sao?

- Đó mới chỉ là một nửa tai họa thôi con ạ, lord của chúng ta là người cuối cùng trong họ Pucklington, là người chủ lâu đài Oldmount. Ông không có người thừa kế trực tiếp vì ông sống độc thân. Ông chỉ mới cùng với cô Evelyn Harriet làm nghi lễ kết hôn ở nhà thờ. Nhưng đám cưới đã phải hoãn lại đến ba năm rồi. Việc này do nhiều nguyên nhân, và con ạ, con không thể nào hiểu hết được mọi chuyện đâu. Mọi người còn biết rất ít về con người ấy, và có lẽ những người thuộc giới thượng lưu lại biết ít hơn cả. Nếu con muốn thì cha có thể nói cho con hay rằng lord thường sống biệt lập hẳn với giai tầng của mình...

Theo lời cha tôi kể, lord Pucklington là một nhà bác học lớn và thực tế, ông đã tiến hành làm nhiều thí nghiệm ở lâu đài, có lẽ là những thí nghiệm về sinh lý học động vật và thực vật. Có lẽ sự ham mê nghiên cứu khoa học

của ông đã khiến ông hoãn việc cưới xin lại. Ông thường hay du lịch và hình như những chuyến du lịch ấy đều có liên quan tới việc tìm tòi khoa học của ông.

Merling, em họ Pucklington, không thích đám cưới sắp tới của ông. Nếu lord không lấy vợ và khi chết đi không để lại đứa con nào thì Merling, một kẻ thèm khát danh vọng, sẽ là người kế thừa lord Pucklington, là người chủ lâu đài Oldmount và là người độc hưởng mọi đất đai tài sản. Việc lập gia đình của lord sẽ làm hỏng mọi kế hoạch của Merling, vì thế hắn đã dùng mọi biện pháp phá đám cưới của ông.

Trong khi đó lord Pucklington đã có được một phát minh xuất sắc. Phát minh gì, cha tôi không biết. Nhưng để kiểm tra lại, lord Pucklington cần phải làm những thí nghiệm trên cơ thể người. Ông đã đề nghị với chính phủ hoặc là trao cho ông những phạm nhân bị kết án tử hình để ông làm thí nghiệm hoặc cho phép ông thuê người. Mặc dù đã đề nghị, đã nêu ra như vậy và được gửi đi một cách bí mật, nhưng không hiểu vì sao những người xung quanh lâu đài Oldmount lại biết chuyện. Hàng chục người ở Wesley và Ashworth đã bầu quanh văn phòng của lâu đài và đề nghị xin hiến thân cho các thí nghiệm.

- Họ sẵn sàng chịu tất cả, - cha tôi nói. - Những tin đồn nhảm nhí nhất lan rộng trong đám dân địa phương. Người ta nói rằng lord cần tay và chân người và hình như bác Reggie mất cánh tay không phải ở Gallipoli mà chẳng qua đã bán nó cho lord, và hơn nữa cha là người làm trung gian trong việc này. Đó là những chuyện đơm đặt ngu xuẩn! Nhưng Samuel ạ, cần phải hiểu mọi người. Những người đến lâu đài chẳng qua chỉ vì muốn kiếm tiền! Phải, con ạ, cha đã chịu đựng biết bao giờ phút căng thẳng khi tiếp chuyện những con người nghèo khổ ấy. Việc này xảy ra đúng vào lúc

người ta dân thợ ở Wesley. Nhưng cha thề rằng không một ai bị lấy vào làm thí nghiệm trong lâu đài, không ai hết. Bây giờ con thử tưởng tượng xem khi nội các biết rõ tất cả những chuyện ấy thì sẽ ra sao. Merling vội vàng lợi dụng cơ hội. Có người tung tin là lord Pucklington đã tiến hành những thí nghiệm mô phỏng trên cơ thể người. Cha sẵn lòng thề trước tòa án rằng những điếu đó là giả dối...

- Nhưng chính lord phải vạch mặt những kẻ vu khống chứ! - tôi kêu lên.

- Chà, Samuel ạ, con hoàn toàn không biết lord. Ông coi việc trò chuyện với những kẻ như Merling là không xứng đáng với mình. - Cha tôi làm điệu đưa hai tay về phía trước, - Và thế là hôm qua tiếng sấm đã nổ vang. Trong nghị viện, Merling đã dẫn ra một sắc luật, căn cứ vào sắc luật đó lord Pucklington của chúng ta đã bị tước danh vị cao quý, bị mất quyền thừa kế và bị đuổi khỏi địa phận vương quốc.

- Nhưng thế thì kỳ quái thật! Hoàn toàn bất chính! - tôi nói nghẹn ngào, cảm thấy như có vật gì cứng cứng và sần sùi đang đưa lên chẹn lấy họng tôi.

Cha tôi đưa cho tôi một cốc nước.

- Cha biết rằng việc này sẽ làm con buồn phiền, con ạ... Hãy gác chuyện lại đến mai.

- Không! không... - tôi nói lắp bắp và lo sẽ khóc òa lên trước mặt cha tôi như một đứa bé gái. Việc ấy chẳng hợp với một chàng trai tốt nghiệp đệ nhất cấp của trường trung học Dijan chút nào. - Cha nói tất cả đi. Nói đi cha!.. Nào!

Cha tôi mỉm cười.

- Nếu con mà ngúng nguẩy thì cha sẽ tắt đèn và bỏ đi đấy.

Đi đâu ấy đã từng là sự trừng phạt trong thời thơ ấu, khi tôi ngúng nguẩy không chịu đi ngủ. Bây giờ chúng tôi đều nhớ lại chuyện này và tôi cũng mỉm cười.

- Cha tha lỗi cho con. Nhưng cha đã báo cho con biết một tin ghê sợ. Không thể như thế được!..

- Nghị viện có thể làm mọi việc, - cha tôi đáp, ông cố gắng lên giọng nghiêm trang, nhưng tôi chợt thấy có phần mỉa mai mà trước đây tôi chưa hề thấy, - Họ đã ra cái sắc luật chỉ có hiệu lực một lần và đó chính là trường hợp của lord. Hôm nay Oldmount đã biết rõ chuyện này. Ngày mai thì Ashworth và cả thế giới sẽ biết...

- Thế bây giờ lord Pucklington ra sao rồi, thưa cha? - tôi hỏi.

Cha tôi không trả lời ngay, sau đó ông nói thì thầm một cách buồn bã:

- Trước đây vài giờ lord cũ đã rời Oldmount. Ông Seyton, quan đại tể tướng của vương quốc đã niêm phong tất cả các phòng riêng của Pucklington. Còn ngày mai thì lord mới sẽ đến lâu đài, đó là Merling, người thừa kế hợp pháp hiện nay. Mọi chuyện là như vậy đấy, con ạ. Giá mà con biết được cha đã mệt mỏi vì tất cả những việc ấy ra sao...

IV

Vài ngày sau ông chủ mới của lâu đài đã bắt đầu cai quản gia tài, và ngay sau đó cha tôi cho tôi biết một tin không hay: tôi không được tiếp tục theo học ở trường trung học Dijan nữa, Merling đã từ chối cha tôi trong việc cấp tiền trợ cấp ăn học cho tôi. Quả là một đòn sấm sét. Tôi không dám ra phố. Người ta đã chê cười tôi. Bọn cùng lứa tuổi giễu cợt khiến tôi phải đỏ mặt vì xấu hổ và phẫn uất.

Một lần bác tôi nói với tôi khi tôi ngồi bên cửa sổ với một tâm trạng đen tối nhất:

- Cháu ạ, phải tự thu xếp lấy cuộc sống.

Trong khi đánh diêm liên tục để hút tàu thuốc cứ tắt luôn, bác tôi bực dọc nói hết lời về lord cũ:

- Cháu ơi, ông ta chẳng đau khổ chút nào khi ông ta làm cho cháu mắc cạn đâu. Còn với cha cháu thì không đủ sức kéo rơ-moóc mà đưa cháu đến bến bờ êm ả được. Con người có lòng từ thiện đáng kính đã biến khỏi chân trời rồi. Hôm nay ở hiệu ăn “Hỗ Vương” người ta kể rằng ông ta đã vĩnh viễn thanh toán với đời. Bác không hề phản đối...

- Bác đừng nói như vậy về một con người đã giúp đỡ chúng ta, - tôi phản đối.

Bác tôi khoát cánh tay duy nhất còn lại của mình lúc ấy đang cầm tàu thuốc.

- Samuel, cháu phải nhìn thẳng vào cuộc sống, không khi nào được sợ sự thật. Hiện nay cháu phải dùng hai khuỷu tay mình mà len vào cuộc đời, đó là sự thật. Cháu hãy buộc những ông béo phệ đáng kính đang ngồi chễm chệ trong các văn phòng ở Ashworth nhích sát lại một chút. Chúng hãy bảo họ cho cháu một chỗ dưới ánh mặt trời. Một mảnh bằng trung học Dijan! Nó có giá trị chứ!

Đúng thế cần phải lập thân. Nhưng tôi thấy ngay rằng bằng cấp cũng như những lời phê nhận tốt của trường Dijan tự chúng không có khả năng đem lại cho tôi tách cà phê buổi sáng với bữa điểm tâm, bữa cơm trưa ngon lành và bữa cơm chiều no nê, cũng như bao thuốc lá thơm, để giầy và những thứ lặt vặt khó chịu khác đại loại như thế nhưng lại cần thiết mà tôi đã quen có sẵn ở trường nội trú Dijan và ở nhà cậu bạn Robert.

Tôi đã đến khắp lượt các cơ quan ở Ashworth và Wesley để tìm việc một cách vô ích. Hình như trong vương quốc đã có thừa những nhân viên phòng thí nghiệm, thư ký và thư lại. Tôi không tìm được cho mình một góc nhỏ dưới ánh mặt trời quê hương.

Mệt mỏi và lo âu, tôi ngồi hàng giờ ở nhà, chìm đắm vào những suy nghĩ cay đắng.

Cần phải quyết định dứt khoát thôi. Không thể nào sống bám vào cha rồi chờ đợi bổng lộc từ trên trời rơi xuống. Cha thật tội nghiệp! Ông đã khẩn khoản cầu xin ông Seyton lấy tôi vào làm nhân viên văn phòng. Nhưng quan đại tụng chỉ châu cặp môi ra. Sao? Lại đi quan hệ với một thanh niên mà lord cũ, người bị đuổi khỏi Oldmount một cách nhục nhã, đã đỡ đầu ư? Không, ông không đồng ý nhận tôi vào làm việc dù chỉ trả một nửa số lương thôi.

Còn tôi thì không biết sẽ thoát ra khỏi tình cảnh ấy bằng cách nào. Tôi không thể trông đợi vào sự giúp đỡ của lord được nữa, huống chi là trông đợi vào cha tôi. Cha đã chi phí cho tôi tất cả những gì ông có. Bây giờ tôi phải giúp đỡ cha.

Tôi vẫn mong manh hy vọng rằng ông giám đốc trường Dijan và nghiệp đoàn các giáo sư ở đấy sẽ tìm cách cho tôi tiếp tục theo học lên các lớp trên. Tôi đã viết cho ông giám đốc một bức thư cầu may. Nhưng không nhận được thư trả lời.

Thời bấy giờ thanh niên nam nữ chúng tôi khó mà tìm được nơi cần sử dụng khả năng và lòng sốt sắng của mình một cách xứng đáng. Việc làm duy nhất của những kẻ thất nghiệp là lang thang trên các vỉa hè với hy vọng vô ích là tìm kiếm lấy một vài xu, nhưng tiền nào có rơi vãi trên các đường phố. Dù sao bây giờ việc này vẫn có khả năng đạt được nhiều hơn

là tìm việc làm thông qua các văn phòng thuê mướn người.

Tôi đã nghĩ mọi cách để có thể thu xếp lấy cuộc sống. Đã có lần tôi nảy ra ý nghĩ là Ed có thể đề nghị ông già Orfi nhận tôi vào rửa chai lọ cho hiệu thuốc. Nhưng một học sinh trường Dijan đã có bằng lại đi làm người rửa chai lọ cho hiệu thuốc thì thật mĩa mai. Điều trở ngại chủ yếu nhất trong việc này lại chính là Ed. Nó là người rửa chai lọ trong hiệu thuốc của cha nó. Nó cần mẫn làm việc sau các tủ thuốc đến như thế, chắc gì đã chịu đựng nổi một đối thủ trong bếp nấu thuốc của nó.

Những ý nghĩ ấy làm tôi không yên tâm.

“Tôi có thể tìm thấy gì trong cái thành phố nhỏ bé này? Sống ở đây suốt đời với ông Orfi, ông Bridge, bác sĩ Fleet và với ông bác mũi đỏ sao?”

Tôi hình dung lại trong óc những công dân đáng kính của địa phương. Vicar tức cha trưởng đạo Jeremiah, một nhà truyền đạo khéo léo, một người người thích ăn ngon. Ông trưởng phòng bưu điện Collie chột mắt, một người vất vả vì gia đình đông con. Ngài chánh án Weasley, bạn của Seyton. Đại tá Fredson, người được mệnh danh là “quan đại tưng sâu rượu”. Đủ các hạng người ở Ashworth hiện về trước mắt tôi. Cả một đám toàn những trưởng phòng bưu điện và chủ các hiệu thuốc từ trong lò sưởi chui ra, đứng chật cả phòng. Họ vây quanh tôi, nháy mắt ra hiệu cho tôi và lăm bằm đi đâu gì đấy như giễu cợt.

Tôi thấy ghê sợ. Tôi tỉnh lại.

Tôi nhớ rằng tôi đã chạy đến bên cửa sổ và mở cửa ra. Trời đã tối. Đèn đã bật sáng trong những ngôi nhà nhỏ ở Ashworth. Ở nhà bên cạnh bà Winters đứng trong vườn gọi ầm lên:

- Mary ơi! mày biến đi đâu thế hở, con khốn nạn? Con Edith đâu rồi?

Cái giọng hay khóc của Mary vọng lại:

- Con không bi...ết...

Phải thừa nhận rằng đi đầu duy nhất đã giữ chân tôi ở lại Ashworth lúc bây giờ là cô Edith Winters.

Ngôi nhà nhỏ của họ ở cạnh nhà tôi. Cha Edith làm việc ở phòng bưu điện dưới quy ền ông Collie. Ông bị bệnh đau tim d ầy vò và h ầu như chẳng mấy khi đi ra ngoài. Đôi khi tôi nhìn thấy ông trong mảnh vườn nhỏ cạnh nhà. Ông ng ồi trong chiếc ghế bành bằng mây, buông thõng hai bàn tay g ầy guộc trên đầu gối và r ầu rĩ nhìn vạch chân trời hiện rõ từ phía biển xa. Ed kể rằng ông già Winters đang cốp ti ền để đi v ề một nơi nào đấy ở mãi tận phương nam.

Tôi nhớ có lần vào chủ nhật u già Olivia dẫn tôi đến nhà thờ. Sau buổi h ầu lễ, u già của tôi đứng nói chuyện với các bà ở ngoài sân. Mọi người đầu kính cẩn im lặng khi cha trưởng đạo Jeremiah từ trong nhà thờ bước ra. Cha đi cùng với bà Winters và một cô gái g ầy gò đội mũ rơm tròn vành có đính hai giải băng nhỏ.

- Chớ mất tinh thần, bà Winters thân mến ạ, - cha nói dịu dàng. - Cần phải tin rằng ch ồng bà sẽ bình phục. Tôi đã nói để bác sĩ Fleet chú ý đặc biệt tới bệnh nhân này. Bà đừng lo v ề khoản phí tổn. Công xã sẽ nhận trả mọi chi phí.

- Cám ơn cha, thưa cha trưởng đạo, - bà Winters cảm động thì th ần. - Con rất đau khổ... Vì còn hai con nhỏ...

- Tôi biết, nghĩa vụ của chúng ta là phải chăm sóc cho chúng. Hãy dũng cảm lên.

Sau đó, u Olivia nói với tôi:

- Samuel, cậu nên hỏi han Edith. Lẽ nào cậu không nhận ra cô ấy ư?

Cả bốn người chúng tôi cùng trở về nhà. U Olivia an ủi bà Winters, còn tôi với Edith thì đi ở phía trước. Tôi biết rằng cha cô đang ốm và tôi cảm thấy thương cô gái vô cùng.

Tôi nhận thấy Edith rất yêu quý cha, và cô đang trải qua những giây phút nặng nề trước cơn đau ốm của ông.

Ngày hôm ấy u Olivia làm một bữa cơm trưa thịnh soạn và bảo tôi đem biếu gia đình Winters một món rất ngon.

- Samuel ạ, nếu cậu đến thăm người ốm thì có nghĩa là cậu đã làm một việc tốt, - u Olivia nói với vẻ căn dặn, vừa lấy chiếc khăn nhỏ bọc đĩa thức ăn lại.

Tôi đã đến nhà ông bà Winters, và kể từ ngày ấy tôi bắt đầu thân với họ, tình thân ấy gắn bó chặt chẽ hơn là sự quen biết thông thường của những người làng xóm. Ngày hôm ấy Edith đưa tôi ra đến cửa vườn và nói:

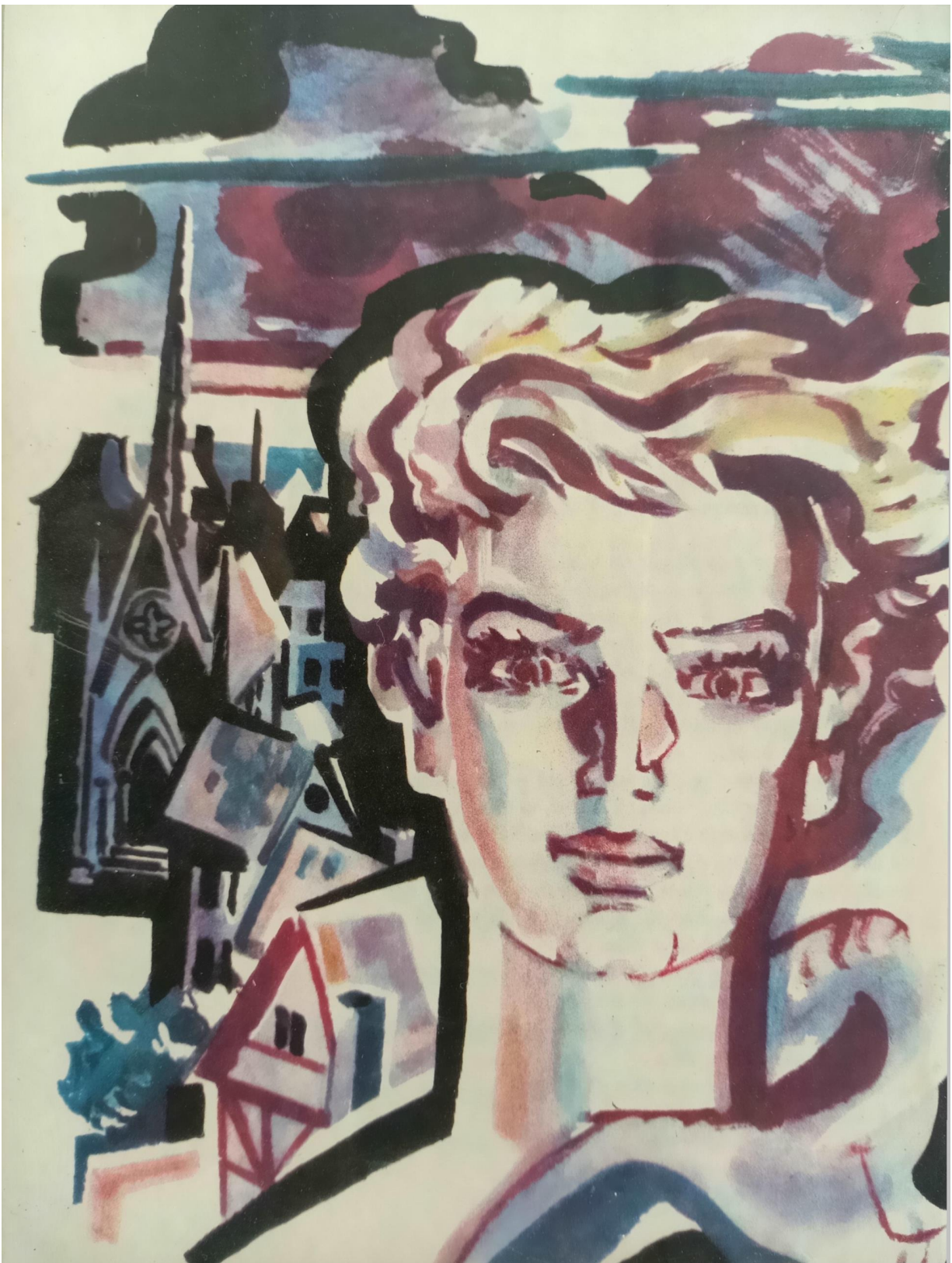
- Anh Samuel, anh tốt quá! Em sẽ không bao giờ, không bao giờ quên việc này.

Tôi không nói được đi đâu gì. Tôi hết sức xúc động vì người ta bảo tôi là người tốt.

Chúng tôi thường chơi khăng với nhau trên một bãi nhỏ. Tôi thích bị thua Edith và vui sướng khi thấy cô vỗ tay mừng thắng lợi. Tôi thích tính tình thoải mái của cô gái tóc quăn này. Năm ngoái, khi trở về Ashworth, tôi không nhận ra Edith ngay. Cô đã lớn phổng lên và đã bắt đầu chải mớ tóc dày của mình theo một kiểu đặc biệt. Ánh mắt cô biểu hiện một cái gì đấy mới mẻ, nhưng hơi bí ẩn và điều này làm cho lòng tôi thấy bối rối. Một lần, khi đi chơi cùng Edith, tôi đã đề nghị cô cho phép tôi viết thư. Cô

đồng ý. Từ Dijan tôi đã gửi thư về Cô trả lời rất tình cảm, đến nỗi tôi đã học thuộc lòng bức thư đó và gìn giữ nó rất lâu.

Bây giờ Edith đã trở thành một cô gái đẹp thực sự. Nụ cười của cô đã chinh phục tôi, và tôi thường chợt thấy mình đứng ngẩn ra trước cô gái thon thả duyên dáng ấy.



Đó là nguyên do đã giữ tôi ở lại Ashworth. Cũng cần phải nói thêm rằng

mới đây tôi đã nghe lỏm được những lời của bác tôi nói với u già Olivia ở trong bếp.

- Về phần tôi, - ông nói hùng hân, - thì tôi sẽ không cản trở chàng trai của chúng ta tạm thời rời bỏ Ashworth. Cần phải thảo luận một cách thực tế, giống như ông Tom Bridge vẫn thích nói. Nếu trong tay không có những con tẩy* thì phải đi con thấp hơn. Cứ để cho thằng Samuel đi chu du thiên hạ. Có lẽ nó sẽ tìm kiếm lấy mạch vàng và trở về không phải là với hai bàn tay trắng. Rồi khi ấy, bà Olivia ạ chúng ta sẽ dự tiệc cưới...

- Ông Brand ông cũng nói thế ư? u già Olivia phản đối.

- Đúng như vậy, bác tôi trả lời, và tôi còn nghe thấy tiếng ông gõ mạnh cái tàu thuốc Brazil vào thành lò bằng ngói. - Con Edith tóc quăn chả là vợ chưa cưới của thằng bé chúng ta đứt đi rồi còn gì? Ba năm nữa con bé vừa tròn mười tám tuổi. Lúc ấy thằng bé đã kiếm ra tiền và chúng nó mới có thể tính tới chuyện xây dựng tổ ấm được.Ồ bà Olivia ạ, chúng ta chưa kịp ngoái lại thì đã phải bế cháu rồi!..

Bác tôi cười ran hiên hậu.

Tôi không nghe tiếp được câu chuyện, nhưng những lời của bác đã ăn sâu vào lòng tôi, làm cho tôi thấy dễ chịu biết bao!

Bây giờ nhớ lại những lời lẽ ấy, lòng tôi thấy nhẹ nhõm và thanh thản.

U Olivia bước vào.

- Samuel, cậu có thư đây này.

Tôi bóc phong bì. Đứng bên cửa sổ, trong ánh sáng chớp choạng của buổi hoàng hôn, tôi đọc những dòng chữ với nét cứng nhắc của cậu bạn Robert, rồi bất giác để rớt tờ giấy mép vàng dầy cộp ấy xuống sàn nhà Robert viết:

“Ông Pingle kính mến! Sau khi đã biết rõ mọi chuyện về người đỡ đầu ông, tôi cho rằng tự ông sẽ hiểu là cần phải xem lại một vài mối quan hệ cá nhân. Các bạn của tôi cũng cho rằng chưa chắc từ nay về sau ông nên gặp lại chúng tôi trong bốn bức tường của trường trung học. Cũng cần phải hiểu rằng chuyển đi chung mà chúng ta đã dự kiến là dứt khoát không thành. Ông hãy nhận ở tôi sự đoán chắc và v. v..

R. Smalls.

Trời ơi, thật là lẽ độ!

Mặt tôi nóng bừng như bị tát. Bọn chúng không muốn dính líu gì với tôi ư? Sự có mặt của tôi sẽ làm nhục chúng hay sao? Càng hay. Chà, bác tôi phần nộ quả là đúng!

V

Edith ngồi cạnh tôi trong công viên nhỏ, cạnh con đường từ phố King dẫn xuống bến cảng. Phía trước cái ghế dài chúng tôi ngồi là một khóm hoa, những flokso của nó đã vàng úa và đang tàn lụi trong khung cảnh cây cối xanh tươi. Một cụm mây mù hiện ra ở phía dưới bên trên những ngôi nhà lợp ngói mái nhọn. Giữa đám nhà ấy vươn lên một tòa nhà đồ sộ của văn phòng nhà băng Ashworth “May and Little Union”. Biết bao người ở Ashworth mơ ước được làm việc trong văn phòng ấy.

- Em biết không, Edith, anh sẽ rời Ashworth. - tôi nói.

Lần đầu tiên tôi gọi người bạn gái của mình là “em” và đợi xem cô ấy trả lời tôi ra sao.

- Như vậy là rất đúng anh Samuel ạ, - cô gái trả lời và quay lại. Cặp môi cô run lên, nhưng giọng cô vẫn bình thản. - Mọi người đang sống ra sao,

anh thấy đấy.

- Cha vẫn thường nói những chuyến du lịch là đi đâu thú vị nhất trên đời. Nếu như khỏe mạnh thì cha đã đi Úc châu rồi... Anh Samuel, anh hãy chọn lấy cho anh con đường nào tốt đẹp hơn cả. - Edith nói tiếp.

- Và cả cho em nữa. Edith ạ, - tôi sẽ nói thêm.

Cô nhìn thẳng vào mắt tôi.

- Em biết, nhưng hiện nay tốt hơn là đừng nói tới chuyện ấy. Anh Samuel, anh tốt quá chừng! Em đang buồn, buồn lắm anh ạ, mà vắng anh em sẽ còn buồn hơn. Nhưng em xin anh hãy cứ làm theo ý anh muốn và đừng lo nghĩ, đừng xía gì đến em anh nhé! Bác Reggie nói rằng cần phải giành giật với đời. Mà anh thì khỏe mạnh. Anh sẽ chiến thắng... Đúng, anh Samuel ạ, anh hãy tin ở em. Em hiểu anh hơn cả bản thân anh!

Edith mỉm cười dịu dàng.

- Anh có muốn biết em đang nghĩ gì không?

- Tất nhiên là rất muốn.

Cô nói nghiêm trang:

- Em nghĩ rằng tình bạn giúp đỡ con người trong cuộc sống. Hôm qua em đọc thấy đi đâu ấy trong một cuốn sách, và đi đâu ấy rất đúng...

Sau đó chúng tôi đi xuống theo phố King về phía đập chắn sóng và đứng ngắm vịnh rất lâu. Những chiếc thuyền buồm đẹp đẽ đang lướt về phía mũi Dijan và ở đấy, lấy đúng hướng gió chúng quay vòng lại rất khéo léo. Một chiếc vượt lên những chiếc khác. Những cánh buồm của nó ánh lên dưới những tia sáng mặt trời đang lặn.

- Anh ta đi đâu khiến những cánh buồm thật là khéo. - Edith nhận xét, hơi ngửa đầu ra hiệu chỉ về phía chiếc thuyền buồm trên đó có một người thân

hình vạm vỡ, đen nháy ng ời ở phía lái.

- Đó là Bob, - tôi trả lời.

- Đúng r ồi, Bob Birdworth, - Edith khẳng định. - Người ta nói rằng anh ta sắp được thừa kế một gia sản.

Tôi không thích khi Edith chú ý nhiều tới Bob, cháu ngài Seyton. Nhưng chiếc thuyền bu ồm của anh ta quá là tuyệt.

- Có lẽ chúng ta trở về nhà thôi! - tôi đề nghị với Edith.

- Vâng, ở đây hơi lạnh, - cô ngoan ngoãn đồng ý với tôi, mặc dù trên bờ hoàn toàn không lạnh.

Khi tôi về tới nhà thì cha tôi đã ăn cơm tối. Trước câu hỏi lặng lẽ của ông, tôi chỉ còn biết cái đầu xuống.

- Không có triển vọng gì hết.

- Nếu đói thì đi ăn đi con ạ, - cha tôi nói.

Sau bữa tối, ông gọi tôi vào phòng làm việc, nơi mà mọi vật đều quen thuộc đối với tôi từ hồi còn thơ ấu, kể từ cái kệ lò sưởi kiểu chân rộng có vuốt nhọn cho tới cái gạt tàn thuốc lá to tướng làm bằng mai rùa. Tôi nhìn thấy những sợi tóc bạc trắng ở hai bên thái dương và cái nhìn hi ền hậu của cặp mắt mệt mỏi đã phai màu của cha. Ôi! Mới dụ hi ền làm sao! Ông rút ra từ trong ngăn cái bàn cũ kỹ hai tấm ngân phiếu và nói với giọng nhỏ nhẹ đượm vẻ bu ồn phi ền:

- Con yêu quý! Con đã được học hành như người mẹ quá cố của con mong muốn... - Khi nói những lời ấy cha tôi ngược nhìn lên bức chân dung lớn của mẹ tôi treo trên tường và đưa khăn tay lên lau đôi mắt đầm lệ.

Tôi xúc động đứng lặng đi. Trong giây phút ấy những hình ảnh dụ hi ền

của mẹ như sống lại trong ký ức tôi. Mẹ mới thương yêu tôi làm sao!

- Con của cha, nói ra thì đau lòng, nhưng cha sẽ nói, - ông nói tiếp, nhìn tôi bằng cặp mắt nằm dưới hai hàng lông mày đã bạc trắng. Dáng điệu của cha tôi có vẻ quan trọng và ông diễn đạt bằng những lời lẽ có phần hơi cổ lỗ. - Chúng ta không nhận được một tin tức nào từ lord cũ cả, và rất có thể lord không còn sống nữa. Nhưng cha không dám lên án số phận, vì cha hiểu rõ các quy luật của tạo hóa là hết sức sáng suốt. Nếu như con không được học đến nơi đến chốn, thôi thì cũng đành vậy. Nhưng tất cả mọi người - cha, bác Reggie và cả u già Olivia phúc hậu của chúng ta - đều mong cho con tìm được hạnh phúc. Hôm nay cha đã nói chuyện rất lâu với người thầy của chúng ta là cha Jeremiah. Con người phục vụ nhà thờ đáng kính ấy hoàn toàn đồng ý với đi đầu mà trước đây bác Reggie đã khuyên...

- Con hiểu, - tôi nói và cúi đầu.

- Con hiểu rõ được hoàn cảnh của gia đình ta, như vậy là tốt lắm, - cha tôi thở dài. - Con phải tự quyết định lấy số phận của mình. Con của ta có đôi cánh tay rắn chắc và đầu óc sáng sủa, hiểu biết nhiều đi đầu sâu sắc, còn lòng nó thì phúc hậu như người mẹ đã quá cố của nó...

Cả hai chúng tôi đều nhìn lên bức chân dung với vẻ sùng bái và hàm ơn.

- Samuel ạ, con mong muốn được làm việc, - cha tôi nói tiếp. - Cha với bác Reggie thấy rõ con đã cố gắng thu xếp công việc ở đây như thế nào, và gia đình đã quyết định. - Nói đến đây ông trao cho tôi hai tấm ngân phiếu: - Hãy cầm lấy, số tiền này là tất cả những gì cha có, một món tiền ít ỏi của cha còn dành dụm được. Con hãy cố gắng chi tiêu thế nào để sau này có thể nhớ đến cha mẹ con với lòng biết ơn. Con nên nhớ rằng cha mẹ lúc nào cũng thương yêu con cái, cần phải biết rằng hàng ngày cha đã ngời miệt mài với giấy tờ của lord Pucklington thêm bốn giờ trong văn phòng,

còn người mẹ nhân hậu của con thì đã dè sẻn từng xu một. Cha mẹ đã lao động để có tiền cho con dù chỉ là chút ít. - Đầu cha tôi run rẩy vì xúc động, ông chìa đôi bàn tay về phía tôi:

- Con thân yêu!

Không đủ sức để nói nên tôi chỉ còn biết gục đầu vào ngực cha, hôn rất lâu lên đôi bàn tay khô gầy đầy những vết mực và tưới ướt chúng bằng những dòng nước mắt hàm ơn.

- Thôi, thôi, con ơi...

Ông nhẹ nhẹ vỗ vào vai tôi:

- Cất tiêng đi... Thế giới to rộng vô cùng, mặt trời sẽ không lặn trên vương quốc, và thần Neptune sẽ nâng đỡ cho ngọn cờ của chúng ta trên biển cả. Hãy gắng lập thân! Hãy tin rằng khi trở về con vẫn sẽ tìm được ở Ashworth những người thương yêu con như ngày trước.

Cha tôi hơi nheo mắt lại, lúc nhìn về phía cửa sổ mà qua đó có thể thấy được ngôi nhà nhỏ của gia đình Winters, tôi hiểu rằng cha tôi đã biết đi đâu bí mật của tôi.

Cha tôi ngồi trong chiếc ghế bành bên cạnh lò sưởi mà ông yêu thích và nói chuyện với tôi mãi tới nửa đêm. Hồi còn thanh niên ông đã từng đi du lịch và tôi đã ngồi nghe một lần nữa câu chuyện về săn bắt rùa ở Tân Guinea. Ôi, người cha thân yêu bất hạnh của tôi! Cho đến nay tôi vẫn còn nhớ cái nhìn trìu mến của ông khi ông bước lên cầu thang hẹp xoáy tròn ốc để trở về buồng ngủ của mình.

Ông dừng lại giây lát trên bậc thang với cây nến trong tay. Hơi ấm từ trong bếp bốc lên. Cây nến chảy ra và những giọt sáp của nó rơi xuống cái đế cầm bằng đồng nặng nề đang run rẩy trong tay cha: cha cúi xuống qua tay vịn rồi gật đầu nói với tôi.

- Đừng ngủ quên con nhé! Ông già Orfi sẽ đi mua dầu thông vào lúc sáu giờ và đã đồng ý cho con đi nhờ xe. Con sẽ đến Wesley bằng chuyến tàu hỏa chạy lúc bảy giờ mười bảy phút. Chúc ngủ ngon.

Tôi không ngủ được. Mọi việc đã được quyết định. Buổi sáng tôi sẽ rời khỏi Ashworth một cách kín đáo để không ai hay. Rồi sau tôi sẽ gửi thư cho Edith....

Tôi thấy như phía ngoài các cửa sổ đang nổi lên một cơn bão. Nhưng đó chẳng qua chỉ là bác Reggie đã trở về, ông đang tranh cãi về việc gì đó với u già Olivia nhưng bỗng nhiên ông im bặt. U Olivia có đặc điểm là hay phản đối thẳng thừng với bất cứ ai vi phạm vào sự yên tĩnh trong cái vương quốc bếp núc của bà. Ngay sau đấy tôi nghe thấy tiếng bước chân nhẹ nhàng của bác Reggie và tiếng kệt của thận trọng ở buồng ông...

* * *

Buổi sáng bừng lên một không khí mùa xuân say đắm. Những mái ngói của các ngôi nhà ở Ashworth bị che phủ bởi lớp sương mai, ánh lên muôn màu sắc được tia nắng mặt trời. Đại dương mênh mông vẫn đang mờ màng chìm đắm trong lớp sương mù màu tím ở đằng xa phía dưới tấm màn mây hồng rực rỡ.

Con đường dần dần uốn khúc quanh ngọn đồi. Ngồi trong chiếc xe ngựa chất đống những thứ chai lọ đựng thuốc có lót rơm, ông Orfi cho xe đi từ từ, không vội vã. Con ngựa gầy gò xương gắt sức vượt con đường dốc dẫn tới đường cái phía trên. Ashworth tụt dần xuống ở phía dưới. Màu sắc xanh tươi của các bụi cây bên đường làm cho tôi thấy vui mắt. Tôi lặng lẽ chào từ biệt tất cả những gì quý giá đối với tôi ở nơi đây. Và thế là đã đến chỗ ngoặt ở bên cầu.

Bỗng nhiên tôi trông thấy Edith, cô đứng bên bờ suối và giơ tay vẫy tôi.

Ông Orfi ân cần ghì cương ngựa, cô gái chạy về phía chiếc xe đỗ, tôi nhảy ra khỏi xe.

- Ô, Edith!

Chúng tôi đi về phía trước dọc theo đường cái. Edith trao cho tôi một bó hoa rừng nhỏ màu tím: “Anh Samuel, anh lên đường mạnh khỏe nhé!”

Cặp mắt của Edith giống như những bông hoa tím thắm ẩm ướt ấy.

Tôi xúc động thì thầm:

- Edith em đến đây thật tốt quá!

- Em muốn bắt tay từ biệt anh. Và chỉ có thế thôi, - cô nói.

- Tạm biệt nhé, Edith! Em sẽ không quên anh chứ?

- Tạm biệt anh. Hãy trở lại anh nhé!.. Em sẽ đợi...

Tiếng vó ngựa chạy lộp cộp trên chiếc cầu gỗ. Chiếc xe ngoặt về phía sau đồi và tôi không còn nhìn thấy Edith đâu nữa.

Ông chủ hiệu thuốc buôn bã giặt nhẹ dây cương.

- Trước đây tôi không hề biết rằng cô Winters thích dạo chơi buổi sáng.

Tôi nín lặng chờ đợi cho tới khi ông già Orfi không còn đề cập tới chuyện riêng của người khác nữa rồi mới lạnh lùng nhận xét:

- Trời ấm quá!

Nhưng ông chủ hiệu thuốc là con người ương bướng và ông cứ thích xen vào những việc không phải của mình. Ông cầu nhàu mãi:

- Cái ông già Pingle không nghĩ ra được cách nào tốt hơn là để con bỏ nhà ra đi hay sao. Hừ... cứ như tôi ấy à... không đi quá Wesley bao giờ và không cho thằng Ed đi đâu hết. Bác sĩ Fleet nói đúng: “Ngay cả trên thiên đường cũng cần có hiệu thuốc. Và ở thời đại chúng ta cũng đủ...”

Chẳng hiểu bức tức vì nỗi gì mà bỗng dưng ông chủ hiệu thuốc quát

con ngựa rất đau rồi thét lên:

- Sao hử, đờ trích trùng!

Con “trích trùng” bốn chân hốt hoảng ve vẩy đuôi rồi lập tức lồng lên chạy nước kiệu. Ashworth đã tụt lại ở phía sau.

Chương hai

I

Nếu kể tỉ mỉ tất cả những tai họa giáng lên đầu tôi kể từ cái buổi sáng đáng ghi nhớ, khi tôi rời Ashworth đi tìm kiếm mẫu bánh mì muôn thuở thì cần nhiều thời gian, công sức và giấy bút quá. Tôi chỉ kể lại những nỗi bất hạnh đã đeo đuổi tôi, xác nhận cho cái số phận tuyệt vọng của tôi trên mặt hành tinh này. Hình như cả thế giới đã thỏa thuận với nhau chỉ đem lại tai ương cho mỗi một mình tôi. Tiền của cha cho đã biến đi trong tay tôi như tuyết tan trong lò. Những ước mơ cũng tan ra mây khói. Hết tai họa này đến tai họa khác liên tiếp giáng xuống tôi ngày càng nghiệt ngã hơn. Tôi có thể viết hẳn một chuyên khảo về cách thức làm ăn trong các văn phòng thuê mướn người, tôi đã quá quen thuộc với sự chờ đợi công ăn việc làm một cách vô vọng và chạy như điên như cuồng tới những nơi người ta chỉ. Thế nhưng khi tôi lao đến một cửa hàng nào đấy, nơi người ta cần một người đi đầu khiển thang máy hoặc một phái viên thì lại gặp ngay ở đây hàng đông người như tôi hoặc nhận được câu trả lời: “Vừa mới nhận người”. Có lần tôi đã tưởng như mình gặp may. Viên quản lý của một công tước nào đó muốn thuê mười lăm thanh niên trẻ tuổi trong một ngày. Người ta đã thông cáo trên báo về việc này. Như sau này tôi được biết thì công việc phải làm là như sau: các thanh niên sẽ ăn mặc giả trang theo kiểu các hiệp sĩ của thế kỷ thứ mười bốn rồi đứng gác ở những chỗ nghỉ chân trên cầu thang chính trong thời gian tiến hành dạ hội và phải chào những khách khứa đã được mời đến dự. Chúng tôi bắt lại có đến gần một nghìn người. Cảnh chen lấn nhau diễn ra thật là khủng khiếp. Thoạt đầu người ta

chọn ba trăm người. Tôi nhào vào đám đông và tuồn được vào trong sân của công tước, nhưng vẫn chỉ là người thứ ba trăm linh một. Viên quản lý bước ra cùng với một vài người nữa, họ đuổi bắt khoảng gần hai phần ba số người trong sân ra phố. Còn lại một trăm người có triển vọng gặp may, trong số đó có tôi. Chúng tôi xếp thành hai hàng như những người lính đứng duyệt binh. Người nào cũng cố làm ra vẻ hùng dũng, ưỡn ngực ra phía trước và hai tay duỗi thẳng theo đường chỉ quỳ. Lần thứ nhất viên quản lý đi qua một lượt, vừa đi vừa nhìn vào mặt chúng tôi và không nói gì. Sau đấy hắn đi lần thứ hai, ngắm nghía từng người một như để đánh giá họ và chốc chốc lại chọc nhẹ đầu ngón tay, nói:

- Được.

Hắn thờ ơ đi qua trước mặt tôi như đi qua một thùng rác ngoài phố vậy. Tôi nhìn thấy bộ mặt lạnh lùng, nhẩn nhai với cái mũi đỏ tía của hắn và suốt đời không bao giờ quên được.

Mười lăm người may mắn thì bước theo sau viên quản lý vào văn phòng, còn những người khác được mời cuốn xéo khỏi sân một cách rất lịch sự.

Tìm việc làm đưa vào những thông cáo trên báo không có kết quả, tôi bèn quyết định tìm đến tất cả các cửa hiệu, các văn phòng, những hiệu đổi tiền, những hiệu cắt tóc cửa hàng thịt, cửa hàng rau để xin việc. Cái bằng trung học mà tôi đưa ra chẳng gây cho các chủ hiệu một ấn tượng nào hết và họ đều từ chối tôi một cách lịch sự. Tuy nhiên ông chủ hiệu thuốc lá ở góc phố Bright trên quảng trường Pan-me-xtôn, một lão già sạch sẽ đeo kính và mặc gi-lê kiểu cổ, đã chú ý tới tôi khi tôi tự giới thiệu với lão và đưa cho lão xem mảnh bằng.

- Tôi rất vui mừng, anh bạn trẻ ạ, - lão nói và tò mò ngắm nghía hình

đầu sư tử trên con dấu của trường trung học Dijan. - Này anh biết không, tôi không thích sư tử lắm. Tôi muốn nói rằng nó chẳng dữ tợn chút nào. Hả? Dijan à? Rất tốt...

Lão ta điếc, và tôi phải thét vào tai lão:

- Tôi cần việc làm!

Lão nhìn tôi vẻ sợ hãi:

- Việc làm hả? Họ anh là Pingle à?

- Phải. Tôi không thể tiếp tục học tập...

- Khoan... - Lão già già già sống mũi vẻ suy nghĩ. - Có lẽ tôi đã đọc thấy tên anh ở đâu rồi... Có phải chính là anh không?

- Xin lỗi ông, tôi không hiểu...

Cặp mắt nhỏ của lão già đầy vẻ tò mò.

- Chà chà... Anh chính là Pingle, người đã được lord Pucklington giúp đỡ...

- Đúng thế! - tôi thét lên và hy vọng lão già sẽ đưa ngay tôi vào làm việc bên cạnh lão trong cửa hiệu buôn thuốc lá “Sư tử phương tây” và các loại thuốc lá khác.

Nhưng bỗng nhiên lão già dậm chân bành bịch.

- Thôi tôi xin đủ! Anh biết không, tôi là người bảo thủ và tôi không thể cho phép những kẻ khác kiêu như... Chà chà, anh bạn trẻ ời, anh phải xấu hổ chứ...

Tôi đi lang thang nhìn đoi ba ngày trên các bến cảng. Ông thuyền trưởng tàu buôn “Cá bơn” bắt gặp tôi ở bên bến, ông là bạn của bác tôi ở hiệu ăn “Hổ Vương” ông nhận ra tôi. Nghe tôi nói về cái bằng trung học, ông chỉ châu môi huýt một tiếng sáo dài kiêu thủy thủ.

- Món hàng ấy của cháu người ta không xoi được... Cháu ơi, hãy ngó mà xem thiên hạ. Cứ để phong ba bão táp làm cho cháu dày dạn lên đã. Đó là đi đầu mà một con người đã lên đèn bốn biển trong hai mươi ba năm trời như bác đây muốn nói với cháu. Pingle ạ, bác của cháu là một người tốt, vì ông ấy bác sẵn sàng giúp cháu. Cháu nghe bác, hãy lên tàu mà làm thuê rồi muốn đi đâu tùy thích, không được nề hà bất cứ việc gì. Chỉ bệnh nên thừng, hiểu chưa? Bác sẽ nói cháu là người đờng hươg và xin cho cháu lên tàu chở than làm thợ và cháu không phải trả tiền cho bác, được chứ?

- Tuân lệnh, - tôi trả lời theo kiểu những thủy thủ ở Ashworth vẫn nói.

Và thế là những chuyện chu du của tôi bắt đầu.

Chiếc tàu chở than màu xám xịt, phình to ở phía bụng, ướn sững đầu lửa và phủ đầy một lớp bụi nhầy nhụa, hôi thối từ đỉnh các cột buồm cho tới lòng tàu. Là tàu biển mà nó lại mang một cái tên đến kỳ lạ “Mèo xanh”. Bởi vì ngay trong ao nhỏ mèo cũng có bơi bao giờ đâu, cho nên rõ ràng là chiếc tàu chở than này thường thường chòng chành ngay cả khi trời im biển lặng. Hầu hết những người làm việc trên tàu chở than này đều là người Trung-quốc vì những công việc phải làm trên chiếc tàu gớm ghiếc ấy hẳn thủ vô cùng. Có lẽ ông thuyền trưởng tàu buôn muốn thử tôi cho nên ông đã giới thiệu tôi với người thuyền trưởng tàu “Mèo xanh”. Ông thuyền trưởng John Graves không phải là người lảm lời. Ông nói:

- Tôi nhận. Cho làm việc bên những nãi hơi. Phải vâng lời. Phạm lỗi sẽ bị trừng phạt.

Và thế là tôi được xếp vào đội giúp thợ đốt lò cùng với nửa tá người Trung-quốc. Tôi đã làm công việc ấy một cách thích thú. Tôi thấy hình như là tôi đang hành động để trêu ngươi mọi người.

Tôi đã kiệt hết sức lực vì phải nằm trong cái bụng của một con quái vật bần thủ như thế để đi về phương tây. Thoạt đầu những người cùng làm việc có vẻ nghi ngờ nhạo báng tôi. Nhưng chỉ ngay sau khi bụi than đen phủ một lớp dày lên tất cả mọi khuôn mặt của chúng tôi thì mối quan hệ giữa tôi với họ đã dịu đi. Trong lúc làm việc tôi đã học hiểu được một vài câu tiếng Trung-quốc, và tôi lấy làm thích thú trò chuyện với bác Sa răng trắng nhòn và với đại lực sĩ Ta Shi vốc người thấp lùn. Dù sao tôi cũng đã nói chuyện với mọi người bằng thứ tiếng mà người ta không dạy tôi ở trung học.

Khi bước chân lên bờ biển của Tân thế giới, người tôi sút mất chín cân, bần thủ như một con quỉ, nhưng có tiền trong túi. Đã có thể bắt đầu bước đường công danh trên bộ được rồi. Ý nghĩ về một chuyến đi biển mới làm cho người tôi run lên bần bật.

Những ngôi nhà chọc trời khiến tôi nhớ tới những tảng đá ở Ashworth, còn những đường phố thì giống như những khe núi. Tôi đã từng làm phu khuân vác, dán quảng cáo cho các rạp hát, bán báo và bán dây giày. Đĩa cháo yến mạch nhỏ với một mẫu bánh mì đã bắt đầu nằm trong thực đơn hàng ngày của tôi. Và cuối cùng tôi gặp may...

II

Tôi đã đến Bell Harbor một cách tình cờ. Con đường sắt từ thành phố tới đó, đặt trên những thanh tà vẹt bằng bê-tông nằm ngang với mặt nước, làm tôi cảm thấy như con tàu đang lao đi trên những ngọn sóng qua vịnh. Bell Harbor là một nơi nghỉ mát gần thành phố, nằm trên bờ đại dương. Những ngôi nhà có màu sắc vui tươi, gần như cùng một kiểu, chạy dài

thành những tuyến thẳng, nhà nào cũng có gác sân, những rèm cửa kẻ sọc và những mảnh vườn hoa ở trước cửa. Ở đây không có nhiều cây cối nhưng thay vào đó người ta đã trồng những ô cỏ đẹp đẽ, xanh rì như được quét một lớp sơn, và trong những bụi cây có hoa. Một con đường rải nhựa chạy dọc theo bờ biển. Khoảng giữa con đường và biển là một bãi tắm rộng toàn cát. Bell Harbor được coi là nơi tắm biển có tiếng.

Một cái còi nhảy lớn đã làm tôi phải chú ý.

Tôi hỏi một người lịch lãm đang chán nản nằm lăn trên cát và hút tẩu thuốc, anh ta trả lời làu bàu:

- A, anh hỏi về cái tháp Babylon* này à? Người ta dựng nó lên cho Black Snake... Sao? Anh không biết Black Snake là ai à? - Con người lịch lãm ấy tươi tỉnh hẳn lên và nằm úp bụng xuống cát nóng. - Hừm, tôi đoán anh không phải dân ở đây. Thôi được tôi nói để anh biết rằng Black Snake của chúng tôi là một quán quân vĩ đại nhất trên thế giới về các kiểu nhảy tạo hình. Ngày kia ở đây sẽ tổ chức các cuộc thi nhào lộn với sự tham gia của anh ta. Hàng trăm nghìn khán giả sẽ tập trung về đây để chiêm ngưỡng cái anh chàng táo gan ấy.

- Tuyệt, - tôi nói rồi ngẩng lên xuống bên.

- Nào, hãy trả đây mười cent*, không thì đi đi, - bỗng dừng anh ta đề nghị.

- Trả tiền gì chứ? - tôi ngạc nhiên.

- Tôi đã chiếm cho mình một khoảng rộng ba mươi foot* vuông, anh thấy không? - anh ta nói và xoay lưng trở xuống, nằm dạng hai chân hai tay ra như thể anh ta đã thực sự chiếm một chỗ trên bãi cát - Kể từ chiều nay khán giả sẽ tập trung ở đây để nhìn Snake cho rõ. Mà từ đây nhìn ra thì cho dù người chỉ có một mắt cũng thấy được hết sức rõ ràng cái trò đùa

với gân cốt của nhà vô địch. Do đó tôi cho rằng, trị giá một phút trong chỗ của tôi là mười cent. Đến tối giá sẽ lại tăng lên nữa. Nếu anh chiếm một chỗ nhỏ ở phía ấy và ngồi cho đến khi mặt trời lặn thì anh sẽ vớ được món lãi năm mươi phần trăm.

Rõ ràng cái thằng cha to béo có cặp mắt láu lỉnh này đã giều cợt tôi. Tôi im lặng nghĩ cách trả thù. Cái cầu nhảy quả là cao hết sức. Ở Dijon, nơi tôi được coi là một trong những tay bơi lội cừ khôi, người ta không dựng những cầu nhảy cao như thế.

- Dù sao tôi vẫn cho rằng Snake của anh không thể nào cùng một lúc làm ba vòng xoay tròn và một vòng lộn khi nhảy xuống nước được, - tôi nói và chốc lại đưa mắt nhìn hắn ta rồi mỉm cười

- Như vậy thì từ ngày khai thiên lập địa đến nay cũng chưa ai làm được, họa là có quỷ sứ làm được một lần khi hắn ngã lộn nhào từ trên trời xuống địa ngục. Thôi này ông ngớ ời, ông đừng có nói tới những chuyện vượt quá sức hiểu biết của ông...

- Còn ông thì tốt hơn là hãy đưa ngay mười cent ra đây. Tôi sẽ cho ông xem cái trò vật ấy và ông có thể báo cho công chúng biết để ngày kia họ khỏi lo đến đây làm gì.

Tôi cũng nhạo lại hắn ta.

- Tao sẽ trả một dollar nếu mày làm được như vậy, - hắn nói vẻ tức tối. - Này thằng đều, mày cười hả, tao phải nện cho mày một trận nên thân để mày bỏ cái thói cười cợt nhạo báng ấy đi mới được.

Hắn vùng dậy và bộ mặt hắn trông thật đều cáng.

- Nhảy đi, thằng ngố, - hắn rít lên và qua dáng điệu ngật ngưỡng của hắn, tôi hiểu ngay rằng sáng nay hắn đã nốc whiskey rồi. Hắn túm tấy cổ áo tôi; - Tao muốn xem mày nhảy xoay ba vòng như thế nào. Mẹ kiếp,

chính Snake cũng chỉ làm được có hai vòng thôi!

Con người yêu chuộng thể thao kỳ quặc ấy lôi tôi xềnh xệch tới bên chân cầu. Tôi giằng ra và nắm tay lại định tống cho hắn một quả.

- Này thằng hợm, bành mắt to ra mà nhìn và để sẵn tiền ra đi. Tao sẽ đập chết con rắn đen* của mày cho mày xem.

Nhưng hắn lại túm tay tôi.

- Leo lên? Mày phải nhảy, không thì tao nuốt sống mày!

Hắn đẩy tôi. Để khỏi ngã, tôi nắm lấy bậc lên đầu tiên của cầu. Từ đấy có thể trèo lên trên bằng những bậc thang hẹp. Lúc leo lên những bậc thang ấy tôi chỉ còn thấy lòng mình tràn ngập những cảm giác thường thấy của một vận động viên khi sắp biểu diễn. Tôi nổi tiếng ở Dijon chính là vì đã biết tạo ra rất cả những động tác phối hợp phức tạp nhất khi nhảy từ trên cầu xuống nước. Còn bây giờ tôi lại phải nghĩ cách nhảy tạo hình để được cuộc một dollar. Bởi vì trong túi tôi không còn lấy một cent nào.

Cầu dựng rất đẹp và tốt, trên cùng là một ô vuông nhỏ không có lan can. Từ ô vuông ấy chìa ra về phía biển một tấm gỗ dài có thể nhún lên nhún xuống như lò-xo.

Tôi cởi quần áo rồi vươn thẳng người lên nhìn. Trước mắt tôi là khoảng không - bầu trời không một gợn mây và mặt biển thì bao la vô tận.

Tôi nghĩ: có lẽ ở phía bên kia đại dương, trên bờ biển Ashworth, lúc này Edith cũng đang đứng nhìn về phía tôi...

Hai chiếc xuống nhỏ đang chạy ở phía dưới. Có lẽ người ta đã nhìn thấy tôi, bởi vì những người tắm biển ở hai phía đầu đang bơi về hướng cầu. Người xem đã nhanh chóng tập trung lại ở trên bờ.

Một làn gió mát thổi qua làm tôi thấy dễ chịu. Tôi bước trên tấm gỗ. Nó

kêu cút két dưới chân tôi và từ từ nhún xuống. Chưa bao giờ tôi thấy sợ khoảng không và tôi có thể đi lại bình thường trên những mép bờ vực thẳm mà không chóng mặt. Sức mạnh của thói quen là như vậy. Dừng lại cách đầu cầu một bước, tôi ngó nhìn xuống dưới.

Từ trên cao tôi nhìn rõ mọi vật đến nỗi có thể phân biệt được cả những ánh vẩy cá dưới làn nước trong xanh nhờ những tia nắng mặt trời chiếu xuống. Bỗng tôi thấy một người đang bơi ở phía dưới. Ông ta gio tay chới với rồi biến khỏi mặt nước. Tôi nhìn rõ ông ta đang chìm nhanh xuống đáy. Một người đang chết đuối. Cần phải cứu ngay. Tôi lấy hết sức đạp mạnh chân và chỉ trong chớp mắt thanh ván cầu đã bật tôi vọt lên cao. Lúc rơi xuống tôi đã xoay những vòng quanh trục của mình và đồng thời lộn một vòng dài. Cuối cùng tôi cố gắng duỗi thẳng tay khi linh cảm thấy mình sắp lao xuống mặt nước biển.

Lúc mở mắt ra ở dưới nước tôi lập tức nhìn thấy hình dáng lơ lửng của người chết đuối. Tôi tóm lấy ông ta rồi ngoi lên trên. Sau đấy có người nào đó túm lấy tóc tôi rất lâu...

Tỉnh dậy, tôi thấy mình nằm trên bờ, giữa một đám đông. Sau khi uống một ngụm rượu whiskey đựng trong cái ve nhỏ mà người ta đưa lại cho tôi, tôi mới hoàn toàn trở lại bình thường.

Một người dáng điệu tháo vát mặc quần bơi có vẻ hỏi tôi:

- Tên anh là gì? Nhảy khiếp thật! Người được anh cứu người ta đã chờ xuồng đưa về thành phố rồi. Anh nhảy chuyên nghiệp hay nghiệp dư thế?

Ngay lúc ấy một người thấp nhưng to béo rẽ đám đông lao tới, ông ta nói gằn như hét lên:

- Anh ta đâu rồi, cho tôi xem anh ta.

Mọi người kính cẩn lùi lại nhường chỗ cho con người to béo ấy. Ông ta

dừng lại trước mặt tôi, dang tay ra rồi vỗ nhẹ bàn tay mũm mĩm vào vai tôi:

- Vì anh người ta sẽ cạo một trăm ăn một. OK...

Người mặc quần bơi có vẫn cứ loay quanh bên tôi.

- Tôi xin phỏng vấn ngắn thôi. Để viết cho tạp chí thể thao. Anh đã học nhảy cầu ở đâu?

Nhưng người to béo đã làm nhà viết phóng sự phải lui mất vì vẻ quan trọng của ông ta:

- Thưa các ngài, các ngài phải để cho nhà quán quân trẻ tuổi mặc quần áo vào đã chứ. Ê, lấy được quần áo về chưa?

Hai đứa trẻ da đen đem quần áo lại cho tôi, hóa ra chúng đã leo lên cầu từ lúc nãy. Tôi mặc quần áo. Bọn trẻ mò mẫm tìm đồng tiền người ta quăng cho chúng trên bãi cát

Người to béo nhìn tôi.

- Anh thuộc về tôi rồi!

- Xin lỗi ông, tôi không hiểu... - vừa nói tôi vừa để ý tìm chiếc mũ kepi rách.

- Mà hiểu để làm gì? Anh là của tôi... Ta đi thôi.

Ông ta có cái lối nói chuyện thật kỳ quặc. Chẳng nghĩ ngợi gì, tôi bước theo sau ông ta trên bãi biển, cả đám đông cũng ùa theo. Ở Tân thế giới người lớn còn tò mò hơn cả trẻ con ở Ashworth của chúng tôi. Chẳng thèm để ý gì tới những người vây quanh.

Ông ta nói với tôi một cách dịu dàng nhưng kiên quyết:

- Tôi không nhường anh cho ai cả. Bước công danh huy hoàng đang chờ đợi anh. Anh sẽ tắm trong vàng. Lộn những bốn vòng... Khiếp thật!

Cứ gọi là sợ mất vía.

Một chiếc xe hơi choáng lộn đổ trên con đường cạnh bờ biển. Người tài xế kính cần mở cửa xe.

- Xin mời, - ông ta nói nhã nhặn và nhường tôi lên xe trước.

Ngồi vào một chỗ trên chiếc xe hơi thì có gì là mạo hiểm. Vả lại tôi còn biết đi đâu nữa. Khi chiếc xe đã rời khỏi bãi tắm và tiếng hoan hô của những người đi theo đã lắng dần ở phía xa, tôi mới nhớ ra rằng thằng cha có cặp mắt láu lỉnh vẫn chưa trả cho tôi một dollar vì thua cuộc. Chưa bao giờ tôi thấy tức giận đến như thế.

- Hừ, tao cũng lấy lại đồng dollar ấy, - tôi vừa lẩm bẩm vừa mải mê suy nghĩ.

Người to béo cười:

- Cuối cùng thì tôi đã nghe thấy những lời nói chân chính của anh. Không thể không đòi nợ, dù chỉ là một dollar. Ngay sau khi ký hợp đồng anh sẽ có hàng nghìn dollar.

Tôi ngoảnh về phía ông ta:

- Ông đã đưa tôi vào những giấc mộng vàng. Ông là ai? Người hay quý?

Ông ta càng cười to hơn.

- Không, tôi là một anh hề. Ai cũng biết tên tuổi tôi. Tôi là Clips.

III

Clips, người phát minh nổi tiếng những tiết mục xiếc làm vỡ đầu người như bợn và là một nghệ sĩ hề có tài năng nhất, đã đề nghị tôi làm việc với

ông ta trong rạp xiếc “Colosseum”. Ở hiệu ăn nhỏ “Chú chuột nhất vui tính”, nơi chúng tôi vừa đến, Clips đã đãi tôi một bữa điểm tâm xoàng và bây giờ thì ông ta đang bận bịu pha chế một thứ nước uống gì đấy mà thành phần rất rắc rối. Những người hầu bàn mang lại trước mặt ông một vài chai, và ông khéo léo rót ở mỗi chai ra một cốc nhỏ rồi hòa tất cả vào một cốc lớn, lấy một thìa dài bằng bạc khuấy lên, và thế là vừa uống cái chất hỗn hợp không thể nào chịu được ấy, ông ta vừa nhấm nháp những chiếc bánh mì tròn dẹt cứng công cốc.

Tôi vốn hay phòng xa nên tránh không dùng cái món tráng miệng này và chú ý nghe xem ông ta nói gì. Tôi băn khoăn không hiểu vì sao cái con người hay bốc phét và nghiện rượu ra mặt ấy lại hảo tâm chú ý đến tôi. Ông ta phẩy tay khi tôi vừa đề cập tới trường trung học và cái bằng tốt nghiệp.

- Thế giới đã mệt mỏi vì ngạc nhiên với những lời lẽ ấy lắm rồi. Ngay đến tên anh tôi cũng không cần hỏi? Tôi không cần đến cái khoa tâm lý của anh. Tôi chỉ thấy có một điều: vũ đài lớn tới những bắp thịt của anh.

Uống xong cốc thứ hai, ông ta liền khôn khéo chuyển sang giọng thân mật.

- Chú sẽ trở thành một nghệ sĩ có một không hai, - Clips phỉnh tôi một cách trắng trợn. - Anh bạn ạ, cần phải làm giàu. Chỉ một tháng nữa thôi, tôi với chú cứ gọi là lấy xẻng mà xúc vàng, nếu không đúng như thế thì tôi sẽ không còn là Clips nữa...

Sau những lời giáo đầu ấy Clips đã bộc lộ cho tôi thấy rõ ý đồ của ông ta. Đã từ lâu ông ta nghĩ ra một tiết mục chết người cho chương trình biểu diễn lấy tên giật gân là “Người nhẹ hơn không khí”, nhưng ông không tài nào tìm được người đóng vai chủ yếu cho tiết mục này.

- Chẳng lẽ ngay cả Black Snake cũng từ chối không giúp đỡ ông sao? -
tôi hỏi Clips.

Chỉ chút nữa thì ông ta bị nghẹn vì cái hộp rượu mạnh hỗn hợp ấy.

- Ai?

- Người nhảy tạo hình nổi tiếng mà... vì anh ta mà người ta đã dựng lên
cái cầu tôi vừa nhảy.

- Chú bạn của tôi ơi, chú nhàn rỗi, - Clips trả lời. - Chúng tôi chẳng có
vận động viên nào mang họ rắn như vậy. Còn cái cầu ấy là do hội thể thao
Bell Harbor dựng lên. Nhưng thôi, đừng có ngắt lời tôi vì chuyện không
đâu về cái ông Snake vớ vẩn nào đấy.

- Xin lỗi ông, - tôi nói lảm bảm, trong lòng vẫn tha thiết mong gặp lại
cái thằng cha có cặp mắt láu lỉnh để thanh toán với hắn cho xong. Hơn nữa
hắn mà chưa trả cho tôi món nợ vì thua cuộc thì hắn còn cười nhạo tôi.

Theo tôi hiểu thì nội dung tiết mục của Clips là biểu diễn nhảy tạo hình
qua vũ đài của rạp xiếc “Colosseum”. Nhưng chỉ mãi tới hôm sau, khi tôi
trông thấy tận mắt chiếc máy thể thao ở chỗ ông giám đốc rạp xiếc thì tôi
mới hiểu rõ mọi chi tiết dự tính cho tiết mục. Cái máy ấy đã làm tôi phải
ngạc nhiên, và tôi đã đồng ý sắm vai “Người nhẹ hơn không khí”.

Tuy nhiên, tôi đồng ý sắm vai đâu phải chỉ vì thần phục cái máy có kỹ
thuật hoàn thiện của Clips, mà chủ yếu vì câu nói của anh hề nói ra khi
chúng tôi ngẩng nói chuyện cụ thể hơn với nhau ở trong một hiệu ăn nhỏ
trên phố số 17:

- Ai mà chẳng muốn ăn bánh mì với bơ chứ không phải bánh thì chay.

Với sự thông cảm chung của cả đoàn xiếc và dưới sự chỉ đạo của Clips,
trong ba tuần liên tôi đã diễn tập cái tiết mục thần tình do anh hề, một nhà

phát minh, sáng tác ra. Người ta đã cho tôi ăn uống không chê vào đâu được. Mặc dù luyện tập rất ráo riết, nhưng trong thời gian đó tôi vẫn được nghỉ ngơi và sức khỏe đã bình phục lại. Sau khi đã quyết định phó mặc mọi việc cho số phận, tôi hầu như không nghĩ ngợi tới buổi biểu diễn sắp tới.

Cuối cùng thì cái ngày biểu diễn lần đầu ấy đã đến. Ở sau sân khấu người ta mặc cho tôi bộ quần áo vàng viền giải kim tuyến óng ánh, rồi sau đó tôi được đưa ra vũ đài trong tiếng nhạc bài “Hành khúc của các đấu sĩ”. Clips vừa pha trò cười vừa giới thiệu tiết mục biểu diễn một cách rất tài nghệ khiến những người ngồi trên gác cười ầm lên.

Tôi cúi chào khán giả rất lễ độ, Clips đặt tôi vào trong cái nôi đã được trang trí rất đẹp rồi thì thào:

- Chú Samuel này, phải hết sức bình tĩnh nhé. Đừng để ý gì đến cái bọn người tò mò ấy. Hãy tưởng tượng rằng đây là buổi diễn thử thường lệ.

Nhạc đã chuyển sang một điệu valse buồn bã “Ngủ đi nhé mèo con của mẹ...”. Nằm trong nôi, tôi cố giữ thái độ thờ ơ lãnh đạm. Nhưng những ý nghĩ đen tối như vẫn cố tình len lỏi vào trong óc tôi. Không hiểu sao tôi lại nghĩ rằng cần phải viết thư cho Edith nếu... nếu như hôm nay mọi việc đều tốt đẹp. Chà, nếu lần này mà thoát chết nhỉ... Sao mình lại gắn bó với cái lão Clips ấy. Bỗng nhiên tôi muốn nhảy ra khỏi nôi rồi bỏ trốn. Nhưng muộn mất rồi.

Lúc bây giờ Clips cứ đi quanh quẩn bên nôi, hai chân ông ta cứng nhắc trông đến buồn cười, tưởng như chúng không có khớp vậy. Ông đánh đàn banjo hòa cùng dàn nhạc và rên rỉ hát bằng giọng mũi:

*Ngủ đi nhé mèo con của mẹ,
và mỉm cười vui sướng trong mơ*

Độ ngày mai ánh dương vừa hé,

Tỉnh giấc nồng...

Âm nhạc ngừng lại ở một hợp âm minor trầm mặc. Những nhạc công chơi vĩ cầm đầu hạ archet xuống và tháo bộ phận làm giảm âm thanh khỏi dây đàn. Những nhạc công thổi kèn được dịp nghỉ lấy hơi. Còn những người sử dụng trống và những kiềng đồng thì đánh rung lên ầm ầm khiến cả rạp “Colosseum” chết lặng đi. Clips neho mắt nhìn tôi rồi nhướn cao hàng lông mày đã được tô vẽ thêm ở bên trái có ý bảo: “Thận trọng và chú ý”.

Nếu tưởng tượng rằng cái nôi mà tôi nằm ở trong thực tế chỉ như một cái thìa lớn gắn trên một máy phóng mạnh thì độc giả sẽ dễ dàng hiểu được những điếu còn lại.

Tôi hít thở một hơi dài và tiếp nhận cái nhìn của Clips như muốn nói: “Đã sẵn sàng”.

Clips quăng đàn banjo đi và bắn một phát súng lục chỉ thiên làm hiệu lệnh cho những người phụ trách máy phóng ở phía sau sân khấu. Tiếng nhạc vang lên khùng khiếp, bốn bức tường như muốn đổ sụp. Lò-xo của máy phóng bật mạnh và thế là tôi bay vút lên tận đỉnh mái vòm của rạp xiếc. Có lẽ các cô yếu thần kinh đã rú lên ghê sợ nhưng tôi chẳng nghe thấy gì hết.

Tôi đã rơi xuống dưới theo một quỹ đạo dựng đứng.



Sức mạnh lò-xo của máy phóng đã được tính cho phù hợp với trọng

lượng cơ thể tôi cùng quần áo, nó sẽ đặt tôi rơi hết sức chính xác vào một chỗ đã định của vũ đài. Ở chỗ ấy người ta đặt một cái thùng to làm bằng nhựa trong suốt chứa đầy một dung dịch mà với độ đậm đặc xác định. Khi bay lộn đầu xuống phía dưới, nhất định tôi phải rơi vào thùng này. Khi đầu đã chạm vào mặt trên của dung dịch thì tôi phải lộn thật nhanh để sao cho như đang ng ồi trong thùng, Trò này mang tính quỷ thuật là ở chỗ vòng lộn tích cực của tôi trong môi trường lỏng sẽ triệt tiêu toàn bộ lực rơi.

Trong những buổi diễn thử tôi đều thực hiện được tất cả những việc ấy một cách hoàn hảo. Và bây giờ tôi đã biểu diễn cái tiết mục gậy đầu như bốn ấy trước mắt khán giả. Mối tôi chát đắng vì nước muối Clips đưa tay ra, tôi c ầm tay ông ta rồi nhảy ra khỏi thùng xuống chỗ lót cát.

Những đèn chiếu lớn đủ màu sắc đều hướng cả về phía tôi. Người xem khoái chí gào thét ầm ĩ làm át cả điệu nhạc đặc trưng của dàn nhạc.

- Cúi chào đi chứ, đồ quỷ! - bóp mạnh tay tôi, Clips nói rít lên.

Nhưng tôi thì chỉ muốn độn thổ.

Trong phòng thay quần áo người ta choàng lên người tôi một chiếc khăn bông lớn rồi người phụ trách xoa tắm bắt đầu nắn bóp cái cơ thể đã mệt mỏi vì thần kinh căng thẳng của tôi.

- Ai cũng phục lăn ra! - ông giám đốc vừa chạy xộc vào buồng thay quần áo vừa nói. - Ngày mai báo chí sẽ đăng những bài giật gân phải biết! OK! Có biết chuyện gì xảy ra trong rạp không! Ba mươi sáu người bị bệnh. Bảy trăm người bị khản đặc giọng lại vì hò hét tên anh! Ký hợp đồng với anh đây! Cứ một cú nhảy trả một nghìn! Làm một chuyến đi vòng quanh thế giới...

- Xin ông hãy để cho thằng bé tỉnh lại đã, - Clips van xin ông giám đốc và nhìn tôi đầy vẻ khâm phục.

“Bọn người này sẽ hủy hoại đời ta, - tôi nghĩ vậy, trong lòng tái tê chua xót và toàn thân run lên vì tức giận. - Sớm muộn gì rồi tôi cũng gãy cổ. Thật ra lần nào người ta cũng kiểm tra lại lò-so và phóng thử cái túi có đựng vật ngang với trọng lượng của tôi, nhưng... nhớ ra... thế thì tôi sẽ không còn trở về được Ashworth để nhìn thấy Edith nữa...”

Nỗi sợ hãi vô ý thức vừa mới trỗi lên tôi ở vũ đài nay đã hoàn toàn xâm chiếm tâm hồn tôi. Chuột khỏi tay cái bọn người ích kỷ hại nhân này đâu phải chuyện dễ, nhưng may thay tôi bỗng nhớ đến cái anh chàng đã đánh cược với tôi và những kiểu cách nói chuyện của hắn rồi tôi thốt lên.

- Cứ kiên trì chút nữa! Vì tôi mà rồi ông sẽ vớ được món lời một trăm phần trăm kia. Ông trả tiền cho lần nhảy hôm nay đi. Không, không phải séc mà bằng tiền.

Ông giám đốc ném tiền lên chiếc bàn con.

Tôi cũng chẳng thèm nhìn đến tiền.

- Còn bây giờ xin ông hãy để tôi yên, - tôi yêu cầu bằng một giọng mệt mỏi.

Những nhà viết phóng sự và các phóng viên nhiếp ảnh đẩy cửa ừa vào. Clips và ông giám đốc xua tay:

- Thưa các ngài, nhà vô địch không thể tiếp các ngài được.

Trong phòng không còn ai. Tôi mặc nhanh quần áo, khóa trái cửa lại, đút tiền vào túi rồi nhìn ra qua cửa sổ. Ống dẫn nước chạy thẳng xuống phía dưới ở ngay bên cạnh, có thể giờ tay với tới được.

Tôi viết thật to vào mặt sau tờ quảng cáo bằng bút hóa trang: “Ông Clips thân mến! Tôi không muốn liêu mạng nữa đâu”. Tôi gắn tờ biểu ngữ ấy vào chiếc gương trên bàn rồi thận trọng mở cửa sổ. Phúc đức cho tôi,

sân ở phía dưới không có người.

Lòng cảm thấy vui sướng vì được tự do, tôi trèo qua bệ cửa sổ rồi bám chặt vào ống dẫn nước.

Chương ba

I

Tôi đã lên bờ ở Calcutta. Trên đầu tôi là mặt trời Ấn-độ, chói chang và nóng bỏng.

Số phận đã ném tôi lên đây sau những chuyến đi lang bạt với tính cách một diễn viên sân khấu hạng bét.

Giai đoạn cuối cùng của những chuyến phiêu đảng ấy là châu Phi, nơi tôi đã cùng một nhà kinh doanh vui tính đi lang thang tới khắp các khu nhà hội chợ ở những vùng xung quanh Cape Town. Thật cũng chẳng có gì là lạ khi ở đây tôi đã phải đóng vai một kẻ bị bệnh miên hành và cho phép nhà kinh doanh dùng những kim đan mảnh xuyên thủng hai má mình, phải nói rằng ông ta làm rất khéo. Vừa làm ông vừa thuyết phục người xem:

- Thừa các tiểu thư và công tử! Trước mắt các bạn là chàng Pam Single nổi tiếng thế giới, chàng ta đang ở trạng thái cứng giữ nguyên thế hoàn toàn.

Tôi nhắm mắt nhưng không tài nào ngủ được. Tôi thấy xấu hổ khi phải làm những công việc vô nghĩa và tính chuyện tìm một việc làm khác cho xứng đáng hơn. Tôi đã rơi vào quỹ đạo của cái bánh xe oan nghiệt và rõ ràng là nó đang cuốn tôi lao xuống vực thẳm. Nhưng may thay, có người đã kịp thời khuyên bảo tôi những lời xác đáng.

Ở khu trưng bày thú rừng của hội chợ có một người cao lênh khênh, gầy guộc và vụng về, anh ta làm nghề nuôi dạy thú dữ và trên những tờ quảng cáo anh lấy tên là: “Người sai khiến linh cầu”. Anh có vẻ mặt hung dữ và

diễn những trò quỷ thuật khiến người xem phải rợn tóc gáy. Anh có thể nuốt những thanh kiếm vào bụng, miệng ngậm dầu hỏa đốt cho cháy rồi phun lửa phì phì lên cao quá hai foot. Anh lại còn dám vật nhau tay đôi với gấu đen Himalaya nữa. Nhưng trong hậu trường thì đó lại là một người khiêm tốn, lặng lẽ hiếm có. Chính anh đã gợi ý khuyên tôi sang Ấn-độ.

- Samuel ạ, sang bên ấy làm ăn tốt hơn. Còn mình thì đã quen với những người Boers và những người lai Phi châu này rồi. Mình sẽ chết ở đất này thôi. Cậu có bằng, cuộc đời đang mở ra trước mắt cậu. Chỉ có ở bên ấy thì bằng cấp của cậu mới có tác dụng, chứ không phải ở đây, ở cái nơi tận cùng của thế giới này.

“Người sai khiến linh cầu” đã giới thiệu tôi với người đại diện của hãng cung cấp khí Madagascar cho những vườn bách thú. Và tôi đã đi cùng anh ta từ phía nam Phi châu lên phương bắc. Nằm trong căn phòng nhỏ trên tàu thủy, anh chàng đại diện cùng đi với tôi ngủ say như chết và ngáy to đến nỗi người giúp việc của ông thuyền trưởng phải ngó nhìn chúng tôi mãi và nói:

- Hình như anh mang theo một con hà mã nuôi thì phải?

Tới đảo Mauritius tôi chia tay với người bạn đường. Anh ta đã chuyển tàu để đi hai ngày đường nữa đến Tamatave, một cảng trên bờ phía đông Madagascar. Con tàu của tôi vượt Ấn-độ-dương. Đi một mình, tôi thường nghĩ và so sánh giữa hai con người - Clips và “Người sai khiến linh cầu”.

Clips thường nhắc đi nhắc lại một triết lý:

- Anh càng liều mạng bao nhiêu, người ta càng trả anh nhiều tiền bấy nhiêu.

Còn “Người sai khiến linh cầu” thì thân ái bắt chặt tay tôi lúc chia tay, nói:

- Lên đường mạnh khỏe Samuel nhé. Chúc bạn không phải liêu lĩnh vì tiền trong cuộc sống.

- Chà, trên đời có biết bao nhiêu con người khác nhau...

Trên quảng trường cạnh bến tàu Calcutta tiếng ồn ào pha tạp đủ các loại âm thanh của một thành phố lớn đã làm cho tai tôi ù đi. Tiếng tàu điện ồn ào, tiếng còi ô-tô inh ỏi, tiếng hò hét í ới của phu khuân vác và những người bán hàng, tiếng sáo thổi chói tai của những tên lưu manh làm trò ảo thuật và tiếng cầu xin của những kẻ ăn mày đã làm tôi bàng hoàng kinh ngạc. Bởi vì tôi đã quen với sự lặng lẽ trên đại dương trong chuyến đi vừa rồi.

Vừa ngỡ ngàng vừa buồn phiền, tôi đứng xem những tờ quảng cáo của các khách sạn và suy tính xem mình sẽ đi đâu. Cần phải tiết kiệm số tiền ít ỏi còn lại sau chuyến đi vừa rồi. Toàn bộ hành lý của tôi chỉ còn một cái túi đi đường mà trong đó chẳng có gì đáng giá.

Một vài người bán hàng vây lại quanh tôi để chào hàng. Họ bám lấy tôi dai như đĩa, và tôi rất lấy làm mừng khi thấy một người ăn mặc cầu thả nói với họ:

- Thôi này, buông tha người ta ra chứ!

Tôi hết sức ngạc nhiên thấy họ nghe lời và ngoan ngoãn bỏ đi.

Người vừa nói hỏi tôi:

- Anh đi đường chắc mệt lắm nhỉ?

Tôi đặc biệt không thích bắt chuyện với người mới gặp lần đầu nên im lặng. Hình như người ấy không muốn làm tôi mệt lòng, anh ta chỉ nói thêm vài câu:

- Nếu anh không có họ hàng thân thích, và cũng không quen biết ai ở

địa ngục trần gian này thì hãy tìm đến số nhà một trăm linh một ở phố Delhi. Đó là văn phòng thương mại của “Helly và con trai”. Hăng ấy buôn bán nhiều loại lắm. Helly con sắp xếp cho việc gì cũng cứ nhận mà làm. Nhưng phải mà cả với họ như anh vẫn mà cả ở ngoài chợ ấy. Ông ta thường hay bắt nạt ma mới, chỉ cốt sao có lợi nhiều nhất.

Tôi cảm ơn người lạ rồi đi tới phố Delhi. Cái nóng như thiêu đốt đã làm tôi kiệt sức, vì thế tôi như tỉnh người ra khi bước vào căn trường làm việc mát mẻ của ông chủ văn phòng thương mại. Trên trần nhà một chiếc quạt trần chạy rất êm. Những chiếc rèm cửa sổ đã làm giảm bởi ánh nắng gay gắt từ ngoài phố hắt vào. Tôi không nhận ra ngay một người đang ngồi bệ vệ trong chiếc ghế bành bọc da sau cái bàn làm việc to và rộng. Ông ta trông còn trẻ, to béo, có mớ tóc vàng hung và đeo kính gọng vàng.

Ông ta đưa tay ra bắt tay tôi qua chiếc bàn.

- Xin lỗi anh Pingle nhé, tôi không thể nào đứng dậy đón anh được. Cái nóng khốn kiếp này làm cho não như lỏng ra. Vả lại còn cái bệnh thống phong nữa, nó đang hành hạ tôi. Anh ngồi xuống đây. Anh đến Ấn-độ đã lâu chưa?

- Tôi mới đến.

- Từ đâu đến?

- Tôi từ Cape Town đến. Cái xí nghiệp mà tôi đã làm việc...

- Bị phá sản à? Tôi hiểu rồi. Nghĩa là anh tới đây để tìm một chỗ đứng dưới ánh mặt trời hạnh phúc của Ấn-độ chứ gì?

- Đúng thế, thưa ông Helly.

Ông ta ngược mắt nhìn lên ra vẻ mơ màng.

- Phải, sự đói khát cũng có sức mạnh như cơn bão cát trên sa mạc

Sahara ấy, nó xô đẩy con người tới khắp mọi nơi trên trái đất. Những bài thơ ca ngợi hòn ngọc phương Đông của chúng tôi đã lôi cuốn anh phải không? Đúng, ở đây kiếm ăn được. Nhưng cần phải kiên cường và có nghị lực... - Helly nhìn cách ăn mặc của tôi với vẻ không hài lòng, nhưng ông vẫn say sưa nói tiếp bằng những lời lẽ văn hoa: - Trước đây một trăm linh sáu năm ông tôi là Jonathan Helly đã đến Calcutta và sáng lập ra hãng này. Khi mới đến trong túi cụ chỉ có ba shilling với một tờ chứng nhận của cha cố về lòng tin sắt đá của cụ đối với tôn giáo. Điểm thứ hai là chủ yếu, và ông tôi...

Tôi chẳng lấy gì làm thích thú khi phải nghe câu chuyện về cụ cố sùng đạo của Helly nên vội rút trong túi ra cái ví với tấm bằng của trường Dijan.

- Thưa ông Helly, đây là một ít tiền và tờ chứng nhận...

Helly nhẹ nhàng gạt cái ví sang bên rồi cầm lấy tấm bằng. Đọc được mấy dòng, ông thoáng nở một nụ cười dịu dàng.

- Trường Dijan à?Ồ, tôi biết cái sư tử vàng nổi tiếng này lắm! Anh đã tốt nghiệp đệ nhất cấp phải không? Tuyệt! Trước đây hai người em họ tôi cũng học ở đấy. Kiến thức rất đầy đủ. Lịch sử... Luật học... Hay lắm... Chà, lại cả thực vật học, hóa học và... những cái đó cũng chẳng có gì quan trọng. Vậy thì anh muốn gì nào?

- Việc làm.

Tôi nói rằng tôi muốn tiếp tục đi học, nhưng cần phải kiếm được tiền đã. Tôi còn nói là tôi muốn sử dụng kiến thức của tôi vào những việc có ích. Lúc ấy tôi nhớ đến vũ đài rạp xiếc mà lòng càng thêm ngao ngán.

Helly hỏi lại tôi:

- Việc làm ư? Hừ, thế thôi à! Rất thú vị. Nhưng anh đặt cho tôi một

nhiệm vụ không thể thực hiện được. Không còn chỗ nào nữa. Kể ra thì cũng còn chỗ đấy, nhiều là khác, nhưng... nhưng những chỗ ấy không thích hợp với anh...

- Thưa ông Helly, tôi hoàn toàn không hiểu những đi đâu ông vừa nói.

- Tôi cũng thấy rõ là anh hoàn toàn không hiểu. Trong việc này có nhiều mối quan hệ qua lại rất rắc rối. Có những việc người dân thổ địa và bán thổ địa có thể làm được thì người châu Âu lại không làm được, nữa là anh, người đồng bào của tôi. Anh người ở đâu nhỉ?

- Ở Ashworth.

- Trời ơi, ở Ashworth à!.. Thế mới phiền. Những người ở đây phải coi chúng ta là những con người có tư cách xứng đáng lúc nào cũng mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao và đối xử với dân địa phương thì lạnh lùng, cứng rắn nhưng không suồng sã. Chắc anh đã hiểu rõ đi đâu này ngay từ khi còn học ở trường rồi chứ? Có như vậy anh mới thành công được.

Tôi thấy Helly nói luyên thuyên có ý lảng chuyện nên lạnh lùng và cứng rắn nói với ông ta:

- Thưa ông Helly, tôi mong ông nói vào đề cho...

Helly gật đầu.

- Văn phòng của chúng tôi có nhiều khả năng trong việc này lắm - ông ta cầm quyển sách dài ở trên bàn ngoài bìa đề "Quyển kê việc làm" rồi bắt đầu lật từng trang: người làm vườn, người gác cổng khách sạn... Anh thấy không? Gác cổng khách sạn... Tôi không thể để anh làm việc ấy được... Hừ, thiếu tá Savage cần tìm một đầu bếp... Tất nhiên tôi sẽ đưa đến cho ông ta một người Tàu, bọn ấy làm bếp thì tuyệt à, này... nhưng... - Helly từ từ đặt sách xuống bàn rồi nhẹ nhàng nói; - Hai mươi năm...

Tôi ngạc nhiên nhìn ông ta.

- Sao ạ?

Bộ mặt mồm mỉm của ông nở một nụ cười khoái trá.

- Hàng tuần anh phải trả hoa hồng cho văn phòng của chúng tôi hai mươi lăm phần trăm số lương của anh, thời hạn là một năm. Vì chúng tôi đã sắp xếp, bàn bạc, giới thiệu...

Tôi nhớ ra là cần phải mà cả nên vừa cười vừa nói cho giọng bớt cọc cằn:

- Mười phần trăm thôi, và trả trong ba tháng.

Helly không thuận, thế là chúng tôi bắt đầu cò kè. Tôi không nhân nhượng hẳn và nghĩ rằng nếu không ngã giá được thì rồi cũng đến phải bỏ đi thôi, ở đây nào phải chỉ có một văn phòng của hẳn. Nhưng Helly đưa ra đến hàng chục lý do, hẳn đãi tôi một cốc nước đá rồi lại chứng minh thiệt hơn với tôi bằng những bài tính số học.

Giọng hẳn nói ngọt sớt làm tôi đành phải nhượng bộ:

- Mười phần trăm, trả trong bốn tháng.

Helly cười.

- Anh Pingle ạ, anh bẩm sinh vốn đã là nhà thương mại rồi. Tôi cảm thấy rất dễ chịu được bàn bạc công việc với một người có phẩm chất như thế. Xin chúc mừng anh... Anh đã làm...

Tôi kêu lên:

- Tôi chưa làm đâu bếp bao giờ cả?

- Lạy chúa, anh coi tôi là người thế nào nhỉ! - Helly vung đôi bàn tay mồm mỉm.- Tôi không đưa anh tới chỗ ông thiếu tá Savage đâu. Nói riêng với anh, hẳn là một lão già bản tính, đến người Tàu cũng không ở với hẳn

ta được. Không, ngay bây giờ anh sẽ vào làm việc cho ông Pollock, chủ một nhà máy thuốc lá. Ông ta đang cần một người trẻ tuổi, biết làm việc, để có thể tin cậy sai phái đến những đần độn của ông. Rồi anh sẽ thấy thích thú công việc ấy.

Helly nhẹ nhàng bấm nút chuông. Tiếng chuông kêu leng keng đầu đầu ở phía ngoài, thế rồi bỗng đầu thấy mọc ngay lên ở cạnh cửa một người Ấn-độ trẻ tuổi mặc áo cánh trắng.

- Ali, đưa ông Pingle tới chỗ ông Bright, - Helly hơi nhú lông mày lại, ra lệnh cho người hầu, rồi nhã nhặn hướng về phía tôi: - Tôi sẽ gọi điện bảo ông chánh văn phòng làm hợp đồng ngay cho anh. Anh đi nhé! Hy vọng một ngày gần đây anh lại tới thăm tôi và cho tôi biết anh đã làm ăn với ông Pollock ra sao...

Ô, lúc bấy giờ tôi là kẻ thiếu kinh nghiệm và hoàn toàn không hiểu con người. Tôi chỉ nghi ngờ ông Helly mỗi một đi đầu về thái độ quá ân cần của ông đối với tôi, ông Bright làm hợp đồng cho tôi, ông là một con người khô khan và đứng đắn, vậy mà tôi vẫn phải trả tiền trước một tuần. Tôi mang theo giấy giới thiệu của văn phòng "Helly và con trai tới nhà máy thuốc lá của ông Pollock.

Những đường phố tôi đi qua đầu bẩn thỉu và ghê tởm. Chúng chỉ là những cái khe hẹp giữa những dãy nhà hai tầng. Tôi luôn luôn phải nhảy qua những vũng nước bùn. Vĩa hè cũng không có. Dưới những ban-công thấy treo lủng lẳng rất những loại giẻ rách. Những đứa trẻ trần truồng da màu đỏ đẫm mình đùa nghịch trong cát bụi, chúng dùng mảnh sành để ném nhau. Bọn trẻ thì bất cứ lúc nào và bất cứ ở đâu cũng đầu thế cả. Những người đàn bà thét lác bọn trẻ đầu lạc cả giọng, đầu người nào cũng bịt khăn màu sắc sỡ trên mớ tóc đen chải mượt, còn bọn đàn ông thì mình

trần trùng trục, họ ng ồi xồm cạnh những bức tường và chẳng để ý gì đến tôi.

Nhà máy là một vài dãy nhà ngói có hàng rào vây quanh. Tôi đi ngang qua những nhà kho để ngỏ cửa, ở đây bọn trẻ con nam nữ Ấn-độ đang lựa chọn những bó thuốc lá.

Người ta chỉ cho tôi một ngôi nhà ở sâu mãi trong sân. Phía trước gác sân của ngôi nhà có hai tên hầu đang đứng giữ cương một con ngựa giống đẹp, cân đối, lông màu hạt dẻ sáng. Khi tôi tiến về phía ấy thì bỗng thấy một người cao và gầy bước ra gác sân. Ông ta mặc bộ quần áo chèn sang trọng dùng để đi ngựa. Ông kẹp chiếc roi ngựa có tay cầm nạm bạc vào nách rồi gài khuy bấm trên chiếc găng tay bằng da mềm.

Đó chính là ông Pollock. Đọc xong bức thư, ông trắng trợn liếc nhìn tôi, rồi cái bộ mặt mày râu nhẵn nhụi của ông thoáng cười ranh mãnh.

- Anh sẽ làm nhân viên văn phòng thứ hai trong các đồn điền ở Vahraja. Mời anh vào văn phòng.

Bọn người hầu dắt con ngựa giống đến. Sau khi đã khéo léo nhảy lên yên, Pollock vụt ngựa bằng một động tác roi rất duyên dáng, con ngựa chạy nước kiệu trên sân tiến về phía cổng. Phải thừa nhận rằng tôi đã dõi nhìn theo người cưỡi ngựa đang khuất dần ở phía xa bằng con mắt thêm thuồng và ghen tức.

Trong văn phòng của nhà máy có đến một chục nhân viên đang miệt mài với những sổ sách kế toán. Qua ông chánh văn phòng, ông Kess, một ông già hói đầu nhỏ bé, tôi đã biết rõ mọi điều cần thiết.

Ông già Kess nheo cặp mắt đã kém lại nhìn tôi.

- Chiều nay Jim Harl cũng đi đây, hẳn làm việc ở Vahraja đã lâu rồi. Anh hãy đi cùng với hắn. Anh đi mà tìm hắn, ở quanh đâu đây thôi.

Tôi chưa kịp đi thì bỗng nghe thấy tiếng chuông rung lên inh ỏi, cả văn phòng vui vẻ, sinh động hẳn lên. Bàn ghế bị xô đẩy, tiếng ngăn kéo đóng sầm sầm, tiếng nhân viên chuyện trò râm rĩ ở phòng bên, những nữ nhân viên đánh máy đang đi ra, họ reo đùa cười nói văng lên.

Một người nhỏ bé, tóc hơi hung hung đỏ đỏ ngấn dưới giá sách lại, anh ta đội chiếc mũ rơm lên đầu và vừa lúc ấy ngoảnh nhìn về phía tôi.

- A-lô, - anh ta ra hiệu tay để chào. - Hình như anh là người mới phải không? Nào ta làm quen với nhau đi. Tôi là Harl...

- Anh Jim Harl phải không? - tôi hỏi và bắt tay anh ta. - Tôi đang đi tìm anh. Tôi được giao làm nhân viên văn phòng ở đây rồi...

Chỉ trao đổi vài lời với nhau là chúng tôi hiểu ngay mọi vấn đề.

- Nào bây giờ thì chúng ta phải chuồn khỏi đây cho nhanh để lão Kess khỏi trông thấy, - Jim giục tôi. Tôi còn chưa viết xong đoạn cuối của một văn bản, rất có thể lão già ấy sẽ giữ tôi lại. Mà tôi thì đang đói chết đi được như con hổ trước lúc mặt trời lặn. Coi bộ anh cũng đang thèm ăn. Tôi biết nơi ăn tốt. Có một hiệu ăn vừa lịch sự lại vừa rẻ. Ăn xong chúng ta sẽ trở về nghe lão Kess dặn dò, rồi ta đi ra ga.

Trên đường đi đến hiệu ăn và trong khi ăn Jim hỏi tôi đủ mọi chuyện.

- Làm sao anh tìm được đến chỗ Pollock? Qua lão Helly à? Hắn là thằng bịp bợm ghê tởm. Những tên tay chân của hắn trong khi đi chiêu khách luôn luôn tỏ ra vô tư và thậm chí còn báo trước cho anh biết là cần phải mà cả số tiền hoa hồng. Hắn cúp của anh bao nhiêu phần trăm?

- Mười phần trăm trong bốn tháng.

- Trả hắn sáu phần trăm cũng là đủ quá rồi. Tổng cộng là hai phần trăm trong một năm lợi tức như thế là vừa phải. Pingle ạ, anh còn thiếu kinh

nghiệm, - Jim nói với vẻ trang trọng. - Hãy nghe lời tôi. Anh cần phải nắm được những phong tục tập quán và tính tình của dân địa phương. Không thế thì chỉ có đổ...

Những lời Jim nói làm tôi nghĩ đến Helly và cái hệ thống câu khách tình quái của hắn.

II

Thế là tôi đã đến Vahraja, một nơi xa xôi hẻo lánh nằm sâu trong những khu rừng rậm của vùng Trung Punjab. Một vài làng xóm nghèo xơ xác nằm tụ tập bên bờ một con sông, còn xung quanh là những cánh đồng nhỏ của nông dân và những đồn điền mênh mông của ông Pollock. Từ gác sân căn nhà tôi với Jim ở nhìn ra, có thể thấy rõ những túp lều của làng Ranbir ở gần đây. Những mối quan hệ về ruộng đất ở đây cực kỳ phức tạp. Ruộng đất thuộc quyền sở hữu của tên địa chủ Danbi-Ganj, hắn sống trong ngôi nhà hai tầng nằm giữa một vườn cây ăn quả phong phú. Ngôi nhà của hắn trang trí thật kỳ dị, từ viên đá cho tới những thanh gỗ, chỗ nào cũng thấy có hình chạm trổ. Danbi-Ganj nuôi nhiều đày tớ và một tên quản trị tên là Seth-Nagr. Tên này thường cưỡi một con ngựa nhỏ đi đến các làng để thu tô. Pollock thuê các đồn điền rồi trao cho một người tâm phúc tên là Walson cai quản. Ông này chỉ huy cả một loạt những người làm nhiệm vụ giám sát công nhân đồn điền và các kho tàng.

Một chiều, Jim hỏi tôi trong khi anh ta nằm dài trên chiếc võng và hút hết điều thuốc này đến điều thuốc khác để đuổi muỗi từ bờ sông bay lên:

- Pingle này, tôi không hiểu anh đến cái đất khốn kiếp này làm quái gì nhỉ? Anh gặp tai họa gì trong cuộc sống chẳng?

Tôi đã kể cho anh ta nghe về thành phố quê hương, nhưng không kể tỉ mỉ về đời tư của tôi.

Jim nói lầm bầm:

- Ra thế đấy, tưởng gì chứ, làm nhân viên văn phòng của một nhà máy thuốc lá thì ngay bên chính quốc anh cũng có thể thu xếp được. Như tôi thì lại khác, tôi không thể thò mũi sang đấy được. Cảnh sát chỉ hơi nghi ngờ một chút là tôi đã phải cuốn gói...

- Dù sao tôi cũng vẫn hy vọng vào những điều tốt đẹp hơn - tôi nói và lắng tai nghe tiếng hát đơn điệu từ làng bên vắng đến.

Jim đáp:

- Pingle ạ, hiện nay anh còn có gì nữa đâu mà hy vọng. Vả lại ngu ần hy vọng rồi cũng sẽ cạn đi rất nhanh. Vòng tròn khép lại, và thường là người ta sẽ tìm cái đinh thật chắc trên tường để treo cổ mình lên bằng những dải đeo qu ần.

- Anh là một con người bi quan, - tôi nhả mặt lại.

- Anh cứ tự suy xét xem. Tôi đã để mẹ và em gái ở lại Crownton, tưởng rằng rồi sau sẽ giúp đỡ họ được. Thế mà đã bốn năm rồi, tôi không tài nào dành dụm được lấy một xu. Cuộc đời là quý giá, nhưng tôi không thông đ ồng với tên chủ th ầu. Tâm h ồn tôi nhất định sẽ trở nên nghèo nàn nếu tôi không giữ lại cho mình chút lòng ngay thẳng làm cho đầu óc tôi sáng khoái, mong anh hiểu cho.

Jim kể cho tôi nghe về ông Pollock bằng những lời lẽ rất độc ác:

- Khi mới gặp h ắn anh thấy thế nào, h ắn cưới con Tolly trông ra đáng đấy chứ? H ắn vẫn thường đi tiêu khiển như thế. Cuộc đời Pollock quá sung sướng, đến nỗi h ắn đi ền báo trước ghê gớm của sự già nua, h ắn kinh

tỏm khói thuốc, mặc dù chính hắn tr ờng thuốc để kiểm l ời. Sáng sáng hắn đầu cặp nhiệt độ. Thứ bảy nào bác sĩ cũng ăn trưa ở nhà hắn và kê đơn ăn kiêng cho hắn trước một tuần.

Sau đó Jim chỉ trích những thói quen của ông Walson, người cai quản các đồn điền.

- Nếu anh muốn trở thành một tên cướp mặc smoking thì cứ việc nhắm mắt mà thực hiện tất cả những mệnh lệnh của hắn. Và nếu như anh không sợ dịch tả và bệnh sốt vàng, cái thứ bệnh đã tàn hại cơ thể tôi, thì thế nào ở đây anh cũng sẽ câu được cá vàng, rồi tới lúc già đem về Ashworth rán lên mà ăn...

Jim đã kể cho tôi nghe nhiều đi ều kỳ lạ về cái mảnh đất này, nơi sinh sống của bốn trăm triệu người thuộc tám trăm dân tộc và nói bằng hàng trăm thứ tiếng khác nhau.

Jim khuyên tôi:

- Pingle ạ, học nói tiếng Urdu đi. Đó là một thứ “tiếng Pháp” chân chính của Ấn-độ pha lẫn nhiều từ ngữ Ba-tư và A-rập. Tên gọi của ngôn ngữ này bắt nguồn từ chữ “Urdu-e-muelle” Đó là tên một cái chợ cổ xưa nằm cạnh cung điện nhà vua ở Delhi. Trong những ngày hội chợ từng bừng những người buôn bán ở khắp các nẻo đường tụ tập về đây. Tôi cho rằng thứ ngôn ngữ này được sáng tạo ra ở đây. Bất cứ người dân Ấn-độ nào cũng biết tiếng Urdu chẳng khác nào những nhà ngoại giao của các nước đều biết tiếng Pháp vậy. Anh muốn học không, tôi sẽ giúp?

Tôi chỉ còn biết cảm ơn Jim và thật là sung sướng, chẳng bao lâu sau tôi đã nói được ít nhiều, đã có thể ra lệnh cho những người hầu:

- Chaa-bana-oh! (Pha chè nhé!) Pani pilanala-oh! (Đưa nước lại đây!)

Tất cả những nhân viên phục vụ trong các đồn điền đều biết từ ba đồn

năm thứ tiếng địa phương, không kể tiếng Urdu. Những giám thị người địa phương làm tay chân cho ông Walson trong việc đầu cơ những mặt hàng khác nhau mua được qua bọn cho vay nặng lãi ở nông thôn. Ở trường Dijan người ta không dạy tôi những đi đầu ấy cho nên cả chuyện sau đây tôi cũng cho là mới lạ ở nông thôn có những người “kamia” nông dân mắc nợ bọn cho vay nặng lãi và suốt đời phải cùng vợ con làm nô dịch cho chúng, nghĩa là làm nô lệ thực sự với đầy đủ ý nghĩa của từ này.

III

Người cai quản đồn điền, ông Walson, một con người mảnh dẻ có cặp chân ngắn, đang khỏ sở vì nóng bức, ông tìm đến một gốc xoài tương đối mát mẻ rồi ngồi xuống uống giải khát bằng thứ nước soda pha lẫn whiskey.

- Tôi rất vui mừng thấy anh quan tâm nhiều đến ngôn ngữ, - ông Walson nói vừa nhìn tôi qua cặp kính đeo trễ. - Sự hiểu biết các thứ tiếng nói mở rộng tầm hiểu biết của con người. Anh sẽ làm việc dễ dàng hơn. Tôi rất ghét những kẻ ăn thì tham mà làm thì nhác.

- Anh Harl đang dạy tôi tiếng Urdu, - tôi nói.

- Rất tốt. Cứ mỗi khi tôi kiểm tra thấy anh biết thêm được một thứ tiếng nói của dân địa phương thì tôi lại thêm cho anh mười phần trăm lương. Về khoản chi này tôi đã được lệnh của ông Pollock. Anh hãy luyện tập nói các thứ tiếng địa phương trong những đồn điền... À mà phải... anh là một bác học, đã tốt nghiệp trường Dijan này, lại biết cả thực vật học... - ông cười nhưng không có ác ý. - Anh Pingle này, nếu anh đến vùng trồng thuốc bốn một giúp cho thì tốt quá, việc này vừa có lợi cho anh, vừa có

lợi cho công việc. Ở vùng ấy trước đây nông dân gieo một loại đại mạch là bajra, hiện nay chúng ta trồng thuốc lá, anh hãy nghiên cứu xem thuốc lá của chúng ta đang gặp di họa gì ở đó. Thực ra tôi gọi anh đến chính là vì việc này đây. Tôi muốn đào luyện anh sau này trở thành người cai quản của một trong những đồn điền. Anh đi ngay sớm mai cho nhé. Tôi biết có chuyện gì xảy ra rồi, nhưng anh cứ tự mình nghiên cứu xem sao...

* * *

Những hàng thuốc lá chạy dài tít tắp trên cả một vùng. Đó là một trong những loại thuốc lá giống Ai-cập quý nhất. Những công nhân mình trần, da đen nhầy vì bị thiêu đốt dưới ánh nắng mặt trời đang chăm sóc thuốc lá, họ vun luống và rẫy cỏ dại.

Một giám thị sau khi đã kiểm tra xong việc rẫy cỏ quay lại đưa tay lên trán và lên ngực chào tôi và chỉ cho tôi xem một luống thuốc lá:

- Ông xem, thuốc lá đang bị bệnh.

Thực vậy, những cây thuốc của vùng bốn một trông rất thảm hại. Ở vùng bốn hai bên cạnh, thuốc lá đã nở hoa và tỏa hương thơm ngát trong bầu không khí nóng hừng hực. Còn ở đây thì những cây thuốc như bị ghìm lại. Vóc dáng của chúng chỉ bằng nửa vóc dáng thông thường mặc dù một bảng nhỏ cắm trên luống cho thấy rằng nó được trồng cùng một lúc với những cây thuốc ở các vùng ba mươi tám đến bốn mươi sáu. Chỉ thấy lác đác ở một vài cây có hoa nở yếu ớt.

- Ông xem này, - người giám thị ngắt một vài lá rồi đưa cho tôi.

Tôi xem xét những tàu lá ấy. Người giám thị chỉ cho tôi thấy những chỗ đáng lưu ý trên tàu lá. Rõ ràng những đường gân giữa của lá không phát triển được. Do đó toàn bộ tàu lá có hình dạng nhăn nhúm kỳ dị. Ở những lá khác lại thấy nổi rõ những vành khuyên cá biệt, kép đôi kép ba và có màu

đen thẫm, ngoài ra trên một lá còn có những đường sần sùi rất lạ lùng. Toàn bộ màu sắc dị thường ấy cho thấy rõ cây bị bệnh, chẳng khác nào sự phát ban trên da đưa trẻ chứng tỏ nó bị bệnh sởi hoặc bệnh tinh hồng nhiệt.

Đúng, những cây thuốc bị bệnh nghiêm trọng. Người giám thị bảo tôi lưu ý đến những thân cây. Khác với những thân cây bình thường, chúng đã bị tê cứng lại. Người giám thị dùng dao nhọn rạch dọc theo trên thân cây, tôi thấy trên mô lớn của cây có những vết thẫm, gần như bị đen lại vì mô đã chết.

Chúng tôi đi chậm dọc theo các luống, đâu đâu tôi cũng thấy cảnh tượng thảm hại như thế của cây bị bệnh và cây đã chết. Toàn bộ lá trên một vài cây đã úa vàng, nhăn nhúm lại và rũ xuống sát đất. Chúng đang chết, dường như có ngọn lửa bên trong nào đó đang thiêu đốt chúng. Một vài cây khác thì đã chết hẳn.

Người giám thị tiếc rẻ lắc đầu và nói với tôi:

- Thuốc lá không lớn được. Hồng mất thôi. Ông chủ sẽ thiệt hại nặng.

Tôi lựa một số cây bị bệnh và bị chết bỏ vào giành, ghi số những luống có cây bị bệnh vào sổ tay, tổng cộng có đến hơn ba nghìn rưỡi cây ốm không rõ nguyên nhân, rồi trở về báo cáo lại với ông Walson.

Trên đường về tôi suy nghĩ mãi về những đi đâu đã thấy.

Tôi nhớ lại một vài đi đâu thú vị trong những bài giảng về thực vật ở trường. Giả thử rằng tất cả những hạt giống của một cây kỳ nam thông thường mọc và phát triển tự do, không bị những đi đâu kiện bên ngoài hạn chế thì chỉ sau năm năm toàn bộ lục địa trên hành tinh của chúng ta sẽ bị những cây này phủ kín. Ai cũng có thể tin được đi đâu đó sau khi đã đặt một vài con tính trên mảnh giấy nhỏ. Việc tính toán rất đơn giản. Một cây kỳ nam sẽ cho khoảng mười nghìn hạt trong một năm. Năm năm sau, với

điều kiện là những hạt ấy lại cho một thế hệ hậu sinh y như vậy, ta sẽ được mười triệu tỷ cây kỳ nam. Bề mặt lục địa trên hành tinh của chúng ta là một trăm ba mươi sáu nghìn tỷ mét vuông, mà trên mỗi mét vuông có thể mọc được không quá bảy mươi hai cây loại này.

Tôi nhớ rằng dựa vào cây rau diếp người ta có thể xác định được bốn phương trời. Rau diếp là loại cây địa bàn. Nó có hình dáng tưởng như người ta cố tình tạo ra như vậy để kẹp vào giữa những tờ giấy rồi ép khô dùng làm mẫu. Bề mặt của các lá rau diếp bao giờ cũng nằm dọc theo đường kinh tuyến từ bắc xuống nam.

Nhưng trong các bài học về thực vật người ta không nói gì tới bệnh tật của cây cối cả. Vì thế việc tôi nóng lòng chờ đợi xem ông Walson sẽ nói gì sau khi nghe tôi báo cáo, cũng chẳng có gì là lạ.

- Thế ra ở trường anh chưa được học về điều này à? Và anh không hiểu như vậy là thế nào phải không? Anh Pingle ạ, này nhé. thuốc lá ở vùng bốn mươi một bị bệnh khảm. Công nhân không được phép dùng kéo đã cắt những lá thuốc bị bệnh để cắt lá những cây còn lành. Vậy mà chỉ cần người giám thị quay mặt đi ngáp một cái thôi là họ liền làm ngay theo ý họ.

- Nhưng kéo thì có liên quan gì tới chuyện này?.. - tôi hỏi.

Ông Walson ngắt lời tôi:

- Chất dịch của cây bị khảm làm lây bệnh. Kéo có tác dụng truyền virus ở cây thuốc bị khảm sang cây lành. Virus là gì, có lẽ vẫn chưa ai biết rõ. Đó là một tên gọi khoa học. Theo nghĩa Latin thì virus là nọc độc - nói chung nó là nguồn gốc của mọi thứ bệnh lây. Ông Ivanovsky ở nước Nga xa xôi đã khám phá ra virus của bệnh khảm thuốc lá. Đó là tất cả những gì tôi đã biết. Ở những phòng thí nghiệm của Ấn-độ, nơi đang nghiên cứu cái bệnh khốn kiếp đã đem lại bao nhiêu thiệt hại to lớn cho các đồn điền

thuốc lá ấy người ta đều biết rõ tên tuổi ông ta. Anh thử xét xem, vì cái bệnh khảm ấy mà năng suất lẫn chất lượng thuốc lá đều giảm xuống. Những lá thuốc bị bệnh trở thành phế phẩm, không dùng vào sản xuất được.

- A, ra thế! - kinh ngạc trước những lời giải thích của ông Walson, tôi bật thốt lên.

- Phải. Anh Pingle ạ, nếu anh không muốn ngồi ngán ngẩm trong văn phòng với những sổ sách kế toán thì hãy chú ý quan sát những công việc ở đồn điền. Anh bạn Harl của anh chỉ ưa ngồi bàn giấy thôi. Kệ anh ta. Việc làm của anh hôm nay ở đồn điền làm tôi rất hài lòng. Người ta đã kể lại cho tôi biết. Cho nên ngay bây giờ anh hãy chọn ba mươi người và cùng họ tới đây. Anh sẽ chỉ huy họ nhổ tất cả những cây thuốc bị lây bệnh rồi đốt đi. Phải tiêu diệt nguồn lây từ gốc. Anh cứ việc phê bình bọn giám thị thật nghiêm khắc. Tôi sẽ trừng phạt những kẻ có tội.

Ngoài ra, tôi sẽ viết thư cho ông Pollock để ông báo cho phòng thí nghiệm virus ở Calcutta biết.

IV

Buổi trưa, mọi sinh vật trên đồn điền đều lần tránh cái nắng gay gắt của mặt trời Ấn-độ. Cây cối không tỏa bóng vì tia nắng chiếu thẳng xuống mặt đất. Tôi nằm dưới mái một chiếc lán con dựng qua quít để trú chân ở phía cuối rừng cọ và chờ đợi mặt trời xế bóng.

Công nhân đã hoàn thành việc cày lại khu trồng thuốc hồng và đã trở về lán nghỉ ngơi. Tôi đã làm quen với nhiều người trong đám công nhân, và họ đã sẵn lòng kể cho tôi biết những tin tức mới của địa phương. Sắp tới

sẽ có hai vị sư được kính trọng từ Benares tới các làng lân cận.

Nông dân đang chuẩn bị xây một ngôi đền thờ thần Hannu-Mann, một ông thần có đầu khỉ, ở trên bờ sông. Có một người tới làng Ranbir để tuyển công nhân vào nhà máy, nhưng nông dân làng này không muốn bỏ công việc của đền đi đền vì ông Walson trả tiền công hậu.

Tôi rất thích những con người ấy. Và tôi không rõ vì sao Jim Harl lại có thái độ bi quan với cuộc sống ở đây. Tôi nhìn ra con đường chạy dài cạnh phía sau hàng rào.

Tôi thấy Seth-Nagr cưỡi con ngựa nhỏ đang đi về hướng Ranbir. Hắn mặc áo trào dài màu đen, quần rộng màu đỏ quắn ngang lưng một tấm khăn bằng tơ màu da cam có viền vàng thẫm. Đầu hắn quắn khăn, còn những ngón tay hắn thì đeo tuyền những nhẫn bạc dầy. Đôi chân ngắn cũn của hắn đi giày vàng, thẳng đuồn ra về hai phía. Seth-Nagr dùng gót giày nện vào hai bên bụng no căng của con ngựa nhỏ.

Và kia, một người đàn bà da rám nắng đang đi gánh nước, hai đứa trẻ khóc rống lên bám theo áo bà ta.

Lại kia nữa, một người đang cưỡi ngựa. Khỉ thật, đúng là Jim Harl rồi! Sao hắn không ở văn phòng mà lại tới đây, tới đền đi đền không đúng lúc thế này? Rõ ràng là hắn đang tìm tôi. Có chuyện gì xảy ra làm hắn bức mình chẳng?

Ông Walson cho rằng Harl là bạn tôi. Thực ra tôi đúng như vậy. Tôi đã gắn bó với cái con người linh lợi và nói sâu cay ấy. Ngoài ra tôi thấy thương anh ta. Jim đang bất hòa với ông Walson và vì thế tính tình vốn vẫn không vui vẻ của anh thời gian gần đây càng trở nên buồn bã.

Sau chuyến đi thứ nhất của tôi tới đền đi đền, khi tôi cùng anh ngẩng trên gác sân ngắm nhìn mặt trời lên đang tỏa ánh vàng xuống đỉnh những cây

cọ, Jim nói với tôi có ý mĩa mai:

- Anh đã trở thành người được Walson yêu quý, nhưng tôi cũng chẳng tị nạnh gì với anh đâu, Pingle ạ. Giá ở vào địa vị anh, tôi đã cố chuồn cho nhanh khỏi cái nơi khỉ ho cò gáy này rồi. Tôi chán nơi này lắm. Walson đối xử với tôi không tốt. Hắn là con người lỗ mãng, tôi không sao chịu nổi những lời lẽ của hắn. Thế nào rồi cũng có lúc, hắn mà làm tôi nổi khùng lên thì tôi sẽ cho hắn biết tay.

Biết tính tình của Jim như thế, tôi đâm lo cho anh bạn hay tự ái và dễ cáu bẳn của tôi. Than ôi, tôi hãy còn hiểu biết lòng dạ con người quá ít.

Và bây giờ tôi đang lo ngại ngẫm nhìn Jim đi tới.

- Có chuyện gì thế, Jim? Trông anh có vẻ bức dọc.

- Tôi sẽ rời khỏi đây, - Harl tuyên bố - Tôi đã chửi nhau với Walson kịch liệt. Đáp lại những lời nhận xét đứng đắn của tôi về quá trình công việc, hắn đã gọi tôi là đờn hải con vô học.

Tôi giận sôi lên, Walson lúc nào cũng đối xử lịch sự với tôi. Rõ ràng là cái bằng trung học của tôi đã có tác dụng với hắn. Nhưng nếu Jim Harl không có khả năng học tập nghiêm chỉnh đi nữa thì đâu phải là chuyện cái lão Walson béo mỗ và tự phụ ấy có quyền khinh miệt anh ta.

- Thế thì t ấ tệ quá. Harl ạ, tôi rất hiểu anh. Nhưng anh định đi đâu mới được chứ?

- Đi đâu mà chẳng được. Đối với tôi thế là đủ rồi. Tôi đang xin thôi việc. Tôi đã nói thẳng vào mặt Walson. Có đi đâu là phải để cho hắn thấy thấm thía trong chuyện này. Giá như không phải chỉ có mình tôi bỏ đi thì hay biết bao! Nếu anh là bạn tôi, anh hãy ủng hộ tôi.

Tôi thương Harl quá. Trông anh ta thật khổ sở. Và chính sự thô bạo của

người cai quản đ`ôn đi`ên đã làm tôi phần nộ

Tôi lặng lẽ bắt tay Jim.

* * *

Sáng hôm sau tôi tuyên bố với ông Walson là tôi xin thôi việc. Con người to béo ấy ngạc nhiên, nhún vai rồi cố ghìm mình nói:

- Tùy anh...

Buổi tối tôi báo cho Jim biết về việc này. Anh ta cảm ơn tôi rồi rút.

- Pingle ạ, anh là một người bạn trung thực, quả là tôi đã không l`âm. Anh cù` lắm. Ngày mai chúng ta sẽ cùng nhau lên đường đi tìm hạnh phúc.

Nhưng sáng hôm sau tôi không tìm thấy Harl ở nhà. Những công nhân nói anh ta đã đi Ranbir. Tôi xách va-li tới thẳng đấy, hy vọng sẽ gặp anh ta trên đường cái cạnh bến xe ô-tô chờ thư. Tôi đã đợi Jim ở đấy rất lâu và đã bắt đ`ầu thấy sốt ruột. Cuối cùng Harl cũng tới, nhưng không mang theo hành lý gì, anh ta mỉm cười, có vẻ thỏa mãn.

Anh ta nói với giọng hết sức nhã nhặn:

- Tôi vội đến đ`ể báo cho anh biết rằng xe sẽ tới muộn hai tiếng. Seth-Nagr nói với tôi như vậy. Anh biết không, tôi vừa hòa giải với cái lão Walson ấy. Hấn khẩn khoản đ`ề nghị tôi cai quản một đ`ôn đi`ên, và tôi đã nhận lời ở lại. Anh chịu khó ra đi một mình ấy...

Tôi mỉm cười nhìn thẳng vào mặt tên bịp bợm.

- Harl, anh đã khôn khéo loại trừ đ`ược đối thủ của anh trong công việc làm ăn. Bây giờ thì tôi đã nhìn thấy tâm can anh. Tâm h`ồn anh thật ti tiện, và nó đang bị nhiễm loại virus lừa bịp.

Hấn toan cãi lại, nhưng tôi lạnh lùng ngắt lời hấn:

- Tôi chán l`ắm r`ồi, thưa ngài. Tôi không muốn chuyện trò với ngài nữa.

Tôi quay đi. Harl trở về vùng đên điên Vahraja.

V

Tôi không đợi ô-tô và cũng không trở về thành phố. Tôi đi bộ về phía đông, tới Miến-điện để hiểu rõ hơn nữa cuộc sống chân thực ở đây. Rừng rậm và hồ báo không hề làm tôi sợ hãi. Ở Vahraja tôi đã thấy rõ con người còn tham lam và quý quái hơn hồ báo nhiều.

Những người phương Đông đối xử với tôi bằng tấm lòng mến khách đặc biệt, ngay sau khi họ biết rõ tôi không phải là người đi thu thuế. Tôi thấy tưởng lại một cánh rừng nhỏ cây đại mạch với một vài cây dừa cân đối đứng tự lự trên nền của khu rừng nhiệt đới. Ở đây có một ngôi nhà nông dân đẹp như tranh vẽ. Tôi vào xin nước uống. Ông chủ nhà thân ái nói:

- Rồi tôi sẽ đãi anh.

Ông chỉ lên ngọn một cây dừa nặng trĩu những quả to như ấm giỏ.

Tôi nghĩ: cao thế thì ông ta làm sao mà lấy được?

Nhưng ông ta vừa huýt nhẹ một tiếng sáo thì tôi đã thấy ngay một con khỉ lớn mũi dài nhảy từ mái nhà xuống đất. Ông chủ chỉ tay ra lệnh rồi nói một vài lời gì đó. Nhanh như chớp con khỉ trèo lên cái thân cây nhẵn nhụi và hời hững.

- Chúng ta sắp được ăn của ngọt, - ông chủ nói và mỉm cười.

Tôi ngẩng đầu nhìn xem con khỉ được sai phái lên đấy đang làm gì. Nhưng, lạ thay, nó chẳng nghĩ gì tới chuyện hái dừa. Nó ngẩn yên trên ngọn cây và đang vạch lông bắt bọ chết, không thèm để ý gì đến chúng tôi.

- Nó thường không nghe lời, - ông chủ nói như muốn xin lỗi rồi thét

con khỉ:

- Battu... Battu... nhanh lên!

Con khỉ vẫn mãi mê bắt bọ. Nó dùng răng nhọn nhằn bọ rầy nhổ vào chúng tôi. Ông chủ muốn gào thét gì nó cũng mặc. Tôi định xua con Battu, nên bỏ mũ ra rầy ném lên Battu chú ý nhìn và nhe răng ra như cười. Tôi ném lại lần thứ hai. Nó dõi nhìn theo cái mũ rầy bỗng nhiên chồm dậy, ngắt một quả dừa và lấy hết sức tung lên.

May mà tôi tránh kịp sang bên, nên mới thoát được cái quả đạn trái phá có thể làm bể đầu người ấy. Ông chủ thì núp vào dưới mái nhà.

Bỗng con Battu nhớ đến nhiệm vụ của mình, nó tụt xuống, mang theo một quả dừa khác rầy đặt ngay cạnh cửa.

Ông chủ dùng dùi chọc một lỗ qua vỏ, ông rót nước dừa vừa ngọt vừa mát vào bát rầy đưa mời tôi uống. Sau đó ông đóng cái chêm gỗ vào lỗ thủng rầy bừa đôi quả dừa ra.

Lớp cùi ở trong trông trắng nõn và ngon lành. Tôi đã thưởng thức cái món đặc sản nhiệt đới ấy một cách khoái trá. Battu cũng được phần, nó liền mang ngay lên mái nhà.

* * *

Tôi đã nhiều lần phải ngạc nhiên vì không hiểu sao số phận lại quá hào phóng đổ lên đầu một người đủ các loại tai họa khác nhau, đồng thời để những người khác sống bình thản và tẻ ngắt. Thực ra những lần nhào lộn trên vũ đài rạp xiếc và những chuyến đi trong rừng chỉ là những chuyện vặt so với những cái đang chờ đợi tôi ở tương lai.

Vì đi bộ nên đôi khi tôi phải tìm vào ở nhờ nhà nông dân trong các làng xóm. Tôi đã quen ngủ trên đất không và thỏa mãn với mẫu bánh ngô thay

cho bữa cơm chiều.

Có khi tôi còn phải nghỉ ngoài trời nữa.

Có một lần tôi bị lạc đường và không sao tìm ra cái làng người ta đã chỉ cho. Vì quá mệt mỏi tôi ngã khụy xuống mặt đường đá rỗ nằm đấy và sợ hãi nghĩ tới sự bất lực bi thảm của mình. Nước trong bầu chỉ còn lại vền vền hai hớp.

Một con kiến xanh to tướng vừa đảo cặp mắt màu lam đục vừa bò trên mặt đất khô cứng tiến về phía tôi định dẫm vào mặt. Tôi nín thở giữ nắm tay lên đập nát bét con kiến.

Việc này nhắc tôi nhớ rằng tôi là một con người.

Trời đã tối. Loài bò sát bò sột soạt dưới những cây dương xỉ. Tiếng báo gấm lên trong rừng sâu trên núi. Tôi bò về một phía và đụng ngay phải con suối, tôi đã uống cho thỏa con khát. Đêm đến tôi phải ngủ trên cây để tránh những tai họa bất ngờ. Giấc ngủ đã làm tôi tỉnh táo lại và mặc dù dạ dày trống rỗng như cái túi đi đường, tôi vẫn cố tập trung sức lực còn lại để đi ra đường cái.

Ở quãng rừng thưa rộng, nơi con đường dẫn tôi đến, có một làng nhỏ gồm những ngôi nhà làm bằng sậy. Tôi huyết sáo miệng theo điệu bài hành khúc của các cầu thủ bóng đá trường Dijon rồi sáng khoái, ít ra là tôi tự cảm thấy như vậy, tiến bước vào làng.

Tôi ngó vào ngôi nhà đầu tiên. Một ông già Ấn-độ gầy gò như một bộ xương ngả cạnh lò và đang sốt run lên. Hai chân xù xì bẩn thỉu của ông khẳng khiu như những cái que, một tấm khăn, nói cho đúng hơn là một tấm rẻ rách, che trên cặp đùi.

- Chào ông chủ, mong cho hạnh phúc sẽ đến với gia đình ông, - tôi nói bằng tiếng Urdu.

Ông già lẩm bẩm trả lời r ấ ho lên sù sụ.

“Có lẽ ông lão thảm hại ấy bị sùng phôi nên chẳng đẽ ý gì đến mình”,
tôi nghĩ thế r ấ bỏ sang ngôi nhà khác.



Trong ngôi nhà thứ hai tôi thấy một vài người đang nằm trên những

chiếc chiếu rách nát và người nào cũng ho. Trong ngôi nhà thứ ba tôi cũng lại thấy những người ho nằm ng ồi ng ồi ngang. Một người đàn bà đưa bát nước cho một trong số những người nằm và sợ hãi cất tiếng hỏi khi thấy tôi vừa ló đầu vào nhà:

- Anh ta cần gì thế không biết?

Tôi bước vào nhà và hỏi bà ta:

- Các bác ở đây bị cảm lạnh à? Tháng rét đã qua lâu rồi, mưa gió cũng không còn nữa mà sao các bác lại bị sưng phổi. Cần phải làm những gác nóng.

Ở trường trung học có lần tôi đã nghe nói đến việc chữa bệnh bằng gác. Bây giờ tôi thấy thương những con người bất hạnh này. Họ thở nặng nhọc vì bị đờm kéo lên đ ầy cổ. Giá như có bác sĩ Fleet của chúng tôi ở đây nhỉ! Ông ta biết cách chống đỡ với cái tai họa của loài người là sự khó thở.

Người đàn bà đang ng ồi xồm gập đ ầu.

- Ô, chúng tôi thấy ngay anh là người tốt! Còn như ông bác sĩ già thì đã thôi không chuyện trò với chúng tôi nữa rồi. Sáng nay ông ta từ đ ến đến đây, nhưng vừa thấy Sakhavet ch ồng tôi ho, tức thì ông ra khỏi nhà, nhảy lên ngựa và phi mất. Còn anh thì lại khác, anh thật tốt bụng. Cầu trời cho anh sống lâu muôn tuổi...

Sakhavet, ch ồng bà ta, nắm trên chiếu thở nặng nhọc, ông ta cố quay đ ầu về phía tôi và nói thêm bằng một giọng khàn khàn:

- Cầu trời cho anh thêm nhiều rupee trong ví. Đi đi anh thanh niên ơi! Đừng đứng nhìn chúng tôi chết làm gì.

Chẳng thể nào mà nghĩ tới chuyện ăn uống và nghỉ ngơi trong căn nhà ấy được. Bước vào căn nhà thứ tư tôi lại vẫn chạm trán với một cảnh

tượng y như thế: toàn bộ người trong nhà - đàn ông đàn bà và trẻ con - đều nằm la liệt và ho rũ ra. Tôi cho rằng đây là cái làng có bệnh lao, chẳng nên ở lại làm gì, tốt hơn là hãy đi tiếp, tìm đến một cái lô cốt nào đấy xin nghỉ nhờ. Cuộc hành trình làm tôi mệt lử, và tôi đã toan trở về phía bờ sông để rồi lại tìm kiếm việc làm ở một nơi nào đấy trên những đụn điên. Dù sao thì địa vị một nhân viên văn phòng vẫn đảm bảo cho tôi mẫu bánh mì và một nơi nướng nấu.

Và thế là tôi, một con người bơ vơ bất hạnh, ra khỏi làng. Mặt trời đã lên cao, và tôi có thể đến được chỗ lô cốt trước khi trời tối như người ta đã nói với tôi. Nhưng tôi đi khỏi làng chưa được một dặm thì thấy phía trước mặt, sau những bụi cây, xuất hiện hai người lính cưỡi vũ khí, ăn mặc theo kiểu quân đội thực dân của chúng ta, họ tiến thẳng về phía tôi:

- Quay trở lại!
- Có chuyện gì ạ? - tôi giơ hai tay lên và cầu khẩn. - Tôi xin tuân lệnh...
- Quay trở lại! Nếu không chúng tao bắn. - Một giọng nói nghiêm khắc tiếp theo.

Tiếng một viên đạn rít lên, bay vèo qua đầu, khiến tôi không kịp suy nghĩ gì hơn nữa. Tôi cảm cố bỏ chạy không kịp phân biệt đường lối. Một mũi tên có kèm theo mẫu giấy bay vọt về phía trước mặt tôi. Nó từ từ cắm xuống bãi cỏ phủ đầy bụi đã bị cháy xém vì mặt trời thiêu đốt. Tôi tháo mảnh giấy ra rồi đọc những dòng chữ viết bằng bút chì, những dòng chữ ấy đã làm cho máu trong người tôi như muốn đông cứng lại: “*Ở Nabukhatra có dịch hạch. Ai vượt khỏi vùng cấm cò vàng sẽ bị bắn chết. Boro, chỉ huy đội canh phòng*”.

Những lính tuần tiểu đứng ở đầu rừng cách tôi mấy trăm mét, không hiểu họ vừa xua tay vừa kêu thét những gì. Tôi tiến lên một bước, hai

người lính tiến bắn luôn. Với tâm trạng hoàn toàn thất vọng và chán ngán vì đi đâu bất ngờ xảy ra, tôi uể oải quay trở lại Nabukhatra. Đạn hay dịch hạch cũng vậy thôi, đường nào cũng chết. Nhưng ở lại có một mình thì thật là khủng khiếp. Không dám liêu mạng bước vào những ngôi nhà mà lúc nào cũng vang lên tiếng ho sù sụ, tôi bước xuống con đường đầy bụi rồi ngã xuống đến một tiếng đồng hồ, hai mắt nhắm nghiền lại. Tôi ghê sợ không muốn nhìn vào cái thế giới kinh tởm này nữa. Nghe thấy một vài phát súng nổ ở phía xa nhưng tôi không buồn nhúc nhích. Mặc cho một viên đạn nào đó cứ việc xuyên vào người tôi...

Sau đó tôi nghe thấy có tiếng bước chân người.

- Ngồi giữa đường thì quả là không lịch sự chút nào, - một giọng nói điên đấm vang lên bên tai tôi, và tôi mở mắt.

Một người đội mũ có vành màu trắng, đeo kính đen, mặc áo khoác rộng, đeo hai cái túi chéo qua vai, đang đứng chăm chú nhìn tôi.

- Chẳng lẽ tôi làm phiền ông sao? - tôi hỏi, cố làm ra vẻ xẵng giọng.

- Trong làng có dịch hạch. Tôi khuyên anh chớ ngồi đây mà hít bụi, - ông ta trả lời không để ý gì đến câu hỏi sẵng của tôi. - Đứng dậy đi, chúng ta cùng vào chỗ khuất ngồi. - ông hơi mỉm cười - Đừng ương bướng nữa, anh hãy nghe lời những người lớn tuổi...

Đó là những lời rất chí tình, khiến tôi phải ngoan ngoãn vâng lời.

Khi chúng tôi đã vào ngồi dưới bóng của một hàng rào thấp bằng đá, người lạ lấy khăn tay lau mặt và nói:

- Thật là rủi. Có lẽ anh đi về phía Gend rồi bị lạc đường và bọn lính tuần tiễu đe dọa anh phải không. Nào, hãy tỉnh lại mà trả lời đi. Cái bọn ngu ngốc ấy dọa bắn anh chứ gì?

- Vâng.

- Chà, làm thế nào được. Phải chờ đợi cái đi đâu không thể tránh được thôi. Khi nào những người trong vùng cấm cờ vàng chết hết thì bọn lính sẽ tưới dầu vào làng Nabukhatra rồi đốt cho cháy sạch.

Một phát súng nữa ở phía xa vọng lại.

- Bọn lính bắn những con chó chạy từ vùng dịch hạch ra đấy.

- Thế còn người?

- Những người ốm đang nằm liệt hay là ngất yên như chúng ta.

- Rồi sau thì sao? - tôi hỏi.

- Sau đó người ta sẽ cày đất lên, bỏ bã chuột ở hang của chúng và rắc calci chloride lên khắp vùng. Một năm sau người lại có thể đến ở cùng với...

Nỗi thất vọng tràn ngập tâm hồn tôi. Thế là hết, chúng tôi đã bị vây chặt. Ở đây chúng tôi đang bị những con quỷ dịch hạch, những vi trùng cắn xé. Chúng còn ghê gớm hơn hồ báo nhồi. Phía sau những lá cờ vàng kia là những viên đạn đang chờ đợi.

- Người ta không cho ai chạy thoát vùng này, mà dịch hạch thì không có cách nào chữa khỏi.

Tôi liếc nhìn người đang nói chuyện với mình, bộ mặt đã cạo nhẵn nhụi và có một vài nếp nhăn nhỏ của ông trông thật bình tĩnh, cặp mắt xám tinh nhanh chăm chú nhìn tôi.

- Hình như ông đang xét đoán diện mạo tôi thì phải - tôi cố gượng cười vì không muốn để con người sắp chết này thấy tôi sợ dịch hạch.

- Đúng thế, - ông ta trả lời. - Nếu tôi không nhầm thì anh đã từng đến Bell Harbor.

- Tôi mới đến có một lần, - tôi lần b lần trả lời.

- Anh tha lỗi cho nhé, vì tôi cứ hỏi lời thôi, - ông nói tiếp. - Có lần anh đã nhảy từ trên cầu xuống để cứu một người chết đuối phải không?

Câu chuyện phiêu lưu ở Bell Harbor như sống lại trong trí nhớ tôi, tôi nói:

- Ở địa vị tôi ai cũng sẽ hành động như thế. Tôi đã nhảy xuống biển khi thấy một người đang chết chìm. Nhưng nào tôi có biết người tôi đã cứu là ai.

Ông ta đứng dậy và bắt tay tôi.

- Cho phép tôi được cảm ơn anh. Nghĩa là người đã cứu tôi là anh. Xuống cấp cứu đã vớt tôi lên từ trong tay anh rồi nhanh chóng đưa tôi về thành phố.

- Tôi rất vui mừng được thấy ông khỏe mạnh, - tôi nói để đáp lại cái bắt tay. - Chỉ tiếc rằng chúng ta lại gặp nhau trong một hoàn cảnh như thế này...

- Chúng ta không nên để những ý nghĩ đen tối ám ảnh nữa. Tôi là nhà sinh vật học... đối với tôi, thiên nhiên không đến nỗi quá ghê gớm và bí mật như đối với những người khác. Họ của tôi là Milrois, tôi sẵn sàng giúp đỡ anh.

- Tôi là Samuel Pingle, - tôi lễ phép nghiêng mình như những học sinh Dijon có lễ độ.

- Anh Pingle, tốt lắm, - Milrois nói với vẻ trăn ngâm, sau đó vội nói thêm:

- Nào trước hết hãy ăn một chút đã, rồi sau sẽ nghĩ cách.

Milrois lấy bánh mì khô và đờhộp trong túi ra.

- Nếu cho thêm một vài giọt rượu rum vào nước uống thì rất tốt, - ông nói rồi rót rum đựng trong ve vào một cốc nhỏ. - Pingle ạ, uống hết cái này đã rồi hãy ăn.

Ông lắng nghe những tiếng ho từ trong những ngôi nhà nông dân vắng lại.

- Bệnh dịch hạch phổi tiêu... Do một loại vi trùng đặc biệt gây ra. Loại bọ chết sống trên cơ thể loài gặm nhấm như là chuột, sóc marmot, chuột nhảy jerboa. Ở đây người ta dùng bẫy để bắt chúng. Một người đi săn địa phương nào đó đã làm lông và lột da những con vật bẫy được, chúng bị lây bệnh và kết quả là như vậy đó.

Rum của Milrois quả là một trong những loại rượu nặng. Uống vào tôi thấy lòng nhẹ nhõm hơn đôi chút, và tôi thử nói đùa:

- Thưa ông Milrois, hình như bệnh dịch hạch có phần kiêng nể ông?

Nhà sinh vật học đắm chiêu nhìn những đầu ngón tay của mình.

- Ở những vùng này thấy có hai loại dịch hạch. Một loại gọi là “waba” loại này giết hại tất cả, không trừ một ai: người mắc bệnh loại này chết rất nhanh. Loại thứ hai là “mari”. Loại này cũng làm chết người được, nhưng chậm hơn... Sao anh không ăn đi, Pingle?

Tôi không sao nuốt trôi được mẩu bánh, những lời ông Milrois nói làm người tôi phát sốt phát rét lên. Phải cố gắng lắm tôi mới bình tĩnh lại được. Thế mà cái con người đứng trước mặt tôi nói về bệnh dịch hạch với thái độ quá bình thản.

- Anh Pingle ạ, bây giờ thì anh chú ý nghe nhé. Tôi nghiên cứu dịch hạch đã nhiều năm rồi và từ lâu tôi đã tiêm chủng cho tôi bằng một thứ thuốc kháng độc tố, thuốc này làm cho cơ thể tôi miễn dịch với cả hai loại

“waba” và “mari”. Mang ơn thì phải trả ơn. Tôi muốn giúp anh. Nhưng hiện giờ tôi chỉ mang theo có một loại kháng độc chống “waba”.

Nếu anh còn chưa bị bệnh này thì có thể hy vọng rằng sau khi tiêm chủng nó sẽ không dám đụng đến người anh nữa. Còn nếu hiện giờ quanh chúng ta là bệnh “mari” thì... - Milrois lo lắng nhìn tôi, - khoa học cũng đành bó tay, không giúp anh được.

- Có nghĩa là ngay cả bệnh “waba” cũng không chắc có thoát được? - tôi nói thì thẫn. - Nhưng, thưa ông Milrois, tôi rất muốn sống.

- Anh đưa tay đây, và quay mặt đi nhé. Tôi làm gì cũng đừng có nhìn, - Milrois nói.

Một phút sau tôi cảm thấy một mũi kim đâm vào cánh tay trái và nghe thấy nhà sinh vật hỏi:

- Thế nào, Pingle?

- Rất dễ chịu, - tôi nói lắp bắp, lòng cảm thấy bức tức kỳ lạ.

- Không sốt chứ?

- Không, không, - tôi nói khẽ. Hai hàm răng đánh vào nhau lập cập, còn quai hàm thì như bị co giật rất khó chịu.

Milrois cầm tay tôi bắt mạch.

- Pingle, hãy tỉnh lại nào. Thần kinh bị kích thích đôi chút, rồi sẽ hết ngay thôi. Nào, để tôi giúp anh chuyển chỗ ngồi cho thuận hơn...

Chúng tôi ngồi trên những tảng đá dưới gốc cây.

Milrois nói:

- Để tôi đi thăm dò xem, còn anh cứ yên tâm ngồi đây nhé.

Tôi thấy mừng khi ông ta bỏ đi. Cái con người lảm lời ấy làm tôi bức mình. Trống màu đỏ thắm đã lên. Ở phía những bụi xa tiếng chó rừng rít

lên. Ở cạnh cửa rừng phía bên kia vang lên tiếng huýt sáo và tiếng gọi nhau của lính tuần. Một vài phát súng nổ rền. Phải chăng người ta đã bắn chết Milrois ở cạnh những lá cờ vàng? Chắc ông ta định chạy thoát cái nơi địa ngục trần gian này.

Sau đấy, trên nền xanh nhợt nhạt của bầu trời trước lúc rạng đông tôi thấy xuất hiện bóng dáng một người Trung-quốc đang cúi xuống nhìn tôi. Bóng người Trung-quốc biến đi, và ông Walson đang nín thở mỉm cười với tôi.

Tôi mở mắt thì thấy Milrois đang đứng trước mắt tôi và hỏi:

- Pingle, anh không ho chứ? Tốt lắm. Nếu muốn ho thì nằm úp mặt xuống dưới nhé. Như vậy sẽ dễ chịu hơn.

Mặt trăng đỏ tía treo lơ lửng trên đỉnh khu rừng âm u. Tiếng ho của những người ốm và tiếng súng nổ thưa thớt xua động sự tịch mịch lạnh lùng của một đêm nhiệt đới.

Milrois lắng tai nghe ngóng.

- Họ đã giết hết lũ chó và một người đàn bà. Bây giờ thì bất kể trường hợp nào họ cũng bắn. Họ biết tôi. Tuy vậy, có lẽ họ vẫn sợ chúng ta mưu toan thoát khỏi nơi đây. Tất nhiên, về phía chúng ta, nếu chạy khỏi đây là không tốt. Tại sao chúng ta lại chia sẻ sự trừng phạt mà chỉ chúng ta đáng phải chịu cho những người khác.

Những lời nói ấy làm tôi nổi khùng lên.

- Tôi chẳng làm gì mà đáng phải trừng phạt. Ông chỉ nên nói những điều ấy cho riêng bản thân ông thôi. Ông Milrois, nếu ông muốn biết thì tôi nói để ông rõ rằng lẽ ra tôi chẳng việc gì phải bỏ nhà ra đi. Nhưng cần phải sống...

Mặt trời mọc. Cái khát ghê gớm giày vò tôi. Nước trong các bình đựng đã uống hết. Nước trong nhà dân đã bị nhiễm trùng, còn giếng có nước sạch lại ở ngoài phạm vi cấm cò vàng. Milrois nói:

- Nếu anh cứ hít một bụi vào thì rất hại. Cần phải thở chậm và chỉ thở bằng mũi thôi. Như vậy mới ngừa được...

Ông đeo lên mũi và mồm tôi một khẩu trang làm bằng vải băng. Tôi không phản đối và để ông buộc những đầu dây ở phía sau gáy.

Đất đá bị nung bỏng lên dưới ánh nắng. Chúng tôi ngời im lặng cạnh cái hàng rào đã nghiêng và thận trọng hít không khí nòng nặc qua hai lỗ mũi. May cho chúng tôi trời không có gió. Những con sâu có râu màu xám trông giống như con sâu nhậy vôi vã bò đi bò lại trên hàng rào. Những con thằn lằn tinh ranh đứng im như chết trên những tảng đá nóng bỏng và chớp chớp cặp mắt long lanh bé nhỏ của mình một cách vô tư lự. Chúng thật sung sướng dưới ánh nắng mặt trời. Bệnh dịch hạch không động đến sinh vật nhỏ bé ấy của trái đất.

Milrois nói:

- Cần phải chống lại sự suy sụp của cơ thể.

Tôi nhìn thấy, như qua một lớp sương mù, ông ta khéo léo dùng lòng bàn tay chộp lấy một con thằn lằn rồi đưa lên miệng ăn. Ăn xong, ông ta lại càng hay nói:

- Ở Nabukhatra có mười chín nóc nhà. Hình như tất cả mọi người trong mười một nhà đã chết hết.

Ngày dài như vô tận. Sự yên ắng khắc nghiệt như số phận đang chậm rãi và hống hách trùm xuống cái làng khốn khổ đã bị quên lãng này. Tiếng ho trong các ngôi nhà lặng dền. Milrois bỏ vào làng xem xét tình hình. Tôi

không tin vào những mũi tiêm chủng của ông nên cho rằng thế nào ông ta cũng bỏ xác ở đây. Nhưng ông ta đã trở lại.

- A-lô, Pingle, anh còn sống đấy chứ? Chà, anh biết không, ông già Mukham ở căn nhà cuối cùng vẫn chưa chết, tôi vừa ở chỗ ông ta ra.

Hình như cơn ác mộng này không bao giờ chấm dứt, - tôi nói thầu thào qua cặp môi hơi mấp máy. - Waba hay mari? Chấn hay lẻ? Cửa sinh hay cửa tử?

Trong trạng thái hoàn toàn mất trí, tôi nhắm nghiền mắt lại.

... Một người Ấn-độ trần truồng râu cằm bạc trắng đang ngẩng mãi mê thổi chiếc sáo kêu the thé bên ngưỡng cửa một ngôi nhà, dưới ánh nắng xiên của mặt trời đang xế bóng. Thình thoảng ông ta ho lên rồi khạc nhổ xuống cát. Hai con rắn thân dài, mình vẫn đầu nhẵn có vảy đang từ dưới một phiến đá tím trườn ra, chúng đuổi những con thằn lằn vô tội chạy nháo nhác, lao vút qua bên tôi về phía ông già. Chúng vươn thẳng người lên trước mặt ông ta uốn cong lại rồi bắt đầu đu đưa người một cách nhịp nhàng, hai bên mang phồng bạnh ra.

Nhưng có lẽ đấy chỉ là cảnh tôi tưởng tượng ra trong cơn mê hoảng khủng khiếp chẳng?

Lại một đêm đầy lo âu nữa đã qua. Những ngôi sao đã biến đi trên bầu trời xám của buổi bình minh. Mặt trời nóng bỏng và thờ ơ lại từ từ mọc trên cái làng lặng ngắt của những người đã chết. Tôi không bị ho. Khát đến cháy cổ. Milrois đánh thức tôi dậy, ông đứng lặng lẽ và đón người lên như đang chuẩn bị hành quân.

- Pingle, xin có lời chúc mừng anh. Anh vẫn còn lành lặn là nhờ đã tiêm chủng: dịch hạch ở Nabukhatra là thuộc loại “waba” và mọi người đã chết. Bây giờ thì chúng ta phải rời khỏi đây... - ông giơ tay lên. - Gió trên núi

thối xuống rất trong sạch... Tuyệt lắm. Chúng ta sẽ nhen lửa đốt bó sậy ở cạnh cái lán gỗ kia. Cần phải đi qua lửa. Những người Ấn-độ nói rằng cái chết không dám đụng đến những vật đã được tẩy uế qua lửa... Pingle, chúng ta hãy thử xem sao?

Có lẽ Milrois cũng nói mê, nhưng tôi không phản đối cái việc điên rồ đó. Ông loay hoay mãi bên bó sậy và những cây củi, cuối cùng thì một ngọn lửa bùng đục và khét lẹt đã bốc lên. Lớp khói dày đặc che mờ cả mặt trời. Milrois nắm tay tôi, và chúng tôi bước vào trong đụn khói. Ngọn lửa liếm vào mặt tôi làm cháy xém cả tóc và quần áo. Đầu óc tôi choáng váng... Tôi nín thở theo bản năng và nghĩ: “Sẽ ngã xuống rồi chết cháy thôi...”

Thực ra tôi cho rằng thà ngã xuống và chết cháy trong cái địa ngục này còn hơn là phải sống trong cái thế giới dịch hạch ghê tởm một lần nữa.

Nhưng cánh tay mạnh mẽ của Milrois đã nâng đỡ và nhanh chóng dắt tôi vượt qua ngọn lửa đang bốc cháy bùng bùng sang phía bên kia. Cái lạnh bất ngờ của làn không khí ẩm ướt trong lành đã ve vuốt tôi. Qua lớp không khí trong suốt như pha lê của buổi sớm mai lành tôi nhìn thấy những đỉnh núi trắng như tuyết ở phía sau đường viền mờ xanh của khu rừng, tôi kêu lên một cách yếu ớt rồi ngã gục xuống bất tỉnh.

Chương bốn

I

Hình như tôi đã nằm rất lâu trên chiếc chiếu cứng bằng sậy. Lưng tôi đau ghê gớm, khi cựa quậy tôi thấy đau đến nỗi không dám mở mắt ra. Mồm tôi đắng chát. Tôi thấy khuôn mặt giả hoạt thô bỉ của Clips nhấp nhô trong bóng đêm màu tím, chiếc đèn chiếu phía sau một cánh gà vô hình, chiếu sáng khuôn mặt ấy và nó đang mỉm cười.

- Nhảy đi, Pingle, và chú mày sẽ lại vô địch...

- Tao không thềm! - tôi thét lên.

Vào đúng lúc ấy hai bàn tay mạnh mẽ nâng đầu tôi lên:

- Uống đi một hớp, Pingle. Đây, tôi bảo, uống đi. Nước này ngon lắm...

Hai hàm răng tôi lập cập đánh vào đầu chiếc thìa sắt, tôi nuốt một thìa nước nóng có mùi hạnh nhân và nghệ. Khuôn mặt của Clips biến mất...

- Mở mắt ra nào, Pingle! - cái giọng nói hách dịch ấy lại ra lệnh.

Qua cánh cửa mở toang thấy hiện ra những ngọn núi màu ngọc lục bảo ở phía xa.

Chiếc giường tôi đang nằm được đưa ra cạnh tường, Milrois và một thiếu nữ cao mặc áo choàng trắng đang đứng bên cạnh.

- Pingle, anh thấy người thế nào? - Milrois hỏi, chạm tay vào tay tôi ở phía ngoài chần.

- Đỡ rồi, - tôi khẽ trả lời mà vẫn không hiểu mình mê hay tỉnh. - Tôi làm sao thế? Dịch hạch ư?

- Không, chẳng qua là do cơ thể anh phản ứng với những mũi tiêm chủng chống “waba” và “mari” thôi. Pingle ạ, anh thoát rồi. Hai ngày nữa anh sẽ khỏe và có thể du ngoạn đến bất cứ một làng Nabukhatra nào nếu anh muốn.- Milrois mỉm cười và hướng về phía người thiếu nữ; - Có lẽ để Pingle ở lại chỗ chúng ta chứ? Cô nghĩ sao, cô Liz?

- Thưa giáo sư, chỗ chúng ta cũng không đến nỗi tồi, - Liz trả lời dịu dàng.

Milrois nói:

- Pingle, anh sẽ sống ở đây. Ông Hồ sẽ chăm sóc anh chừng nào anh còn chưa khỏe...

- Xin cảm ơn giáo sư, - tôi chỉ nói được có thế.

Tôi đã tỉnh dậy như thế ở trạm nghiên cứu khoa học của giáo sư Milrois, nơi ông đưa tôi từ Nabukhatra đến.

Ông Hồ, người Trung-quốc, hiền lành và hết sức lễ phép, đã dọn cho tôi một bữa sáng rất ngon lành và rất đổi ngạc nhiên khi thấy tôi nói với ông một vài câu bằng thứ tiếng mẹ đẻ của ông. Từ đấy trở đi tôi đã chiếm được lòng tin của ông.

Hai ngày liền ông không rời tôi và chăm sóc tôi như chăm sóc một đứa trẻ. Qua ông tôi đã biết được một vài điều chi tiết về trạm.

Trạm nằm trên bờ sông về phía bắc Rangoon, ngay trên con đường dẫn tới cảng nằm trên bờ vịnh Bengal về phía tây biên giới Thái-lan. Ở đây người ta gọi Milrois là “giáo sư rắn”, bởi vì ông suốt ngày bận rộn trong phòng thí nghiệm với các loài rắn độc, và người ta còn cho ông là một người rất giàu.

Đến ngày thứ ba, tôi thấy mình hoàn toàn khỏe mạnh và đã có thể tìm

hiều sâu hơn chút nữa về trạm nghiên cứu khoa học.

Trạm gồm một ngôi nhà làm bằng đá, trong đó có phòng thí nghiệm và các phòng của giáo sư, ngoài ra là một số nhà lá, cô Liz, phụ tá của giáo sư, anh lái xe người bản xứ và một vài người hầu Trung-quốc sống ở đây. Sau những bức tường cao là một vườn cây nhiệt đới phong phú, ở đây giáo sư nuôi đủ các loài rắn độc.

- Anh Pingle ạ, tôi đang nghiên cứu các nọc rắn, - Milrois nói với tôi khi ông đưa tôi vào trong vườn. Tôi nghĩ rằng có thể sử dụng nó để chữa một số bệnh lây truyền, nhưng cái chính là những nọc rắn chúng ta đang khai thác ở đây dùng vào việc chế tạo những thuốc chống rắn cắn, chống những loại rắn độc mà anh đang thấy ở trước mắt...

Chúng tôi đi theo những con đường nhỏ mà hai bên đặt những dây lờng nuôi rắn có những chân song sắt nhỏ.

- Bởi vì hàng năm ở Ấn-độ hơn một nghìn người chết vì rắn cắn, còn như ở Brazil thì số người bị rắn cắn có tới gần hai mươi bốn nghìn người. Thực ra, cách đề phòng tốt nhất là phát động phong trào diệt rắn, nhưng khi con người đã bị rắn cắn rồi thì phải cứu họ bằng cách tiêm chủng...

Vườn của “giáo sư rắn” làm cho tôi ngạc nhiên. Một phần vườn trồng các loại cây cối, có đường lối đi lại, có các bồn hoa và các hồ chứa nước. Nước ở những hồ chứa ấy tràn ra chảy ào ào thành những dòng thác. Ở đây cô Liz đã chỉ cho tôi xem nhiều loại hoa và cây cỏ mà tôi mới chỉ được nghe nói đến trong những giờ thực vật học. Trước đây tôi đã được thấy chuối và dứa, nhưng chỉ đến bây giờ mới biết rằng lá dứa cho những sợi tơ rất tốt để dệt vải, và chính chiếc áo cánh của ông bếp Hồ là may bằng loại “vải dứa”.

Tôi rất thích giống “cây của những người du lịch” Ở công viên có một

con đường hai bên tròng toàn loại cây này, đỉnh của loại cây cao ấy trông như một cái quạt lớn gồm những lá dài xếp thành hai hàng giống như lá cọ. Nhưng đây không phải cọ, nó là cây thuộc họ chuối. Không khí trong công viên thơm ngát như trong một cửa hiệu bán hương phẩm. Các loại cây nhiệt đới như gừng, đậu khấu, vani mọc rậm rịt. Những cây lan to lớn kỳ dị với những bông hoa có hình dáng lạ lùng tỏa hương thơm ngào ngạt như cả ngàn lọ nước hoa hảo hạng đã mở nút khiến ai cũng phải say mê ngây ngất. Hóa ra cây vani cũng thuộc họ lan. Trước đây tôi chưa biết đi đâu này. Tôi lấy làm thú vị khi thấy những quả ca-cao mọc trực tiếp từ thân cây ra chứ không phải là ở cành. Đó là một loại cây nhỏ có lá màu xanh thẫm. Những quả chín có màu đỏ hay màu da cam, to hơn quả dưa chuột một chút. Trong ruột nó có nhiều hạt. Chính nó là cây ca-cao, mà người ta dùng để chế ra dầu ca-cao, bột ca-cao và chocolate. Trước thời Columbus, nhân dân vùng trung Mỹ đã dùng hạt này để chế biến đồ uống và gọi nó là “chocolatl”. Từ đây mới có tên gọi “chocolate”.

Một phần của công viên là mảnh rừng nhiệt đới vẫn giữ nguyên ở dạng hoang dã nguyên thủy. Ở đây có rất nhiều cây họ dừa và không có một cây lá nhọn nào. Những cây họ dừa là nguồn phúc lợi của dân địa phương. Những loại như chà là, dừa vừa dùng làm món ăn, vừa dùng làm vật liệu xây dựng và làm sợi dệt vải. Trong bài trường ca Ấn-độ “Brahamaj” có nói tới hơn ba trăm năm mươi cách sử dụng những loại cây này. Tôi đã được thấy những cây họ dừa có rễ trên không, những cây nhục đậu khấu, mộc lan, nhiều loại nguyệt quế, dừa sợi và yuccas, Những cành dây leo dài ngoác từ cây nọ sang cây kia đã tạo ra những khoảng rậm rạp không thể đi qua được. Ở đây lúc vào cũng vang lên tiếng kêu của bầy khỉ đang nhảy qua nhảy lại trên các cành cây và tiếng hót líu lô của đủ mọi giống chim.

Cây thất cổ Bengal thuộc họ fikuso đã gây cho tôi một ấn tượng đặc biệt sâu sắc. Loài chim tha hạt của chúng đi r ễ để lại trên các cành cây. Và thế là thoát đầu nó mọc trên một cây khác, không động chạm gì tới đất, giống như thỉnh thoảng vẫn thấy những cây bạch dương mọc trên những đồng hoang tàn đổ nát. Sau đó từ thân của nó xuất hiện những rễ dài trên không. Chúng uốn cong lại r ễ khuỷu từ trên xuống dưới như những con rắn to. Khi chạm tới đất, chúng bám chặt vào đấy và trở thành những trụ vững chắc chống đỡ cho cả một vòm cây khổng lồ. Cây mà lúc đầu cho hạt của nó sống nhờ bị mục nát đi, và chỉ còn lại một sản phẩm thực vật to lớn tới mức người ta có thể dựng dưới vòm của nó đến mấy cái nhà tranh cũng được.

Thoạt đầu chẳng có dấu hiệu gì chứng tỏ ở đây đang ẩn náu nhiều mà nguy hiểm chết người. Thật là thú vị biết bao khi được chiêm ngưỡng cái đẹp trang nghiêm của cây cối và sự lộng lẫy của hoa cỏ trong cái lặng lẽ tuyệt diệu này.

Nhưng trong đám cây cỏ ấy đầy rẫy những ổ rắn, đủ mọi loại rắn trên đời. Có loại bò trên cây, có loại bị nhốt trong lòng. Những loại còn lại thì bị quây sau những hàng rào và người ta có thể tha hồ quan sát chúng.

Milrois đề nghị tôi làm người canh gác trong công viên. Tôi nhận lời. Chính ông đã một vài lần chỉ báo cho tôi cách trông coi những con vật thuộc loại bò sát này.

Milrois, cô Liz và tôi đi ủng cao-su cao cổ và mỗi người cầm một cái gậy đặc biệt có chạc ở đầu. Giáo sư luồn vào những chỗ cỏ cây mọc rậm rạp như một người đi săn hăng hái. Cần phải sục sạo dưới những tảng đá, tìm cho ra ổ của rắn r ễ như chúng ra ngoài. Người ta dùng gậy có chạc chịt đầu rắn xuống đất và khi nó đã cuộn khúc lại thì tóm chặt lấy cổ nó

rồi ném vào túi vải bạt. Giáo sư làm tất cả những việc ấy rất khéo léo. Cô Liz làm không kém gì ông. Tôi cũng không muốn tỏ ra mình là một thằng hèn. Giáo sư lấy làm thích thú khi thấy ngay từ buổi đầu tiên bắt những loại rắn sinh sôi nảy nở tự do ngoài công viên tôi không tỏ ra sợ hãi.

Tôi đã bắt được hai con rắn màu đỏ nhạt nhưng rồi vẫn cố lôi bằng được con thứ ba từ dưới một phiến đá ra.

- Pingle, anh đã đụng vào ổ rắn deliophis đấy, - cô Liz tiến gần lại phía tôi nói.

- Thưa cô, tôi vẫn chưa hiểu hết ý cô, - tôi trả lời lễ phép và nhìn thẳng vào cặp mắt đen long lánh của cô.

- Loại rắn deliophis chính cồng đấy, - cô Liz mỉm cười dịu dàng. - Thế anh không sợ ư?

- Sợ à? Theo tôi, sự sợ hãi là một tàn dư cản trở con người đấu tranh chống thiên nhiên - tôi khiêm tốn trả lời cô Liz, nhắc lại những lời lẽ mà “Người sai khiến linh cầu” đã nói trước đây.

II

Cô Liz đã giúp đỡ tôi làm quen với nhiệm vụ đặc biệt của tôi. Sáng nào ông Lý một người Trung-quốc nhỏ bé và tháo vát, quét dọn những đường đi trong công viên, sau đó chúng tôi tìm bắt những loại rắn mà giáo sư đã chỉ định rồi đem những cửa quý đang kêu rít rít trong các giỏ kín ấy vào phòng thí nghiệm. Ở đây, theo tôi hiểu, giáo sư Milrois và cô Liz lấy nọc rắn và chế biến chúng bằng một cách nào đấy. Hàng tuần có một chiếc xe vận tải từ Rangoon đến và chở đi những hòm đựng những ống thuốc bằng thủy tinh đã được bọc lại cẩn thận. Trên các hòm đều có ghi địa chỉ của

nơi nhận, đó là những công ty sản xuất chất pha chế thuốc của Mỹ.

Có lần tôi mang vào phòng thí nghiệm cả một giỏ đầy những rắn lachesis. Giáo sư thân mật gật đầu chào tôi.

- Anh Pingle ạ, chúng tôi vừa nói với nhau về anh xong. Tôi nói với cô Liz rằng anh là một người sáng dạ và dũng cảm.

Người thiếu nữ đang dùng cặp đũa xem xét mồm một con rắn con mà cô đang tóm chặt ở bên tay trái.

- Anh Pingle, anh có thấy rằng anh cần phải tìm hiểu sâu hơn chút nữa về những cư dân đang trú ngụ trong công viên không? - cô hỏi.

- Tôi mong muốn hết sức! - tôi sôi nổi trả lời.

- Anh Pingle, cô ấy sẽ giảng cho anh một số bài, - giáo sư nói - Có lẽ trong những giờ sinh vật ở trường trung học của vương quốc người ta chỉ nói đến bọ cánh cứng và bướm bướm thôi nhỉ? - ông nhếch miệng cười.

- Tôi đã tốt nghiệp đệ nhất cấp ở Dijon, - tôi nói với vẻ hãnh diện.

- Càng hay - giáo sư tán thưởng, - cho dù ở đây đi nữa thì tôi vẫn nghĩ rằng anh ít được nghe nói tới các loại rắn.

Sáng hôm sau cô Liz đến công viên và hỏi:

- Anh Pingle, các lồng đã sẵn sàng chưa?

- Ồ, sẵn rồi chứ, thưa cô! Xin chào cô.

- Hôm nay chúng ta học bài đầu tiên, - người thiếu nữ nói giọng nghiêm khắc.

- Chúng ta hãy đi về phía nam công viên.

Chúng tôi đi trên những con đường rộng trải cát và chan hòa ánh nắng mặt trời. Những chiếc lá cứng cong của loại cây xương rồng nằm phơi mình trên những tảng đá nóng phủ đầy địa y màu hồng và màu xanh da

trời. Cô Liz dừng lại cạnh một tảng đá.

- Chúng ta phải loại ra khỏi công viên tất cả những con rắn mussuran đã lớn. Chúng sinh sôi nảy nở nhiều quá, tới mức chẳng bao lâu nữa chúng sẽ ăn hết sạch những con rắn lachesis của chúng ta. Tôi sẽ bảo anh cách bắt những con rắn này. Chúng không độc nhưng có thể cắn người. Những chất do các tuyến nhỏ của chúng bài tiết ra có thể có thể làm dung môi để cô đặc các loại nọc độc khác.

Liz đi đôi găng chống rắn vào với vẻ thành thạo và nhanh chóng vằn tảng đá sang bên. Những con rắn ẩn náu ở phía dưới kêu rín rít.

Một tiếng rưởi ðùng hồ sấn bắt rắn trong công viên, chúng tôi tóm những con mussuran bụng trắng hếu, thân màu nâu nhạt và bỏ chúng vào những chiếc lồng làm bằng sậy. Sau đó chúng tôi trao lại cho ông Lý đem đi giết.

- Anh Pingle ạ, hãy nhớ lấy tên các loại rắn, - cô Liz nói. - Hãy quan sát những thói quen của chúng. Rất đáng tiếc là ở trường học người ta không dạy khoa học về các loài rắn...

Phải, giáo sư đã nhận xét rất đúng là trong các giờ học người ta chỉ nói với chúng tôi về các loại bướm và bọ cánh cứng. Tôi vẫn còn nhớ một vài đi ðầu về các loại bọ ký chuyên tìm diệt sâu đo, và về những con bọ thuộc họ ni ðềng niềng kim sống bằng những ấu trùng muỗi. Tôi biết rằng bọ thuộc họ cánh cứng chuyên tiêu diệt các ấu trùng ru ỉ, còn bọ thuộc họ elaterido có đặc điểm là nếu lật ngửa chúng lên thì chúng khôn khéo lật sấp trở lại để r ỉ lại đứng vững trên sáu chân của chúng. Tôi cũng được nghe nói đến những loại bọ anobido làm hại gỗ và loại bọ khi gặp nguy hiểm thì cuộn tròn lại như một viên đất nào đấy.

Nhưng về rắn thì... Càng nghe cô Liz giảng giải tôi càng khâm phục

những công trình nghiên cứu về các loài rắn. Liz là một cô giáo kiên trì, nhẫn nại; và lại một lần nữa tôi cảm thấy mình như cậu học sinh ở Ashworth hồi nào.

- Kìa, một con rắn nhỏ màu vàng đang nằm cuộn tròn trên cát. Cô Liz nhẹ nhàng dùng cái que bằng thủy tinh chọt lấy nó, con vật há miệng ra, ở giữa hai hàm răng nhỏ là cái lưỡi bổ đôi đang thè ra run rẩy như cái mạng nhện đang đưa trước gió. Cặp mắt giả hoạt của nó chứa đựng một sự độc ác bí ẩn. Liz nói:

- Anh Pingle ạ, chúng ta hãy nhắc lại những kiến thức chủ yếu. Tên gọi khoa học chung của rắn là gì?

- Ophidia.

- Đúng rồi. Chúng là...

- Một bộ thuộc lớp reptilia hoặc còn gọi là lớp bò sát.

- Đúng đấy. Thuộc ngành dây sống. Một đặc điểm của rắn là không có chân. Người ta chia chúng ra thành một vài họ: họ trăn, họ rắn nước, họ rắn viper. Con rắn trước mặt chúng ta là rắn gì đây? Thế nào, anh Pingle...

Vừa xấu hổ vừa ấp úng như cậu bé học sinh lớp một, tôi trả lời:

- Đây là con rắn non thuộc họ rắn nước. Hàm dưới của chúng cố định và đưa về phía trước. Về mặt hình thức và vị trí răng thì loại rắn này thuộc nhóm có rãnh sau...

- Tốt lắm, - cô Liz cổ vũ. Cô tóm lấy con rắn con rồi dùng que mở miệng nó ra. - Hãy xem đây này, anh Pingle. Người ta cũng còn có thể gọi những con rắn thuộc nhóm này là rắn độc. Anh có thấy cái ống tuyến bài tiết ở môi trên không? Chất do tuyến ấy bài tiết ra rất độc, nhưng răng của con rắn này cũng như của cả nhóm phân bố rất xa và trên thực tế chúng

không thể cắn được thậm chí và chỉ khi nào ta đút ngón tay út vào miệng chúng thì chúng mới cắn được.

Tôi cho phép mình trả lời cô một cách thẳng thắn:

- Mà cũng chẳng ai đại gì làm như vậy...

Sau gần một tháng rưỡi học tập cô Liz thân ái nói với tôi.

- Anh đã tiến bộ rất nhiều. Tôi sẽ rất sung sướng được báo tin này cho giáo sư biết.

Ở công viên của “giáo sư rắn”, tôi đã hiểu được rằng việc trực tiếp quan sát động vật quan trọng biết bao nhiêu. Rắn... Theo lời cô Liz, có đến một nghìn rưỡi loại. Chúng là một nhánh của bộ thằn lằn, trải qua thời gian hàng triệu năm chúng đã quen bò bằng bụng và nuốt những con mồi rất lớn. Vì vậy những chi không cần thiết của chúng đã teo đi. Còn khả năng nuốt những con mồi lớn của chúng thì đã được xác lập cố định. Không những hàm dưới của rắn mà cả những xương khác ở phần dưới của sọ đầu rất linh động. Do đó chúng có thể há miệng rộng tới mức làm ta tưởng như miệng quá lớn so với đầu.

Có đi đầu rất thú vị là những mí mắt của rắn không di động. Chúng trong suốt, nối liền với nhau và che cặp mắt của rắn đi giống như mặt kính trên chiếc đồng hồ. Có lẽ đi đầu đó đã làm cho cái nhìn của rắn có sắc thái đặc biệt ghê tởm chẳng?

Tôi đã quen với các loài rắn tới mức nếu như có nằm mơ thấy một đàn rắn thì tôi cũng chẳng ngần ngại gì mà không lao vào chiến đấu với chúng. Tôi đã hiểu biết tường tận những thói quen quỷ quyệt của loại rắn lừa thường rình bắt người trên những bãi cát ở sa mạc. Tôi cũng biết rõ cả những thói quen của loại rắn bay, chúng thường leo lên các cành cây rồi từ đấy lao thẳng vào con mồi như một mũi tên bắn. Tôi đã học quan sát

những loại rắn lục, rắn hổ mang màu sắc sỡ và nhím Úc màu đen, nghĩa là tôi đã học quan sát những kẻ thù nguy hiểm nhất của con người. Không một Ancistrodon halys nào có thể trốn thoát tôi vào trong cỏ, còn rắn hổ mang thì tôi có thể phân biệt được chúng từ ở xa bốn mươi fut.

Có một lần ông bếp Hồ phàn nàn rằng lũ chuột ngô vào làm tổ trong kho và phá hại thực phẩm của ông. Giáo sư ra lệnh bắt mười con rắn yigshu ở công viên về. Ông Lý rủ chúng ra khỏi giỏ ở trước cửa bếp, con nào cũng gầy còm như một chiếc dây lưng và dài một mét rưỡi. Chúng nghiêng ngó xung quanh rồi từ từ bò vào trong kho để thực phẩm dự trữ của chúng tôi. Chúng khéo léo leo lên theo những bậc thang và chỉ một lát sau đã nằm yên trên gác lửng như từ xưa tới nay chúng vẫn từng sống ở đấy.

Ban đêm tôi đi tuần một lượt quanh công viên, nhưng ông bếp người Trung-quốc gọi tôi vào trong bếp. Ở đấy tôi nghe thấy những tiếng rít khàn khàn. Đó là tiếng rít của những con rắn yigshu, loại rắn bắt chuột giỏi có một không hai, đang ăn no nê.

Buổi sáng, khi cùng tôi leo lên gác lửng, giáo sư nói:

- Không một con mèo nào có thể bì được với rắn yigshu. Anh Pingle, hãy quan sát cho kỹ...

Những con yigshu đang nằm dài người trên gác lửng. Nhưng đó không còn là những con rắn con gầy còm da bọc xương như trước đây nữa mà là những con rắn to mập, bụng ních đầy chuột, đang nằm ngủ với vẻ thỏa mãn. Sau khi yigshu đã ăn no nê thì không còn sức mạnh nào trên đời này có thể đánh thức chúng dậy được. Chừng nào yigshu còn chưa tiêu hóa hết thức ăn thì chúng còn ngủ. Phải đợi cho đến khi chúng tỉnh dậy, và lúc ấy có thể đem chúng đến một nơi khác có nhiều chuột. Nơi nào yigshu đã

từng ở thì ít nhất phải nửa năm sau chuột mới dám bén mảng đến.

Bác Lý bắt những con rắn đang ngủ cho vào giỏ, còn ông bếp H ồ thì kể với giáo sư về chuyện trước đây ông đã giúp việc một nhà truyền đạo người Pháp ở Cambodia và lũ chuột ngô đã tổ chức tấn công vào căn nhà ở của cha cố như thế nào. Lũ chuột đã ăn sạch mọi thứ dự trữ trong nhà, toàn bộ tủ sách, gi ầy dép và găm nát bốn chân giường, còn nhà truyền đạo thì nằm treo mình trên v ăng một tuần, chịu nhịn đói nhịn khát và cố quan sát xem lũ chuột ngô quỷ quái ấy đang đục khoét gì trong nhà mình.

Giáo sư nói:

- Thế đấy, nếu trong tay không có những con yigshu hoặc ít ra là một con mèo tốt.

Những nhận xét của cô Liz về sự tiến bộ của tôi đã khiến giáo sư nói với tôi:

- Cần phải tìm một người khác canh gác thay anh, còn đối với anh thì tôi sẽ chỉ bảo để làm quen dần với công việc ở phòng thí nghiệm.

Tôi mặc vào người chiếc áo choàng trắng của phòng thí nghiệm mà trong lòng thấy phấp phỏng lo âu.

- Anh Pingle ạ, anh nhất định sẽ trở thành một nhân viên thí nghiệm thạo việc - giáo sư nói, - chỉ cần anh tuân theo một nguyên tắc hết sức quý giá sau đây: “sạch sẽ và thận trọng trước hết”. Tự tôi sẽ dạy anh. Có thể là anh sẽ thấy chẳng thua kém gì so với chương trình đệ nhị cấp ở trường Dijan...

Milrois cũng như mọi người ở trạm đối xử với tôi rất tốt. Giáo sư đã ít nhiều dạy cho tôi làm quen với kỹ thuật thí nghiệm. Tôi đã hiểu rõ rằng tất cả những nọc độc của rắn, căn cứ vào tác dụng của nó lên cơ thể người, chia ra làm hai loại: một loại làm tê liệt hệ thống thần kinh, loại thứ hai

gây hoại thư đối với các mô.

Trong phòng thí nghiệm chúng tôi kiểm tra độ mạnh của nọc độc trên cơ thể chuột lang, ngoài công việc này ra, giáo sư nghiên cứu riêng trong phòng làm việc của mình, và tôi được giao trách nhiệm chuẩn bị cho ông những ống nghiệm và những bình cầi sạch.

Tôi đã biết cách chuẩn bị những dung dịch không phức tạp lắm và mong đợi đến ngày người ta tìm được người gác vườn mới thay tôi, giáo sư sẽ chuyển hẳn tôi lên làm ở phòng thí nghiệm.

III

Mọi việc đều tốt đẹp. Trong khi trên đầu tôi đang mở ra bầu trời rộng lớn không gợn mây thì bỗng nhiên một tai họa giáng xuống tôi.

Những con rắn hiếm nhất - những con jirr dài hai fut cứ biến mất dần khỏi công viên. Milrois đã mua những con rắn ấy của dân địa phương, mỗi con phải trả mấy paise, rồi đem thả vào công viên. Như mọi người đều biết, loài rắn này sống trong những bụi cây trên sườn phía đông của dãy Himalaya. Giáo sư không thể nào tự mình đi xa như thế được, còn những người dân địa phương thì không hiểu đã dùng mảnh khốe gì mà tuấn nào cũng đến được đây để bắt rắn này rồi lại quay trở về, đến nỗi nếu cứ suy nghĩ kỹ thì thấy việc ấy thật là kỳ quặc. Vì vậy giáo sư Milrois rất quý những con jirr. Nọc đã cô đặc của rắn này cũng như của rắn lachesis có thể giữ được hơn hai mươi năm mà không mất đặc tính làm chết người của nó - có thể giết chết người trong vòng từ năm đến bảy giờ. Những thuốc giải độc mà giáo sư chế tạo ra từ những nọc độc của loại rắn này có thể cứu con người thoát khỏi cái chết trông thấy. Do đó “giáo sư rắn” hết sức chăm lo

tới loại rắn độc này. Thế mà rắn jirr bắt đầu bí mật biến mất cứ như chúng đã chui tụt xuống đất vậy. Tôi đã đi xem xét tất cả những hang ổ và kẽ nứt trong công viên mà tôi biết. Có lẽ những con jirr đã đào đang ở ngấn dưới đất chăng? Nhưng đi đâu ấy, như cô Liz khẳng định, không phải là thói quen của chúng. Tôi đã xem lại kỹ lưỡng toàn bộ hàng rào. Tôi đã trải cát mới trên những con đường, nghĩ rằng sáng ra sẽ thấy được vết bò của những chú tù binh của chúng tôi. Không thấy gì vết. Tôi đã báo cáo tất cả những việc này cho giáo sư biết.

Tôi hết sẽ ngạc nhiên khi thấy giáo sư giận điên lên. Ông mắng mỏ tôi như thể chính tôi đã bắt trộm rắn của ông để ăn lên ăn bữa cơm chiều hoặc đem muối dự trữ như những bà nội trợ ở Ashworth vẫn thường muối cá lamprey vậy.

Buồn rầu và chán nản tôi đến hỏi ý kiến cô Liz. Cô khuyên tôi nên theo dõi những người Trung-quốc, nhưng đối với tôi họ chẳng có gì đáng nghi ngờ cả.

Kẻ trộm! Đối với tôi việc này đã là hiển nhiên khi mười hai con jirr lớn nhất biến khỏi công viên trong một đêm ẩm áp không có trăng sao. Buổi sáng, lúc mặt trời vừa chiếu những tia sáng đầu tiên thì tôi nhận thấy những dấu chân người đi đất in trên lớp cát mới trải trên một trong những con đường ở phía cuối công viên.

“Chà, - tôi nghĩ - Được, ta sẽ không báo cáo việc này với ông giáo sư đang bực tức và người phụ việc của ông vội, ta sẽ rình bắt và tóm lấy cổ áo thằng ăn cắp mà lôi đi. Hãy để cho “giáo sư rắn” biết rõ ai là kẻ đã sống bằng rắn độc của ông”.

Ra khỏi công viên, tôi đã đi đi đâu tra tỉ mỉ, xem xét từng li từng tí chỗ tường mà theo tôi, tên kẻ cắp nào đó đã leo qua. Cách chỗ đó không xa là

con đường đi Rangoon chạy qua. Từ con đường lớn ấy có một con đường mòn duy nhất chạy lượn về một phía và dẫn thẳng tới chân tường của công viên. Việc này quả là đã trở nên hết sức thú vị.

Buổi tối, khi cả trạm đang chìm đắm vào giấc ngủ thì tôi đã chuẩn bị một cái gậy tre lớn, đi đôi ủng cao-su mỏng mà thường tôi vẫn phải đi để lội vào các bể nước bắt những con rắn đang bơi, kiểm tra lại đèn pin, bỏ vào túi quả đấm sắt mượn của ông H ồ và sau khi đã đóng cả cửa lớn lẫn cửa vườn, tôi quyết định phải làm sáng tỏ đi đâu bí ẩn.

Tôi căng mắt ra và rình mò suốt đêm. Tôi đi đi lại lại men theo những chân tường quanh công viên nhẹ nhàng và thận trọng tới mức ngay cả những con rắn boomslang ở châu Phi, loại rắn tinh khôn nhất trên đời, cũng phải ghen tức. Nhưng chẳng xảy ra chuyện gì hết. Đến sáng tôi đếm lại những con jirr. Tất cả vẫn nguyên vẹn. Thế là đã bốn đêm liên tôi canh gác trong công viên, tôi đã tưởng tượng thấy cảnh tôi đập gậy vào lưng tên ăn cắp như thế nào, nhưng hắn vẫn chưa xuất hiện.

Đến đêm thứ năm tôi nghe thấy những tiếng ào xào nhè nhẹ, hoàn toàn không giống tiếng bò sột sột của rắn amctrodon halys hoặc tiếng phun của rắn hổ mang. Rắn đầu đã ngủ cả, giờ này chúng chẳng l ần mò vào trong bụi làm gì.

Chân đi ủng cao-su, lẹ làng như một con mèo con, tôi l ẻn về đằng chân tường phía đông thật đúng lúc. Bóng một người mang túi sau vai leo lên tường, nhưng tôi đã tóm lấy bàn chân không đi gi ầy của tên kẻ cắp và giật ngược trở lại phía công viên.



- Nằm im, đồ quý, không được nhúc nhích! - tôi nói thì ào. - Trước

khi nện cho mày một trận tao muốn xem mặt mũi mày ra sao đã.

- Vì chúa, xin anh tha tội cho tôi, - một giọng rên rỉ cất lên trong bóng tối. - Tôi xin thề với anh rằng đã bốn ngày nay tôi chưa ăn uống gì...

Qua ánh sáng đèn pin tôi trông thấy rõ bộ mặt trắng bệch đầy vẻ luống cuống.

Thoạt đầu chính tôi cũng lúng túng, nhưng khi đã nhìn kỹ bộ mặt tên ăn cắp thì tôi lại càng cảm thấy mình giận điên lên.

- Đừng có bịa chuyện, - tôi nói rít lên qua hai hàm răng nghiến chặt. - Có đến một tuần nay mày ăn cái gì thì cũng không can gì đến tao. Mày lên vào đây bằng cách nào và để làm gì?

Tên ăn cắp im lặng, hắt thở dài nặng nề hình như hắn đang lấy làm hối hận.

- Mày làm cách gì để bắt được rắn jirr? Mày là ai?

- Là ai mà chẳng được, - tên ăn cắp trả lời. - hãy thả tôi ra. Tôi sẽ nhớ ơn anh.

Tôi cười khẩy.

- Không đời nào! Đồ quỷ tha ma bắt, lại một lần nữa tao gặp mày trên đường đời! Tao đã nhận rõ cái bộ mặt gớm ghiếc của mày.

- Chẳng lẽ nào?

- Phải. Ở Bell Harbor mày đã thua cuộc tao rồi bỏ chạy nhục nhã để ăn quít một dollar nhưng tao đã tìm được mày ở cái nơi cùng trời cuối đất này, và bây giờ thì chúng ta phải thanh toán với nhau cho xong.

Đúng, đó chính là cái anh chàng đã nỡm tôi bằng những câu chuyện bịa đặt về nhà quán quân Black Snake. Bây giờ thì hắn lại đang cầu khẩn van xin tôi:

- Xin anh đừng đè đầu gối lên ngực tôi nữa. Tôi khó mà chịu đựng nổi thân hình nặng một trăm pound* của anh...

- Mà đã bắt trộm rắn jirr bằng cách nào? - tôi vừa đề hấn tra hỏi. - Đưa đôi găng tao xem.

- Tôi bắt rắn bằng tay không, thề có trời có đất...

- Mà nói thế mà nghe được à, - tôi trả lời, vì còn lạ gì những thói quen của loại rắn độc này.

- Tôi thề sẽ kể lại hết mọi chuyện. Chỉ xin anh đừng đè tôi. - hấn nói lấp bắp.

- Đưa vũ khí đây, - tôi ra lệnh.

- Đây, vũ khí của tôi đây.

Qua ánh sáng đèn pin tôi nhìn thấy mười ngón tay trần của tên ăn trộm. Bây giờ tôi mới khoan dung cho phép:

- Cho anh đứng dậy và kể đi. Nhưng chớ có động đây gì, nếu không tôi bắn đấy.

Kể ăn cắp lần bần xin lỗi.

Câu chuyện thật là thú vị, vì thế tôi không muốn báo động ngay cho mọi người biết. Tôi tò mò muốn tìm hiểu một con người gan dạ dám tính tới chuyện ăn trộm rắn độc và lại còn liêu lĩnh, đi chân đất trong công viên của chúng tôi vào lúc đêm khuya.

Vừa thở phì phò hấn vừa ngã xuống một tảng đá. Túi đựng rắn jirr nằm yên lành dưới chân chúng tôi. Dù sao tôi cũng vẫn không rời gậy khỏi tay.

- Tôi không biết kể, - hấn rầu rĩ nói thì thào và thận trọng, hình như sợ người ta nghe trộm lời hấn. - Tên tôi là Vandock. Hiện đang không có việc làm, và tôi ăn cắp vì đói.

- Thế trước đây? - Tôi hỏi.

- Trước đây à? Suốt đời tôi sống phiêu dạt lang thang khắp thiên hạ. Với tôi, những ngày vui là khi tôi lặn mò trên những con đường rừng từ Panama đến Zanzibar và miền Trung Phi. Tôi đã từng săn sư tử ở Ugogo và săn vượn gorilla ở đảo Celebes. Số phận đã ném tôi từ New York đến Macau và ngược lại. Sau khi rời Bell Harbor tôi cắm neo ở Rangoon. Xin anh cho phép tôi không phải nói tới những nguyên nhân đã khiến tôi đi lang thang đây đó. Nhưng, như một ngạn ngữ của những người Ấn-độ đã nói, “với người thông thái một lời nói bóng cũng là đủ”. Nhân thế, tôi muốn hỏi xem trong túi anh còn sót mẫu bánh mì nào không. Tôi đã quên mất mùi vị của nó trong bốn ngày nay rồi... Không ư? Thôi được. Thế đấy, nếu trên thế giới này có một con người khỏe mạnh mà không việc làm thì nó rất có thể phải nghiền cứu những thói quen của rắn, miễn là việc ấy cho nó cái khả năng kiếm được miếng ăn nóng hổi hàng ngày. Sự thế là như vậy đấy. Năm ngoái tôi mang vali thuê cho những nhà địa chất trong đoàn thám hiểm của vương quốc ở Himalaya và ở đây tôi nhận thấy rằng đêm đêm những con jirr khốn kiếp này rúc vào các bụi cây ngủ lạng lẽ như tất cả mọi con vật hiền lành khác. Thì ra trong bóng đêm chúng cũng ngoan ngoan như lũ cừu, và hoàn toàn không cắn người. Những nhà địa chất đi qua Bombay trở về vương quốc, họ để tôi ở lại đi lang thang trên các phố phường. Đối với một người thất nghiệp thì phố phường của bất cứ thành phố nào cũng thế thôi. Tôi đã phải trải qua biết bao nhiêu thử thách. Tôi đã học nghề cắt tóc và thực tập cắt trên đầu ông chủ mãi cho tới lúc vô tình xén đứt một một phần tư tai ông ta mới thôi. Cũng thật dễ hiểu là sau đó tôi đã phải nằm dài suốt ngày bên những hố rác ngoài thành phố và khạc nhổ vì bị gấy răng. Tôi đã làm thuê cho một người buôn dầu và

học nói tiếng Ba-tư. Số phận đã giấu cọt tôi quá độc ác. Nhưng tôi kể với anh tất cả những đi đầu ấy để làm gì nhỉ? Người no hiểu sao được kẻ dối. Tên buôn dầu làm sao thưởng thức được mùi xạ hương? Dù sao tôi cũng xin cảm ơn anh vì đã không đập bể đầu tôi ở bên chân tường. Còn bây giờ thì anh hãy gọi mọi người dậy và nhốt tôi vào một chỗ cho tối sáng. Chỉ có đi đầu là trước tiên hãy cho tôi ăn đã, rồi mai sẽ giải tôi lên tòa. Làm thế nào được, rủi quá! Thằng ngu đi săn, và rồi thì chính hắn lại bị bắn chết. Tôi mệt mỏi vì cuộc đời chó má này lắm rồi. Cứ treo cổ lên là tốt nhất.

Lòng tôi bỗng dưng thấy cảm thông với hắn, tôi nói với nhà thông thái ấy:

- Tôi chỉ tin vào đi đầu tôi thấy, chứ không tin vào đi đầu tôi nghe. Hay diễn lại những trò quỷ thuật của anh cho tôi xem.

Vandock đã không nói dối. Quả thực hắn biết rất rõ những thói quen của rắn jirr. Ban ngày chúng dữ tợn, nhưng cứ tối đến là trở nên hiền lành và ngủ im thin thít.

Trước mắt tôi, Vandock xục hai bàn tay trần trụi vào các bụi cây bắt rắn độc jirr đơn giản như hái nấm, rồi hắn lặng lẽ nhét chúng vào túi như nhét những con chó con mới đẻ. Đúng, bất kỳ ai cũng phải kiểm lấy cho mình mẫu bánh mì như số phận đã định.

Cái túi vải bạt của Vandock ních toàn rắn như áo gối nhét đầy rơm rạ vậy.

- Thôi anh bạn thân mến ơi, bây giờ thì xin anh thả rắn ra cho, tôi lạnh lùng nói với Vandock. - Tôi tha cho anh một dollar và còn thêm cho nửa rupee nữa. - Tôi móc túi lấy ra một đồng ti tiền - Hãy cuốn xéo khỏi đây với đi đầu kiện là không bao giờ được bén mảng đến công viên nữa.

- Ô không, - Vandock cười. - “Giáo sư rắn” cũng sẽ chẳng phá sản vì

mấy paise mà ông trả cho tôi để mua rắn. Ngoài ra tôi không đụng đến một xu nhỏ trong số tiền lương ít ỏi của anh. Chừng nào vận may còn chưa đến với tôi thì tôi sẽ còn trèo vào đây...

Hắn nói những lời ấy với vẻ thật thà và nhũn nhặn khiến tôi đâm thương hại hắn.

Nếu tôi không đụng đến túi rắn của hắn thì ngày mai hắn sẽ bán rắn cho giáo sư thông qua lũ trẻ con hắn muốn rồi hắn sẽ ra hiệu ăn và ăn bữa đầu tiên sau bốn ngày nhịn đói. Nếu tôi kêu ầm lên, hắn sẽ không thoát khỏi cảnh tù tội.

Tôi là kẻ quyết định số phận của Vandock. Tôi cần một đáp số cho bài toán. Thả hắn ư? Nhưng ngộ thành quỷ ấy vẫn cứ tiếp tục những chuyện thăm hỏi kiểu này thì ông chủ sẽ phạt tôi vì để mất mát tài sản mà ông trao cho canh giữ.

- Anh sẽ không tiếc, anh bạn tốt bụng ạ, nếu sẽ có lúc anh còn trò chuyện với tôi, - vốn với cái giọng buồn phiền như trước Vandock cắt ngang những suy nghĩ của tôi. - Nói thật với anh, những con rắn ấy là nguồn sinh sống của tôi. Xin anh cho phép tôi không phải xa rời chúng. Thực ra, đối với giáo sư tổn thất này chẳng đáng là bao... Thu xếp được công ăn việc làm xong là tôi sẽ chấm dứt ngay cái việc trộm cắp đồ ăn vặt ấy.

Trong giây phút đó tôi đã hồi tưởng lại rất nhiều điếu. Tôi nhớ lại rõ ràng nỗi khổ sở vì đói khát của chính bản thân mình, nó càng giống y hệt cánh khổ sở của tên Vandock ngày nay. Và vì mũi lòng thương hại tôi đã đồng ý với lời đề nghị của tên bịp bợm giáo hoạt ấy.

- Cho phép anh để lại trong túi mười con jirr, - tôi tắt đèn pin đi, nói với Vandock. - Đem về mà bán. Và mai có tiền mua xúp thì chúc anh ăn cho

ngon miệng. Nhưng phải hứa: một tuần chỉ được bắt rắn một lần.

- Cảm ơn anh, - Vandock mừng rỡ nói và mở túi ra.

Hắn thả rắn ra rất nhanh. Những con jirr bị ném về phía những ô cỏ ở đằng xa tôi nghe rõ tiếng rắn rơi xuống đất lộp bộp.

- Tôi rất sung sướng được nối lại mối quen biết cũ với anh từ xưa, - Vandock đã ăn nói với vẻ thoải mái hơn, hắn hất cái túi đã lép ra sau lưng.

- Tôi chỉ giữ lại tám con thôi. Hiện nay đối với tôi như thế là đủ. Xin anh cho tôi tới công viên vào ngày thứ tư tới vì, ngày thứ năm đã bắt đầu tuần trăng rằm.

- Xéo đi, - tôi nói rít lên, - có thể tới cả vào những ngày có trăng. Cứ vào đêm thứ tư, tôi sẽ ngủ từ một giờ đến hai giờ. Nhưng nói chung hãy cố gắng vĩnh viễn rời khỏi địa phận của chúng tôi càng nhanh càng tốt.

- Anh tốt bụng quá chừng! - Vandock nói dài giọng rằm biến mất.

Tôi nghe rõ tiếng chân đi gấp, tiếng nhảy qua tường nhẹ nhàng, rằm tất cả đều im bật.

Đêm nhiệt đới lạnh lẽo bao quanh tôi. Nhưng trong lòng thì buồn bực. Tôi thương Vandock và không hài lòng với mình.

IV

- Cô Liz, cô không nghĩ rằng rắn jirr bị những con vật nào đó ăn mất chứ? - Milrois hỏi người giúp việc của ông khi tôi báo cáo với ông về việc thiếu hụt rắn jirr. - Dù sao chúng ta cũng còn biết quá ít về những tính nết của loài bò sát. Anh nghĩ sao, Pingle?

- Cần phải cho ông Lý hỗ trợ tôi, - tôi trả lời - Có hai người sẽ dễ theo dõi hơn xem rắn jirr mất đi đâu.

- Anh Pingle ạ, anh vẫn chưa đánh giá hết được khả năng của anh. Tôi tin rằng anh sẽ tóm được những con chạy trốn. Nhưng thôi, chẳng nên quá lo lắng về những chuyện vặt vãi. Sắp tới cháu tôi là tiến sĩ Rolls sẽ đến đây, và anh ta sẽ thu xếp mọi việc. Còn anh, anh Pingle ạ, xin anh làm ơn chuẩn bị dung dịch theo công thức này cho...

Mẫu giấy để trên bàn phòng thí nghiệm. Tôi ngạc nhiên không hiểu sao giáo sư lại phải ghi công thức: thông thường tôi vẫn chuẩn bị các dung dịch theo lời chỉ dẫn của ông.

- Làm cho gấp lên, - Milrois nói với vẻ nghiêm khắc. Ông quay về phía cô Liz đang làm việc ở ngay đây để tiếp tục câu chuyện bị ngắt quãng do tôi đến: - Liz ạ, nhất định là cháu tôi sẽ làm cho cô phải hết sức khâm phục. Một con người có tài năng phi thường. Anh ta đã sống vài năm ở đảo Java, đã viết một quyển sách về thực vật ăn côn trùng. Hiện nay anh ta đang đi một chuyến dài ngày sang châu Úc đã nghiên cứu thảo mộc ở bờ biển phía nam của nó. Rolls muốn hỏi tôi một vài ý kiến. Có lẽ vì tôi là một nhà tổ chức không đến nổi t ỏi...

- Đúng thế đấy ạ! - vô tình tôi thốt lên...

Milrois chậm rãi quay đầu về phía tôi:

- A, Pingle, anh vẫn còn ở đây ư? Vậy mà tôi cứ tưởng dung dịch đã chuẩn bị xong rồi. Thế này nhé, cô Liz, chúng ta sẽ lợi dụng chuyến đi thăm ngắn ngủi của Rolls để kiểm tra lại cái thí nghiệm mà tôi đã nói với cô. Và nhân thế ta sẽ tìm hiểu cho ra lẽ chuyện rắn jirr. Nhất định anh ta biết rõ. Bởi vì...

Đúng lúc ấy dung dịch đã chuẩn bị xong.

- Thừa giáo sư xong rồi ạ, - tôi nói.

Cô Liz nhìn tôi với vẻ không hài lòng.

- Anh làm tôi sợ quá, anh Pingle ạ!

- Cảm ơn anh, - giáo sư nói. - Tôi sẽ tự lọc lấy dung dịch.

Tôi chỉ còn mỗi một việc là cúi chào rồi rời khỏi phòng thí nghiệm.

Một vài ngày sau, vào buổi sáng ông Lý nói với tôi:

- Đêm qua cháu ông chủ đã đến.

Tôi rất muốn nhìn mặt vị khách, nhưng đúng lúc ấy trong công viên còn lắm việc nên tôi không sao rời đi được.

Khoảng hai ngày sau cô Liz truyền lệnh đưa một vài cái lồng ra phía trời nắng, tôi với những người Trung-quốc làm việc đến toát mồ hôi ra. Trong lúc chuyển lồng tôi nhìn thấy qua cửa vườn một người lạ đang trò chuyện với cô Liz trên gác sân.

Người ấy ngẩng trên tay vịn cửa lan can quay lưng về phía tôi, khoa tay làm điệu bộ và hình như đang kể một chuyện gì rất buồn cười, bởi vì cô Liz cười rộn lên đến nỗi ở chỗ tôi cũng nghe rõ tiếng cười của cô.

- Lay chúa tôi... thôi đi, anh Rolls! Anh làm tôi chết cười mất.

Rõ ràng chính đấy là cháu trẻ tuổi của giáo sư. Và chắc hẳn ông chủ tôi rất yêu Rolls bởi vì ông Hồ đã nấu những món rất thịnh soạn ở dưới bếp, và khi ông mang ba bộ đồ ăn qua nhà tôi vào phòng ăn của giáo sư ông nháy mắt nói:

- Sau bữa ăn trưa tôi sẽ còn đem lại cho anh một món ngon tuyệt.

Cô Liz làm việc ở phòng thí nghiệm một mình. Giáo sư và người cháu khóa cửa lại ngẩng làm việc trong phòng riêng của Milrois. Họ làm việc cho đến tận đêm khuya.

Tôi nhìn rõ cửa sổ còn sáng đèn ở phòng làm việc của giáo sư khi đi làm

nhiệm vụ trực đêm ở công viên. Công việc nghiên cứu của giáo sư đòi hỏi rất nhiều tư liệu, khi thì lấy từ các phòng nuôi súc vật thí nghiệm lên, khi thì mang ở kho tối, và quả là tôi đã bận tít tít lên vì tất cả những việc ấy. Cô Liz tội nghiệp cũng đã làm kiệt sức. Cuối cùng cô Liz thở phào nhẹ nhõm nói với tôi:

- Rolls đã đi sớm nay rồi. Một con người có sức hấp dẫn đấy chứ, đúng thế không anh Pingle?

- Rất tiếc là tôi không được giới thiệu với ông Rolls. Tôi đã trông thấy ông ấy ở trên gác sân...

Liz sôi nổi hẳn lên.

- Anh thấy rồi à? Ồ, đó là một người nói chuyện ấy tuyệt. Thật là xuất sắc!

Cô đắm chiêu suy nghĩ và nét mặt trở nên rầu rĩ.

- Rất tiếc là ông Rolls vội đi quá, - tôi chân thành nói.

Đến trưa, khi tôi trở về phòng thí nghiệm, cô Liz đón tôi với vẻ buồn chán.

- Trời ơi, đừng làm buồn lên thế, anh Pingle. Nói khẽ thôi. Đi rón rén một chút...

- Có chuyện gì thế? - tôi thì thầm hỏi.

- Giáo sư Milrois ốm...

- Ốm làm sao? Rắn chắc ư?

- Không, bệnh sốt vàng... Cơn sốt rất ác liệt... Ông đang nằm bất tỉnh...

Nước mắt tôi trào ra trên hai khóe mắt.

- Khổ quá! Cần phải mời bác sĩ... Cho gọi từ Rangoon đến?

- Đến tối xe hơi mới trở về, - Liz buồn bã nói.

- Vậy tôi chạy vào làng thuê ngựa nhé, - tôi nhiệt tình đề nghị.

Liz so vai lại với vẻ lo âu.

- Chà anh Pingle ạ, giáo sư biết phương thuốc thần tình chống bệnh sốt vàng. Tôi vừa tiêm cho ông mũi đầu tiên. Một giờ nữa tôi sẽ tiêm mũi thứ hai. Có lẽ ông cũng chỉ lên hai ba cơn sốt nữa là cùng. Bởi vì trước lúc anh tới đây tôi đã bị sốt đủ các kiểu, thế mà giáo sư cũng chữa khỏi. Ông có những quan điểm riêng đối với các loại bệnh tật, và ông chữa bệnh rất cừ.

Milrois ốm rất lâu và mọi vật trong trạm nghiên cứu đều như chìm ngập trong cảnh tang tóc. Cô Liz rất buồn phiền và tôi thường thấy những giọt nước mắt chảy dài trên khuôn mặt đã gầy đi của cô. Bây giờ có mình cô làm việc trong phòng thí nghiệm.

Buổi chiều người ta chuyển thư từ đến, cô Liz xếp thành từng loại rồi đưa vào phòng làm việc cho giáo sư. Cô trực tiếp chăm lo việc ăn uống của ông, ngay từ tối cô đã dặn dò tỉ mỉ ông Hồ phải chuẩn bị những gì.

Để trả lời những câu hỏi của tôi về tình trạng sức khỏe của giáo sư cô Liz chỉ lắc đầu và tôi thấy đau lòng vì chắc là giáo sư đang đứng giữa cái sống và cái chết!

Một hôm, vào buổi sáng cô Liz chạy đến công viên và reo lên mừng rỡ:

- Giáo sư dần dần khỏi bệnh! Đây, ông nhờ tôi chuyển cho anh mẫu giấy này.

Tôi vui mừng đọc những nét chữ quen thuộc trong thư:

“Pingle thân mến! Bệnh sốt đã hành hạ tôi ghê gớm, nhưng hiện giờ tôi đang bình phục. Hy vọng rằng chóng được gặp anh. Tôi rất quan tâm tới công việc anh làm. Hãy đọc quyển sách mà cô Liz sẽ đưa cho anh. Anh cần

học tập, nếu không muốn suốt đời làm người gác vườn”.

- Tôi để quyển sách trên gác sân nhà anh. Hãy nghiên cứu nó. Bắt đầu chuẩn bị làm công tác khoa học đi, anh Pingle ạ, - cô Liz nói thêm rồi vội trở lại phòng thí nghiệm.

Tôi nóng lòng muốn biết giáo sư đã khuyên tôi đọc quyển sách gì, vì thế tôi chạy như bay về nhà. Ở trên bàn tôi nhìn thấy quyển sách “Những bí mật về sinh vật học”.

Quyển sách đã hấp dẫn tôi ngay từ trang đầu. Ở trường Dijan người ta đã dạy chúng tôi cách viết tóm tắt nội dung một quyển sách đã đọc, trích lục những đoạn hay nhất.

Bởi vì nhiều điều bị quên đi, nhưng những dòng ghi ngắn gọn thường giúp ta khôi phục lại trong trí nhớ nội dung của toàn bộ cuốn sách.

Và thế là tôi bắt đầu ghi vào sổ một số đoạn trong cuốn “Những bí mật về sinh vật học”. Quyển sách đề cập đến những nguyên nhân gây bệnh ở thực vật, động vật và con người. Bây giờ tôi hãy tưởng lại những điều tôi đã ghi chép lúc ấy.

“Ta thấy được qua kính hiển vi những vi trùng, những tác nhân gây bệnh truyền nhiễm, - đó là điều bí mật mà hiện nay mới phát hiện được một nửa”.

“Cũng có những bệnh truyền nhiễm không phải do vi trùng mà do virus gây nên”.

“Virus là gì? Bất kể nguồn lây bệnh nào nói chung đều được gọi là virus. Điều bí mật của sinh vật học là cái mà người ta gọi là những virus qua lọc tức là virus thực sự. Chúng có khả năng đi qua những bộ lọc mà ngay cả dưới một áp suất lớn vi trùng cũng không qua được”.

“Năm 1892 nhà bác học Nga Ivanovsky đã lấy chất nước ép từ lá cây thuốc lá bị bệnh khảm. Chỉ cần một lượng nhỏ nhất nước này cũng đủ làm lây bệnh sang những cây khỏe. Ivanovsky muốn biết rõ cái gì là tác nhân gây bệnh khảm thuốc lá, có thể là vi trùng chăng? Nếu vậy thì sẽ có thể nhìn thấy chúng qua kính hiển vi và nghiên cứu những đặc tính của chúng trong phòng thí nghiệm, tách chúng ra ở dạng thuần khiết”.

“Kính hiển vi không phát hiện được vi trùng bệnh khảm. Ivanovsky lấy nước ép lá cây bị bệnh rồi đem lọc qua một màng lọc với những lỗ xuyên nhỏ tới mức không một loại vi trùng nào, dù kích thước nhỏ bé đến mấy đi nữa, có thể đi qua được. Nhưng nước ép đã được lọc sạch các vi trùng như thế vẫn hoàn toàn có khả năng làm lây bệnh khảm sang những cây thuốc lá khỏe”.

“Mãi bảy năm sau, vào năm 1899, các nhà bác học mới hiểu rằng virus là một hiện tượng hoàn toàn mới. Và từ đó trở đi đã bắt đầu có những khám phá ngày càng làm cho ta phải kinh ngạc”.

“Ngay từ năm 1555 trong các vườn cây ở Thổ-nhĩ-kỳ người ta đã trông những cây tulip rất đẹp có những đốm và những vết kỳ dị trên các cánh hoa. Người ta cho rằng đó chỉ là những dấu hiệu loại. Trải qua hàng trăm năm người ta đã gây được hàng nghìn loại tulip như thế. Nhưng đốm của các cây tulip chẳng qua là một biểu hiện của bệnh do virus gây ra. Điều này đã được chứng minh chắc chắn vào năm 1928”.

“Virus là tác nhân gây nhiều bệnh, thường là những bệnh rất nặng. Ví dụ như bệnh sởi, đậu mùa là do virus gây ra. Bệnh đậu cừu, dịch hạch lợn, lở mồm long móng súc vật có sừng, bệnh thiếu máu của ngựa, viêm não của cáo và của các loài thú cho da lông khác cũng đều do virus gây nên. Bệnh đậu cá chép, bệnh hôi của ong non và các bệnh của sâu tằm cũng vậy.

Chính virus đang tàn hại một số lớn cây cỏ. Tất cả các loại ngũ cốc, rau, cây công nghiệp, cây ăn quả đều bị các loại bệnh virus đe dọa”.

Chính tôi cũng đã từng thấy bệnh khảm thuốc lá và hiểu rõ nó sẽ phá hại và gây ra những tổn thất như thế nào. Các loại virus là những kẻ thù ghê gớm. Vậy bản chất virus là gì?”

“Virus không nhìn thấy được. Những tác động của chúng còn nằm trong vòng bí mật. Bản chất của chúng vẫn chưa rõ...” - trong sách nói như thế.

Tôi đang say mê nghiên cứu cuốn sách nhưng vào lúc ấy những con mussuran, những con rắn có sọc dài lại tăng lên rất nhiều, cần phải bắt chúng ra khỏi công viên.

Có lần lúc đang bắt rắn, tôi nghe thấy giọng nói to của cô Liz:

- Hãy gọi ngay bức điện khẩn cho tiến sĩ Rolls!

Cô ra lệnh cho một người hầu đang sửa soạn đi Rangoon vào lúc không đúng với thường lệ.

- Hãy nói với phòng điện báo để họ khỏi lẫn địa chỉ. Nhớ nhé: Rolls - Mazatlán.

Không hiểu sao chữ “Mazatlán” lại khắc sâu vào trí óc tôi, và tôi nhớ mãi. Giá đừng nhớ thì tốt hơn, vì chính nó đã đưa tôi những cuộc phiêu lưu phi thường.

Ngay đêm ấy tôi canh gác ở công viên. Tôi thấy rõ cái cửa sổ sáng ánh đèn ở phòng làm việc của giáo sư Milrois, những con dơi kêu sin sít bay qua bay lại phía ngoài cửa sổ. Nhưng rõ ràng giáo sư chẳng quan tâm gì tới lũ dơi ấy. Qua rèm cửa sổ thấy rõ bóng ông ngồi đọc sách với vẻ hết sức say mê.

Đêm hôm ấy trôi qua yên lành như những đêm trước. Những con jirr

vẫn còn nguyên vẹn và thậm chí đã bắt đầu đẻ trứng trên cát. Chỉ cần những trứng ấy nở ra rắn con thì Vandock muốn bắt trộm bao nhiêu cũng được. Trạm nghiên cứu sẽ thôi không mua jirr nữa. Chỉ từng nấy cũng là đủ lắm rồi.

Nhưng Vandock không xuất hiện. Có lẽ hắn ngại gặp tôi.

V

Cô Liz đã nhận xét về những bước tiến của tôi.

- Hôm nay tôi đã nói chuyện với giáo sư về anh, - cô nói khi đến thăm tôi ngoài công viên - Anh đã có được ít nhiều hiểu biết về các loại rắn, và sắp tới đây chúng tôi nhất định chuyển anh lên phòng thí nghiệm.

- Sức khỏe của giáo sư ra sao rồi, thưa cô, - tôi hỏi.

- Ông sắp khỏi hẳn. Sau khi ốm thị lực của ông bị kém đi. Ông không chịu nổi ánh sáng mặt trời và buộc phải làm việc dưới ánh đèn. Đã bao lần tôi đề nghị ông phải giữ gìn đôi mắt! Dẫu sao tôi vẫn có thể đọc to để ông nghe, nhưng ông không chịu nghe lời tôi. Và tối nào cũng cứ ngồi đọc sách ở trong phòng.

- Ông làm việc khuya lắm. Và ngồi trong phòng cho tới sáng, - tôi nói. - Cửa sổ phòng ông lúc nào cũng sáng ánh đèn. Trông như ông đang ngồi đọc.

- A, anh thấy thế à? - cô Liz hỏi với vẻ sinh động hẳn lên.

- Vâng, - tôi khẳng định.

Tôi rất buồn vì giáo sư không ra khỏi phòng. Chỉ có những mẫu giấy ông nhờ cô Liz trao lại là nguên an ủi đối với tôi. Chắc chắn ông dần dần bình phục. Vì lần nào trực đêm ở công viên tôi cũng nhìn thấy qua màn

cửa sổ bóng ông ng ồi cúi xuống bàn say mê đọc sách.

Ông ng ồi bất động. Tôi nghĩ: “Thế mới là con người biết làm việc. Quên hết mọi chuyện trên đời vì khoa học”.

Tôi thường suy nghĩ nhiều về Milrois. Ông đối xử với tôi đặc biệt tốt, ông đã cho tôi một chỗ đứng xứng đáng... Trong lúc ốm ông vẫn để thì giờ theo dõi công việc của tôi, nhưng rất ít khi trò chuyện với tôi, và tôi tìm thấy như ông thường xuyên quan sát tôi từ đằng xa, mặc dù ông trực tiếp đến với tôi vẫn là tốt hơn cả. Nhưng có lẽ bản tính của ông là đối tốt với mọi người theo kiểu như vậy. Vả lại ông quá bận, không thể ngày nào cũng nói chuyện với người gác công viên của mình được.

Một đêm Vandock trèo vào công viên bắt rắn.

- Chúc anh vào ăn trộm cho bình yên, - tôi chào hắn bằng giọng bức tức khi hắn leo qua tường vào công viên lúc một giờ đêm.

- Pingle, xin cảm ơn anh, - Vandock trả lời lịch sự.

- Anh biết tên tôi à? - tôi ngạc nhiên.

- Việc tôi biết tên “Người nhẹ hơn không khí” thì có gì là lạ? Khi ấy tôi đã lấy đồng dollar cuối cùng để mua một chỗ trong “Colosseum” và nhận ra anh ngay lập tức. Nói đúng ra, lúc anh nằm trong nôi, tôi thấy anh có vẻ bối rối.

Hắn nhanh nhẹn và lẹ làng mò vào trong các bụi cây.

- Này Pingle, rắn jirr lĩnh đâu cả r ồi? - hắn nói với tôi bằng giọng khá su ồng sã. - Và nói chung... hình như anh cố tình thả rắn độc Úc châu vào đây thì phải.

- Vandock, tôi cũng vừa định báo trước cho anh là hiện nay rắn jirr nằm ở tường phía nam.

- Lờ anh nói sẽ giúp tôi thực hiện nhanh chóng cái việc tìm kiếm khốn kiếp này, - Vandock cảm ơn tử tế rồi nhảy phắt qua cái rãnh. Hắn đã nhanh chóng bắt đầy một túi rắn.

- Không được quá năm con, - tôi bấm đèn pin cảnh cáo hắn. - Xem nào, anh định bắt đi bao nhiêu?

Vandock mở túi ra.

- Đúng năm chú. Xin trình diện. Nhưng tôi đến phải bỏ cái nghề này. Giáo sư của anh ốm, còn cái cô gái già Liz ấy lại không cần mua rắn. Anh bạn ạ, giá mà anh hùn vào để giúp cho kẻ thất nghiệp này thì tốt quá. Mà này, Milrois của anh ốm bệnh gì?

- Ông bị sốt, hiện đang bình phục, tuy nhiên ông không ra khỏi phòng.

- Khốn nạn - Vandock nói và xin phép hút thuốc: - Rút vài hơi thôi. Tôi quen hút tẩu, hút cho đỡ đói. - Hắn thận trọng bật lửa và khói thuốc tỏa ra - Làm sao giáo sư để đến nỗi bị bệnh sốt vàng? Đã lâu chưa?

- Vào đúng ngày cháu ông ấy ra đi. Nhưng sao, anh hỏi cung tôi đấy à? - tôi bực mình. - Trở về đi thôi.

- Pingle ạ, anh thật tốt bụng, và cũng thật hay cáu bẳn, - Vandock trả lời chân thật và dịu dàng. - Tôi không khi nào quên được công ơn của anh đối với tôi lần trước.

- Nhưng xin anh hãy kể nốt... Tôi biết người cháu của Milrois, nhưng đã lâu mất hút ông ta. Đó là một con người tuyệt diệu.

- Đúng, - tôi khẳng định. Ông là nhà bác học nổi tiếng, đã viết một cuốn sách, từng sống ở đảo Java...

- Đúng rồi, chính ông ta đấy. Ông là người tốt và có lòng bao dung. Chà, anh Pingle ạ, nếu như... Dẫu sao lâu nay tôi vẫn muốn bắt đầu sống

một cuộc đời trong sạch. Nếu tôi biết cháu giáo sư Milrois ở đây thì tôi đã thẳng thắn tới trước mặt ông ta, kể với ông hết mọi chuyện, và thế nào ông cũng nhận cho đi theo làm việc.

- Hiện giờ tiến sĩ Rolls đang ở Mazatlán, - tôi trả lời. - hình như thành phố ấy ở Úc châu...

- Đúng thế, ở Úc châu, gần Nam cực, - Vandock nói bằng một giọng lạ lùng. - Thôi chào anh nhé, cảm ơn sự thông cảm của anh. Có lẽ sắp tới đây tôi cũng sẽ đi Mazatlán.

Hắn nhảy phắt ngay lên tường rồi biến mất.

Lúc rời khỏi chân tường tôi đụng phải một vật và suýt ngã. Đó là cái túi rằn jirr. Vandock đã bỏ quên của ăn trộm.

Chương năm

I

Buổi sáng tôi đến phòng thí nghiệm và chào cô Liz.

- Pingle, giáo sư bảo tôi đưa cho anh bức thư này, - cô nói về hồ hởi.

- Thưa cô Liz, tôi xin cảm ơn cô. Sức khỏe của giáo sư ra sao rồi? - tôi hỏi, tay cần lấy lá thư.

- Hiện nay ông hầu như đã khỏe. Tuy vậy, anh cứ đọc thư đi đã.

Ông viết như sau:

“Pingle, dù sao tôi vẫn chưa hài lòng với anh. Hôm qua anh chuẩn bị các dụng dịch còn cầu thả. Tiếc rằng tôi còn yếu, chưa thể ra ngoài trời và tới phòng thí nghiệm được. Bây giờ mong anh lọc lại các dụng dịch ngay cho, ngoài ra, anh đọc cuốn sách tôi gửi cho anh lâu quá. Từ nay cho tới lúc tôi gặp anh, anh cần phải được trang bị ít nhiều về mặt lý thuyết”.

- Tôi rất buồn vì lá thư này. - tôi nói, trong lòng cảm thấy buồn chôn. - Tôi có thể gặp giáo sư được không? Tôi sẽ kể cho ông nghe...

- Không, không, - Liz phản đối. - Hiện nay chưa nên gặp. Anh muốn kể cho ông rõ về công việc của anh chứ gì? Rồi ông sẽ biết hết, anh làm việc ở chỗ ông như thế nào...

Tôi cảm thấy cô hơi nhấn mạnh vào những lời nói sau cùng. Không hiểu sao vào giờ phút ấy trong óc tôi lại hiện ra đôi mắt láu lỉnh của Vandock và cảnh tượng hấn nhảy vào công viên trong cái đêm hôm đó. Cần phải cắt đứt quan hệ với thằng cha này.

- Tôi muốn biết tại sao giáo sư lại đưa cho tôi cuốn sách về virus. - tôi

thắc mắc. - Bởi vì cái đó ít liên quan tới rắn...

Cô Liz mỉm cười độ lượng.

- Anh tưởng vậy thôi. Rắn nói chung không nằm ngoài mối quan hệ với virus. Rắn cũng có thể ốm chứ. Và, anh thử tưởng tượng xem, bị bệnh virus, lại là những bệnh hay lây. Nếu những con vật trong công viên chết thì đó là một thiệt hại lớn cho trạm chúng ta. Tôi chỉ giả thiết thế thôi, nhưng tôi nghĩ rằng giáo sư muốn nghiên cứu vấn đề đó và ông cần có những người giúp việc hiểu biết công việc...

-Ồ nếu vậy thì tôi rõ rồi! - tôi mừng rỡ nói. - Thưa cô Liz. Bây giờ tôi muốn đề nghị cô một việc. Tôi đã ghi tóm tắt nội dung cuốn sách. Cô chuyển hộ cho giáo sư xem, ở trường người ta đã dạy chúng tôi làm như thế: không nên hoàn toàn dựa vào trí nhớ được, mà cần ghi lại những điểm chủ yếu về những điều đã đọc.

Cô Liz cần quyền sở ghi chép của tôi và chăm chú lật từng trang một. Cô nói:

- Nhất định tôi sẽ chuyển, quyền sở ghi của anh sẽ đem lại cho giáo sư niềm vui lớn. Ông đối xử với anh thật là tốt.

Cô đọc to một đoạn trong cuốn sổ của tôi:

- “Virus là đại diện của bệnh tật và cái chết. Chúng tấn công vào mọi sinh vật, từ vi khuẩn cho đến con người”. Đúng, - Liz nói, - cả vi khuẩn cũng bị chúng hành hạ. Virus có thể tiêu diệt vi khuẩn. Bởi kích thước virus cực nhỏ. Bé hơn nhiều so với vi trùng. Việc nghiên cứu virus có tầm quan trọng hết sức lớn lao. Bởi vì việc giải quyết những vấn đề cơ bản của sinh vật học - về nguồn gốc sự sống, về ranh giới giữa sống và chết trong tự nhiên có liên quan mật thiết với chúng.

- Nhưng nếu người ta khám phá ra rằng virus không phải là những sinh

vật thì sao? - tôi hỏi vì muốn biết tỉ mỉ về sinh vật học.

- Nếu virus là chất hữu cơ thì sớm hay muộn hóa học cũng sẽ tạo ra được chúng trong phòng thí nghiệm, rồi sau đó sẽ chế ra cả những thuốc chống lại chúng...

- Thế à... - rất đổi ngạc nhiên, tôi nói lẩm bầm.

- Đúng, đúng, - Liz gật đầu. - Bây giờ chúng ta có thể vừa nói vừa làm việc. - Anh chuẩn bị giúp dung dịch kali permanganate nhé...

Tôi bắt đầu pha chế dung dịch. Cô Liz nói:

- Pingle, anh thử nghĩ xem, đi đâu gì sẽ xảy ra sau khi đã có được những virus nhân tạo. Nếu hóa học tổng hợp được một virus trong ống nghiệm thì có nghĩa con người đã có được một phần tử sống nhân tạo. Lúc ấy chúng ta sẽ tiến tới giải quyết hoàn toàn vấn đề và nguồn gốc sự sống. Anh hiểu chứ. Pingle?

- Chà, cô Liz ạ. - tôi nói, - tất cả những đi đâu ấy quả là thú vị! Tôi sẽ không bao giờ xa rời giáo sư và cô nữa...

- Anh nghĩ thế ư, Pingle? - Cô Liz kéo dài giọng ra với vẻ hơi kỳ lạ. - Tốt lắm. Có đi đâu anh cần chú ý một chút. Nhìn kia, anh rót dung dịch ra ngoài phễu mất rồi.

II

Sau khi đã tận tâm làm việc trong phòng thí nghiệm ba tiếng, tôi trở về nhà nghỉ ngơi trong một tâm trạng vui vẻ nhất. Những ước mơ tươi đẹp tràn ngập tâm hồn tôi.

Thực vậy, cần phải học tập giáo sư. Chẳng mấy lúc ông sẽ dẫn dắt tôi nên người hơn là Clips hoặc bất kỳ một ông Walson nào. Cuối cùng, sau

tất cả những con người như Helly, Pollock và anh chàng Harl bất hạnh, tôi đã tìm được một con người chân chính.

Rồi sau đây... có thể viết thư gọi Edith tới, và lúc ấy...

Ở nơi đây không có hoàng hôn. Mặt trời lặn phía sau rừng, và bóng đêm ập ngay xuống. Hôm nay tôi có đầy đủ lý do để chờ đợi Vandock tới. Đến đêm thế nào hắn cũng phải mò vào nếu không để bắt rắn jirr thì cũng là để lấy lại cái túi. Bụng đói đầu gối phải bò, và Vandock đang toan kiếm một khẩu phần rắn độc mới. Cần phải tỏ ra lạnh lùng, nghiêm khắc và thậm chí phải dọa hắn.

Tôi đã không lờn. Như thường lệ, vào quá nửa đêm, khi trăng vừa bắt đầu lặn, Vandock leo qua tường và lọt vào tay tôi

- Đây Vandock, túi của anh đây, - tôi nói với vẻ nghiêm trang. - Trong ấy có một tá rắn jirr tốt nhất. Những con rắn hôm qua tôi thả ra rồi, - anh chọn rắn không sành. Và... cuốn gói đi thôi!

- Sao hôm nay anh như đĩa phải vôi thế, Pingle? - Vandock hỏi giễu cợt, mồm rít tẩu thuốc. - Và tại sao anh lại tưởng rằng lúc này tôi đang quan tâm tới những con jirr? Không đâu, Pingle, ấy đã ba ngày nay tôi đến hầu lễ ở nhà thờ lớn Rangoon và nghe đức giám mục truyền đạo. Người quyết tâm rắn dạy tôi trở lại con đường lương thiện Anh Pingle ạ, tôi muốn trở nên một con người chân chính. Ăn cắp là tội lỗi ghê tởm nhất, và nhất định phải hối cải. Nếu không tôi sẽ chết.

- Ai cấm anh hối cải - tôi cũng nhếch mép cười - Mà này, chớ có kêu tướng lên như vậy. Giáo sư nghe thấy đấy.

Vandock rít mạnh đến nỗi lửa trong tẩu sáng hừng lên, soi rõ cả cái mũi hắn..

- Vừa hay tôi đang cần gặp ông Milrois. Tôi sẽ nhỏ những giọt nước

mắt ăn năn trước mặt ông và cầu xin ông xá tội. Ngược lại tôi sẽ không được lên thiên đường...

- Vandock, anh say hả?

- Anh lảm to, trong đời mình, chưa khi nào tôi tỉnh táo như lúc này. Pingle, hãy dẫn tôi tới chỗ giáo sư?

- Anh điên rồi?

- Thôi được, cứ cho là như vậy đi. Chỉ cần anh đưa tới bên cửa sổ phòng làm việc của giáo sư, và tôi sẽ ngắm nhìn ông qua bức rèm sáng. Tôi muốn nhìn, dù chỉ là hình bóng của nhà bác học đáng kính ấy. Việc này sẽ tiếp thêm sức mạnh cho tôi cải tà quy chính. Tôi có thể làm việc này không cần sự giúp đỡ của anh, có đi đâu tôi khó giải thích được với những người Trung-quốc đi lại canh gác trong sân.

Thằng đểu làm tôi không sao chịu nổi.

- Xéo ngay, Vandock!

Vandock lặng lẽ giở tàn thuốc trong tàu ra và huýt sáo nhẹ...

- Được, anh bạn! Nhưng ngày mai tôi có thể báo cho ông Milrois biết, rằng anh đã lừa dối ông chứ?

- Lừa dối?

- Phải. Bởi vì anh đã giúp tôi ăn cắp rổn trong công viên. Ông sẽ tha thứ cho tâm hồn lảm lác của kẻ phạm tội, nhưng không tha thứ cho một thanh niên hàm ơn ông và được ông tin cậy. Hãy lựa chọn đi: hoặc anh chỉ cho tôi cửa sổ phòng làm việc của giáo sư hoặc ngày mai giáo sư sẽ biết hết mọi chuyện.

- Vandock, anh là một con quỷ tinh quái, - tôi nói, sau một phút im lặng để suy nghĩ về tình cảnh của mình. - Được, tôi sẽ dẫn anh tới bên cửa sổ

nhưng với điều kiện là không bao giờ anh được tới trạm nữa.

Vandock thở dài đồng ý. Hắn quàng túi lên vai rồi đi theo tôi. Tôi mở cửa vườn phía bên, chúng tôi bước vào sân. Trong trạm rảnh mọi người đã ngủ từ lâu, chỉ có cửa sổ phòng làm việc của giáo sư là còn sáng. Milrois ngồi đọc ở sau bàn, chúng tôi nhìn thấy bóng ông trên tấm rèm.

- Bây giờ thì xéo đi, - tôi thì ào.

Nhưng, thật là khủng khiếp, Vandock ném túi rỗng xuống đất, nhanh nhẹn và lẹ làng như một con báo, hắn trèo lên xà ngang phía trên, mở cửa sổ và giật tung bức rèm. Vừa nhìn vào cửa sổ tôi đã phải kêu lên. Trong phòng không có ai. Trên bàn đang đứng đưa một hình nhân làm bằng rơm mà trước đây tôi đã từng tưởng lầm là giáo sư Milrois. Một cái đèn nhỏ có gắn bộ phận phản xạ chiếu vào hình nhân giả từ phía sau.

Vandock cười:

- Chuyện này làm anh thích thú chứ?

Nhưng vừa lúc ấy vang lên một tiếng súng. Viên đạn cắm phập vào khung cửa. Vandock nhảy xuống đất, nhưng hắn chưa kịp chạy thì đã bị ông Hồ quật ngã. Những người Trung-quốc mang đèn pin từ ngôi nhà lá chạy đến.

- Trong trường hợp này chống lại là vô ích, - Vandock nằm dưới đất, nói. - Hãy bảo họ để cho tôi yên. Tất cả chẳng qua vì hiểu lầm thôi...

Cô Liz đứng trước mặt tôi. Tôi chưa bao giờ nghĩ rằng cô có thể giận dữ đến như thế. Toàn thân cô run lên vì tức giận, những lời nói của cô đổ xuống đầu tôi, đánh thép và rành rọt:

- Pingle, anh mới thật là kẻ hai mặt! Chúng tôi đã đoán được từ lâu...

“Giáo sư rỗng” và người trợ thủ của ông thực tế đã tỏ ra khôn khéo hơn

Vandock.

- Chúng tôi đã đánh dấu vào đuôi những con jirr mua của dân địa phương. Ha-ha! Bầy mưu tính kế khá đấy! Bán, ăn trộm, rồi lại bán... Bây giờ thì mọi người đã thấy anh cùng thằng ăn cắp lén vào sân và còn chuyện trò với hắn... Lại có túi nữa kìa!

- Mong cô tha thứ cho, thưa cô Liz... - tôi nói, nhưng cô Liz không cho tôi tiếp tục nói.

- Từ lâu giáo sư đã biết rõ cái trò không trung thực của anh. Ông thừa hiểu rằng những người bán xur giả danh đã bán cho ông chính những con jirr chúng ăn cắp được của ông, và không có sự hỗ trợ của anh, tên kẻ cắp không thể nào bắt được răn.

- Nhưng xin cô hãy nghe hết lời tôi đã...

- Im đi, đồ hèn hạ! Giáo sư không thể chịu nổi sự đều cang của con người mà ông đã cứu khỏi dịch hạch. Ông sẽ khổ tâm biết bao khi thấy rõ hành vi nhục nhã của anh ngày hôm nay. Ông thấy trước rằng tất cả chúng tôi sẽ vạch mặt anh, và ông đã ra đi cùng tiến sĩ Rolls...

Tôi đã cố gắng bào chữa, nhưng vô ích.

- Thưa cô Liz kính mến, xin cho phép tôi nói, - Vandock nói lễ độ. Những người Trung-quốc đang giữ chặt tên ăn trộm. Tay hắn đã bị trói. - Cô buộc cho anh thanh niên này những tội mà anh không có là bất công. Theo tôi hiểu, anh ấy không phạm tội. Chẳng qua ban đêm tôi bị lạc đường, trông thấy ánh lửa nên mới tới đây. Có người nào đẩy thét tôi từ phía trong cửa sổ. Tôi tưởng lũ chó đang đuổi tôi trong sân. Sợ quá tôi nhảy phóc lên xà ngang phía trên cửa sổ. Nhưng anh thanh niên này đã xuất hiện và kêu ầm lên, hình như chính anh đã bắn tôi... Còn sau đó thì những người này... Tôi bị đau tim... Sự lo sợ sẽ làm hại sức khỏe của tôi.

Hãy cởi trói ở tay tôi ra, mẹ kiếp, tôi không hề định chạy trốn...

- Anh nói láo! - Liz điên cuồng hét lên. - Anh là ai mà đang đem lại lên vào trong trạm nghiên cứu của giáo sư Milrois? Thực vậy, cần phải nuôi chó và tất cả chúng ta đều phải vũ trang. Ngay trong nhà riêng mà chúng tôi cũng không được yên ổn... Trong túi của anh đựng gì? Rắn jirr phải không!

- Thưa bà, chớ động vào túi! Đó là vật sở hữu của tôi. Trong đấy không có rắn jirr của các người đâu. Và đừng hòng mở túi của tôi ra. Mà cũng không thể mở được. Ổ khóa của nó rất bí mật. Còn nếu các người rạch túi ra thì tôi buộc các người phải chịu trách nhiệm về việc làm hại tài sản riêng và kiện các người, nếu sau này tôi không đếm đủ năm mươi hai đồng tiền vàng của tôi trong ấy thì...

Vandock nói một cách bình tĩnh và xác đáng. Cô Liz ra lệnh cởi trói cho hắn:

- Bây giờ hãy tự tay mở túi ra.

- Không, thưa bà, - Vandock nghiêng mình chào. - Bà đã buộc tội tôi. Tôi sẵn sàng trả lời ở tòa án. Ở đấy tôi sẽ chứng minh mình vô tội... Bà cho lệnh tôi qua đêm ở chỗ nào đây?

III

Trời đã sáng. Ông Hồ thò đầu vào trong căn nhà lá, nơi tôi đang thiu thiu ngủ trên chiếc võng.

- Người ta sẽ đưa cả hai về Rangoon, - người Trung-quốc nói thì thầm rất nhanh - Bác Lý đang chuẩn bị xe hơi. Cảnh sát ở bất địa phương sắp tới. Họ sẽ đưa các anh tới trình tòa. Hãy lên mà xin cô Liz tha cho. Lúc

giáo sư về cô ấy sẽ nói đỡ.

Còn tên ăn trộm thì vẫn không chịu rời cái túi của hắn...

- Ông H ồ ạ, tôi không có tội gì hết, - tôi trả lời ông ngắn gọn.

Năm phút sau tôi gõ cửa phòng thí nghiệm. Cô Liz ng ồi sau bàn, xung quanh toàn ống nghiệm.

- Thưa cô Liz, - tôi nói, - xin cô tha thứ cho tôi.

Cô nhìn tôi tưởng chừng như tôi được nặn bằng thủy tinh vậy. Một lát sao cô quay đi, không nhìn tôi nữa.

- Anh thấy đấy, tôi đang bận.

Cô lạnh lùng nhìn cái bình thót cổ đặt trên tán đỡ hình hoa chân vịt của chiếc đèn con.

- Tôi xin thề ngay bây giờ sẽ đoạt lại mọi thứ mà tên ăn cắp đã lấy, - tôi nói lúng búng và thiếu tin tưởng vì thái độ tiếp đón lạnh nhạt của cô.

Cô Liz không trả lời mà chỉ để tâm đến những ống nghiệm. Khoảng năm phút sau, không nhìn vào tôi, cô nói:

- Anh vẫn còn ở đây à? Hãy đem những chìa khóa cửa ở công viên và những chìa khóa cổng lại đây rồi chờ cảnh sát đến.

- Cô đuổi tôi ư?

- Giáo sư không muốn thấy anh nữa đâu. Không bao giờ ông có thể tha thứ cho anh.

Cô Liz chăm chú nhìn tôi trong giây lát như trước đây cô đã từng nhìn trong các giờ học ngoài công viên.

- Và tôi cũng không tha thứ cho anh được, - cô nói với giọng đau khổ.

- Tôi có tội, nhưng không giống như cô tưởng! - tôi thất vọng kêu lên.

Cố gắng nói với giọng bình tĩnh, tôi kể lại cho cô Liz nghe việc tôi đã

bắt tên Vandock và thương hại hắn như thế nào. Nhưng cô Liz vẫn lạnh lùng lắc đầu.

- Dù sao tôi vẫn không tha thứ cho anh được. Trước đây tôi đã từng xem anh là người trong giới chúng tôi, anh hiểu chứ? Nên nhớ rằng không đời nào tôi phí hoài thời gian để giảng bài cho anh, nếu anh cũng chỉ là một kẻ lưu manh như cái tên... Vandock ấy. Vậy mà anh không đánh giá hết được đi đâu này. Cặp mắt người thiếu nữ vụt lóe lên ánh giận dữ:

- Vĩnh biệt, - tôi nói và quay ra phía cửa khi thấy van nài mãi cũng vô ích. Tôi đi qua công viên lần cuối cùng, dừng lại giây lát ở cạnh hàng rào mà phía sau là những bụi cây thấp Himalaya. “Vĩnh biệt cả các chú mày nữa, rắn ạ”. - tôi nghĩ vậy và bu ãn r ãu đưa mắt nhìn những chú rắn. Vì chúng mà tôi khổ sở như thế đấy. Vậy mà những con jirr vẫn thản nhiên nằm sưởi ấm dưới ánh nắng mặt trời.

Tôi trao lại những chiếc chìa khóa cửa ở công viên cho ông Lý rồi uể oải trở về căn nhà lá. Nỗi thất vọng vò xé tôi. Tôi chán nản vì xấu hổ và nhục nhã. Toàn bộ những hành vi thấp kém và tính nhẹ dạ trong cách xử thế như hiện ra trước mắt tôi. Tôi trào nước mắt. Ồ, nếu được gặp giáo sư nhĩ, ta sẽ kể cho ông nghe mọi chuyện và c ãu xin ông tha tội cho!

Tôi cứ ng ãi lạng người đi như thế chừng nào cảnh sát còn chưa đến và chưa ra lệnh cho tôi chuẩn bị khăn gói. Những người Trung-quốc đưa Vandock tới. Người cảnh sát ng ãi vào ô-tô trước.

- Nào, các bạn, lên xe đi, - ông ta nói. - Và chờ tính chuyện tẩu thoát dọc đường. Tôi bắt đấy.

Tài xế nổ máy. Cô Liz từ phòng thí nghiệm chạy tới.

- Ông làm ơn chuyển bức thư này cho chánh án hộ, - cô nói và trao cho người cảnh sát một chiếc phong bì d ãy cộp.

Cô chẳng thèm ngó gì tới tôi. Người cảnh sát cẩn trọng dấu chiếc phong bì vào trong mép tay áo rồi thét:

- Đi!

Vandock đi ềnh tĩnh đưa chiếc mũ rách lên vẫy:

- Tạm biệt bà nhé. Cho tôi gửi lời chào giáo sư.

Hắn ng ỡ cạnh tôi, hai tay giữ chặt cái túi. Bây giờ tôi mới được nhìn kỹ Vandock. Vì những lần trước tôi chỉ được thấy hắn vào lúc ban đêm. Kể từ ngày chúng tôi gặp gỡ nhau ở Bell Harbor tới nay, hắn và không già đi chút nào. Thậm chí trông còn khá hơn, dù sao đi nữa, hắn chẳng hề giống một kẻ đói ăn.

- Pingle ạ, may cho anh đấy, - hắn nói qua kẽ răng. - Anh chỉ là người làm chứng.

- Còn tôi thì vô tội...

- Không được nói chuyện! - người cảnh sát ngắt lời hắn.

- Tôi có nói chuyện đâu, - Vandock nhếch mép cười. - Tôi chỉ nói to lên cái đi đâu tôi suy nghĩ, là dường như trong chiếc phong bì d ầy cộp gửi ông chánh án có thể g ồm đủ loại chứng cứ... Tuy nhiên, tôi sẽ im miệng, thưa ngài trung sĩ.

Tôi cũng ng ỡ im và suy nghĩ về những lời cô Liz nói. Nếu giáo sư đi cùng tiến sĩ Rolls, thì việc gì cô Liz phải dùng hình nộm rơm để lừa tôi? Tôi không sao hiểu được.

Ô-tô chạy không nhanh lắm. Trên đường xe chạy về thành phố chúng tôi gặp những chiếc xe tải đ ồ kêo cọt kẹt do những con lừa tai to kéo đi ngược lại. Những người da vàng bụng, rám nắng, đội nón quây những đôi thúng không. Họ đã bán những thành quả lao động của họ ở các chợ

Rangoon. Xe của chúng tôi dừng lại bên bờ sông, dưới bóng mát những cây dừa. Người tài xế đổ nước lạnh vào trong bộ tản nhiệt.

Một người làm trò ảo thuật đầu cạo trọc đứng ở rìa đường đang dạy người giúp việc của mình - một thanh niên mặt đỏ, lông mày đen - học thổi sáo. Những đứa trẻ trề tru òng ng ẩ xôm xung quanh và chăm chú nhìn người học trò đang lựa ngón tay trên các lỗ sáo. Một con khỉ lông màu xanh lam ng ẩ trên vai người ăn mày mù và nó chìa bàn tay trông tức cười của nó ra nhận của bố thí.

Một người trên đầu quấn khăn xanh ng ẩ dựa lưng vào gốc cây, đang nh ẩ những sợi thuốc màu vàng vào ống tẩu dài và mỏng. Ông ta chăm chú nhìn tôi và Vandock.

Ông hút thuốc rất chậm rãi. Vandock nhìn ông ta và gãi gãi ở phía dưới tai.

- Pingle, đừng có hếch mũi lên như vậy, - Vandock thận trọng nói thì thầm để tên cảnh sát không nghe thấy - Tôi sẽ nỡm lão thẩm phán cho mà xem.

Người quấn khăn xanh tháo dây buộc con ngựa hồng chân thon ra, nhảy phốc lên mình nó và giật cương. Con ngựa hồng lên và phi bụi mù về phía thành phố.

IV

Ở phương Đông người ta không muốn để bị cáo phải chờ đợi lâu. Ô-tô dừng lại trước một tòa nhà nhỏ. Chúng tôi xuống xe, còn tài xế thì đánh xe đưa những bưu kiện tới văn phòng thương mại của cảng, anh ta hứa sẽ ghé lại đón viên cảnh sát về. Và thế là tôi với Vandock đã đứng trước ông

thẩm phán. Tuy nhiên người ta không buộc tội tôi. Vandock đã nói đúng, dường như hắn đã biết rõ nội dung bức thư của cô Liz vậy.

Ông thẩm phán râu ria chưa cạo, và rõ ràng còn chưa ngủ đầy giấc, nhăn nhó nghe viên cảnh sát nói và lãnh đạm nhìn về phía Vandock.

- Hình như năm ngoái tôi đã trực xuất anh rồi thì phải? Có đúng anh không? Nhưng anh hay ai cũng thế thôi. Những quân lưu manh lúc nào cũng đáng ngờ cả, còn những kẻ giả vờ chạy trốn, lũ chó tưởng tượng đang đêm trèo vào cửa sổ nhà người khác là phá rối trị an. Nhưng anh bị buộc tội ăn cắp răn. Khá lắm. Nếu anh ăn cắp được tất cả răn trên đời, thì quả là phúc lớn cho loài người. Những con vật đáng ghét đến kinh tởm...

- Lũ răn ấy thuộc quyền sở hữu của giáo sư Milrois, - viên cảnh sát báo cáo.

- À ra thế, có nghĩa răn cũng là tài sản riêng? Được, đó là chuyện khác. Răn gì vậy?

Viên cảnh sát vừa mở miệng định nói. Nhưng hình như Vandock đã chờ đợi câu hỏi này từ lâu. Nhanh như chớp, hắn dốc ngược cái túi vải bạt lên trên bàn trước mặt ngài thẩm phán nghiêm khắc.

- Chúng đây, thưa ông lớn tòa... Những con jirr hảo hạng...

Trời ơi, cảnh tượng mới khủng khiếp làm sao! Tiếc rằng lúc ấy tôi không có máy quay phim!

Gặp môi trường mới, những con jirr kêu rin rít, chúng khoái trá vì được ra ngoài ánh sáng. Chúng không còn một chút gì gọi là hiên lành như lúc ban đêm nữa. Chỉ trong chốc lát chúng đã bò loảng ngoảng trên bàn, rúc vào những cặp tài liệu, luồn qua những tờ giấy, xô cả vào lọ mực; hai con cuốn quanh những chiếc đế đặt nền. Những kẻ vô công rồi nghề tò mò ngồi thành hàng ba trên những chiếc ghế băng dành cho công chúng bỏ

chạy tán loạn, vừa giẫm đạp lên nhau vừa hét:

- Jirr!

Ngài chánh án nhảy tót ngay lên chiếc ghế bành và mồm kêu lú lú:

- Cảnh sát đâu! Đạp vào đầu chúng!

Viên cảnh sát cố tình hiểu sai mệnh lệnh của ngài chánh án, hắn cầm chiếc dùi cui bằng cao su chạy đuổi theo đám công chúng để nện vào đầu họ. Đối với hắn đó là cách tốt nhất để thoát khỏi lũ rắn jirr.

- Đồ con lừa! Không phải họ!.. - Ngài chánh án hét lên và khôn khéo nhảy tót qua cửa sổ.

Người thư ký, hói đầu cuống quýt chạy theo sau ngài chánh án, mang theo cả một con jirr đã cuốn chặt vào ống giầy ủng.

Nói nói tình thực khi gần ba chục con rắn to nằn nể bò lổm ngổm trên bàn làm việc của bạn thì tôi chắc rằng chính bạn cũng chẳng ngần ngại gì mà không húc đầu qua kính cửa sổ để thoát thân.

- Thế là chỉ còn lại có hai ta, - Vandock nhếch mép cười. - Mau lên, tranh thủ lúc lão chánh án còn chưa hoàn hồn. Cứ mạnh dạn mà ra khỏi nhà, rẽ sang phải, anh sẽ gặp một người cưỡi con ngựa hồng, hãy nói với hắn: “Mắt Bò đực”*, và hắn sẽ đưa anh chạy thoát.

Tôi nói như thế lên:

- Tôi không cần sự giúp đỡ của anh!

Vâng, tôi giận dữ, và có lẽ tôi đã phùng mang trợn mép lên như con rắn hổ mang đang tức khí.

Vandock nói:

- Còn tôi thì rất tiếc phải chia tay anh.

Tôi quay ngoắt đi rồi ra khỏi nhà tòa án không một bóng người. Tôi

không nghĩ đến tương lai và cũng không muốn nhớ lại quá khứ.

Hình như người cưỡi ngựa quấn khăn xanh đang đợi tôi cách tòa án một trăm bước.

Tôi đã đi qua chỗ ông ta, nhưng bỗng nhiên trí tò mò bị kích thích, tôi ngoảnh lại, nói: “Mắt Bò đực”.

- Ngồi lên đây với tôi, - ông ta trả lời.

Tôi ngồi bám chặt phía sau người cưỡi ngựa, ông ta thúc đỉnh vào sườn con vật.

Nó phi lên.

- Khí hậu ở đây làm hại cậu ta, - một tiếng sau Mắt bò đực nói với người thuyền trưởng tàu buôn to béo vạm vỡ đang ngồi uống whiskey trong quán ăn ở cảng. Tôi ăn hết một đĩa xúp, người mệt mỏi vì những xúc cảm mạnh vừa qua.

- Cậu có biết người ta đang nói gì về cậu đấy không? - người thuyền trưởng tàu buôn nói giọng trầm trầm. - Đúng đấy, mặt trời ở đây thật ác nghiệt...

- Lẽ ra tôi phải hết sức cảm ơn ông, thưa ông hạm trưởng...

- Ê đồ chuột cống trên cạn, đến giờ vẫn chưa biết phân biệt phù hiệu của thuyền trưởng tàu buôn với quân hiệu của hạm trưởng. Thế mà tôi thì lại đang định đưa chủ mình lên tàu “Litany” đi chu du bốn biển. Thôi được, tôi sẽ thả chủ mình lên Hong Kong, còn sau đó muốn lĩnh đâu thì lĩnh.

Tôi nhắc tới Vandock, nhưng cả hai đều giả tảng như chẳng hiểu tôi nói gì.

Đến đêm người ta dùng xuồng đưa tôi lên một chiếc tàu hàng. Ông

thuyền trưởng to béo đứng trên boong thét:

- Lên đây, chú mình! Anh bếp đang cần người gọt khoai tây.

Chương sáu

I

Trên đường đi tôi đã học được những công việc nhà bếp và lúc đến Hong Kong nhờ sự giúp đỡ tận tình của anh bếp, tôi đã xin được việc làm trên tàu “Grievors”.

Tàu này thường làm những chuyến đi gấp sang San Francisco. Nhưng lại một lần nữa tôi gặp chuyện rủi. Khi tầu đã đi được ba ngày, trong lúc đưa món thịt rán vào phòng ăn cho khách ăn trưa, tôi vô ý đánh đổ nước xốt nóng vào áo gi-lê của một ông bộ trưởng Argentine. Điều này đã không xảy ra, nếu hôm trước, lúc ở dưới hầm tàu người ta không kể cho tôi nghe những chuyện kinh khủng về thủy lôi. Đúng lúc tôi đưa món thịt rán lên thì bỗng nghe có tiếng đánh ầm khiến tôi tưởng tàu “Grievors” đụng phải thủy lôi. Hóa ra đó chỉ là tiếng đàn nhạc chơi bài “Hành khúc Cairo”

Để trừng phạt, người ta đuổi tôi từ hiệu ăn xuống bếp làm công việc đi đầu chỉnh van dẫn nước nóng vào các thùng rửa bát. Nhưng khi bờ California đã hiện lên ở phía chân trời thì người giúp việc thuyền trưởng thở dài và dịu dàng nói với tôi:

- Phải chia tay nhau rồi, Samuel ạ!

Và thế là chúng tôi từ biệt nhau.

San Francisco đã thân ái đón chào tôi. Tôi không có tài nghệ sĩ nên chẳng thấy cần thiết phải đến kinh đô điện ảnh Hollywood làm gì. Nhưng một nhà máy đồ hộp nổi đã sẵn lòng dung nạp tôi. “Buksus” là một con tàu

- nhà máy lớn. Nó ra khơi khoảng hai tuần để săn một loại cá trích rất ngon, cả cá salmon lẫn cá hồi không thể nào so sánh với nó được. Người ta giao cho tôi phụ trách một trong sáu cái thùng khổng lồ chứa đầy cá sardine còn sống. Tàu “Buksus” ném những cá sardine sống xuống biển để nhử đàn cá trích đến gần tàu.

Cuộc đánh cá bắt đầu. Không một loại lưới nào có thể bắt được cá trích.

Chúng chỉ đuổi theo cá sardine. Do đó người ta thả từ trên boong tàu xuống sát mặt nước những chiếc cầu gỗ hẹp, và bố trí những người câu có kinh nghiệm đứng trên đó.

Cứ hai người phụ trách một cầu câu, còn người thứ ba cầu vọt để vớt, cá tham mồi dớp vào những con sardine đã móc vào lưới câu. Những người câu kéo cá câu được lên rồi ném vào những thùng gỗ lớn, từ đây cá lập tức được đưa chế biến. Chưa đầy một giờ sau cá đã được bỏ thêm gia vị và đưa xuống hầm lạnh sau khi đóng hộp.

Sau khi đã ném đủ mồi nhử xuống nước, tôi đứng cạnh thùng cá trích nhìn xuống.

Những người câu cá làm việc rất nhanh nhẹn. Chỉ trong chốc lát họ đã gỡ được cá câu, móc cá mồi vào lưới, thả cầu rồi lại lập tức giật lên và tháo gỡ những con cá trích tham ăn ra khỏi lưới câu.

Những người câu cá được hưởng công khoán. Công việc của họ rất nặng và nguy hiểm. Đôi khi xuất hiện cá mập, chúng ăn nghiêng ngấu những con cá sardine và làm đàn cá trích phải bỏ chạy. Lúc ấy người ta dùng súng bắn cá mập, thay đổi vị trí tàu và việc săn cá lại tiếp tục. Một tiếng thét vang lên:

- Ê ném cá mồi, mau! Về phía bên trái nhé!

Những cá mập, những thú dữ ghê gớm dưới nước, những con hổ biển

thường không ngừng theo dõi “Buksus”. Chúng thận trọng không nhô lên trên mặt nước nữa. Lúc ấy việc câu cá càng nguy hiểm hơn, cá mập có thể đớp mất bàn chân người câu nếu anh ta mải nhìn và thang gỗ bị sóng tấp nước lên.

Có lần chúng tôi nhìn thấy một con cá mập lớn. Nó nhấp nhô trên mặt đại dương lặng sóng trông như đã chết. Một thủy thủ trẻ nhưng từng trải là Tilboy khẳng định rằng nó vẫn sống, rằng hình như cá mập biết tự thôi miên và bập bênh trên đại dương suốt ngày vào lúc im sóng gió. Chỉ có sự mát mẻ của chiều tối mới làm cho chúng tỉnh lại, lúc ấy chúng trở nên đặc biệt dữ tợn và ham mồi.

Đêm nào tôi cũng nằm mơ thấy chuyện câu cá và thức giấc luôn. Tôi thấy như Tilboy đang thét bên tai:

- Ê ném cá mồi mau! Về bên phải tàu nhé!..

Nếu tôi đứng làm việc ở bên trái boong, khi nghe thấy những lời ấy tôi phải chạy thật nhanh qua miệng thùng trên một tấm gỗ hẹp và trơn rồi dùng gàu xúc ném cá sardine xuống biển.

Tôi không thích cái trò chạy qua miệng thùng này. Tilboy làm mọi người sợ hãi vì câu chuyện về một thằng bé hầu bếp, biến đi đâu một trong chuyến đi lần trước. Người ta tưởng nó rớt xuống biển. Mãi tới khi trở về đến cảng, lúc trong thùng đã cạn hết cả sardine người ta mới tìm thấy thằng bé chết chìm dưới đáy thùng. Có lẽ nó đùa nghịch chạy trên tấm gỗ rồi lộn cổ xuống đấy.

Tôi đã quen với những sinh hoạt trên tàu “Buksus”, toàn thân tôi nung nặc mùi cá sardine, tôi đã không bị say sóng trong lúc bão táp, và khi tàu chòng chành vì sóng lớn, tôi chạy đi chạy lại trên boong mà không cần cầm vào tay vịn.

Sau bốn đợt đánh cá, tàu “Buksus” quay trở về đây cá trích. Chúng tôi vẫn giữ hướng cũ về phía Todos Santos, nó nằm cạnh chí tuyến Cancer. Sau khi nhận được bức điện vui mừng về chuyến đi may mắn, có lẽ những ông chủ nhà máy nổi này đã tính toán ngay tiền lời lãi của mình trong các văn phòng. Trên boong, dưới bóng của những chiếc thùng rỗng các thủy thủ tàu “Buksus” lao vào đánh cờ và chơi xúc xắc. Có lẽ đây là lần đầu tiên tôi may mắn. Tôi chơi xúc xắc với Tilboy và tôi sóc năm lần liên, mỗi lần được hai điểm sáu. Vì cay cú, Tilboy đặt tiền gấp đôi, nhưng những số tiền ấy vẫn liên tiếp rơi vào túi tôi. Tilboy như phát điên lên, anh ta mượn xúc xắc của một thủy thủ khác, mặc dầu vậy, số đen vẫn bám chặt lấy anh a. Tilboy thua, phải cởi chiếc áo cánh rất đẹp trao cho tôi và mặc vào người chiếc áo cũ rách nát của tôi trong tiếng cười rộ của mọi người. Lòng tôi tràn ngập vui sướng vì thắng lợi, nhưng tôi cố giữ vẻ lạnh lùng.

Tilboy gằn lên:

- Được, sẽ chơi cho đến tận San Francisco! Tao sẽ gỡ lại dù có phải đem hèn đi cầm cho quý...

Anh ta đặt ngay cái ví nhỏ nhiều màu lên trên bàn xúc xắc và lại mất nốt cho tôi.

Con người không may gằn thét, máu dồn lên mặt đỏ dừ:

- Samuel, tao muốn biết mày đã bị bọm ra sao!

- Hấn chơi rất trung thực, - những thủy thủ đứng xem quanh đấy lên tiếng ủng hộ tôi.

Người trực ban nhìn qua ống nhòm. Tàu “Buksus” kéo một hồi còi ngắn.

- Mũi Luke thần thánh kia rồi, - một người nào đó nói.

Tất cả mọi người đều quay đầu nhìn về phía boong bên phải. Chúng tôi đang đi ngang qua mũi phía nam California.

- Nào, đến lượt mày đấy, Samuel, - Tilboy nói và đưa cho tôi cái ống có xúc xắc bên trong.

Tôi giờ tay cầm ống...

Đúng lúc ấy boong tàu “Buksus” dựng đứng lên, một thanh gỗ từ phía chiếc thùng lớn bay về phía tôi, nhưng một đầu của nó bay theo đà đập vào giữa mặt Tilboy. Một người miệng há hốc, mắt trợn ngược bay vọt qua trước mặt tôi. Không hiểu sao tôi lại nắm chặt lấy ống xúc xắc rồi nhảy luôn xuống nước.

Tôi nghe thấy một tiếng kêu thất thanh đầy tuyệt vọng:

- Đắm vào mình rồi!

Mũi tàu bị vỡ toang, phía lái bị nhấc bổng lên, chân vịt ở phía dưới nó vẫn quay tít, “Buksus” đang chìm nhanh xuống nước. Mọi người nhảy xuống biển từ phía lái và phía trái boong tàu. Một người nào đấy đã thả xuống một vài chiếc xuồng và cả một tá phao cấp cứu. Tôi bơi ra xa để khỏi bị cuốn vào luồng nước xoáy tạo ra ở phía dưới con tàu đang chìm. Khi nước ngập đến những nãi hơi thì một tiếng nổ kinh hoàng vang lên và con tàu đang trằm lập trong những cuộn hơi và khói bị bửa ra làm đôi. Trên sóng thấy nhấp nhô đủ thứ: người, gỗ, ghế, các loại mảnh vụn. Mọi người giành giật nhau ở cạnh những chiếc xuồng. Họ đánh nhau để giành lấy cho mình một chỗ. Vì đánh nhau, nhiều người bị đuối sức và chìm ngấm. Tôi bơi ra xa, nằm ngửa trên mặt nước và tính kế thoát thân. Nếu không sợ cá mập xơi tái thì tôi có thể bơi dưỡng sức vào đến bờ. Thế là tôi bắt đầu bơi về phía tây.

Nước triều lên đã đưa tôi vào bờ và quãng tôi lên một bãi cát mọc toàn

những bụi xương rồng nhỏ ở cách San José mười hải lý, gần cửa vịnh California.

Những người đánh cá tìm thấy tôi ở đây, họ cho tôi nằm cuộn tròn trong vải buồm và ngủ một giấc đầy, họ chia xẻ cho tôi một bữa ăn giản dị và từ chối đồng tiền mà tôi biếu họ để tỏ lòng biết ơn sự đối xử tử tế. Họ nói tiếng Tây-ban-nha, và tôi chỉ hiểu mỗi một từ đã làm tôi sửng sốt, đó là “Mazatlán”.

Cuối cùng tôi mới vỡ lẽ rằng ở trên bờ đối diện là Mazatlán, một thành phố Mexico. Tôi đã phải tự nguyện rửa mình vì hiểu biết quá ít ỏi về địa lý. Mazatlán thực ra ở Mexico chứ không phải ở Úc châu. Thế là tôi nhớ ngay đến Rolls. Vì ông ta đang sống ở Mazatlán. Có lẽ hiện nay ở đấy còn có cả chú ông ta nữa, giáo sư Milrois...Ồ nhất định tôi phải tự mình kể mọi chuyện cho giáo sư biết!

Tôi nghĩ ngợi miên man khi nhìn thấy bóng dáng lơ mờ của Mazatlán ở phía xa.

Nếu gặp cả Vandock ở đấy thì sao? Hắn đã từng muốn đến chỗ Rolls... Dù sao Vandock cũng không phải là thằng tởm. Hắn đã nhận hết tội về mình, lại còn bố trí cho tôi chạy khỏi Rangoon một cách tôi không cần mất một xu nào. Đồng thời hắn lại chịu ơn tôi, bởi vì tôi đã giúp hắn lấy trộm rằn jirr ở công viên.

Như thế ở Mazatlán chắc có những người sẽ giúp đỡ tôi. Nói thực lòng không hiểu sao tôi lại trông chờ vào Vandock nhiều hơn cả. Tên lưu manh ấy sẽ bày mưu tính kế cho tôi. Thực ra hăng đờhốp rất có thể sẽ buộc tội toàn thủy thủ trên tàu “Buksus”, rằng việc tàu đắm phải mìn là do sự ngớ ngẩn của họ.

Dùng con thuyền hai buồm “Revilla” số phận danh nghĩa người đánh cá

Quartaro và ba đứa con trai của ông đã quăng tôi lên Mazatlán.

II

Mặt trời Mexico ác nghiệt hơn mặt trời Rangoon. Nó là thứ mặt trời nóng bỏng nhất trong các thứ mặt trời nhiệt đới. Nó thiêu đốt những dãy núi Sierra Madre đến nỗi hơi nóng bốc lên từ đáy ập vào Mazatlán như gấp một trăm lần so với những chiếc quạt làm nguội máy trên tàu “Buksus” phả hơi nóng vào người.

Những ngôi nhà nhỏ bằng đá trang lẩn dưới những bóng cây dừa, chuối, cam chạy dài từ ngoài vịnh vào thành từng nấc một trông đẹp như tranh vẽ. Nhiệm vụ trước mắt tôi là đi tìm tiến sĩ Rolls. Tôi không biết một chữ Tây-ban-nha nào. Kể ra cũng có thể nói tiếng Latin với một ông cố đạo nào đấy mặc áo dài đen và đội mũ rộng vành đang dạo mạo đi trên bờ biển, nhưng như thế sẽ gây nên sự tò mò không cần thiết của những người đi đường. Tôi cũng chẳng liêu mạng hỏi những lão cảnh sát đi dật dờ ngời ngủ lim dim dưới bóng những cây dừa ở các ngã tư đường làm gì.

Tôi vào quán uống nước, mua một điếu xì gà, rút chiếc ví nhỏ nhiều màu ra rồi trả cho người phụ nữ Mexico mắt đen một trong những đồng tiền mà tôi đã được của Tilboy.

Bà bán hàng vừa mỉm cười vừa nói. Bằng điệu bộ của bà tôi hiểu rằng bà không có tiền trả lại. Tôi phẩy tay nói:

- Thưa bà, tôi sẽ còn ghé vào hàng bà. Bây giờ ta sẽ thanh toán...

Ở vùng ven Mazatlán có một ngôi nhà hai tầng làm tôi rất thích. Nó nổi bật lên trên nền ra một vườn đầy hoa. Tôi dừng lại phía trước cửa vườn bằng sắt có những hình nổi và ngắm nghía những bông hồng lộng lẫy.

Những tấm màn trên các cửa sổ đều buông kín. Bỗng nhiên một trong những tấm màn cửa sổ ở tầng hai vén lên. Một cánh tay đàn ông mở tung cửa sổ và cái giọng quen thuộc của Vandock thét, gọi tôi với vẻ hồ hởi:

- Chao ôi! Cậu đấy ư, Pingle thân mến?

Tất nhiên tôi vui sướng trả lời:

- Trời, tôi chứ còn ai nữa. Vandock đấy phải không?

- Minh đây. Vào đi nhanh lên, vặn quả đấm ở cửa ấy. Cứ đang hoàng, ở đây không có chó đâu...

Rõ ràng Vandock ám chỉ tới câu chuyện bên cửa sổ phòng giáo sư trước đây. Tôi mạnh dạn bước vào trong vườn. Giọng Vandock vang lên từ phía trong cửa sổ:

- Pingle ạ. mình đang tắm nước lạnh. Ở cái thành phố khốn kiếp này trời nóng độc địa. Ông chủ mình đi có việc, khoảng hai ngày nữa mới về. Chúng mình tha hồ mà hàn huyên tâm sự. Cậu vào nhà đi, phòng mình ở bên trái ấy. Hãy đợi mình ở đấy và cứ tự nhiên như ở nhà. Xong ngay đây, rồi mình sẽ xuống. Và cậu cũng sẽ tắm.

Tôi làm y lời Vandock. Tôi tìm vào phòng Vandock và thoải mái ngả người trên chiếc ghế xích đu bằng mây. Trong nhà lặng lẽ và mát mẻ khiến tôi bất giác thiu thiu ngủ.

Một người nào đấy thận trọng mở cánh cửa phía sau tôi bước vào phòng.

- Thật vui sướng được gặp lại anh... - tôi mở mắt, nhưng lúc quay lại thì không phải Vandock.

Một viên cảnh sát dí ngay nòng khẩu revolver vào mũi tôi.

- Phải, lâu nay mày không gặp chúng ông. Và cũng chưa được ngủ cái

bông hoa kim hương này.

Tôi giật mình ngã người vào lưng ghế và chống vó lên trời. Viên cảnh sát liền bắn một phát súng. Viên đạn trúng vào một vật bằng thủy tinh nào đó. Những mảnh vỡ bắn tung tóe khắp nơi. Bọn cảnh sát mặc nửa thường phục bẻ quặt tay tôi ở phía sau và chẹn cổ tôi ở phía trước!

- Gông tay tên cướp này lại! - viên chỉ huy ra lệnh. Bọn họ khóa nghiêng vòng sắt và đẩy tôi nằm lăn dưới sàn.

Ngoài cuộc sống ra, tôi còn có gì nữa mà sợ, vì thế mới thét lên:

- Các người làm gì vậy, đồ quỷ tha ma bắt? Ở đây người ta tiếp đón những người du lịch theo kiểu này phải không?

Một cú đâm vào hàm dưới đã cắt đứt những lời lẽ ngoại giao tôi vừa nói. Bằng đầu lưỡi tôi cảm thấy được một chiếc răng đã bị lung lay. Bọn họ nhấc tôi lên rồi đặt đứng giữa phòng. Viên chỉ huy bệ vệ ngời vào ghế xích đu.

- Carnero, mày lên vào đây bằng cách nào? - viên chỉ huy hỏi với giọng rất ôn tồn và đồng thời bắn luôn một phát súng ở phía trên tai bên trái tôi, khiến tôi phải ngược mắt nhìn lên lên trần.

- Thưa các ngài, nếu tôi bị điếc đặc hai tai thì sẽ không thể nào nghe rõ được những câu hỏi của các ngài, tôi nói lý lẽ nhưng vẫn sẵn sàng chờ đợi một phát thứ hai sắp bắn trên phía tai phải.

- Tên cướp, trả lời đi, mày vào đây bằng cách nào? - một lần nữa cái giọng ôn tồn lại cất lên. Và quả tôi đã không lầm. Phát súng tiếp theo bay vào qua phía bên phải.

Nỗi căm giận đến điên cuồng dâng lên trong lòng tôi như cột thủy ngân vọt cao, như khi đưa hàn thử biểu ra ngoài ánh nắng.

- Cứ bắn đi quân khôn khiếp, có đến một trăm phát tao cũng không sợ! -
tôi chửi chúng theo kiểu Tilboy vẫn thường dùng. - Tao rất thích cái lối
làm quen của chúng mày. Hay đưa tao đến chỗ ngài lãnh sự...

Bọn cảnh sát cười rộ.

- Quân vờ vĩnh khéo nhỉ!

Viên cảnh sát trưởng vùng đây đứng trước mặt tôi, nói:

- Nghe đây! Tao, cảnh sát trưởng Pedro Muranes del Aronzo buộc tội
mày, tên cướp Carnero, mày chính là Dig Alvarez, lại cũng chính là Nick
Tilboy, mày đã phạm vô số tội ác, cướp bóc và giết người, tội cuối cùng
trong những tội ấy là vụ giết tiến sĩ Thomas Rolls trong ngôi nhà của ông,
nơi hiện mày đang bị bắt giữ. Khám người hần!

Nếu người ta có nhúng tôi vào nước sôi rồi lại nhúng vào nước lạnh và
cứ làm lại như vậy, thì việc ấy cũng không làm tôi xúc động bằng cái tin
về vụ án mạng Rolls.

- Nhưng tôi không hề biết tên Carnero nào hết... Tôi là Samuel Pingle, -
tôi nói lầm bầm, chữ nọ lẫn chữ kia vì cái tin đột ngột. - Phải, tôi đã biết
Tilboy...

- Câm ngay, thẳng đều, không tao sẽ hạ lệnh đánh mày, - viên chỉ huy
nói nhỏ. - Trên người mày là bộ quần áo của Carnero. Đây, cái ví nhiều
màu của hần mà bất cứ người mật thám nào, từ El Paso đến Dosterro,
cũng biết. Thế mà mày vẫn dám chửi mày là mày à?

- Trời ơi! Lẽ nào Rolls, cháu giáo sư Milrois, bị giết ư? - tôi nói thì
thăm, người tê dại đi vì kinh hoàng.

Bọn họ dẫn tôi đi, và tôi còn nghe thấy:

- Quân giết người, bây giờ mày tự sẽ nhìn thấy tất cả.

III

Phòng của tiến sĩ Rolls, rõ ràng là nơi đã diễn ra vụ án, làm tôi sợ run lên. Sàn nhà lênh láng máu, máu vấy cả lên những bức tường. Cuộc vật lộn quyết liệt đã xảy ra giữa Rolls và tên giết người. Ghế, những ngăn để ấm chén, bàn để sách - tất cả đều đảo lộn và đổ vỡ lổn nhổn. Bình đựng nước lắt lắt trên sàn, nút bị bật ra và nước đổ mất một nửa. Lẫn trong vũng nước là chiếc đồng hồ báo thức bằng đồng với kính vỡ. Tôi thấy trên bề mặt cửa sổ một chiếc búa đâm máu và con dao cạo sắc mảnh.

- Tao sẽ thuật lại cho mày biết đã hành hung ở đây ra sao, - del Aronzo hăm hăm nói với tôi, - và mày chỉ còn có một việc là thừa nhận tao nói đúng. Tiến sĩ ngẩng đầu đọc sách trước cái bàn nhỏ. Mày lén vào từ phía sau và đập búa vào đầu ông, nhưng mày không tính được ông ông Rolls khỏe hơn mày. Ông tóm lấy mày. Mày bấu ông ta một búa nữa, ông buông mày ra rồi bỏ chạy, còn mày thì chạy theo để bắt tiếp. Và đây, con dao cạo này đã kết thúc một việc...

Tôi nói:

- Hãy cho tôi xem xác tiến sĩ Rolls bất hạnh.

- Ái chà, lỗi nhỉ! - del Aronzo nghiêng răng kèn kẹt. - Nhưng dù sao đó cũng là tính cách của mày. Giết người rồi dìm xuống nước để bịt đầu mối. Đi thôi. Dắt thẳng đều ấy đi!

Chúng tôi xuống dưới theo một cầu thang hẹp ở phía sau, trên các bậc thang còn thấy rõ những giọt máu.

- Đó, chính mày đã kéo thi thể ông Rolls qua đây, - del Aronzo nói, đẩy tôi xuống phía dưới và không cho tôi suy nghĩ. - Mày đã nghỉ lại ở ngưỡng cửa vì cái công việc nặng nhọc này và...

Del Aronzo mở toang cửa vào khu vườn nhiệt đới tuyệt đẹp. Cây cối đang nở hoa và tỏa hương thơm ngát. Thật kinh hãi biết bao khi nghĩ rằng một tội lỗi ghê tởm đã thực hiện trong cái thiên đường này.

Trên con đường nhỏ trải cát biển và vỏ ốc hến thấy rõ ràng những dấu vết mà kẻ giết người đã để lại khi kéo xác Rolls đi qua.

- Chà! - del Aronzo mừng rỡ thốt lên và cúi nhặt một chiếc cúc trắng bằng xà cừ. - Đây lại là một bằng chứng có thừa nữa, thế mới biết tại sao ở cầu thang chúng ta thấy ít vết máu, còn ở đây thì hoàn toàn không thấy gì. Mày đã để thi thể chảy cạn máu ở trong phòng rồi lấy áo choàng trắng bọc lại, có lẽ thi thể bọc trong hai ba cái áo, rồi mày kéo lê đi theo những con đường này.

Đó là những việc hết sức khủng khiếp và chẳng có liên quan đến tôi một chút nào. Những xúc động ban đầu của cơn ác mộng đã dịu đi và tôi đã bắt đầu lấy lại được sự bình tĩnh vốn có. Tôi hỏi:

- Thừa ông cảnh sát trưởng, vậy tên giết người chạy về hướng nào?

- Chớ vội, Carnero, - del Aronzo trả lời với giọng nhẹ nhàng.

Từ con đường lớn có một con đường nhỏ dẫn đến bờ một cái vực dựng đứng. Ở phía dưới sóng vỗ rì rầm.

- Ở đây phải sâu tới chín mươi foot và những con mập non thích chỗ này lắm, - del Aronzo dăm chiêu nói với tôi. - Hãy nghiêng mình trước nơi an nghỉ ngàn thu của người mày giết rồi đi vào tù. Ở trong ấy mày sẽ có đủ thì giờ cầu nguyện chúa cứu vớt cái linh hồn tội lỗi của mày.

Tôi nói trịnh trọng:

- Thừa ông, xin ông một phút. Đây hoàn toàn là một sự hiểu lầm và lầm lẫn. Tôi là Samuel Pingle, một công nhân coi sóc thùng cá trên tàu

“Buksus” bị đắm ở gần mũi Luke cách đây ba ngày.

- Hay lắm, nói tiếp đi. - Del Aronzo cười mỉa.

- Tôi vào đây để tìm người hầu của tiến sĩ Rolls là Vandock, người quen cũ của tôi.

- Còn chính bản thân ông Rolls thì mày không quan tâm tới chứ gì? - del Aronzo hỏi.

- Có chứ, tôi có quan tâm.

- Lạy chúa, đây là đầu tiên mày nói thật. Vì việc này, các thiên thần sẽ tha cho mày một phần trăm tội của mày. Nhưng chín mươi chín phần trăm còn lại cũng đủ để hành hạ mày dưới địa ngục cho tới ngày tận thế. Và mày lại còn ba hoa những gì về công lao của ông nữa thế? Dù chính mày là người đã hầu hạ ông tiến sĩ... còn mày có tên là gì cũng thế thôi...

- Nhưng cho dù thế đi nữa?.. - tôi thét to rồi im lặng. Kể lại ngay bây giờ cho viên cảnh sát nghe toàn bộ những sự kiện đã khiến tôi tới cái chỗ xảy ra vụ giết người bí ẩn này là vô ích. - Thưa ông, xin ông cứ việc đưa tôi vào tù. - cuối cùng thốt ra, - và hãy báo ngay cho ngài lãnh sự biết. Tôi cần gặp ông ấy.

- Nhất định tao sẽ báo cho ngài lãnh sự biết, - del Aronzo đồng ý. - Còn theo ý kiến tao thì phải treo cổ mày lên ngay lập tức bằng một cái dây dài rồi thả xuống vực này. Nhưng đó vẫn chỉ là một hình phạt nhẹ nhất so với tất cả những tội lỗi của mày. Đi! Đưa hắn đi!

Bọn cảnh sát vây quanh tôi, lên cò súng rồi dẫn tôi tới nhà ngục.

IV

Tôi đã sống hai ngày trong cái hang chuột bằng đá ẩm ướt, nơi người ta

tổng tôi vào. Người ta cho tôi ăn một thứ cháo loãng loãng bong những quả đậu và xương xẩu thừa cặn của một loại thú mà khi sống nó vừa có vẩy lại vừa có lông mao. Những ông già nằm trên rơm ngay cạnh đấy lúc nào cũng buồn bức nguy ãn rửa vì bất kỳ một chuyện vặt vãnh nào. Họ làm tôi không tài nào tập trung suy nghĩ được. Tôi điên tiết lên và thét vào mặt họ. Thật là ngạc nhiên, ngờ đâu họ lại cầm bắt.

Ngày thứ ba người ta đưa tôi tới chỗ del Aronzo. Ông ta ngồi trong phòng làm việc tràn ngập ánh sáng của mặt trời Mexico. Một người cao vóc đang hút tẩu thuốc đứng cạnh cửa sổ. Phòng sang quá khiến tôi phải lim dim mắt.

Tôi nghe thấy giọng del Aronzo nói:

- Hấn đấy, thưa ông Robinson. Trước mặt ông là tên Carnero nổi tiếng, hành hung của hắn vang động khắp nơi, từ mũi Cape Horn đến Alaska. Hắn lại sắp giả vờ không hiểu một tiếng Tây-ban-nha nào cho coi.

- Tôi hiểu tiếng Trung-quốc và tiếng Ấn-độ, - tôi mở mắt ra, nói. Tôi hướng về phía người có vóc cao và cúi chào: - Thưa, ngài là quan lãnh sự ạ?

- Phải, tôi đây, - ông Robinson trả lời cộc lốc. - Có lẽ anh nên kể lại một cách ngắn gọn những sự việc đã xảy ra, được chứ? Anh ngồi xuống và cứ bình tĩnh mà nói...

- Xin cảm ơn ngài, - tôi cúi chào lần nữa rồi ngồi xuống chiếc ghế có đệm rơm.

Ta bắt đầu câu chuyện từ lúc đến Calcutta, tôi mô tả lại công viên rấn, bệnh dịch hạch ở Nabukhatra, tòa án, và khi đến Mất Bò được thì cổ tôi như nghẹn lại.

Del Aronzo nói:

- Kể hết đi, Carnero.

Tôi im lặng. Ông Robinson chăm chú nhìn tôi.

- Tiếp tục đi... Thế anh đã làm gì ở Phi châu.

Nhưng del Aronzo dăm chiêu hút mẩu xì gà và trả lời:

- Hắn sẽ không để ngài đợi lâu đâu, rồi hắn sẽ kể một câu chuyện khiến ngài phải sẵn sàng tháo gông khỏi tay hắn. Nhưng, thưa ngài Robinson, ngài chớ nên tin vào những lời đường mật của hắn. Hắn biết thôi miên và đã năm lần chạy thoát khỏi xà lim một nơi có ba lính canh gác trước hôm đem hắn đi xử tử.

- Được nói chuyện với một con người đặc sắc như vậy thì càng thú vị chứ sao, - Robinson nói, đoạn hướng về phía tôi: - Người ta buộc tội anh đã giết một công dân Mỹ là tiến sĩ Thomas Rolls, anh đã xin vào hầu hạ người ấy dưới một trong những cái tên giả. Người ta bắt được anh phạm tội quả tang...

- Thôi thế là đủ lắm rồi, thưa ngài Robinson! - del Aronzo thét lên vì bức tức. - Cứ để hắn đẩy cho chúng tôi, rồi hắn sẽ bị trừng trị xứng với tội của hắn.

- Không, ông Aronzo thân mến, - ông Robinson bình tĩnh trả lời. - Lễ công bằng nhất là anh ta phải được xét xử theo luật pháp của đất nước chúng tôi...

Tôi cho rằng mình có thể nói xen vào câu chuyện:

- Thưa ngài Robinson, trong hoàn cảnh của tôi hiện nay, tôi không muốn gì hơn là được rơi vào tay chính quyền văn minh của một quốc gia tự do. Ở trường học tôi đã nắm được những điều cơ bản về luật pháp và tôi hy vọng rằng một tòa án không thiên vị sẽ biện hộ cho tôi.

Nhưng cả Robinson lẫn del Aronzo đều không nghe tôi nói. Họ đang thảo luận với nhau những chi tiết về thủ tục chuyển giao tôi cho những cơ quan tư pháp của Mỹ.

Người ta đã nhận được một bức điện từ Mexico gửi đi với nội dung đồng ý trao lại phạm nhân. Ba giờ nữa một chiếc thủy phi cơ sẽ đến và đưa tôi đi khỏi Mazatlán.

Tôi sẽ không kể lại làm gì cuộc hành trình đầy phiêu lãng ấy và những ngày đầu tiên nằm trong một nhà tù xây dựng theo những yêu cầu của khoa học tội phạm và của nền kỹ thuật kiến trúc. Tôi đã phần nào quen với tình cảnh của một con người mặc áo kẻ sọc có đánh số to tướng “1011”. Đó là số tù dùng thay cho cái tên mà cha mẹ đã đặt cho tôi ở Ashworth.

Tôi đã bị hỏi cung một vài lần. Ông Greg, một nhân viên dự thẩm, nghe tôi kể lại mọi chuyện, còn người ghi tốc ký nhỏ nhắn, tóc quăn, đeo kính kẹp mũi thì kiên nhẫn ngẩng đầu ghi chép lại.

Cuối cùng, có một lần, khi tôi bước vào phòng làm việc của viên dự thẩm, ông ta nói với tôi với vẻ hết sức sôi nổi:

- Bây giờ thì chúng ta đi tới kết luận nhé!

Lần trước tôi kết thúc bản anh hùng ca của tôi ở đoạn del Aronzo dí nòng súng revolver vào mũi tôi.

- Tôi rất vui mừng, thưa ông Greg, - tôi tán thành và kinh ngạc nhìn những quyển dày cộp dưới một đầu đèn chung - “Vụ án Carnero”. Những quyển ấy đặt trước mặt Greg, và ông ta đang lật mạnh từng trang.

- Vậy thì anh đã khẳng định anh là Samuel Pingle ở Ashworth. - viên dự thẩm nói, ngáp một cách ngọt ngào. - Xin cho phép tôi được lật ngược vấn đề và phủ nhận toàn bộ những câu chuyện thần thoại A-rập của anh. Trong

khi sử dụng những khả năng không hạn chế về quyền xét xử của chúng tôi. Tôi đã theo dõi số phận của một anh Pingle nào đó đã từng làm việc trong những đồn điền của ông Pollock ở Punjab. Về sau, anh Pingle này đã bị kết án ở Rangoon về tội ăn cắp ba chục con trăn trong vườn bách thú của vương quốc.

- Hoàn toàn sai! - tôi thét lên. Không phải trăn, mà rắn jirr! Và không phải tôi mà là Vandock lấy cắp!

- Không được ngắt lời ông Greg, - người ghi tốc ký tóc quăn cảnh cáo tôi. - Ông không thích bị người khác ngắt lời. Nếu không sẽ chỉ khổ cho anh.

Ông Greg ngáp, ngược mắt nhìn lên trần rồi nói tiếp:

- Cũng chính anh Pingle này đã có âm mưu tội lỗi là làm bỏng ngài bộ trưởng Argentine trong nhà ăn trên tàu thủy. Anh ta đã đến Hong Kong để trốn tránh chính quyền. Anh đã biết ít nhiều về những hành tung của tên Pingle lưu manh này, và anh đã kể lại cho tôi nghe tất cả những tình tiết ấy, nhưng một cách nhẹ hơn...

Tôi chỉ còn biết mỉm cười cay đắng.

- Không được cười, - người ghi tốc ký tóc quăn lại nói. - ông Greg không thích ai cười, nếu không sẽ chỉ khổ cho anh thôi.

Tôi nói khò khè như không thở được nữa:

- Khổ là khổ thế nào?

Greg không tức giận. Ông ngược mắt lên như đang đọc những hàng chữ ghi trên trần mà chỉ mình ông nhìn thấy.

Ông nói chậm rãi, khoan thai:

- Và người ta đã tìm thấy xác Samuel Pingle ở gần hải đăng của mũi

Luke, đầu võ nát, sóng xô vào bờ đêm ngày mười một tháng tư...

- A, ông nhạo báng tôi phải không? - tôi chồm dậy khỏi ghế.

Greg dán mắt nhìn tôi.

- Anh bạn thân mến ạ, dự thẩm viên Greg này đã khám phá ra ba trăm tình sát vụ giết người, hai trăm vụ cướp bóc, đã tìm ra tung tích năm nghìn tên bịp bợm và một khi nó đã đi đến những kết luận... - đến đây Greg cầm lấy một trong những cuốn sách lên dứ dứ trước mắt tôi và nói thêm với một giọng dịu dàng: - nó không cười nhạo đâu. Nó đang khóc vì thấy sao tâm hồn của một con người lại có thể sa đọa thấy hèn đến thế. Nó có đầy đủ chứng cứ về tất cả những chuyện này... Đây! - Nói đoạn Greg chìa cho tôi xem một mẫu giấy hình vuông: - Đó... Người ta đã tìm thấy nó ở túi trong chiếc áo cánh của tử thi mà sóng biển quăng lên bờ.

Tấm bằng tốt nghiệp trường Dijan! Đó là tấm bằng của tôi, nó đã nhàu nát vì bị thấm nước biển, nhưng nó đã được khôi phục lại cẩn thận trong phòng thí nghiệm thẩm vấn hình sự. Vàng trên đầu sư tử đã phai hết, còn trên mõm sư tử thì thấy có những vết nhăn kéo dài, khiến nó có dáng hiên lảnh như một ông nghiện rượu già.

Tôi chỉ còn biết ngẩng đầu. Bởi vì khi trao đổi áo cánh với anh chàng Tilboy ấy, do mãi chơi, tôi quên bằng mất mảnh bằng nhét ở túi trong.

Lòng hẫ hẫ, tôi bắt đầu kể lại chuyện tôi cùng với Tilboy chơi xúc xắc trên tàu "Buksus" như thế nào. Greg phẩy tay.

- Có thể thôi, được rồi đấy, anh bạn tự gọi mình là Pingle à. Hãy nghe những kết luận của tôi đây. Anh đã làm việc cho tiến sĩ Rolls. Anh đã giết ông ta, gói ghém những tài sản quý giá lại rồi chuẩn bị chuồn. Nhưng bọn tông phạm với anh đã đến muộn, chúng chưa kịp đến để giúp anh tẩu tán những của đoạt được. Del Aronzo phát hiện được anh trước khi bè lũ của

anh đến. Anh lo lắng, anh ra khỏi nhà để đón bọn tay chân mà anh chờ đợi. Người ta thấy anh trên bờ biển. Đây là những chứng cứ của ngài Ignatius Velorose đáng kính, con người đã biết anh từ hồi ở Venezuela, nơi người đã rửa tội cho anh trước hôm anh bị đem đi hành quyết... Đây, những bằng chứng của bà bán nước quả Mercedes Glisania, người mà anh, vốn vẫn có tính hào phóng, đã tặng cho năm mươi peso... Bà ta đã nom thấy cái ví nhỏ của anh. Và đây nữa, những bằng chứng của cảnh sát Juan Lores, người đã theo dõi anh từ xa...

- Chà, thưa ông Greg, cái logic của ông làm tôi xúc động, - tôi trả lời một cách nghiêm trang. Ông biết không, ví dụ như tôi hoàn toàn không ngờ rằng tôi lại quen biết cha đạo Ignatius. Vậy thì, cuối cùng ông muốn gì?

- Chúng tôi sẽ đi điều tra đến cùng, - Greg nói vẻ quan trọng. Chúng tôi quan tâm tới tội lỗi sau cùng của anh. Chúng tôi đã khám phá ra rất cả. Ai bị giết - biết rồi. Bị giết ở đâu - biết. Bằng cách ấy, như thế nào, tại sao, khi nào - đều biết hết. Và thế là anh sẽ bị đưa ra tòa. Người ta sẽ không treo cổ anh như ở Mexico, mà cho anh ng ồi ghế điện. Và ở đấy anh sẽ không ra khỏi nước mà vẫn khô ráo đâu. Sao, hử? Im lặng à? Tôi hiểu. Người nào cũng lo lắng mỗi khi tôi nhắc tới ông Beebra, người đi đầu khiển những khí cụ điện ở Sing Sing. Này, hút đi...

Với vẻ rất lịch sự, Greg đưa cho tôi bao thuốc lá. Tôi hút và trầm ngâm suy nghĩ. Thế là, tôi, mặc dù hết sức chân thực, vẫn không thuyết phục nổi ai tin rằng, tôi là Pingle, chứ không phải là tên cướp Carnero nào đấy. Bằng được tìm thấy trong túi áo của tôi khi khám xác Tilboy. Bởi vậy, vòng tròn đã khép lại. Tất cả những gì tôi có thể nói để biện hộ cho mình thì hình như đều không đáng tin đối với viên dự thẩm ấy, con người hiện

đang yên lặng hút thuốc với vẻ hiên lành nhất, và để trả lời tôi ông ta chỉ hoặc nhún vai, hoặc mỉm cười mai mỉa. Tôi không có ấy một xu để thuê luật sư, nhờ ông ta cũng thu thập một đống những tài liệu chứng minh cho rằng tôi là Pingle. Cần phải thu thập những chứng chỉ, bắt đầu từ Ashworth và Dijan, tìm kiếm cả người đốt lò trên tàu “Mèo xanh”.

Lúc ấy bộ mặt tinh quái và giọng nói ngọt ngào của Vandock hiện lên rất rõ trong óc tôi. Tôi còn nhớ lại được cả cái cảm giác khi tôi chen ấy có hẳn trong công viên rấn.

Tôi nắm chặt hai tay lại, nhìn chăm chăm vào cặp mắt lồi trắng dã của Greg và nói dần từng tiếng:

- Hãy đưa tôi ra tòa, tôi sẽ tự bào chữa lấy.

Cặp mắt của Greg ngược nhìn lên trần như đang cầu nguyện.

- Anh bạn của tôi ạ, cứ việc mà bào chữa, nhưng anh sẽ không thoát đâu.

Tôi rót nước trong bình ra và nốc cạn một cốc đầy.

Sự bình tĩnh trở lại ngay tức khắc, bởi vì đầu óc tôi bỗng nhiên như bừng tỉnh.

Giống như một tia chớp lòà rạch ngang bầu trời, một ý nghĩ vụt lóe lên trong đầu tôi, ý nghĩ ấy quá đơn giản, khiến tôi phải ngạc nhiên là tại sao nó không đến với tôi sớm hơn.

Chương bảy

I

Tôi đã chờ tòa gọi gần tháng rưỡi. Công việc mà những người bị bắt phải làm đã gây ra ở tôi sự ngu độn đặc biệt kiểu nhà tù. Chúng tôi đã phải đóng những quyển kinh cầu nguyện. Từ đấy, hình thiên thần cưỡi cảnh dơi in nổi màu vàng và dòng chữ đề “Thánh ca” lúc nào cũng làm tôi giận điên lên.

Một lần, trong lúc dạo chơi, có người nào đẩy trong đám tù dúi vào tay tôi một mớ giấy: “Carnero, nếu cần, tôi sẵn sàng giúp đỡ anh. Bigden”. Tôi đã vò mẩu giấy trong lòng bàn tay ướt đầm mồ hôi cho đến khi nát vụn mới thôi, và không trả lời gì.

Đêm đêm tôi không ngủ được. Những ý nghĩ không ngừng hành hạ tôi. Một kẻ thù ghê gớm nhất mà con người biết đang chống lại tôi, đó là sự định kiến. Chỉ có thể đánh bại nó bằng một cú đánh thật bất ngờ, thật sắc sảo. Phải lao vào đột kích nó với lòng tin hoàn toàn vào thắng lợi.

Trước hôm ra tòa, viên giám ngục Jige, một người khổng lồ đầu trọc với đôi tai to núng nính, đã ra ấn cho phép tôi nằm nghỉ trưa trên chiếc giường do chính tôi làm. Tôi nằm khênh, hai chân gác cao hơn đầu.

Jige nhìn tôi với vẻ thông cảm.

- Chú mình ạ, ngày mai thì chú mình phải động não rồi. Tớ cảm thấy rằng chú mình đã rơi vào bẫy, chẳng khác nào thả non rơi vào cái bẫy dùng để bắt cáo. Và xem ra chú mình chẳng có cái vẻ của một con người đã từng tàn hại gần hai tá người. Ngày mai khi người ta đưa chú mình lên ô-tô thì

chớ có tìm cách chạy trốn. Tôi biết mới đây một người trong xà lim thứ chín đã đưa cho chú mình một mẫu giấy của Bigden lúc ở ngoài sân, và chú mình đã không trả lời gì cho người viết.

- Ông Jige thân mến, nếu có thể xin ông nói hộ với cái anh chàng Bigden mà tôi không quen biết ấy rằng hãy để cho tôi yên. Hãy bảo mọi người để cho tôi được yên tĩnh.

Tôi gác chân lên thật cao hơn nữa và giả vờ ngủ.

Jige đi ra ngoài, còn tôi thì lợi dụng những giờ phút cuối cùng ấy để ôn lại trong óc tất cả những lời lẽ mà ngày mai tôi sẽ nói trước tòa.

Khi người ta dẫn tôi lên tòa, trong lòng tôi vẫn chờ đợi được thấy một cái gì đấy to lớn, bất ngờ. Nhưng trong gian phòng lớn, nơi tụ tập không quá một trăm người, kể cả công chúng tò mò muốn biết người ta sẽ rón tôi trên ghế điện bằng thứ nước xốt nào, mọi việc vẫn diễn ra như thường ngày.

Tôi rất thích ông thẩm phán, vì ông ta giống như cha trưởng đạo Jeremiah của chúng tôi ở Ashworth, rắn chắc, hùng hào, nhưng hơi uế oải, hình như ông ta vừa ăn sáng quá no. Những người trong hội đồng xử án ngồi trên những ghế tựa đối diện với tôi. Những khuôn mặt của họ hòa vào nhau thành một vệt, và bây giờ tôi không sao nhớ lại được một trong những khuôn mặt ấy. Ông kiểm sát trưởng trông có vẻ nhỏ nhắn khi ông ta ngồi sau chiếc bàn và nghiêng mình trên những tập “Vụ án Carnero” mà tôi đã từng biết. Nhưng khi ông vươn thẳng mình để đứng dậy và nói với ông thẩm phán “Ồ vâng” thì hóa ra lại là người dài ngoẵng và gầy, người ta còn thấy những cúc cài vàng trên các cổ tay áo của ông.

Tôi đã sẵn sàng chờ đợi một tình thế xấu nhất: người ta sẽ đổ lên đầu tôi mọi tội lỗi của tên Carnero khốn kiếp và một cố đạo Ignatius nào đó

thực sự nhận lầm tôi thành một tên cướp ở Nam Mỹ, ấy là chưa kể đến bà Mercedes đáng kính, người đã nhận của tôi năm mươi peso.

Nhưng ông thẩm phán và những người trong hội đồng xử án không có khuynh hướng đi sâu vào những chuyện tội lỗi của Carnero. Họ quan tâm tới vụ án mạng của tiến sĩ Rolls nhiều hơn. Do đó người ta chỉ thuật lại tất cả những gì del Aronzo phát hiện được trong nhà Rolls, việc này phần nào đã làm cho hội đồng xử án và công chúng xôn xao lên một chút.

Ông chánh án uể oải rung chuông và nói, mời châu ra phía trước:

- Lô báo chí im lặng cho!

Ở góc phòng, sau một hàng rào nhỏ, có hai người ngồi cặm sổ trong tay. Đó chính là lô báo chí. Một phóng viên đang ghi sổ tay, còn người kia thì khoái trá gặm hòn tẩu và kéo ghế lên cả phòng lên.

Tôi không lưu tâm đến Carnero nữa, tôi bắt đầu cắn móng tay, ra vẻ hoàn toàn không để ý gì tới viên thư ký lúc ấy đang đọc nhanh bản cáo trạng.

Cuối cùng giọng ông thẩm phán vang lên:

- Bị cáo, anh điếc hả?

- Không, thưa ngài thẩm phán, - tôi đứng dậy, trả lời.

- Anh có thừa nhận mình là kẻ có tội không?

Tôi trả lời bằng một giọng lịch sự và lễ độ nhất:

- Xin ngài thứ lỗi cho, thưa ngài thẩm phán, trước khi trả lời câu hỏi của ngài, tôi yêu cầu ngài ghi vào biên bản lời tuyên bố sau đây của tôi. Tên tôi là Samuel Pingle, người ở thành phố Ashworth. Tôi chưa hề quen biết tiến sĩ Rolls đã quá cố bao giờ, cũng chưa hề làm việc cho ông bao giờ. Trong đời mình, tôi chưa từng phạm một tội lỗi nào...

- Hãy trả lời thẳng vào câu hỏi của tôi, - ông thẩm phán nói với giọng nghiêm khắc.

- Xin lỗi ngài, thưa ngài thẩm phán, tôi đã hứa trả lời ngài sau khi kết thúc lời tuyên bố của tôi, - tôi phản đối lại cũng bằng một giọng nghiêm khắc y như thế - các ngài buộc tội tôi chỉ là vì người ta đã nhận lầm tôi thành một người khác. Đây là sai lầm của ông Greg, trong quá trình đi đầu tra ông chỉ tập trung vào việc thu thập những tài liệu nhằm kết tội một tên cướp nào đó, chứ không phải tôi, Samuel Pingle, người đã nổi tiếng lẫy lừng khắp thành phố của các ngài...

Ông thẩm phán nhăn mặt:

- Anh nói “nổi tiếng” nghĩa là thế nào? Anh muốn chứng minh anh là Pingle chứ gì? Cái anh Pingle mà xác đã bị sóng quăng lên bờ phải không?

Nhưng ở trường Dijan người ta đã dạy tôi những khái niệm về pháp lý không phải là vô ích. Ôi, những thầy giáo Auer và Slowly quý yêu của con! Chỉ đến bây giờ con mới hiểu rằng phải học tất cả mọi thứ và không có một thứ khoa học nào lại không đem lại lợi ích cho con người vào một lúc nào đấy.

- Vâng, thưa ngài thẩm phán và quý tòa! - tôi nói lớn, rướn thẳng người và giơ tay lên một cách gây ấn tượng; ở trường thầy Slowly vẫn thường đọc những đoạn văn trích lời phát biểu của Cicero kèm theo với động tác ấy. - Tôi trịnh trọng tuyên bố rằng tôi chính là Samuel Pingle, người đầu tiên đã biểu diễn trong rạp “Colosseum” tại đây tiết mục...

Nói đến đây tôi buông đầu lửng, đúng như ở trường thầy Auer vẫn khuyên chúng tôi làm “trước lúc giáng một đòn sấm sét”. Tôi nhìn thấy những cái miệng há hốc, những nụ cười mỉa mai nửa miệng, những cặp mắt nheo lại của mọi người xung quanh. Không được dừng lại lâu hơn nữa

mà phải giáng xuống ngay.

-...tiết mục “Người nhẹ hơn không khí”.

Ở chỗ công chúng ng ẩ mọi người xông xáo lên. Người phóng viên kéo ghế kêu ken két. Ông thẩm phán rung chuông như điên dại.

- Tôi tuyên bố tạm ngừng! - cuối cùng ông cố thét lên cho mọi người nghe thấy.

Hội đồng xử án vào phòng họp kín. Một người trông lịch sự dễ ưa tới cạnh chỗ tôi ng ẩ và nói:

- Ông thẩm phán đã cho phép tôi ng ẩ nói chuyện với anh. Anh còn trẻ lắm, chưa đủ kinh nghiệm để gạt bỏ được một đống những lời buộc tội ấy đâu. Tôi là luật sư Godwin, tôi sẽ cãi giúp anh không ấy ti ền. Anh ký giấy ủy nhiệm đi.

Qua thái độ kính trọng của mọi người xung quanh đối với Godwin, tôi hiểu rằng tôi không có lý do gì để từ chối và tôi đã ký vào mảnh giấy nhỏ. Godwin mang giấy đi.

Năm phút sau ông quay trở lại và ng ẩ vào sau một chiếc bàn phía trước mặt tôi, đối diện ngay với ông kiểm sát trưởng. Bên trái và phải ông Godwin còn có hai người khác nữa. Họ bắt đầu lôi trong cặp ra những sổ tra cứu, những bộ luật, vở, sổ tay, giấy tờ và chỉ một lát sau trên bàn của họ cũng đầy ắp như trên bàn ông kiểm sát trưởng.

Godwin quay về phía tôi.

- Tôi đã chăm chú nghe toàn bộ bản cáo trạng và những lời buộc tội. Đây rõ ràng là một sự nh ần lẫn nghiêm trọng, và, tôi cho rằng không chỉ đối với anh. Khi anh tuyên bố với tòa thì tôi đã cảm thấy tôi nghĩ đúng. Bây giờ cần phải thuyết phục hội đồng xử án. Sắp tới tôi và các bạn đồng

nghiệp của tôi sẽ làm bằng được việc này. Anh không cần phải phí lời. Chỉ trả lời ông thăm phán một cách vắn tắt thôi. Nếu tôi giơ tay phải lên vuốt tóc thì anh nói “đúng”, nếu giơ tay trái thì nói “không”. Cuộc đấu sắp tới không có gì ghê gớm đâu. Dũng cảm lên, anh Pingle ạ. Tòa chỉ nghỉ một lát uống nước rồi lại tiếp tục...

Không bao giờ tôi quên được những lời phát biểu của luật sư khi ông lập luận cho lời tuyên bố của tôi.Ồ, cái ông luật sư Godwin ấy mới thật là người có kinh nghiệm chứ!

Ông bước ra đứng giữa phòng, trước bàn chánh án với dáng điệu của một con người có thể dờn non lấp biển. Ông bắt đầu bằng một giọng nhẹ nhàng, một mẻ:

- Trong cuộc sống có những trường hợp mà...

Gian phòng lặng ngắt, đến nỗi nghe rõ cả tiếng kêu leng keng của miếng kim loại dùng làm vật trang sức móc trên dây đồng hồ của Godwin, dường như những tiếng kêu ấy đang hòa cùng lời nói của ông. Trong lô báo chí đã chật ních người. Các phóng viên ghi chép lia lịa, không rời khỏi sổ. Các phóng viên nhiếp ảnh len đến chụp chỗ này chỗ nọ. Còn Godwin thì đã bắt đầu bốc lên. Ông dùng nhiều cử chỉ và biết dừng lại ở chỗ cần dừng, tưởng như ông đang chơi một nhạc cụ lớn nhiều dây vậy. Những vật áo trào của ông bay lên bay xuống khi ông xoay nhẹ nửa vòng về phía công chúng để tranh thủ sự đồng tình. Những giọt mồ hôi lớn lăn trên má ông, còn cặp mắt thì sáng ngời lên. Ông ra hiệu bằng một động tác nghề nghiệp hết sức nhẹ nhàng, và một trong những người giúp việc đã đưa ngay cho ông một cuốn sổ tra cứu mở sẵn. Godwin vội cần lấy cuốn sách, đọc lên một loạt điều luật, ném bịch cuốn sách xuống bàn, rồi nói với giọng ngày một cất cao. Bây giờ ông đã gập lên như tiếng kèn của thần

Archangel*:

- Cần phải quyết định ngay anh ta là ai...

Tay phải Godwin đưa lên thái dương. Tôi mãi mê nghe và cứ mỗi lời luật sư nói ra lại làm tôi thêm tin chắc rằng người vô tội nhất trên Trái đất này là Samuel Pingle.

- Vâng, tòa phải quyết định ngay bây giờ... - Godwin nói hùng hân, đưa tay phải lên túm lấy những búp tóc quăn ướm đẫm mồ hôi của mình và ném cái nhìn nóng bỏng, giận dữ về phía tôi.

- Đúng! Đúng! - nhớ tới lời dặn của luật sư, tôi lấy hết sức hét to lên.

Như vậy là tôi đã đóng vai người đệm đàn gõ hòa theo với người ca sĩ tốt giọng ấy.

Godwin nói hơn hai tiếng đồng hồ. Ông có quyền làm như vậy dựa vào những đi đầu luật của bang này, ở đây người ta đã kết án tôi.

- Tôi yêu cầu tòa kiểm tra lại lời khẳng định của người được tôi bào chữa, rằng anh ta chính là Samuel Pingle chứ không phải là ai khác, người mà hai năm trước đã từng biểu diễn ở rạp xiếc “Colosseum” của chúng ta.

- Godwin kết thúc trong một bầu không khí bị kích thích ngày càng tăng của cả phòng. - Thưa các quý ông quý bà, xin hãy nhớ cho một đi đầu! Trên thế giới này không ai có thể biểu diễn được tiết mục chết người ấy ngoài chàng thanh niên “nhẹ hơn không khí” này, anh ta là người duy nhất được chiếc máy phóng kỳ quái mà không người nào trong chúng ta có thể quên được phóng lên một lần. Sau anh ta, một vài người đã thử làm lại tiết mục này, nhưng tiếc thay, họ đều tỏ ra nặng hơn không khí... Và đây, nhà vô địch xuất sắc về nhẩy tạo hình, ông Pingle một lần nữa đứng trước mặt các vị. Trên đầu ông đang đè nặng lời kết tội kinh khủng nhất - giết người. Máu của người chết thấm tận trời xanh kêu gọi báo thù. Tuy nhiên cần nói

thêm, là Rolls đã chết mất xác... Nhưng ở đây thì đang vang lên tiếng kêu cứu của kẻ vô tội. Người thanh niên này không có tội...

- Không! Không! - tôi nói như muốn khóc nức nở, vì Godwin đang giơ tay trái lên bứt tóc ở trên đầu.

- Anh Pingle chỉ yêu cầu một việc - đó là cho anh cái khả năng chứng minh mình là Pingle.

Godwin đưa tay phải lên cằm nẹp áo và nói rành rọt, cân nhắc từng từ một.

- Tôi đề nghị tòa thỏa mãn yêu cầu của bị cáo.

Một hồi đã rồi, ông ngồi phịch xuống ghế. Tôi thấy rõ cả hơi nóng từ đầu ông bay lên. Tôi điên cuồng tha thiết được ôm hôn ông, nhưng tiếng chuông của ông thẩm phán đã ngăn tôi lại.

- Xuất phát từ việc...- ông thẩm phán bắt đầu bằng một câu như vậy, và tôi cảm thấy như không phải ông nói, mà đang nhai một vật gì đó. Lời nói của ông bện lại với nhau một cách rất kỳ quái thành những đường thêu tinh vi nhất, lúc thì độc ác giấu cợt Godwin, lúc lại đề cập đến số phận của người thanh niên đang nằm trong tay tòa án. Ông thẩm phán này cũng là một người khôn ngoan và biết cách ăn nói. Giọng ông đã bắt đầu vang lên sang sảng và có sức biểu hiện mạnh mẽ. Nghe ông nói, có lúc tôi như được đưa lên tới đỉnh điểm của niềm hy vọng, có lúc lại như bị tụt xuống vực thẳm của nỗi thất vọng. Nhưng khi giọng nói của ông thẩm phán đang vang lên những âm điệu bi thảm thì bỗng ông hạ giọng:

- Tôi quyết định: cho phép bị cáo được chứng minh cá nhân mình bằng cách biểu diễn lại trước tòa tiết mục nguy hiểm chết người trong chương trình của rạp xiếc.

II

Phiên tòa xét xử vụ án của tôi hoãn lại trong mười ngày. Trong thời gian ấy tôi phải chuẩn bị biểu diễn.

Kể từ khi tôi bị ra tòa, cuộc sống trong tù của tôi đã thay đổi như có phép màu nhiệm.

- Ô hô, chú mình đâu phải một con chim nhỏ tầm thường. - Jige nói, bước theo tôi vào trong xà lim rồi sập cửa lại. - Chú mình với Godwin sửa viên thẩm phán một trận nên thân... Tuyệt! Chắc chú mình đói rồi đấy nhỉ. Tôi đã bảo mang cơm trưa vào đây. Tên đầu bếp làm món pâté khá đấy. Luôn tiện, chú mình đặt món cho bữa chiều ngay đi...

Tôi mỉm cười cay đắng:

- Bác Jige thân mến, bác nhạo báng tôi đó sao?

Bác ta rất giận.

- Nhạo báng một nghệ sĩ ư? Nhạo một nhà vô địch ư? Tôi không có thói ấy. Tôi có hai con trai - cả hai đều là vận động viên. Khi xem buổi diễn đầu tiên của anh ở rạp “Colosseum” về, lúc nào bọn chúng cũng mơ tưởng tới “Người nhẹ hơn không khí”. Anh bạn ạ, lẽ nào cuộc đời không dạy anh biết kinh ngạc sao?

Người ta dọn lên một bữa cơm thịnh soạn. Tôi ăn ngẫu nhiên như rắn yigshu nuốt chuột con.

Jige xem xét xà lim với vẻ không hài lòng.

- Bên cạnh có một chỗ bỏ trống rất tốt. Một người hết sức sắc sảo đã từng sống ở đây một nửa năm, anh ta đã tự bào chữa trước tòa, mặc dù đã bị bắt quả tang về tội nặn kết ở kho ngân hàng. Tôi hy vọng rằng việc chuyển sang bên xà lim ấy sẽ đem lại cho chú mình niềm hạnh phúc thực

sự...

Sau bữa cơm trưa tôi chuyển sang xà lim bên cạnh. Ở đây có bàn ghế rất đẹp, giường trải đệm, chậu rửa mặt bằng đá hoa. Chỉ còn thiếu những bức tranh lồng trong khung thiếp vàng nữa mà thôi.

Tôi thích thú ngó vào chiếc ghế bành mềm và đề nghị:

- Bác Jige ạ, bác cứ xách tai để tôi tỉnh dậy nhé. Đã xảy ra chuyện gì thế bác?

Người giám ngục mỉm cười vui vẻ.

- Anh bạn ạ, đã xảy ra chuyện kinh thiên động địa. Thật may mắn cho anh. Bây giờ các báo chí sẽ chỉ nói tới anh thôi. Chà, “Người nhẹ hơn không khí” kia mà! Anh có sẵn lòng tiếp khách tới thăm không?

- Ông Godwin ư?

- Không kể các luật sư. Còn các nhà viết phóng sự? Phóng viên? Những kẻ bịa chuyện vui? Những nhà nhiếp ảnh? Những nhà quay phim thời sự? Chớ để họ quay phim anh mà không trả tiền. Hãy lấy khăn che mặt lại. Bây giờ bọn họ sẽ chìa tiền ra ngay...

Có thể cười những lời khuyên ấy của Jige, nhưng sự việc quả là nghiêm trọng. Tôi không còn nghi ngờ gì nữa, lời tuyên bố của tôi đã thực sự làm chấn động dư luận. Nhưng mười ngày nữa tôi đã phải nằm vào máy phóng. Đó chính là điều làm tôi ghê sợ.

Ngay sau đấy Godwin đến cùng với hai người khác.

- Thế nào, Pingle, anh đang gây ra một chuyện phức tạp phải không! - một trong ba người ấy chìa tay ra cho tôi ngay từ khi mới bước vào xà lim. Đó là ông giám đốc rạp xiếc “Colosseum”. Ông ta cứ bắn khoản mãi. - Chao ôi, anh đã làm tôi thiệt hại biết bao nhiêu khi bỗng nhiên cắt đứt các

buổi diễn! Nhưng tôi đã nói: “Rồi anh ta sẽ trở lại”.

- Còn đây là bác sĩ Wilson, - Godwin giới thiệu với tôi một người khác, trông ông ta khô khan và nghiêm khắc, người bó chặt trong chiếc áo trao. - Bây giờ chúng ta sẽ không để phí thời giờ quý giá. Sự việc là như thế này. Chúng ta thì chẳng nghi ngờ gì ông Pingle là ông Pingle. Việc ông ta đã từng làm một cú nhảy nổi tiếng cũng đã rõ ràng. Bây giờ ông phải làm lại tiết mục ấy trước tòa...

- Tôi phải, - tôi thở dài, tự thừa nhận rằng mình gây ra một chuyện phức tạp thật.

Godwin hỏi:

- Ngài giám đốc, hình như máy phóng vẫn còn nguyên vẹn chứ?

Ông giám đốc gật đầu:

- Không suy chuyển.

- Thế còn ông Clips? - Tôi thốt lên.

Ông giám đốc cup mắt nhìn xuống.

- Anh Pingle ạ, hiện nay xin khoan hỏi về ông ta. Có một số việc buộc ông...

Godwin xua tay về phía ông giám đốc.

- Xin ông đừng nói chuyện linh tinh nữa. Cần phải kiểm tra lại xem người anh Pingle có sẵn sàng nhảy không... Máy phóng của ông cho phép một quá tải là bao nhiêu?

- Không quá nửa pound. Thậm chí ít hơn...

Godwin vừa lau mồ hôi tay vừa lo lắng chạy đi chạy lại trong phòng.

- Đấy ông thấy chứ... Cần phải làm sao cho trọng lượng của “Người nhẹ hơn không khí” tương ứng với sức bật lò xo của máy phóng. Ông

Wilson, mời ông khám cho anh ta hộ. Pingle, cởi nên áo ra...

Tôi cởi quần áo. Cả ba người đều xem xét thân hình tôi từ đầu đến chân, họ sờ nắn các bắp thịt ở chân và tay.

Bác sĩ dùng thước dây đo dọc rồi lại đo ngang, ông nói lầm bầm đi đâu gì đó, tính nhẩm trong óc rồi kết luận:

- Trọng lượng của anh ấy thiếu sáu pound...

- Thế thì máy phóng sẽ hất anh ta tới góc cuối cùng của rạp mát, - ông giám đốc nói với vẻ đăm chiêu. - Cần phải thay lò xo...

- Chúng ta sẽ vỗ béo anh ta, - ông giám đốc nói giọng quan trọng. - theo tôi. khẩu phần ăn là chất ngọt, đậm và một chút mỡ. Xoa bóp toàn thân mỗi ngày hai lần. Thường xuyên kiểm tra trọng lượng. Tập xà...

Cuối cùng ông giám đốc tuyên bố:

- Tôi đã thấy trước mọi việc và đã lo toan đâu đấy cả rồi.

Godwin cười thích thú:

- Thế thì tôi rất yên tâm. Cần phải tiến hành luyện tập ngay bây giờ...

“Đồng tiền làm nên mọi chuyện”, - câu cách ngôn Ấn-độ nói như thế. Tiền của ông giám đốc đã biến phòng giam tôi thành một tổ hợp chưa từng thấy, nó vừa là an dưỡng đường lại vừa là phòng luyện tập thể thao. Những người bị giam mang đến đây những cái cân chính xác và đặt xà. Tôi được mặc một bộ pijama rất ấm, ăn khỏe và cân mình. Sau đó người ta xoa bóp cho tôi; tôi nghỉ ngơi, luyện tập theo thời gian biểu và vui mừng nhận thấy rằng những bắp thịt của tôi đã nở nang và chắc nịch. Ngày nào ông Godwin, ông giám đốc và bác sĩ Wilson cũng đến thăm tôi.

Còn ở phía ngoài, sau bốn bức tường nhà tù, biển đời vẫn đang rì rầm vỗ sóng, và chỉ chình thoảng âm hưởng của những đợt sóng mạnh mới dội

đến tai tôi. Những người yêu thích nghệ thuật xiếc đã gửi hoa đến cho tôi. Phòng giam trở nên giống như một nhà kính trồng cây. Rất nhiều thư và điện đến tên tôi, nhưng Jige đã ra một chỉ thị nghiêm khắc cấm không được để thư từ làm phiền tôi, vả lại tôi cũng không có thì giờ đọc các thư từ ấy. Chỉ có một lần người xoa bóp vô tình để quên lại một tờ báo, và tôi đã đọc thấy những điếu nói về tôi.

Ban biên tập đã đăng một chuyện có thật là hai năm trước một nhà tỷ phú nổi tiếng là Hopkhar đã mua lại của ban giám đốc rạp “Colosseum” toàn bộ chiếc máy của tiết mục nguy hiểm chết người “Người nhẹ hơn không khí” và đã mấy lần mời những người muốn làm lại kiểu nhảy của tôi. Nhưng chín người dũng cảm đã lần lượt chết vì lao đầu xuống đất bên cạnh thùng. Chính nhà tỷ phú, người ham mê những loại thể thao liêu lĩnh, rất thích cái trò chơi giật gân ấy. Ông ta đang tìm kiếm người thứ mười.

Nhưng đã từ một năm nay, trên khắp mặt địa cầu này không tìm đâu ra con người dám nằm lên máy phóng. Tất nhiên, ông Hopkhar không bao giờ nghi ngờ rằng bị cáo chính là nhà vô địch mà trước đây đã có lần lao đầu vào đúng giữa thùng một cách rất tài nghệ.

Thế nhưng hiện nay ông ta vẫn hết sức vui mừng vì cuối cùng ông ta đã tìm thấy người dũng cảm thứ mười. Ông Hopkhar đã đóng mười nghìn dollar cho hội “Equiteble” để bảo hiểm cho kẻ dũng cảm. Ông Hopkhar không ngần ngại trong việc chi tiền. Ông nhận chi phí mọi khoản cho phiên tòa ở rạp “Colosseum” và chính ông sẽ bấm nút máy phóng để phóng người tự gọi mình là Pingle lên một trăm hai mươi ba phẩy ba foot trước mặt ông thẩm phán và hội đồng xử án. Người ta thông báo rằng cái thùng hết sức quan trọng ở phía dưới sẽ chứa một dung dịch muối biển do phòng thí nghiệm của công ty hóa học “Harvard Limited” chế tạo theo đơn

đặt hàng đặc biệt, và trọng lượng riêng của dung dịch muối là 1.71 ở 45°F.

III

Tới ngày thứ mười một, theo quyết định của tòa án, người ta mở phiên tòa xét xử vụ án mạng Rolls ở trong rạp xiếc “Colosseum”.

Hopkhar dành cho hội đồng xử án chỗ ngồi ngay trên rìa vũ đài. Nhưng nhà tỷ phú, người đã thuê rạp xiếc của ông giám đốc ngày hôm ấy, hoàn toàn không muốn phí tiền vô ích chỉ vì sự thích thú cái trò chơi nguy hiểm giết người của mình. Ông chỉ cho tòa án thuê những chỗ ngồi trên vũ đài, còn ngoài ra không cho một chỗ nào nữa.

Do đó công chúng đã trả tiền gấp đôi gấp ba để được vào ngồi những chỗ ở khu vực dưới nhà và trên gác.

Khi tôi bước ra vũ đài trong chiếc áo giản dị của thủy thủ tàu “Buksus” mà một người bạn cùng tàu đã gửi vào tù cho, thì trong rạp lao xao những lời tán thưởng. Một số người đã vỗ tay. Những người ngồi trên gác thét:

- A-lô, Pingle. Dừng cảm lên!..

Ông thẩm phán rung chuông. Nhưng tiếng chuông mỏng mảnh đã chìm lấp đi trong khoảng không rộng lớn của rạp như tiếng một con ruồi vo ve trên cánh đồng bát ngát.

Tòa ngồi ở một chỗ tiện lợi, xung quanh tòa là những người ghi tốc ký, đánh máy chữ, nhân viên văn phòng và cảnh sát. Trên những lối đi tụ tập những phóng viên nhiếp ảnh và các nhà quay phim.

Ban giám đốc cho bật ánh sáng tất cả các đèn. Trong các lô báo chí người ta chen chúc nhau. Một vài chiếc máy điện báo in chữ đã sẵn sàng chuyển mọi tin tức phiên tòa về New York, Washington và ra ngoài đại

dương. Rõ ràng là tất cả mọi phương tiện thông tin đã ở tư thế sẵn sàng.

Còn phía trước tòa là cái thùng đựng nước và cái nôi máy phóng mà tôi đã từng biết.

Ông thẩm phán tuyên bố:

- Phiên tòa xử lại vụ án bắt đầu. Bị cáo có khẳng định nguyện vọng muốn chứng minh mình là Samuel Pingle không?

Cả rạp “Colosseum” chết lặng đi chờ đợi câu trả lời của tôi.

- Có chứ thưa ngài thẩm phán, tôi đồng ý và sẵn sàng chứng minh cá nhân tôi ngay bây giờ. - tôi nói to và rắn rỏi.

Godwin đứng dậy:

- Tôi đề nghị tạm nghỉ. Bị cáo cần phải thay quần áo cho thích hợp. Anh ta không thể thực hiện được tiết mục trong bộ quần áo chật làm cản trở các động tác.

Trong rạp ồn ào lên.

- Tòa thỏa mãn yêu cầu của luật sư bào chữa và tuyên bố tạm nghỉ.

Cảnh sát đưa tôi vào sau cánh gà.

Thế là lại một lần nữa tôi đứng trong cái phòng thay quần áo mà trước đây tôi đã từng trèo qua cửa sổ của nó, để trốn đi. Sau khi leo qua cửa sổ nhà này, tôi đã phải trải qua một con đường rắc rối biết bao để lại được đưa tới đây một lần nữa qua cửa lớn!

Hiển nhiên là số phận đã giữu cột tôi. Sự thế sẽ thế nào nhỉ, nếu tôi không lao vào thùng nước mà lại lao thẳng vào ông thẩm phán? Thế thì tôi sẽ đè gãy cổ ông ta và đồng thời đè gãy cả cổ mình nữa chứ sao...

Tôi nghĩ như vậy khi những người phụ trách hóa trang lặng lẽ thay cho tôi bộ quần áo chèn bằng tơ của diễn viên xiếc dưới sự giám sát của những

tên sen đêm. Họ đều biết rõ tôi, nhưng không dám nói một lời: bởi vì người ta đã cấm mọi người không được chuyện trò với tôi. Nhưng tôi là người đầu tiên phá tan sự im lặng.

- Ông Godwin, xin ông hãy nghe tôi nói, - tôi hướng về phía ông luật sư lúc ấy đang cùng ông giám đốc đứng xem tôi hóa trang, - hãy cho tôi gặp ông Hopkhar. Bởi vì ông ta là người sẽ bấm cái nút quyết định ấy. Tôi rất muốn biết ông ta định thả lò xo như thế nào.

Bỗng nhiên một nỗi sợ ghê gớm tràn ngập lòng tôi. Nhớ đây là một việc đã được bố trí từ trước thì sao? Nhớ cái ông Hopkhar nào đó thả lò xo quá mạnh thì sao. Nhớ ông ta không biết đi đâu khiến máy thì sao? Nhớ tất cả bọn họ đều muốn tôi...

Không còn nhớ mình là ai nữa, tôi đứng phắt lên và hét:

- Tôi không muốn! Tôi không nhảy!

Một giọng giễu cợt vang lên:

- Ái chà! Ấn anh ta ngã xuống ghê!

Tôi xoay người trong đôi cánh tay rắn chắc của Godwin và kêu lên:

- Được! Cứ việc mà ấn tôi xuống ghê?

Godwin ghé vào tai tôi:

- Ông Hopkhar muốn nói chuyện với anh đấy.

Tôi hết sức ngạc nhiên khi trông thấy nhà tỷ phú. Ông bước vào với dáng điệu đầy kiêu hãnh và tự chủ. Đó chính là Clips, ông ta ăn mặc không chê vào đâu được.

Một kim cương sáng lấp lánh trên chiếc kim găm cài ở cravate của ông. Clips nhìn tôi với vẻ nghiêm khắc, và bỗng nhiên, bằng một cử động không thể nào bắt chước được, ông nhướn hàng lông mày bên trái lên. Đó là ám

hiệu bảo im lặng và thận trọng. Tôi hiểu rằng bây giờ không phải lúc cần biểu thị sự ngạc nhiên của mình trước cuộc gặp gỡ bất ngờ này.Ồ, đó là một nhà tỷ phú chính cống, nhưng tôi thấy rõ là trên mặt ông đã bôi son phấn để hóa trang. Clips sắm vai. Ông nói rít qua rằng không được lễ độ lắm:

- Godwin, thằng bé đã thay quần áo xong chưa? Nhỏ năm giọt rum vào một mẫu đường cho hắn ăn. Trong tay tôi, hắn sẽ nhảy như thần cho coi.

Ông bắt tay tôi khích lệ:

- Chú mày chỉ được xoay hai vòng thôi nhé. Và đếm đến mười một. Đến mười hai thì chú mày đã ngã trong thùng rỗng. Nào, bây giờ thì ra trường đua. Hãy kẻ lão thẩm phán ấy chuẩn bị cái ô. Chúng ta sẽ gây ra trên vũ đài một cơn bão trong một cốc nước...

Tôi mút hết mẫu đường rỗng đứng dậy.

- Xong.

Clips nói:

- Thế mới tốt, hãy nhìn đời cho vui vẻ hơn, và chú mày sẽ phá kỷ lục của một tay Pingle nào đấy...

Tiếng dàn nhạc từ vũ đài vẳng đến. Ban giám đốc không ngần ngại gì trước mọi khoản chi phí và đã cho công chúng được thưởng thức âm nhạc trong thời gian tòa tạm nghỉ.

Clips ra lệnh:

- Đi thôi chú mày! Allez, đi đâu hước!...

Bài “Hành khúc của các đấu sĩ” vang lên. Khi tôi bước ra vũ đài, tất cả các đèn chiếu đều tập trung rơi vào tôi. Tôi đi giữa hai hàng lính sen đầm thẳng tắp và những nhân viên phục vụ vũ đài. Thẳng phía trước tôi là hai

chiếc máy quay phim cùng với những micro đặt trên một chiếc xe lăn. Tôi muốn đập tan ngay những chiếc máy đã có mặt ở đây một cách hết sức vô duyên ấy và muốn đánh cái bọn người cứ đi lại thoăn thoắt trên những chiếc xe lăn. Tôi nắm hai tay lại, rướn thẳng người lên... và bỗng nghe thấy giọng Clips nói ở phía sau:

- Con trai thân yêu của ta ơi, dừng cảm lên! Toàn thế giới đang trông vào con đó!

Ông ta khéo nói những điếu ấy bằng cái giọng cao thượng của một người cha yêu quý con mình.

Vừa lúc ấy trong rạp òn ào cả lên. Một bà ăn mặc sang trọng vừa xô đẩy những người lính sen đầm và những nhân viên phục vụ vũ đài vừa rên rỉ khóc lóc lao về phía tôi. Bà quỳ xuống đất, giơ hai tay về phía tôi rồi gào lên:

- Charlie thân yêu! Đừng từ bỏ con người này!

Tôi lùi lại một bước vì xúc động và sợ hãi nói:

- Xin bà tha lỗi cho...

Tôi tiếp tục đi lên, bước qua phía trước mặt người phụ nữ đang tự vò giập tóc mình vì đau thương điên loạn.

Clips vội thì thầm vào tai tôi bằng giọng nói ông vẫn thường dùng để động viên khích lệ:

- Đừng để tâm đến những chuyện vặt ấy, trên đời này thiếu gì những bà hay đa cảm! Phải cho họ thấy thế nào là nghệ thuật...

Thế là, một lần nữa, tôi lại đứng trên vũ đài. Và kia, cái bệ phóng. Xung quanh tôi là cả một đám đông muôn hình muôn vẻ đang ầm ĩ lên, họ khát khao chờ đợi một cảnh tượng đẫm máu cho xứng với đồng tiền của họ.

Ông thăm phán che đầu bằng một chiếc dù và chốc chốc lại kinh hãi đưa mắt nhìn thùng nước.

Tôi sáng suốt cân nhắc: “Không, tao không muốn, và sẽ không cho để làm trò tiêu khiển cho chúng mày. Tao không muốn chết như thuở xưa những người nô lệ đã chết trên vũ đài “Colosseum””.

Ông thăm phán gọi về phía tôi:

- Bị cáo, người tự gọi mình là Pingle, tôi đề nghị anh hãy cho tòa thấy một bằng chứng xác thực...

Clips đến đứng ngay cạnh tôi và cúi chào bốn phía.

Dàn nhạc bắt đầu chơi bài “Ngủ đi nhé, mèo con của mẹ...”

Tôi nằm vào trong nôi.

"Lạy chúa, em ở đâu, hỏi Edith? - đó là ý nghĩ cuối cùng của tôi.

- Chú ý!

- Xong!..

- Bay!..

"Uuuuuuuuuuu... Tiếng trống đánh và tiếng kêu thét của đám người hòa vào làm một. Rạp xiếc lộn nhào và sụp đổ qua đầu tôi. Chỉ một loáng sau tôi đã ng ẫ trong thùng nước, quay đầu lên và khắc nhõ như con chó x ồm sặc nước.

Clips chìa tay cho tôi. Đám người gào thét đình tai nhức óc. Ông thăm phán lắc chuông, nhưng làm sao mà nghe thấy được.

Rạp “Colosseum” thì vẫn thế. Nhưng tôi đã không còn là tên cướp Carnero nữa, mà đã lại trở thành Samuel Pingle.

Godwin phát biểu. Ông nói rằng tôi đã xác minh bản thân mình một cách xuất sắc. Ông còn nói rằng tôi đã đến Mazatlán vào buổi trưa đúng

như người đánh cá chờ tôi chứng nhận. Ông nói rằng tiến sĩ Rolls bị giết vào lúc chín giờ sáng. Điều này được xác định bởi chiếc đồng hồ báo thức màu đồng đỏ của tiến sĩ, vì nó bị rơi xuống sàn nhà trong lúc Rolls vật lộn với tên giết người và dừng lại ở lúc chín giờ. Ông kiểm sát trưởng tuyên bố trắng án, và tôi lập tức được tự do.

Nhưng suốt đời lòng tôi vẫn lắng đọng một cảm giác kỳ lạ. Từ đó tôi hết sức căm thù vũ đài rạp xiếc, dù ở đây người ta có trình diễn những tiết mục hay đến mấy đi nữa.

Đám đông hàng nghìn người đã đưa tiễn chiếc xe hơi trên đó có tôi, Godwin và Clips đến tận nhà tù.

Thế là cuối cùng chỉ còn lại mình tôi. Jige bước vào phòng giam.

Bác bắt chặt tay tôi và dịu dàng nói:

- Xin chúc mừng anh. Tôi có vinh hạnh được anh sai bảo đi đâu gì chẳng? Ngày mai trong tay anh sẽ có một số tiền lớn, khiến anh hơn hẳn bất kỳ lão Clips nào.

Tôi trả lời bác ta với vẻ đăm chiêu nhưng kiên quyết:

- Bác Jige thân mến, nếu bác là bạn tôi, và chắc chắn là như thế thì xin bác hãy thu xếp sao cho họ thả tôi ra ngay tối nay. Tôi không muốn đợi đến sáng.

- Đối với tôi, lời yêu cầu của một người như anh là sắc luật. Mọi việc trên đời này đều do bàn tay con người quyết định, - bác ta nói với vẻ quan trọng rồi bước ra, bỏ ngỏ cửa phòng giam.

Đến nửa đêm, người ta cho gọi tôi lên văn phòng nhà tù. Thư ký Ben ngồi trên chiếc ghế cao ở sau cái bàn nghiêng mặt hạ cổ nhìn tôi với vẻ thiện ý, hai chân ông đang rung tit lên.

- Anh Pingle, bây giờ thì anh đã có thể đi bốn phương trời. Nói riêng với nhau, vụ án quả là ly kỳ. Giấy tờ của anh bị mất hết. Xác của ông Rolls xấu số không tìm được. Kẻ tòng phạm với anh cũng không thấy đâu. Đó là một sai lầm lớn, nhưng đi đâu ấy vẫn không làm thay đổi cái kết quả cuối cùng. Anh đã nhảy như một con quỉ, và bây giờ, dựa vào pháp luật, anh có thể rời khỏi cái nhà tù đáng kính này của chúng tôi, và muốn đi đâu tùy ý...

- Vậy thì xin vĩnh biệt, thưa ông Ben, - tôi nói và đồng thời cởi áo tù ra.

Vừa thu nhặt những giấy tờ trên mặt bàn, Ben vừa nói lúng túng:

- Khi nào làm xong thủ tục chúng ta sẽ chia tay. Vậy là... Đây, quyết định của tòa án... - Ben nháy mắt láu lỉnh: - Ra anh cũng khéo lừa ông thẩm phán... Hãy thừa nhận đi, anh đã kịp thời che đậy được một số ti tiện chứ gì?

Chỉ cần tôi trả lời thiếu thận trọng một chút thì cái áo tù kẻ sọc lại rất có thể choàng vào người tôi một lần nữa, vì vậy tôi thở dài.

- Cười trên nỗi đau khổ của kẻ khác là có tội, - tôi nhắc lại một câu trong quyển kinh cầu nguyện mà tôi đã từng phải đóng ở trong tù và đưa mắt nhìn xuống với vẻ khổ não.

Đi đâu ấy đã cứu tôi thoát khỏi cơn giận dữ. Thực ra, trong lòng tôi muốn ông cho thẳng cha quỉ quyết ấy một quả vạo quai hàm, vì cuối cùng hẳn vẫn định đưa tôi vào bẫy.

Jige nặng nề bước vào phòng.

- Đây là lệnh của trên. Ben, hãy trả lại ti tiện cho ông Pingle.

Ben như tỉnh người ra?

- À phải! Ti tiện công đóng sách của ông được mười chín dollar mười cent. Thưa ông Pingle, xin mời ông ký nhận cho...

Ben trao tiền cho tôi. Ông ta nói giễu:

- Ông hãy trở về hòn đảo của ông rồi xông cá thu lên mà ăn, chúc ông hạnh phúc. Ông làm chúng tôi lấn bấn vì ông như thế đã lắm rồi. À quên, ông đã cạo mặt ba lần trong tù. Phải lấy lại của ông ba mươi cent...

Tôi để lại trên một bàn một dollar. Ben vội chớp ngay lấy và dấu bản quyết định của tòa án đi.

Khi tôi vừa chụp chiếc mũ kepi lên đầu, hắn nói độc địa:

- Mong chóng gặp lại anh ở đây.

Tôi cũng đáp lại lời hắn không kém phần độc ác:

- Cho tôi gửi lời chào nồng nhiệt tới ông Greg và nói hộ rằng tôi hết sức khâm phục những phương pháp điều tra của ông ấy.

Khi tôi bước ra khỏi cửa, Jige bực dọc nói:

- Anh chớ phiền lòng vì những lời lẽ của Ben. Số phận đã làm cho hắn dễ nói là như cán người ta, biết làm sao được. Anh nên đến một hotel nào đấy mà ngủ qua đêm, sáng ra hãy tới chỗ ông giám đốc rap xiếc. Ở đấy thì bao giờ cũng có việc làm cho anh...

Nhưng tôi đã đi tìm nhà ga, hai chân mỏi miết bước đi trên các vỉa hè trơn ướt vì mưa đêm. Tôi muốn tìm trong cuộc đời một con đường riêng của mình.

Thế là sau khi đã lang thang khắp chốn, cuối cùng tôi đến bờ biển phía đông.

Tôi đã bắt đầu cảm thấy những ngọn gió mát của một đại dương thân thuộc. Tôi hết sức vui mừng nhận thấy chiếc tàu “Mèo xanh” chất nặng hàng đang đậu bên bến cảng.

Bác Sa răng trắng đứng trong cửa khoang gỗ ra và nhận được tôi.

Ông thuyền trưởng, bây giờ đang đứng hút thuốc trên boong, neho mắt lại, vừa nhìn thấy tôi ông liền hô hào kêu lên:

- A-lô, a-lô, anh chàng vô dụng! Ta nhìn thấy tâm can chú mình rồi. Nào, lại đây! Nếu muốn về nhà thì hãy cầm lấy xẻng...

Người thuyền trưởng đoán đúng - tôi muốn trở về

Chương tám

I

Đã gần ba năm, kể từ khi từ biệt thành phố quê hương Ashworth thân yêu, tôi vẫn không tìm được chỗ đứng dưới ánh mặt trời. Sau một chuyến đi vòng quanh thế giới tôi lại trở về đây bên những bờ bến đầy sương mù che phủ. Tổ quốc đã đón chào tôi không lấy gì làm niềm nở. Tôi không muốn kết thúc cuộc đời ở vị trí của một người thợ than. Lòng tôi vẫn chưa hết hy vọng. Nhưng tôi không có việc gì làm ở cái thành phố lớn này, nơi mà tôi đã lên bờ.

Mùa thu đang lên tới gần. Một hôm vào ban đêm, ở một công viên nhỏ, tôi phải ngửi lụng tựa lụng với một tên lưu manh cho ấm người.

Tên lưu manh ấy triết lý:

- Cuộc đời của một thằng lưu manh còn tồi tệ hơn cái chết. Trên đời này tao không có một người thân thích nào. Vì vậy, đối với tao, đi đâu cũng thế thôi. Chà chú mày ạ, trong đời mình, tao đã phạm biết bao sai lầm! Và bây giờ có hối hận thì cũng muộn rồi.

Tôi hỏi:

- Nào có gì ngăn cản anh sống cho tử tế? Hay có lẽ do tính anh không muốn sống hòa vào với mọi người?

Hắn trả lời:

- Trước hết là sự bần cùng và thất nghiệp. Đó, tức cứ nghĩ như thế này và đợi tới nửa đêm. Cách đây không xa, sau đường hầm có một toa xe không. Lát nữa hai thằng bạn tớ sẽ tới đây báo cho biết, nên lên tàu tốc

hành chở than từ phía nào thì tiện hơn. Sau một ngày một đêm tàu sẽ đưa chúng ta tới Wesley...

Quê hương thân yêu đang vẫy gọi tôi. Và tôi đã quyết định. Những hành khách lậu thuế đã khôn khéo đánh lừa những con “bò đực” - bọn người canh gác những toa không hàng và những toa sàn dùng để chở than. Mò mẫm dưới bùn, bốn người chúng tôi lén tới các toa không. Sau đó tôi nằm co quắp như con chó hoang trên một toa sàn hôi thối. Mùi bùn hăng hắc xông vào mũi. Cái khát cháy cổ hành hạ tôi. Những thân hình rách rưới thảm thương nằm tùm lại một chỗ trên sàn xe, và tất cả chúng tôi đều quắp chặt lấy nhau thành một khối. Bất thành linh tàu giật lên như nổi cơn tức giận. Đầu tôi đập vào một cái đinh bulon. Tôi khát nước không chịu được. Ngửa mặt lên trời, tôi há miệng đón những giọt nước mưa thừa thớt rơi xuống.

Một người nào đấy nằm trên bụng tôi lâu bâu với giọng bức tức:

- Sao mày cứ cựa quậy mãi thế?

Còn người nằm bên cạnh tôi thì hiên lạnh hơn, nhưng hấn đạp chân vào sườn tôi một cái rất đau rồi ngáy khò khò.

Tàu trườn đi trong không gian, trong bóng đêm, trong cô tịch, nó thậm trọng tăng dần tốc độ.

Tôi sống cả ngày trong đường hào cạnh đường sắt để chờ đêm đến và một toa xe không. Cuối cùng tôi đã lên được một toa sàn để đi tới Wesley. Nhưng tôi phải rời khỏi toa trước khi tàu đến đó. Trước mặt tôi còn lại một đoạn đường dài. Bây giờ tôi phải đi bộ đến Wesley. Rồi từ đó tôi sẽ đi về Ashworth, tôi sẽ được thấy lại cha và Edith.

Nhưng cứ mỗi bước tôi đi là một bước những ý nghĩ đen tối đến dày vò tôi. Tôi có quyền trở về không? Bởi vì trong những bức thư mà thỉnh

thoảng tôi gửi về cho Edith và cha từ Miến-điện đã chót tả quá hay về hoàn cảnh mới của mình, tôi viết rằng tôi sắp trở thành một phụ tá trong phòng thí nghiệm công nghiệp, tôi đã phóng đại tô màu và khoác lác để tạm yên lòng ông cụ và cô gái đáng thương. Tất nhiên là họ tin vào những lá thư của tôi. Tôi đã gây cho họ những ảo tưởng và hy vọng hão huyền như vậy để làm gì nhỉ? Bây giờ thì sao? Tôi vẫn là một kẻ hành khất và vô gia cư như trước. Sao tôi lại nghe lời Clips kia chứ? Lẽ ra tôi phải lao xuống sàn trải cát của vũ đài hoặc lao vào bàn ông thẩm phán cho bể đầu ra, và thế là hết chuyện. Lòng ngổn ngang trăm mối tơ vò, tôi ghìim bước. Cuối cùng tôi dừng hẳn lại, thu nhặt những hòn đá trên đường nhét vào đầy cái túi cũ đựng đồ hành lý, vắt nó lên sau vai rồi đi tiếp với những bước chân nặng nề.

Cái kênh đào rất sâu ở Wesley đây rồi.

II

Tôi nhớ rằng tôi đã đứng rất lâu trên bờ kênh, lòng tràn đầy khổ đau và tủi cực.

Chà tôi cứ ở lại thành phố có tốt hơn không: tôi có thể ngủ đêm ở đây, nếu không ở dưới các bụi cây của công viên Victoria thì cũng có thể nằm trong các hố rác ở Goldhill.

Chỉ cần hồi tưởng lại rằng, từ trên bầu trời đầy mây, cái đêm sâu thẳm của một ngày cuối thu đã chụp xuống, trong khi từ phương bắc những đợt gió lạnh đã bắt đầu thổi về và trong không khí như sắp có mưa bụi, thì bất kể một kẻ lang thang không nhà không cửa nào cũng phải thấy rùng mình ớn ngợp và cố khẹp cái manh áo đã dày dạn gió sương của mình lại cho

chặt hơn nữa.

Trong óc tôi hiện lên một ý tưởng rất rõ ràng: “Không, tôi sẽ không trở về nữa. Hãy để cho nước kênh chôn vùi ta cùng với những nỗi niềm tủi cực.”

Nhưng thực hiện được bước quyết định ấy nào có dễ. Nghĩ tới cái đêm tối vĩnh cửu lạnh lẽo và cô đơn tôi bất giác đưa tay cài tất cả các khuy áo lại. Tuy vậy, tất cả cũng chỉ còn lại có hai cái. Rồi tôi nghĩ tới chuyện ăn, nhưng tôi không thể nhớ được tôi đã ăn bữa nóng cuối cùng vào lúc nào.

- Anh bạn trẻ, xin anh tha lỗi cho, - tôi nghe thấy một giọng nói lịch sự vang lên ở ngay cạnh và quay lại.

Đứng cạnh tôi, bên hàng chấn song sắt của kênh đào là một người chưa già lắm, râu cằm cạo nhẵn nhụi, ăn mặc không chải chuốt và đội một chiếc mũ hơi nhàu nát. Ông đắm chiêu nhờ nước miếng xuống làn nước đục đang phản chiếu những bóng cây rung rinh mọc ở phía bờ đối diện và những ánh lửa lập lờ. Cặp mắt sâu thẳm của con người ấy ánh lên vẻ khôi hài buồn thảm. Hai tay ông nắm chặt hòn gạch nặng đặt trên thành lan can bằng đá granito và mỉm cười nhìn tôi.

- Xin lỗi anh, - ông nhắc lại. - Tôi xin anh làm ơn giúp cho hai việc.

Ông nói rất lịch sự, và tôi cho rằng mình phải trả lời cho lễ độ.

- Thưa ông, tôi sẵn sàng giúp đỡ ông.

- Hừm... - ông ta ho. - Anh có mẫu dây thừng nào thật chắc có thể chịu được sức nặng của viên gạch này không?

Trong chiếc túi đi đường mà tôi đã mang theo từ khi rời khỏi tàu “Mèo xanh”, trong cái túi vẫn còn đượm mùi hân tàu và những chỗ ngủ đêm và đã không còn cái vẻ đẹp lúc đầu nữa ấy vẫn còn lại những mẫu dây con đã

cũ.

Tôi trả lời:

- Rất tiếc là tôi không có dây thừng. - Tôi muốn giúp ông ta nên nói thêm: - Nhưng nếu ông vừa lòng với những mẫu dây này, thì dây, chúng còn chắc lắm. Trước đây tôi vẫn dùng để bẫy chim câu đấy.

Mặc dù lúc ấy tôi hoàn toàn không muốn mở túi ra vì lẽ dễ hiểu, nhưng tôi vẫn cố quăng cái túi từ trên vai xuống. Con người ấy cười mỉm, giữ tay tôi lại.

- Cám ơn anh, tôi nghĩ lại rồi. Hừm... Tôi nghĩ rằng chỉ cần cho viên gạch vào trong chỗ áo ngực rồi cài chặt cúc lại cũng được. Nói chung chẳng cần lấy dây thừng buộc gạch vào cổ làm gì, đúng thế không.

Tôi lo lắng hỏi nhỏ:

- Ông định làm gì?

- Tôi chắc anh cũng đoán được - ông ta bĩu môi cười. - Trèo lên trên lan can rồi lao xuống cái địa ngục này. Hòn gạch sẽ giúp tôi chìm nhanh xuống đáy.

- À ra thế... - tôi ngạc nhiên trước sự cởi mở như vậy.

- Hừm... Thế anh cho rằng trước mặt anh là một nhà thủy văn đang quan tâm đến độ sâu của cái công trình này vì một mục đích khoa học à?

Ông ta nói làu bàu như đang câu tiết lên, và tôi thấy rùng mình.

- Đừng nên thế ông ạ!

Nhưng ông đã nhìn tôi với vẻ hết sức miệt thị khiến tôi phải lùi lại. Còn ông thì rút lên qua kẽ răng.

- Hừm... Có lẽ anh là một giáo chủ trong nhà thờ. Anh dạy mọi người tránh đi điều ác và làm đi điều thiện chắc? Hay có lẽ anh là kẻ tuyên truyền của

hội cung cấp tấm xả răng cho những người thất nghiệp? Không à? Hừm... Tôi đoán được rồi. Anh là con trai của một nhà triệu phú và hôm nay, để đi tìm thú phiêu lưu mạo hiểm, anh đã thay cái áo đuôi tôm và đôi găng trắng bằng bộ đồ rách rưới này. Chà, anh bạn ạ, nếu anh ở vào hoàn cảnh tôi thì có lẽ anh đã chẳng can tôi, mà còn tháo nốt cả những dây đeo quần còn lại của mình ra để buộc hòn gạch vào cổ tôi, rồi chúc tôi ngủ say và hứa hoàn thành nốt đi đầu đề nghị thứ hai của tôi...

Vì hết sức kinh ngạc nên tôi đã không cắt ngang những lời nói chứa chất đầy tính châm biếm cay độc và lòng uất hận của ông. Thời gian gần đây tôi đã quen với những kiểu lời lẽ đó. Bằng động tác hết sức mạnh mẽ của một con người đã kiên quyết làm mọi chuyện, người lạ mặt nhét hòn gạch vào trong ngực áo và bất thành linh nhắc lại bằng một giọng nhỏ nhẹ, đơn giản:

- Phải, đi đầu yêu cầu thứ hai. Khi từ dưới đáy sâu mười lăm foot tôi bắt đầu sủi bọt lên, có thể bọn cảnh sát sẽ xuất hiện. Chúng thường đi mô tô trên con đường này. Tôi van anh nói với chúng rằng, không có chuyện gì xảy ra hết. Nếu không bọn chúng sẽ dùng câu liêm để mò. Chúng chẳng hơi đâu mà vớt tôi lên, nhưng có thể sẽ làm lòi mắt tôi ra. Có thể lắm chứ. Nhưng tôi muốn được trình diện ở thế giới bên kia với một bộ dạng thật thơm tất và cặp mắt thì nhất thiết phải còn nguyên vẹn. Anh hứa giúp tôi chứ? Vậy thì...

Tôi thét lên:

- Khoan! Nghe tôi nói đã!..

Nhưng người ấy đã bám hai tay vào lan can và chuẩn bị nhảy qua nó xuống nước.

Ông nhìn chăm chăm vào mặt tôi:

- Nói đi, nhanh lên, tôi không có thì giờ chờ đợi.

Tôi ghen thở vì lo sợ. Tôi hoàn toàn không muốn để con người nhỏ bé ấy chết chìm và sủi tăm lên từ dưới đáy nước sâu mười lăm foot.

- Ô thưa ông... - tôi hoảng hốt nói lắp bắp. - Mong ông tin tôi, chính tôi đã nhiều lần rơi vào những tình cảnh khủng khiếp. Những nỗi tủi cực cay đắng đã rình mò tôi như những viên đạn rình mò gà gô vậy. Nhưng tôi vẫn còn hy vọng...

Ông ta cười.

- Anh là một diễn viên hài kịch. Có lẽ cuộc đời cũng mới chỉ cho anh mấy tát tai nhẹ. Chưa đến lúc nó giáng cho anh một “quả” vẹo quai hàm và nảy đom đóm mắt đấy thôi. Sao? Hàm vẫn còn lành hả? Hừm... Anh muốn nói gì? Đề nghị tôi đừng nhảy phải không?

Ký ức xưa về vũ đài chợt hiện ra trong tâm trí tôi, và tôi trả lời quả quyết:

- Vâng.

Có lẽ khi nói thế, thì bản thân tôi đã muốn cứu mình thoát khỏi nỗi thất vọng riêng. Dù sao chính tôi đã chọn con kênh đào hẻo lánh cách xa đường xe chạy với mục đích y hệt như của con người kỳ lạ này. Cái túi đựng toàn đã sỏi chắc nịch sẽ kéo tôi xuống đáy nhanh hơn hòn gạch, và tôi có thể cuộc một trăm ăn một rằng tôi sẽ là người đến đích đầu tiên trên quãng sâu mười lăm foot ấy.

Người lạ mặt nói với vẻ đăm chiêu:

- Nhưng chúng ta còn có thể trông đợi vào đi đâu gì?

Vội chớp lấy những tia hy vọng le lói, tôi nói lúng túng:

- Chúng ta sẽ tới Wesley và thử đến xin ngủ nhờ ở chỗ Hội cứu vớt

những tâm hồn tội lỗi.

Để trả lời tôi ông ta nghiêng răng kèn kẹt:

- Hừm... Anh bạn trẻ ơi, thế anh không nghĩ ra được kế gì hay hơn ư? -
Lại vẫn cái giọng châm biếm như trước vang lên. - Đứng xếp hàng đợi đến hai giờ sáng ở trong sân cùng với những “tâm hồn tội lỗi” khác như chúng ta chẳng? Rồi sau đó thì xô đẩy nhau rúc vào cái ổ chó để các mục sư quí tộc bắt chúng ta hát bài tụng Jesus và nghe lão thầy tu truyền đạo với đề tài “Hãy lấy đi điều thiện để đáp lại điều ác” chẳng? Không, xin cảm ơn...

- Tuy nhiên chúng ta cũng sẽ được một đĩa xúp yến mạch và một chỗ nằm ở dưới mái, - tôi phản đối ông ta với một thái độ bướng bỉnh kỳ lạ. Có lẽ thái độ ấy đã giúp tôi từ bỏ ý nghĩ về một việc không thể tránh khỏi là nhảy xuống nước cùng với túi đựng sỏi.

Con người ấy nheo mắt và cau mặt lại, ngắm nghía tôi từ đầu đến chân.

- Có lẽ chúng ta đừng đến Wesley, mà đến lâu đài Oldmount tuyệt đẹp chẳng? Chúng ta sẽ đến bên các cửa sổ phòng ngủ của ông chủ lâu đài tốt bụng và kêu còi: “Lạy ông, thưa ông chủ muôn ngàn lần tôn kính. Xin ông lắng nghe đôi lời còi khẩn!” Ông chủ lâu đài sẽ ra ngoài ban công, hoặc mở cánh cửa thông hơi và thò cái đầu đội mũ ngủ ra ngoài. Ông nói: “Chào các chư vị. Tôi phải làm gì để đáp lại buổi viếng thăm của các chư vị?” Bây giờ chúng ta sẽ kính cẩn cúi rạp mình xuống: “Từ sáng hôm qua đến giờ chúng con chưa được miếng nào vào bụng và chúng con không có xó xỉnh nào để ngủ qua đêm”. Tất nhiên rất có thể ông chủ lâu đài sẽ trả lời: “Thế thì ta biết làm thế nào?” Và chúng ta lại khẩn khoản: “Dẫu sao ông lớn cũng có thể bố thí cho chúng con chút gì chẳng? Chúng con đã từng nghe nói tới lòng từ thiện vô bờ bến của người. Chỉ cần ông lớn bố

thí cho chút cơm thừa canh cặn giản dị của bữa chiều cũng đã làm chúng con lấy làm thỏa mãn. Và cả chiếc áo choàng ngày lễ của ông lớn nữa, chúng con sẽ dùng làm chăn. Sớm mai chúng con sẽ bán lại nó cho người buôn đồ cũ và chúng con sẽ sống sung sướng trong cả tuần...”

Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Ông chủ từ tâm của lâu đài Oldmount ấy ư? Chẳng lẽ ông đã trở về rồi sao?

- Anh nói về ai vậy? - ông ta phẩy tay. - Bọn họ đều như nhau cả thôi... Thật buồn cười... Trước khi anh kịp mở miệng kêu xin thì tên gác cổng lâu đài đã xoi cho chúng ta vài quả tổng như thế này này... - ông ta thét lên như bị rấn cấn: - Mà tôi thì không muốn thế, hiểu chưa! Vĩnh biệt!

Ông ta bắt đầu leo qua lan can.

- Khoan đã! - Tôi vừa thì thào vừa thở hổn hển. Ở lại một mình trên cái thế giới này quả là kinh khủng, và tôi cũng đã quyết định. Hai tay run rẩy, tôi thắt chặt dây túi sẵn sàng bước vào chuyện du lịch cuối cùng. - Chờ tôi chút nữa, - tôi suýt bật khóc lên. - Chúng ta cùng đi... Tôi với ông...

Ông ta há hốc miệng vì kinh ngạc và rút chân đã trèo qua lan can trở về chỗ hõm đầm sương bên bờ kênh.

- Chúng ta không hề ký giao kèo về khoản này, - ông mỉm cười buồn bã. - Anh biết không, việc này sẽ chẳng ra gì đâu, và còn hết sức tai hại nữa. Chà, tôi hiểu lắm chứ, cứ mặc tôi đi một mình. Anh còn trẻ, thế mà đã trốn tránh đấu tranh ư? Không được, xin cứ để tôi đi một mình.

Ông ta lại vấp chân qua lan can.

Nghẹn ngào nước mắt, tôi lo lắng lắm lắm:

- Không được. Tôi không để ông đi một mình đâu!..

Con người ấy ngồi trên lan can, quay lưng về phía kênh và đắm chiêu vuốt sống mũi.

- Hừm... Bây giờ trông anh có vẻ hống hách như trước đây anh đã từng là kẻ giữ dấu ấn của vương quốc vậy. Nếu tôi không thể cho phép anh đi cùng xuống đây thì, - ông chỉ tay xuống mặt nước đen ngòm, - tôi đành ở lại đây với anh. Ông lấy viên gạch trong ngực áo ra đặt lên trên lan can. - Bây giờ đến lượt anh. Anh bạn trẻ ạ, tôi không thích cái của chứa trong túi kia, - ông nói thêm với vẻ thân ái.

Tôi đỏ bừng mặt, mồm lẩm nhẩm những đi đâu chẳng ra đâu vào đâu.

Nhưng con người ấy đã khích lệ:

- Đừng ngại. Trên đời này chuyện gì mà chẳng có thể xảy ra. - ông ta nheo mắt và cười hiên hậu. - phải thế không anh bạn? Quảng đá xuống nước, còn chúng ta thì ở lại chứ?

Ông giúp tôi vớt sỏi xuống nước và cuối cùng liệng luôn cả hòn gạch của mình.

- Ta cùng đi chứ? - tôi hỏi lại đồng thời hất cái túi rỗng ra sau vai.

- Nếu anh muốn như vậy.

Quả là tôi đã quá mệt mỏi vì cuộc sống đơn độc, bởi vì cuộc gặp gỡ kỳ lạ này đã kéo tôi ra khỏi những ý nghĩ khủng khiếp và đem lại cho lòng tôi chút ít hy vọng lơ mơ.

- Một kẻ bất hạnh còn có thể mong gì khác thế nữa?

Bấy giờ người lạ mới thân ái bắt tay tôi:

- Nào, ta hãy làm quen... Tên tôi là Dobby.

- Còn tôi là Samuel.

- Rất mừng. Chính tôi là kẻ bất hạnh vinh dự. Hôm nay số phận đã

nuông chỉ ầu tôi.

- Vì nó đã trả lại cuộc sống cho ông chẳng? - tôi hỏi ngây thơ.

- Ô không, xin lỗi anh nhé, Samuel, vì chuyện cái hòn gạch. Tôi chẳng hề định tự tử, nhưng tôi thấy anh có vẻ thất vọng, bất lực và lại cúi nhìn đăm đăm xuống cái địa ngục ghê tởm này, khiến tôi... Anh hiểu chứ?

Tôi hoàn toàn hiểu rõ mọi chuyện khi thoáng nhìn vào khuôn mặt dửng cảm của con người quen biết ngẫu nhiên ấy và đáp lại ông bằng cái bắt tay thật chặt.

- Xin hết sức cảm ơn ông.

Dobby gật đầu:

- Không dám. Anh biết không, Samuel, - Dobby thọc hai tay vào túi áo bành tô, hình như trong túi tôi vẫn còn lại mấy đồng...

Ông nói đến đây, tôi nên nghe thấy tiếng kim loại va chạm vào nhau kêu leng keng, tôi đã quên hẳn những âm thanh ấy trong mấy tuần gần đây. Dobby khéo léo tung đồng ti tiền lên rồi tóm gọn trong lòng bàn tay.

- Đủ một bữa lót dạ chứ? Bụng có no thì mới tính đến chuyện tìm chỗ ngủ được phải không nào? Hừm... Tôi biết một chốn đủ tiện nghi. Có lẽ ta quay về đây chứ?

Tôi đói lắm rồi và chẳng phải bàn gì hơn nữa. Tôi nghiêng mình nói:

- Một lần nữa xin hết sức cảm ơn ông.

Nhưng Dobby để ngón tay lên trán và như đang tính toán đi đâu gì:

- Hừm... Liệu chúng ta có cần phải tìm nhà trọ gần thành phố không? Nhà tôi ở gần đây. Anh biết chứ? Đến chỗ tôi đi! Chỉ cần phải leo qua một cái đèo ở Ashworth và đi gần một dặm theo khe núi ở bên trái...

- Theo đường hầm Thomas thần thánh? - tôi hỏi.

- Đúng đấy... Anh lại quen biết địa phương này, tốt lắm. Ta đi chứ?

- Vâng, thưa ông.

Nếu số phận còn muốn đẩy dọa tôi nữa, thì vâng, cứ mặc nó. Tôi không phản đối, sẵn sàng theo gót Dobby tới chốn nào cũng được.

III

Tôi không biết rõ địa phận này lắm nên thận trọng bước theo Dobby khi ông ngoặt vào một khe hẹp mà vào ban đêm nó làm tôi nhớ tới cái hành lang dài vô tận ở dưới đất và nổi tiếng dưới cái tên “đường hẻm Thomas thần thánh”. Dobby bước nhẹ và nhanh.

Khi trước mắt chúng tôi mở ra một khoảng đất trống thì trời đã tối đến nỗi tôi chỉ còn phân biệt được những chấn song sắt cao của một hàng rào. Cái cửa vườn nhỏ mà Dobby mở ra sau khi quay một vòng khóa là giai đoạn cuối cùng của cuộc hành trình lên cao.

Một chiếc cửa sổ lẻ loi sáng ánh đèn giữa đám một vài cây cao đang đứng đưa cành theo cơn gió mùa thu. Thứ ánh sáng dịu dịu ấy làm tôi nhớ tới ngôi nhà thân thương ở Ashworth và khát khao được sống dưới mái nhà ấy dù chỉ trong mấy phút đến nỗi tôi không thể nén nỗi hẫ hẫ hụt và tim cứ đập thình thình...

- Thế là chúng ta đã về đến nhà.

Sau khi chúng tôi bước qua hai bậc tam cấp. Dobby thận trọng mở cửa lớn và bước qua ngưỡng cửa.

- Vào đi Samuel. Tôi sẽ bật đèn...

Qua ánh đèn điện tôi thấy rõ gian phòng ngoài nhỏ bé, một chiếc mắc áo, một cái bàn con. Có một vài cửa lớn dẫn vào những phòng trong. Một

cầu thang rộng đưa lên tầng trên.

- Anh Samuel ạ, cởi áo cánh ra rồi quăng nó cùng với cái túi vào góc phòng, - Dobby đề nghị. - Nếu như trong túi không còn lại vật gì quý giá, - ông nói thêm với vẻ đùa vui.

Nhưng trong túi của tôi thì còn có cái gì nữa. Ngay cả mảnh băng cũng đã bị mất trong “Vụ án Carnero”. Tôi chần chừ e ngại. Sau lần áo rách, trong người tôi chẳng còn gì ngoài chiếc áo lót bằng vải đen kẻ sọc đã rách khiến tôi nhớ tới con tàu “Mèo xanh” và tôi chậm rãi cởi hai chiếc khuy áo duy nhất còn lại.

Dobby hỏi:

- Samuel, anh nghĩ ngợi đi đâu gì vậy? Bây giờ mà được tắm nước nóng thì hay biết bao? Đúng thế không?

Tôi không ngờ lại có được niềm lạc thú ấy. Dobby đã hoàn toàn chinh phục tôi. Đi theo Dobby vào buồng tắm, và ở đây tôi đã tháo bỏ không thương tiếc những đồ đạc rách ra.

- Anh cứ việc tắm cho thỏa thích. Lát nữa tôi sẽ mang lại cho anh áo lót sạch và quần áo ngoài. Tôi với anh cùng một khổ người, tôi tin anh sẽ mặc vừa... - Ông nói thì thầm. Thấy mặt tôi có vẻ ngờ ngác, ông nói thêm: - Người hầu của tôi không được khỏe. Tôi không muốn làm phiền bác ta.

- Ô vâng, tất nhiên rồi, - tôi cũng đáp lại se sẽ.

Chiếc bọt biển ấm nóng dùng để kỳ cọ trên tôi, nó làm bật tung những địa tầng tích tụ trên cơ thể tôi trong những ngày phiêu bạt không cửa không nhà. Tôi mãi tắm nên cũng chẳng hề nghĩ rằng sao cái ông Dobby ấy lại kỳ lạ đến thế, và bỗng dưng ông rước một tên lưu manh ở trên bờ kè về nhà mình làm quái gì kia chứ.

Cửa buồng tắm hé mở và tôi thấy cánh tay gầy gò của Dobby ném lên ghế khăn mặt, khăn lau mình, áo lót, quần áo mặc ngoài và một đôi giầy. Đôi bít tất màu và cái cravate kẻ sọc đã bổ sung thêm cho đủ lệ bộ.

Tôi cảm ơn ông chủ, và bây giờ thì, như một đứa trẻ vô tư lự, tôi vùng vẫy trong nước ấm, chứ không phải bận tâm đến những chuyện gì khác nữa. Dù sao được mơn trớn trong bồn nước nóng vẫn dễ chịu hơn nhiều so với việc chìm ngấm dưới đáy kênh sâu mà sủi bọt lên. Tôi đã thay nước trong bồn hai lần và cuối cùng thì vui mừng nhận thấy da dẻ tôi có cái vẻ hồng hào tự nhiên. Tôi còn thấy da tôi rất sạch sẽ, mặc dù đã phải tiếp xúc với đủ hạng người bẩn thỉu.

Sau khi đã tráng nước lạnh và mặc quần áo, tôi lấy làm buồn rằng trong phòng rửa mặt không có gương soi, cũng không có cả bộ đồ cạo mặt. Do đó tôi không dám tin mình đã thắt cravate được thẳng thớm. Tôi dùng tay vuốt qua loa mớ tóc trên đầu. Lần cuối cùng tôi được tắm là cách đây ba tháng. Ở nhà ngủ đêm của Hội các bà “cứu trợ người nghèo”. Từ đấy trở đi tôi đã để tóc mọc tự do, râu và ria phát triển tùy thích.

Bây giờ thì tôi đã có thể tho phép mình được mỉm cười: “Phải chăng số phận đã thay đổi thái độ đối với tôi?”

- Xin mời anh, Samuel, - tôi nghe thấy giọng nói nhỏ nhẹ của Dobby. Ông đứng ngoài cửa trong bộ quần áo màu xám giống hệt của tôi - Anh ăn mặc vào làm tôi nom thích mắt lắm. Ta đi đi.

Từ người ông tỏa mùi hương lavender thơm dịu, cặp mắt ông sáng lên, hoàn toàn không còn đượm vẻ thô lương ử dột nữa.

Tôi tưởng như mình đang mơ ngủ khi Dobby dẫn tôi vào phòng ăn. Ở đây, trên chiếc bàn tròn bày biện đủ thứ ngon lành: những bình đựng hoa quả, những đĩa bánh mì, bơ, pâté, và lại còn cả ấm pha cà-phê đang chảy

tong tong đặt trên chiếc đèn c òn.

Có lẽ tôi đã thực sự chìm xuống đáy kênh cùng với túi đá sỏi, đang sỏi
tăm lên từ độ sâu mười tám foot và đây chỉ là những đi ều tôi cảm thấy
trước lúc chết ch ăng? Hay tôi đang trần mình ở một nơi ngủ trọ thuộc nhà
thờ và nằm mơ thấy tất cả những chuyện ấy?

Tôi không hề nhận thấy rằng tôi đang cố hết sức véo thật đau vào tai
mình.

- Anh ng ẫ xuống đi, - Dobby đề nghị - ăn cho no nhé. Những món ăn
này là một hiện thực. Không có rượu, - bản thân tôi không uống và cũng
không khuyên ai uống cả.

Tôi đã không buộc mình phải c ầu khẩn. Ôi, lạy chúa tôi và Thomas thần
thánh! Hãy tha thứ cho con, một kẻ tội lỗi! Trong tai tôi nghe u u như thể
toàn bộ cối xay gió và nước ở Ashworth đang nghiền vụ lúa đại mạch của
cả năm thành bột trong một đêm. Khi tôi cắn ngập răng vào miếng trứng
luộc m ền mại còn nóng thì lòng tôi muốn khóc lên vì xúc động. Tôi chưa
khi nào ngờ rằng dạ dày của một người lại có thể chứa ngay một lúc ng ần
ấy món ăn. Như một cơn gió nóng trên sa mạc, tôi thêm khát ăn ngốn
ngấu tất cả mọi thứ. Thực ra, trên các đĩa, đây đó cũng còn lại chút ít,
nhưng tôi mệt mỏi ngã người vào lưng ghế với cảm giác nhẹ nh ờm cảm
thấy có cái gì nặng nặng dễ chịu ở đáy dạ dày và đ ồng thời nhận thức rằng
c ần phải thận trọng và ăn uống cho đi ều độ sau một tuần chay lâu dài như
thế.

Uống hết tách cà-phê và gập khăn lau miệng lại, tôi nói:

- Thưa ông, tôi hết sức cảm ơn ông.

Dobby đưa mời tôi thuốc lá một cách lịch thiệp. Qua cái nhìn l ặng lẽ
của ông tôi hiểu rằng tôi c ần kể cho ông rõ v ề bản thân mình, chứ không

cần phải để ông phải đành.

Rõ ràng là bản thân tôi có đi đâu gì đấy làm cho cái ông chủ kỳ quặc này quan tâm và ông muốn biết ông đã dẫn ai về nhà mình. Tôi không có quyền từ chối mà phải đáp lại để tỏ lòng biết ơn sự đón tiếp nồng hậu của ông.

Một ý nghĩ chợt đến với tôi như thể con rắn jirr từ trong bụi trườn ra? Nhờ bỗng nhiên con người kỳ lạ ấy hỏi han, nghe hết mọi chuyện phiêu lưu bất hạnh của tôi rồi nói: “Thôi, anh bạn thân mến ạ, thế là chúng ta đã thanh toán xong xuôi. Anh đã đáp lại bữa ăn của tôi bằng những mẩu chuyện, bây giờ thì cởi quần áo ra, mặc cái đồ tã của anh vào rồi cút đi” thì sao? Việc gì phải kể lại cuộc đời anh cho bất cứ kẻ nào quăng cho anh một mẩu bánh? Phải chăng ông ta có thể hiểu rằng tội lỗi của tôi chỉ là ở chỗ không ai cần đến học vấn của tôi? A, ông cứ việc đuổi!..

Nhưng theo sau những con rắn jirr, những ý nghĩ khác lại đến với tôi như những con rắn độc lachesis: “Sao, lại một lần nữa cô độc ư? Đi trong mưa? Ở dưới khe?”

Tôi rùng mình, như một con chó con sắp sửa bị người ta đánh không biết vì lý do gì. Tôi chỉ kể cho Dobby nghe một phần sự thật, về thời thơ ấu, về cái thành phố quê hương bé nhỏ nhưng không nói tên nó là Ashworth, và về việc tôi phải đi lang thang phiêu bạt để tìm kiếm hạnh phúc vì cha tôi nghèo.

Đồng hồ đã điểm mười hai tiếng. Dobby hút hết mẩu thuốc rồi đặt lên trên chiếc gạt tàn. Làn khói mỏng, đang loảng dảng bay lên phía chụp đèn treo trên bàn. Ông chủ đứng dậy, bước mấy bước trong khoảng giữa cửa sổ và chiếc bàn tròn. Lốp khói thuốc lay động và đầu Dobby với bộ râu cằm và tóc rối bù chấp chới phía trên những làn mây xanh nhạt ấy.

Cuối cùng Dobby nói:

- Anh Samuel ạ, thế này nhé. Có lẽ tôi đang cần một người như anh.

Tôi cúi đầu đáp:

- Thưa ông, tôi sẵn lòng phục vụ ông. Xin tùy ông sai bảo.

Bằng cặp mắt nghiêm khắc, Dobby nhìn tôi chăm chăm.

- Tôi cần một con người dũng cảm và quả quyết, vâng lệnh tôi vô điều kiện, biết im lặng và không thò mũi vào những công việc mà người ta không muốn cho biết...

- Xin lỗi ông, tôi hy vọng rằng dù sao cũng không phải là những việc kiêu...

- Hừm... Anh vẫn chưa hiểu tôi. Trên gác là phòng thí nghiệm, ngoài sân trong nhà kho là nơi nuôi súc vật thí nghiệm...

- Rắn ạ?

- Hừm... Rắn nào? Những động vật thí nghiệm thông thường nhất... Thỏ, chuột lang, chuột rato, chuột thường, mèo, chó...

- Thưa ông, xin ông thứ lỗi. Có lẽ là một vườn bách thú khá rộng lớn. Tôi hỏi ông bởi vì tôi đã phải làm tên coi vườn ở một trại rắn.

- Ở Java à?

- Không, Ở Miến-điện.

- Tôi chưa nghe nói nên không biết, - Dobby lắc đầu. - Nhưng đi đâu đó không quan trọng. Nếu anh đã biết coi rắn thì cũng sẽ biết chăm sóc thỏ, hướng h ồ..

- Thưa ông, tôi sẽ cố gắng cho xứng với lòng tin của ông.

Dobby mỉm cười vẻ hài lòng.

- Tôi hy vọng thế. Anh sẽ ăn ở luôn đây và lĩnh lương. Nhưng anh phải... hừm... không được đi đâu mà không xin phép. Không được ra ngoài phạm vi chấn song sắt bao quanh biệt thự. Anh hiểu chứ? Còn nữa... anh không được đi cạo râu... Khi cần, tự tay tôi sẽ cạo cho anh...

Đi đâu ấy thật lạ lùng, nhưng trên đời tôi đã từng gặp những con người kỳ quặc như thế đấy.

- Thưa ông, thế thì có sao, ông cứ việc cạo cho tôi khi nào ông muốn. Cả việc này tôi cũng đồng ý. Bởi vì, ai có tiền trong tay thì có thể cho phép mình thích như vậy.

- Anh nói đúng đấy, - Dobby tán thành ngay. - Còn bây giờ thì xin anh ký với tôi một bản hợp đồng nhỏ.

Ông rút trong túi ra một quyển sổ và cái bút máy.

Tôi định từ chối, nhưng rút lui thì đã muộn rồi.

- Xin vui lòng, - tôi nói lầm bầm và chợt nhận ra mình bắt người đầu tiên.

Cây bút trong tay Dobby lướt nhanh trên giấy.

- Mời anh ký cho... - Dobby nói. - Đây... anh nghe nhé: “Tiền công trả vào ngày thứ bảy mỗi tuần... Không có quyền từ chối... Không có quyền bỏ việc...” Bút đây. Chỉ cần ký tên “Samuel” thôi cũng được. Tôi tin anh.

Tôi vội vàng ký luôn, chẳng cần nghe ông đọc hết.

Dobby đọc lại bản hợp đồng.

Tôi khẽ ngáp và cảm thấy trước nỗi khoái trá khi được nghỉ ngơi sau bữa cơm tối no nê. Chắc chỉ lát nữa ông chủ mới của tôi sẽ chúc tôi ngủ ngon rồi đưa tôi về phòng ngủ.

- Nào, Samuel, ta đi làm việc, - Dobby nói khô khốc và cất bản hợp

đồng vào túi.

- Sao ạ? - Tôi há hốc miệng.

- Thế chứ sao, - Dobby trả lời còn lạnh lùng hơn nữa. - Tôi thích làm việc vào ban đêm. Mời anh đến nhà nuôi thú, cho chúng ăn và rửa chuồng. Áo choàng để ở nhà kho. Ngậm miệng lại, Samuel, chớ vội ngạc nhiên... Hừm. Chưa chi đã quên bản hợp đồng rồi. Không được tò mò và đừng làm ra vẻ ngạc nhiên như vậy. Hiện giờ tôi chỉ yêu cầu anh có thể.

Rằng tôi nghiền lại làm điều thuốc lá đứt ra làm đôi ở trong miệng. Việc ấy làm tôi thấy thích thú.

Tôi đứng dậy, bình tĩnh nói:

- Thưa ông, xin tuân lệnh. Mong rằng ông sẽ dẫn tôi đi chứ ạ?

Phòng nuôi thú thí nghiệm ở ngay trong nhà kho. Có lẽ các chuồng thú không được dọn dẹp hàng ngày, và tôi phải lập tức bắt tay vào một công việc khẩn trương.

- Tôi sẽ ghé lại đây vào lúc gần sáng, - nói đoạn, Dobby đi ra và sập cửa lại. Tôi buồn ngủ chết đi được, nhưng cần phải biết quý trọng nơi làm việc mới.

Những ngọn đèn soi sáng các dãy chuồng thú có đánh số hẳn hoi, và tôi đã nhanh chóng làm quen với những con vật lý thú. So với công viên của “giáo sư rắn” thì đây là một thiên đường, nơi trú ngụ của các thần linh.

Tôi say mê làm việc và không nhận ra trời sáng từ lúc nào.

- Nghỉ thôi, - bước vào nhà thú, Dobby nói văng lên. - Rồi tôi sẽ nói anh rõ cách cho chúng ăn.

Ông chỉ dẫn cho tôi cách chăm sóc những thú vật thí nghiệm, giúp tôi đồ thức ăn và cho nước vào máng.

- Samuel ạ. bây giờ thì anh đi ngủ đi. - Dobby nói, có lẽ ông hài lòng với công việc tôi làm.

- Thưa ông vâng, tôi khó mà cất nổi chân.

Chúng tôi ra khỏi nhà kho. Trước mắt tôi là một biệt thự đẹp tuyệt vời với cái sân sạch sẽ có hàng rào sắt cao bao quanh. Ngôi nhà ở trên một ngọn núi mà hình như những sườn của nó tôi đã từng biết.

Tôi bước tới cạnh chấn song sắt. Xa xa về phía dưới, qua một vực thẳm lởm chởm đá, trên bờ đại dương, dưới những tia nắng ban mai là một thành phố đẹp đẽ. Đó là thành phố quê hương Ashworth của tôi.

IV

Ngôi nhà của Dobby có lẽ mới được xây dựng trên khoảng đất trống phía trên mỏm Hai Bông Hồng. Ngoài ông chủ và tôi, trong nhà còn có một người hầu đã đứng tuổi tên là Migli. Đó là một con người kín tiếng, làm những món ăn ngon rất cừ. Bác ta nấu nướng không chê vào đâu được, và bao giờ tôi cũng nóng lòng chờ đợi bữa cơm trưa để được thưởng thức tài nghệ tuyệt vời của bác. Đặc biệt bác làm được cả những đồ ngọt. Cái món hạt dẻ nấu với váng sữa của bác thì thật thần tình.

Ở tầng trên gồm các phòng của Dobby, nơi chỉ có một mình ông làm việc ngày đêm. Tôi có nhiệm vụ phải mang những con vật thí nghiệm mà Dobby cần đến lên phòng đầu tiên ở trên gác. Ông ta đã làm gì với những con vật ấy, tôi không biết. Sau đó, khi nghe tiếng chuông gọi, tôi lại lên gác, thu dọn các lồng thú, và đưa chúng xuống nhà kho. Ở đây tôi không thiếu gì việc. Cần phải cho những con vật ăn theo đúng thời gian biểu, sáng và chiều phải mang một vài chú thỏ ra cân rồi báo cáo lại kết quả với

Dobby. Bởi vì bác Migli rất ít lời, còn Dobby thì tôi chỉ được gặp khi ông cần đến, do đó tôi đã đánh bạn với Kip, một con chó săn nhỏ tuyệt diệu của vùng Scotland. Con Kip rất khôn ngoan.

Nó chạy theo tôi từ nhà xuống đến kho thì dừng lại, vì cho rằng vào đây là tự hạ thấp phẩm giá của nó. Những con mèo đực bị nhốt riêng trong một lồng đặc biệt bị nó khinh ghét nhất. Phải nói rằng những chú mèo đực và cái là những con vật nhũn nhặn nhất trong các con vật thí nghiệm. Chỉ khi nào người ta đem lại cho chúng thịt và sữa tươi thì chúng mới không kêu tướng lên. Ở nhà nuôi thú, đôi khi chúng, và đồng thời ngay sau đó là cả những con vật khác bị những cơn buồn ghê gớm tấn công, chúng liền kêu meo meo rồi rít, có lẽ chúng nói với nhau những lời nguyền rủa bằng ngôn ngữ mèo, đến nỗi Dobby phải ra lệnh:

- Anh Samuel, anh hãy đưa lũ mèo ra chơi ngoài trời.

Người ta nhìn con Kip vào trong bếp, còn tôi thì dùng dây xích nhỏ dắt từng bốn con mèo một ra ngoài trời, theo dõi sao cho chúng khỏi tuột khỏi cổ dề.

Mùa đông đã lên đến lúc nào không rõ. Tôi yên tâm làm việc, ăn uống ngon lành và có thể nói rằng tôi đã hài lòng với những nhiệm vụ không lấy gì làm phức tạp ấy, vả lại hàng tuần tôi lĩnh lương đều đặn và cất dấu tiền vào chiếc bàn đêm.

Vào đúng ngày phát lương, tự tay Dobby xát xà phòng vào mặt tôi và ông cạo râu rất khéo léo, chưa bao giờ làm xước da tôi cả. Tiếc thay, tôi không thể nào ngắm nghía được cái kết quả làm việc của ông thợ cắt tóc của tôi, bởi vì trong khắp biệt thự không đâu có lấy một mảnh gương. Đã có lần tôi muốn hỏi ông chủ xem, có phải ông cố tình vứt bỏ gương hay đây chỉ là sự việc ngẫu nhiên, nhưng tôi linh cảm thấy rằng ông sẽ không

thích một câu hỏi như thế. Mà tính kỳ quặc của Dobby thì có can gì đến tôi kia chứ? Ông đối xử với tôi rất tốt. Tuy vậy tôi đã không còn được thấy cái giọng dịu dàng và nụ cười đầm ấm của ông như trong buổi tối quen biết đầu tiên nữa. Nói chung ông ít chuyện trò với tôi.

Còn tôi, vì rất biết ơn ông đã cứu vớt, nên lúc nào cũng cố gắng làm vừa lòng ông và thậm chí còn lo lắng cho sức khỏe của ông. Tôi không thích cái bệnh ho kinh niên của ông.

Nhưng cho dù ngay ở đây tôi vẫn là một kẻ cô độc, việc buộc phải tự giam mình trong khu nhà đã bắt đầu làm tôi chán ngán, đặc biệt là từ cái buổi sáng mùa đông ấy, khi tôi đến đứng bên hàng chấn song sắt, nơi dẫn thẳng ngay xuống sát bờ vực. Mặt trời mùa đông nhanh chóng tỏa tia nắng xuống những mái nhà ở Ashworth. Tôi thiết tha muốn xuống núi và được đi dạo trên những đường phố lạng lã, được ghé vào hiệu ăn “Neptune” hoặc “Hổ Vương”, được sưởi ấm bên chiếc lò sưởi và nghe những tin tức ở Ashworth. Ông bác cụt tay của tôi có còn nói triết lý như trước nữa hay không?

Cha tôi sống ra sao? Ed tóc hung đang làm gì? Còn bác sĩ Fleet thì có lẽ càng ngày càng béo phì ra...

Tôi mừng rỡ thấy những hình ảnh lơ mơ của các đường phố ở Ashworth. Kia, cái nóc nhọn của nhà thờ đang nhô ra, nơi cha trưởng đạo Jeremiah đang cai quản. Còn sau ngọn đồi kia thì chắc hẳn là những ngôi nhà thân thiết đối với tôi. Có lẽ cô bé Mary tóc vàng đã lớn lắm rồi... Còn Edith Winters? Chỉ vừa thoáng nghĩ đến Edith thì nàng đã như đứng sững trước mắt tôi. Trái tim trong lồng ngực tôi đập rộn lên như con chim sơn ca nhảy nhót trong lồng...

Cuộc sống đầy những bước lưu lạc giang hồ trước đây đã buộc tôi phải

quan sát mọi vật trong nhà Dobby.

Tôi đã tìm hiểu mọi thứ trong cái biệt thự kỳ lạ này. Hai động cơ chạy bằng sức gió đã cung cấp điện năng, chúng bơm nước từ dưới giếng phun lên và làm cho những chiếc động cơ chạy ầm ầm trong các phòng của Dobby. Biệt thự được sưởi ấm bằng điện, và có lần Dobby đã tự khoe rằng toàn bộ các máy điện của ông đều tự động hóa khi những bộ ắc-quy đầu đã nạp điện đầy đủ thì các động cơ chạy bằng sức gió lại chuyển sang việc bơm nước.

Trong khi quan sát mọi vật như những con chuột tham lam ăn vụng xúp khoai của bác Migli, tôi thường suy nghĩ về Dobby. Bởi lẽ bản hợp đồng có cấm suy nghĩ về ông chủ đâu?

Việc làm của tôi thì liên quan gì tới những công việc của Dobby nhỉ? Dobby, không còn nghi ngờ gì nữa là một nhà vi khuẩn học. Chẳng hạn như hôm qua tôi với ông đã chuẩn bị môi trường dinh dưỡng suốt buổi tối để cấy vi trùng. Bác Migli đã nấu canh thang thịt bê rất đặc và tôi dù thận trọng lọc nó qua những bộ lọc, rồi làm tiệt trùng qua nĩa hấp để ở phòng đầu trên gác. Tất cả những việc ấy dường như không có gì đặc biệt.

Ở chỗ “giáo sư rần” cô Liz cũng làm công việc nấu nướng như vậy. Nhưng sao cái ông Dobby ấy chỉ nghĩ làm việc một mình và nuôi thú vật làm gì? Sự phỏng đoán cứ tự nó đến với tôi. Có lẽ Dobby là một nhà phát minh. Ở San Francisco tôi đã xem trên màn ảnh một cuốn phim là “Người ẩn dật huyền bí”, và bây giờ nó đã gây cho tôi những ấn tượng mạnh mẽ. Người ẩn dật đã phát minh ra cách phá nguyên tử để đi sâu tìm hiểu những bí mật của cấu tạo vật chất. Ở đoạn cuối cuốn phim, phòng thí nghiệm của giáo sư - ẩn sĩ đã bay vọt lên trời, còn cô gái tuyệt diệu của ẩn sĩ thì cưỡi máy bay đi cứu cha, về sau cô đã may mắn lấy một người chồng là nhân

viên phòng thí nghiệm, về sau thì hóa ra là con trai một nhà triệu phú. Còn Dobby?

Lẽ nào ông chỉ là một con người kỳ quặc?

Có lần, trong bữa ăn trưa Migli đưa món vịt quay với táo lên, như món thứ hai. Cũng chẳng hiểu sao tôi lại quan tâm tới chuyện bác Migli đã kiếm đâu ra, những của ấy. Nói chung thì làm sao mà Dobby không hề thiếu thốn một thứ gì? Phải chăng ông đã sáng chế ra cách sản xuất váng sữa, những hạt dẻ tươi, những con vịt chắc thịt chính cống vùng Ashworth bằng phương pháp hóa học trong phòng thí nghiệm. Nhưng sự việc đơn giản hơn nhiều.

Một lần vào buổi sáng, lúc tôi còn đang ngủ say sau khi đã làm việc đêm ở nhà nuôi thú thì tiếng động cơ ô-tô nổ đầu đầu đã đánh thức tôi dậy. Tôi thận trọng ghé nhìn qua cửa sổ và thấy một thanh niên tóc hung, gầy guộc và vụng về đưa đến bên cửa sắt của biệt thự những bọc hàng lớn, những cái hòm, những thùng kết, anh ta để những thứ đó bên cạnh cửa rồi bỏ đi. Sau đấy cửa mở. Migli lái chiếc xe rùa đột trong tới cạnh đóng hàng, nhanh chóng xếp lên xe rồi chiếc xe đi khuất về phía sau góc nhà.

Có lẽ bác ta chở hàng vào bếp. Tôi đẩy cửa. Nhưng phòng tôi đã bị khóa chặt từ phía ngoài. Điều này làm tôi khó chịu và buộc phải hết sức đề phòng. Tôi đập cửa.

Migli không mở ngay, bác ta nói cầu nhàu rằng bác không biết tôi đã từ nhà nuôi thú trở về.

Trong những ngày sau tôi phát hiện thấy hình như sáng nào Migli cũng xuống núi vào thành phố rồi quay trở về biệt thự trước khi tôi thức dậy. Dường như chẳng có chuyện gì xảy ra trong cuộc sống đầu đầu của chúng tôi. Một lần Dobby bắt gặp tôi đang nhìn qua chấn song sắt về phía

Ashworth, ông nói:

- Nửa năm nữa sẽ hết hạn hợp đồng. Samuel ạ, lúc ấy tùy anh muốn đi đâu thì đi.

- Thưa ông, quả thật đôi lúc tôi cũng thấy buồn, - tôi thú nhận.

- Hừm, tôi hiểu, - Dobby trả lời. - Nhưng trong những hoàn cảnh như thế...

Tuy nhiên, chính tôi cũng khá mệt vì cái kiểu sống ẩn dật này. Anh Samuel ạ, ngày mai chúng ta làm một chuyến dạo chơi trên núi chứ? Đồi núi rất đẹp, phải không nào?

Và thế là chúng tôi đã bước qua cái ngưỡng cửa của hàng rào sắt. Sau khi đã đi được một trăm bước về phía bờ vực cạnh khoảng đất trống, Dobby nói:

- Samuel ạ, anh dẫn đường cho tôi nhé. Tôi không thích bờ biển... Những thành phố nhỏ như kiểu Ashworth trong đất nước chúng ta có rất nhiều. Còn những ngọn núi thì... Hừm... Anh Samuel này, hình như anh sinh ở vùng gần đây...

- Vâng, thưa ông.

- Và có lẽ anh biết con đường mòn này dẫn về đâu chứ?

Từ giữa cây mận gai lên phía trên có một con đường dốc nhỏ mà tôi đã biết từ hồi còn chưa xây ngôi biệt thự này.

- Đây là Đồi Đen, - tôi nói có ý dè dặt để Dobby khỏi thấy rõ ý đồ của tôi đang muốn tìm hiểu thêm nữa về ông. - Sau ngọn đồi có một con đường cũ dẫn tới các mỏ.

Dobby nói:

- Samuel ạ, nếu mỏ không quá xa thì hãy đưa tôi tới đó. Tôi cho rằng từ

đây, trước mắt chúng ta sẽ mở ra một cảnh rộng lớn hơn...

- Đúng thế thưa ông, - tôi đồng ý và ngoặt sang con đường đá.

Từ trên đỉnh Đồi Đen chúng tôi ngắm cảnh đại dương bao la nổi sóng và một bờ biển đẹp với những dải sóng đua nhau vỗ bờ tung bọt trắng xóa. Mỏm Hai Bông Hồng nhô ra ở phía dưới xa xa và bây giờ trông nó chỉ như một vệt xám. Những lớp mây dày đặc từ từ trôi trên đại dương, tạo thành những bóng thấp thoáng kỳ diệu. Những cụm thông bên núi Sharpy và rừng Patrick làm thành những dải xanh um chạy dài về phía bờ biển. Trời đã về cuối đông nên gió lạnh cùng với những tia nắng ấm áp làm người ta thấy dễ chịu. Bức tranh sơn thủy mở ra trước mắt tôi mới tuyệt diệu làm sao!

Cái lặng lẽ nơi đây mê li biết nhường nào. Chỉ những bụi cây khô mới thỉnh thoảng lao xao vì những cơn gió nhẹ.

Dobby chấp tay sau lưng đi dạo trên đỉnh đồi. Đôi lúc ông lấy chân hất một hòn đá nhỏ bên đường rồi lắng tai nghe tiếng động nó gây nên khi lắng xuống dưới. Hình như việc đó làm ông khuây khỏa. Ông đang suy nghĩ căng thẳng về một điều gì đấy. Còn tôi thì đứng chiêm ngưỡng những quang cảnh thiên nhiên. Tôi thầm nhủ: “Quê hương ta đẹp để biết bao! Cảnh vật ở đây đẹp hơn những “Cổng vào Ấn-độ nổi tiếng. Ở đây đẹp hơn ở Ceyland và ở California...” Tôi hãy tưởng lại những bờ biển thấp và ảo não của Nam Phi, của Mexico nóng nực và những bờ biển oi nồng thuộc vùng DunbiGanj...

Một con chim lớn cánh nhọn bay qua trên đầu tôi rồi quạc lên một tiếng kêu dữ tợn ở phía sau lưng. Nó săn đuổi một con chim nhỏ nào đấy đang lẩn tránh trong bụi. Tôi ngoảnh lại Dobby đang ngồi trên một tảng đá và chăm chú nhìn phía bờ biển đối diện.

- Lại đây, Samuel.

- Vâng, thưa ông, - tôi tới gần.

Ông chỉ về phía đống đá xa xa và hỏi:

- Cái khe nào kia?

“Chà, ông ấy muốn kiểm tra xem có đúng mình là người vùng này không đây”, - tôi nghĩ và thỏa mãn ngay sự tò mò của ông chủ.

- Đàng ấy còn một vài khe nữa, nhưng không hẹp như đường ngấn Thomas. Ông thấy chứ, sau đấy con đường nhỏ lượn vòng qua đống Thiêu Nữ Thần thánh và chạy sâu mãi vào trong núi. Ở đấy có một con đường cũ và những mỏ than bỏ hoang...

- Hừm... Chắc anh có biết ít nhiều về những mỏ than chứ?

Tôi chưa có ý định đi thi về lịch sử các mỏ than ở Ashworth bao giờ. Nhưng tôi có nghe lỏm được chút ít về chúng khi cha tôi kể cho mẹ tôi và ông bác nghe về những vụ thừa kiện của những người có cổ phần. Tôi nhún vai trả lời:

- Người ta nói rằng trước đây than ở đây nằm thành những vỉa dày lộ thiên. Trải qua hàng trăm năm người ta đã khai thác hết. Trong một trăm năm mươi năm gần đây những ông chủ mỏ đã cho khai thác sâu vào trong lòng núi. Tuy nhiên càng xuống sâu bao nhiêu thì chất lượng than càng tồi bấy nhiêu và việc khai thác không đem lại lợi lộc gì. Thưa ông, tôi còn nhớ khi người ta bỏ hoang những mỏ ở cạnh rừng Patrick và cao hơn. Còn những mỏ ở xa thì bị bỏ hoang lâu lắm rồi. Ở Ashworth của chúng tôi không ai còn nhớ tới chúng nữa...

- Hừm... chán thật, - Dobby nói, như thể để trả lời những suy nghĩ của mình.

Trong giây phút ấy những hình ảnh lơ mờ của tuổi thơ hiện về trong trí óc tôi. Mùa đông ở Ashworth, những người đàn bà nghèo khổ ở ngoại ô mang giỏ lớn tới những mỏ than cũ. Ở đây họ lùng sục rất lâu trong những bãi than thải trong lớp bụi đen có lẫn tuyết tan để chọn lấy những mẩu than. Người gập lại vì mang nặng, những người đàn bà ấy xuống núi trở về nhà mình. Từ đường phố nhà tôi nhìn lên có thể thấy một dòng những hình bóng đen thui ấy in trên nền đất phủ tuyết trắng, nhưng đến gần tối thì những làn khói yên lành tỏa trên các nóc nhà vùng ngoại ô...

- Samuel ạ, anh thật là quý giá, - vừa đứng dậy Dobby vừa nói với về thân ái. Anh hiểu biết về vùng này hơn tôi. Còn tôi thì suốt đời sống ở miền Bắc, và chỉ đến bây giờ, khi đã già mới chuyển về đây cho gần mặt trời hơn. Nào, ta về thôi... Ở đây bắt đầu thấy lạnh rồi đấy...

V

Sau khi đi chơi về vào ngày hôm sau tôi thấy đau đầu ghê gớm.

Trong bữa cơm trưa, thấy tôi không ăn uống gì, Dobby nói:

- Samuel, anh bị cảm lạnh rồi. Cũng có thể anh đang lên cơn sốt hoặc cúm...

- Thưa ông, tôi chẳng đau yếu bao giờ, - tôi nói lảm bảm, cảm thấy người ớn lạnh. - Tuy nhiên, xin lỗi ông... Có một lần, ở Ấn-độ, tôi đã rơi vào một làng bị dịch hạch...

Và tôi đã kể lại vắn tắt cho Dobby nghe về chuyện giáo sư Milrois tiêm chủng cho tôi.

Dobby vui vẻ trả lời:

- Milrois, hình như... tôi đã đọc những công trình nghiên cứu của ông về

rắn. Một người uyên bác, nhưng là nhà thương mại. Có lẽ ông ta đã lập nên cơ nghiệp là nhờ vào những thuốc giải độc và đang sống sung sướng ở một nước thuộc địa nào đó... Thôi anh về phòng nghỉ đi. Tôi sẽ cho anh uống thuốc bột, và ngày mai là khỏi.

- Thưa ông, ông là bác sĩ à? - tôi hỏi khi nằm trong phòng mình và uống thuốc do ông chủ đem lại:

- Phải, tôi có bằng bác sĩ, nhưng đã lâu không thực tế chữa bệnh. - Dobby trả lời. - Cố ngủ đi, Samuel ạ. Bác Migli sẽ đem lại cho anh túi nước nóng chườm chân. Bác ta đang thay anh làm việc trong nhà nuôi thú. Chúc anh yên tâm nghỉ ngơi cho chóng khỏe.

Tôi đã ngủ gục một ngày đêm, tới gần bữa trưa thì tỉnh dậy, cảm thấy đầu nhẹ nhõm dễ chịu và đói ghê gớm.

Tôi ngẩng vào bàn, đối diện với Dobby và nói:

- Xin cảm ơn ông, tôi thấy người dễ chịu lắm rồi...

- Trông anh ấy xanh xao như bị sốt vàng, - bác Migli vừa nói cau có, vừa đổ canh vào đĩa.

- Im đi, bác Migli, anh ấy chỉ hơi bị thiếu máu, có thể thôi. Tôi sẽ cố giúp anh ấy chữa khỏi bệnh này...

Sau bữa trưa Dobby mời tôi lên phòng ông trên gác. Ông dẫn tôi qua phòng làm việc kê trên những tủ sách, và vì quá khâm phục tôi chỉ có thể thốt lên:

- Chao ôi, thưa ông!

- Nào, anh ngồi xuống đây, - Dobby đề nghị, - hãy kể cho tôi nghe về bản thân anh... hừm... Tôi thấy cần phải nói rằng anh có nhiều phẩm chất tốt, tuyệt nhiên không nên giấu giếm tôi.

- Thưa ông, có lẽ ông nói đúng... - tôi đáp, nhìn ông rít tẩu thuốc và chuẩn bị nghe tôi nói. - Câu chuyện sẽ rất dài, nêu kể từ khi tôi ra đời. Nhưng, có lẽ đời tôi chỉ được may mắn trong phòng thí nghiệm. Giáo sư Milrois đối với tôi rất tốt, ông định đào tạo tôi thành một nhân viên phòng thí nghiệm. Nhưng, than ôi, số phận lúc nào cũng giễu cợt tôi...

Tôi đã kể cho Dobby nghe về trạm nuôi rắn, nhưng bịa ra rằng tôi từ biệt giáo sư ra đi chỉ là do muốn trở lại quê nhà.

- Hừm... Như thế là anh đã sống ở Ấn-độ và ở Miến-điện phải không? - Dobby thốt lên. - Chà, thế thì chắc anh bị bệnh sốt vàng. Anh biết không, đợt tiêm đối với anh có thể rất có ích. Nếu không, với khí hậu ở đây, bệnh sốt sẽ tái phát và nhất định nó sẽ hành hạ anh. Nào, mời anh tới cho tôi...

Dobby dẫn tôi sang phòng thứ ba.

- Đây phòng làm việc và nghỉ ngơi của tôi.

Đó là một căn phòng sáng sủa tuyệt diệu. Trên một có bàn thí nghiệm có để cái giá đỡ những bình và chai lọ đựng những chai lỏng nhiều màu sắc, trên một bàn khác để ống thí nghiệm. Chiếc máy đi-ô-ni-um treo trên tường làm tôi nhớ lại phòng thí nghiệm của Milrois, và tôi đã quan sát căn phòng với cái nhìn của con người hiểu rõ mọi vật xung quanh. Ở trong khoảng tường giữa hai cửa sổ kê một tủ đựng đồ thí nghiệm. Trên các cửa sổ thấy những chậu cây đặt đầu đặn mà thoạt tiên ai cũng tưởng những chậu cây cảnh thông thường nhất. Ở góc buồng kê cái bàn trên gắn chặt một máy ly tâm. Phía trên bàn treo một tủ nhỏ. Trên các cánh cửa tủ thấy ghi những chữ cái lớn: "E.M.".

Tôi ngấm nhìn chung quanh rồi nói:

- Thưa ông, mọi vật trong phòng này làm tôi thích thú. Có điều là tôi không thấy những kính hiển vi.

- Hừm... Kính hiển vi cần thiết cho những nhà vi khuẩn học. Họ dùng chúng để quan sát những vi trùng lây bệnh. Còn tôi thì chỉ chú ý đến những tác nhân gây bệnh mà kính hiển vi không soi thấy được.

Tôi kêu lên:

- Virus?

Dobby nheo mắt lại với vẻ quan trọng.

- Ô hô, Samuel! Có lẽ thời gian anh ở bên cái ông... Milrois ấy không phải là vô ích. Sao, có đúng là lúc nào ông ta cũng ng ỡ soi kính hiển vi không? - Dobby hỏi với giọng giễu cợt.

Tôi cho rằng cần lên tiếng bênh vực người giáo sư tốt bụng của mình nên đã nghiêm trang đáp lại sự nhạo báng của Dobby:

- Không phải thế đâu. Nhưng nói chung phòng thí nghiệm không có kính hiển vi thì lạ lùng quá.

- Chà, anh biết không, để nghiên cứu virus thì một kính hiển vi hoàn thiện nhất cũng vẫn là thô thiển. Ở đây nó sẽ buồn cười như thế cái ống nhòm nhà hát trong tay nhà thiên văn và ông ta định dùng nó để nghiên cứu cấu tạo quang phổ của vì sao Arcturus hoặc Capella...

- Thưa ông, chưa bao giờ tôi thấy giáo sư Milrois tỏ ra đáng cười cả, - tôi nói chậm rãi, không dấu được nổi bực tức.

- Samuel ạ, anh không biết đùa, - Dobby nhú lông mày lại. - Và hình như anh tức giận cho ông giáo sư của mình. Nhưng, căn cứ vào lời anh nói, thì nhà chuyên môn ấy quan tâm tới việc là làm sao cho loài bò sát trong trại rắn của ông khóc bị ốm. Có thể ông cũng quan sát cả những bệnh virus ở rắn. Anh không biết ư? Dù sao đi nữa, khi ông cho anh đọc sách về virus, thì chính là ông đã dự định đi đầu đó. Dobby đến bên cửa sổ và chỉ

vào những chậu cây. - Việc nghiên cứu virus bắt đầu từ sự quan sát tỉ mỉ những cây bệnh. Người ta đem so sánh chúng với những mẫu vật lành. Theo dõi sự phát triển bệnh. Anh nhìn nhé, đó là một cây non và khỏe - cây thuốc lá. Còn đây là một mẫu vật bị bệnh khảm. Trước đây tôi đã trông thấy những lá cây thuốc bị khảm. Dobby giải thích tiếp. - Và đây là một cây cà chua còn lành lặn. Anh nhìn xem, lá của nó đẹp bao nhiêu. Còn ở cái cây bị bệnh này thì sao? Lá của nó đâu? Chúng chỉ còn là những sợi chỉ. Liệu anh có nhận ra đây là lúa yến mạch không? Đáng lẽ trở bông thì nó lại hình thành đến kì quặc! Đó là một bệnh virus mà người ti gọi là “sự hóa nhộng”.

Dobby lấy ra hai tấm ảnh. Trước hết ông chỉ vào một tấm.

- Đây là cái gì?

Tôi đọc những chữ ghi ở dưới.

- “Cây mía”.

- Đúng anh cần chú ý rằng những cây mía mọc cao một cách cân đối. Trong thân chúng có nhiều chất nước đường. Chính vì vậy mà người ta đã trồng những đồn điền mía... Nhưng đây, đồn điền mía đã bị nhiễm virus...

Và Dobby đưa tôi xem bức ảnh thứ hai.

- Nhưng đây có phải mía đâu! - Tôi kêu lên.

Tôi nhìn thấy trên tấm ảnh những bụi cây quỉ quái gì đó có lá như lá cỏ. Chẳng còn thấy đâu bóng dáng những cây mía cân đối nữa.

- Không, đó là một cây mía chính cống, chỉ có điều là nó đã nhiễm một loại virus đặc biệt. Dưới ảnh hưởng của loại virus ấy cây mía không lớn lên được...

Tập ảnh đã cho tôi thấy một loạt cây bị nhiễm các loại virus khác nhau.

Dobby hỏi tôi:

- Từ những đi ều đã trông thấy chúng ta cần rút ra một kết luận chung như thế nào?

- Tôi không biết, - tôi thật thà thú nhận.

Dobby trả lời:

- Có thể kết luận là virus có tác động sâu sắc tới vẻ bềngoài của cây bị bệnh, tới sự hình thành hình dáng của nó. Anh nhìn cây này mà xem... Ở đây dưới ảnh hưởng của virus các lá đã mọc ra từ lá.

Thực vậy tôi lấy làm lạ khi thay những lá nhỏ mọc phủ lên trên một lá lớn. Qua tấm ảnh tôi thay những cây bệnh thân bị cong, cằn lá thì biến dạng đi. Hoa của chúng cong lại trông lạ lùng, hình như chúng đờ dãn ra vì một nỗi đau khổ th ần lặng. Những hình dáng dị kỳ của các cánh hoa, màu sắc buồn thảm của chúng - tất cả những đi ều ấy làm cho chúng có vẻ rất độc đáo.

- Rồi đây chúng ta sẽ bàn đến một cách tỉ mỉ hơn, - Dobby nói đồng thời cất ảnh vào trong bàn.

Sau đó ông rửa tay xà phòng rồi tiến đến bên tôi:

- Samuel, còn bây giờ thì anh đưa tay đây...

Dobby cần lấy bơm tiêm.

- Không, không, thưa ông, xin ông chớ lo, - tôi d ấu tay ra sau lưng.

Tôi thấy Dobby nghiêm khắc nói:

- Tùy anh. Nhưng ít khi tôi chẩn đoán nhầm lắm...

Sáng hôm sau tôi lại cảm thấy người rất khó chịu. Chẳng còn nghi ngờ gì nữa, bệnh sốt vàng đang hành hạ tôi. Và thế là tự tôi lại đề nghị Dobby tiêm. Sau khi đó tiêm cho tôi, lúc cất bơm tiêm vào trong tủ, Dobby nói

với giọng không hài lòng:

- Samuel ạ, tôi chẳng đã báo trước cho anh biết rồi sao. Anh xuống dưới nhà ở đi, anh không phải làm việc ban đêm nữa. Khoảng ba ngày nữa anh sẽ lên giúp việc tôi ở đây...

Sáng ngày thứ tư Dobby lại tiêm cho tôi một mũi nữa và cạo mặt cho tôi.

- Bây giờ thì mặc áo choàng trắng vào, và chúng ta sẽ làm việc, - ông nói. - Tôi cần làm một vài thí nghiệm nhỏ... nhưng khoan đã, trước tiên tôi muốn sát hạch anh... Anh đã biết gì về virus?

VI

- Hừm... - nghe tôi nói xong. Dobby thở phì phì. - không thể hiểu được virus nếu chưa nắm được những nguyên lý hóa sinh. Nhưng tôi sẽ cố giải thích cho anh hiểu đôi chút. Hừm... Trước lúc đến với cái ông... Milrois ấy thì anh học ở đâu?

- Tôi đã tốt nghiệp cấp đệ nhất ở trường trung học Dijan, - tôi khiêm tốn trả lời.

- Sao cơ? Anh đã học ở trung học Dijan à? - Dobby ngạc nhiên. - Thế nào, cha mẹ anh là những người giàu có ư?

- Ô không, - tôi đỏ mặt lên. - Người đỡ đầu cho tôi đi học mới gì ầu có. Nhưng ông ấy gặp tai họa và... có lẽ đã chết rồi. Còn cha tôi thì làm gì có tiền của như thế.

- Hừm... anh nghe đây nhé... Dobby chấm dứt vấn đề về sự nghèo khó của gia đình tôi một cách tế nhị. - Anh cần biết rằng mọi vật quanh ta đều do các nguyên tố tạo nên... Có chín mươi hai nguyên tố hóa học*, đầu tiên

là Hydro, cuối cùng là Ural. Những nguyên tử của các nguyên tố hợp lại với nhau thành phân tử, và các phân tử thì...

- Đúng vậy, thưa ông, - tôi thấy cần phải nói cho ông ta biết. - Về môn hóa học thì trong bằng tốt nghiệp người ta cho tôi điểm ưu. Nhưng, mong ông tha lỗi, tôi vui lòng nghe ông nói.

- Vậy là, mỗi chất đều cấu tạo từ những phân tử và có những đặc tính đặc trưng cho nó. Ví dụ, chất quinine là gồm những phân tử quinine. Chúng ta biết rõ thành phần hóa học của nó, sự sắp xếp và số lượng của các nguyên tử. Nhưng nếu làm thay đổi cách sắp xếp hoặc số lượng các nguyên tử trong một phân tử quinine, đưa thêm vào những nguyên tử mới, tập hợp chúng lại, thì ta sẽ có một phân tử không phải là quinine mà là một chất khác - ví dụ như cinchonine hoặc cupreine.

- Hình như chúng được khai thác từ cây quinine? - tôi hỏi.

- Phải. Nhưng trong vô vàn các chất, có những chất hóa học rất lý thú - đó là những chất đạm, hoặc còn gọi là những proteid. Proteid sống là cơ sở của sự sống.

- Ô tôi hiểu, thưa ông.

- Vào năm 1747 Beccari đã phân tách được chất đạm đơn giản như là gluten, và từ đấy người ta bắt đầu quan tâm đến chất đạm như là một chất hóa học. Sau đó các nhà hóa học đã cấy được nhiều loại chất đạm khác nhau từ động vật và từ các mô thực vật. Sự phân tích cho thấy rằng cấu tạo phân tử của chất đạm là vô cùng phức tạp. Khoảng sáu mươi năm trước, một vài nhà bác học đã định dùng phương pháp hóa học tạo ra những phân tử chất đạm từ các nguyên tử khác. Thực ra, trong phòng thí nghiệm người ta cũng đã thu được những sản phẩm tổng hợp đáng chú ý. Chúng phản ứng với chất đạm, nhưng chúng không phải là chất đạm. Trong khi đó,

nếu có thể tạo ra chất đậm bằng phương pháp nhân tạo thì Samuel ạ, thắng lợi ấy của khoa học sẽ to lớn biết nhường nào!

Tôi im lặng không muốn nhắc lại rằng tôi đã hiểu rõ tất cả những đi ầu ấy qua các bài giảng hóa học.

- Hiện nay người ta biết rằng chất đậm có thể có dạng tinh thể vững chắc như những chất hóa học thông thường khác, mà như vậy thì chất đậm là một chất hóa học bình thường. Bởi thế các nhà bác học đi sâu vào nghiên cứu bản chất hóa học của phân tử chất đậm và đã biết rõ nhiều chi tiết về mặt cấu tạo của nó, nhưng... - Dobby rút một hơi thuốc dài, - nhưng cho đến nay vẫn chưa ai có thể đưa ra một công thức không gian phân tử đậm có tính khách quan và phần nào giống với sự thật...

- Tiếc quá, thưa ông, - tôi nói. - Lẽ nào không thể phát minh được một cái gì đó để...

- Hừm... phát minh... - Dobby nhìn tôi tỏ vẻ phản đối. - Nhiệm vụ của nhà bác học là phải quan sát, từ những đi ầu quan sát được, rút ra kết luận đúng đắn và làm thí nghiệm. Mà để có được cái quyền đó, thì phải hiểu biết nhiều. Cái khó của việc làm thí nghiệm với các chất đậm là ở chỗ trong phòng thí nghiệm các nhà bác học và sinh lý học nghiên cứu một chất đậm chết, đông tụ và biến đổi. Chỉ cần thuốc thử vừa đụng đến nó là nó liền trở nên như vậy. Thế mà đặc tính cơ bản của chất đậm hoạt là ở chỗ nó sống.

- Nhưng “sống” có nghĩa là thế nào? - tôi hỏi.

Dobby lấy làm thích thú với câu hỏi ấy, và mắt ông sáng lên.

- Sự sống là cái vòng luân chuyển của vật chất, anh Samuel ạ, nó tác động, phát triển và chuyển từ dạng này sang dạng khác. Trong một cơ thể sống không ngừng diễn ra sự phân hủy của các phân tử này và sự tạo ra

những phân tử mới kia, không ngừng diễn ra một quá trình thâm nhập lẫn nhau, mâu thuẫn nhưng thống nhất và vĩnh viễn. Học đi, Samuel ạ, hãy suy nghĩ về điều ấy và anh sẽ thấy những cái mà trước đây anh không ngờ tới. Sự bí mật của chất đậm sống thật kỳ lạ, nhưng không thần bí...

Ông đến bên chiếc máy ly tâm.

- Samuel. anh đã từng được nghe nói đến virus. Không thể soi thấy chúng qua kính hiển vi như vi trùng được, nhưng hoạt tính của chúng lại vô cùng to lớn. Chỉ cần một lượng virus nhỏ bé của bệnh khảm thuốc lá cũng đủ để làm lây bệnh cho cả một đồn điền. Nhiệm vụ đầu tiên là lấy được những virus thuần khiết của các bệnh khác nhau của động vật và thực vật. Máy ly tâm và các bộ lọc được dùng vào mục đích ấy...

Dobby nhắc nắp đặt máy ly tâm ra. Trên trục thẳng đứng của máy có bốn lỗ cắm bốn ống nghiệm. Dobby mở máy. Trục quay tít và dưới tác dụng của lực ly tâm các ống nghiệm được đưa vào vị trí nằm ngang.

Dobby nói tiếp:

- Do tác dụng của lực ly tâm, tất cả những phần tử nhỏ bé hỗn hợp trong ống nghiệm đều dồn xuống đáy. Những phần tử nặng nhất dồn xuống dưới cùng. Những phần tử nào nhẹ hơn thì ở phía trên. Theo kiểu đó, người ta dùng máy ly tâm để có được nhanh chóng nhất những chất lắng trong những hỗn hợp lỏng. Để làm lắng virus cần phải dùng những máy ly tâm đặc biệt, chuyển động nhờ khí nén quay đến sáu mươi nghìn vòng trong một phút. Kết quả của những tìm tòi tinh tế là như thế đấy...

Dobby cho máy dừng lại và chỉ cho tôi xem hàng loạt những ống nghiệm đã gắn kín để thành từng dãy đầu đặn trong các giá đỡ ở trên bàn.

- Samuel ạ, trước mắt anh là những virus mà khoa học đã biết, chúng đã được tách ra ở dạng thuần khiết. Đây, cái chất lỏng màu hồng này với các

tinh thể nhỏ đang lắng xuống là virus của bệnh khảm khoai tây. Đây là virus gây bệnh tê cứng đối với quả cà chua. Đây là virus gây bệnh lùn với những cây ăn quả. Ở Nhật người ta đã gây được những cây anh đào xinh xắn rất hấp dẫn. Bí mật của cái ở cây lùn ấy được nhà làm vườn thì thầm truyền lại cho con cả trước lúc tắt thở như là một bí quyết lớn nhất. Nhưng tôi biết. Ông ta đã nói lại cho con kỹ thuật tiêm truyền virus. Anh hãy xem kỹ những chất lỏng có nhiều màu sắc này và các tinh thể. Trong ống nghiệm này là virus lở mồm long móng. Trong này là virus cúm. Tôi đã mất khá nhiều thời giờ với chúng. Loài chồn là những con vật cảm thụ nhanh với bệnh cúm. Những virus cúm rất ưa thích máu chồn. Ở đây gom được một số lượng lớn những virus ấy và chỉ với số lượng virus đựng trong ống nghiệm này thôi cũng đủ để làm toàn thể loài người trên quả địa cầu này ho và hắt xì hơi.

- Cái màu da cam này đẹp quá nhỉ! - tôi để ý tới một ống nghiệm khác.

- Đẹp, - Dobby nói, lấy từ giá đỡ ra một ống nghiệm mảnh. - Trong này là virus mụn cơm. Phải, những mụn cơm bình thường nhất cũng do một loại virus đặc biệt gây ra. Và nếu nó mọc lên ở gan bàn tay anh thì phải đề nghị bác sĩ đốt cháy nó bằng acid nitric. Còn đây là những tinh thể virus cũng có màu sắc như thế, nhưng chúng không gây ra mụn cơm ở trên da, mà tạo ra mụn nước. Anh có thấy người ta vẫn nói: “nóng phồng môi lên” không? Đó chẳng qua là những mụn rộp, cũng là một thứ bệnh do virus...

- Thế còn vi trùng thì sao? - tôi hỏi, sốt ruột vì tò mò.

Dobby cười tinh quái.

- Một câu hỏi rất hợp lý. Tôi cũng vẫn thường tự đặt ra cho mình câu hỏi đó khi còn là một bác sĩ trẻ, đang bắt đầu nghiên cứu bệnh sởi. Ở khoa người ta dạy tôi rằng không có bệnh lây nào lại không do vi trùng lây gây

ra. Pasteur khám phá ra vi trùng, nhưng ông lại chạm trán với virus bệnh dại. Koch đã tìm ra phẩy khuẩn tả và trực khuẩn lao. Nhưng những người kế tục ông không tài nào tìm thấy vi trùng - tác nhân gây ra một loạt bệnh. Bây giờ thì chúng ta biết rằng một số bệnh do vi trùng gây ra, còn một số bệnh do virus. - Mặt Dobby bừng lên niềm vui sướng. - Rồi đây mọi người sẽ phải hiểu rằng học thuyết về virus cũng rất quan trọng trong một loạt ngành khoa học, chẳng khác nào như môn vi khuẩn học vậy.

- Ô thưa ông! - tôi thốt lên vì khâm phục. - Rất tiếc là ở trường người ta chẳng nói cho chúng tôi biết gì về những điều ấy! Nhưng nếu ông giữ trong ống nghiệm những của ghê gớm thế thì...

Dobby mỉm cười.

- Virus chỉ đáng sợ trong tay những kẻ dốt nát, chứ không phải trong phòng thí nghiệm của một nhà làm thực nghiệm. Ông ta học cách đi đầu khiển chúng và cải tạo chúng...

- Cải tạo chúng như thế nào - tôi hỏi.

- Rồi anh sẽ rõ. Một cơ thể sống sẽ phản ứng bằng nhiều cách khác nhau với việc đưa vào nó một liều lượng nào đó của chất đậm lạ. Điều chủ yếu là cơ thể sản sinh ra chất đối kháng chống lại chất đậm đã đưa vào. Ông Milrois của anh vợ được tiền là nhờ đi tìm cách lấy được các chất đối kháng chống lại những nọc độc của rắn. Những nhân viên thí nghiệm của ông đã tiêm vào cho ngựa hoặc cừu những liều lượng nhỏ nọc độc rắn mang bành, sau đó tách chất đối kháng được sản sinh ra trong máu ngựa; đó chính là chất giải độc chống rắn mang bành cắn. Với vi trùng bệnh bạch hầu người ta cũng làm như thế, và lấy được huyết thanh chống bạch hầu.

- Thưa ông như vậy thật là đơn giản! Thế thì cần phải chống lại mọi

bệnh bằng cách ấy.

- Hừm... Anh nói thế... Đơn giản... - Dobby lắc đầu, như thể ông thương thay cho sự ngu độn của tôi. - Thế mà chẳng đơn giản chút nào. Với mỗi mầm lây thì phải chọn được một giống động vật thích hợp nhất. Với bệnh bạch hầu người ta đã tìm được ngựa. Với virus bệnh đậu là bê. Với vuốt cúm...

- Chờn, - tôi nhắc ông để tỏ ra mình hiểu.

- Samuel, anh khá tiến bộ đấy, - Dobby cười. - Và bây giờ anh sẽ thấy, cũng một thí nghiệm ấy, có thể ứng dụng vào việc khác.

Dobby đến bên bàn thí nghiệm mà trên đó có để hai cây.

- Đây là những cây thuộc họ cà, - ông nói. - Chúng có quan hệ họ hàng với khoai tây. Một trong hai cây bị lây virus khảm. Cần phải phân biệt trong hai cây, cây nào bệnh, cây nào khỏe...

Tôi trả lời ngay, chẳng hề suy nghĩ gì.

- Phải bẻ thân chúng ra rồi xem chúng có bị mục nát hay không.

Dobby đập gan bàn tay xuống bàn.

- Trước hết, nó chưa thể mục ruỗng ngay được. Thế nếu anh có năm nghìn acre* tròng loại cây công nghiệp này thì sao? Thế nào, hả, anh cũng đi bẻ từng cây một à?

- Xin lỗi ông, tôi đã nói thiếu suy nghĩ.

- Ấy thế đấy. - Dobby dịu giọng. - Hừm...

Ông lấy ngay một mảnh kính, ngắt lá của một cây rồi vắt một giọt lên kính. Ông vào phòng rửa mặt rửa tay bằng xà phòng, sau đó ngắt lá của cây kia và ông vắt một giọt lên kính. Ở cạnh giọt thứ nhất, sao cho chúng không hòa vào nhau.

- Samuel, hãy nhìn đây. Hai giọt như nhau chứ? Cả hai đều trong phải không?

- Thưa ông, vâng. Không sao phân biệt được chúng.

- Được. Bây giờ, anh nhìn nhé, tôi lấy ống tiêm này. Trong đó chứa huyết thanh lấy từ con thỏ mà tôi đã tiêm truyền virus khảm mấy lần. Điều gì đã xảy ra trong máu con thỏ của chúng ta?

- Thưa ông, nó đã sản sinh ra một chất đặc biệt... - tôi nói nhỏ với vẻ do dự.

- Đúng rồi. - Dobby khuyến khích. - Chất ấy mà cho tiếp xúc với loại virus này thì nó gây ra một phản ứng nhất định. Phản ứng gì? Anh sẽ thấy. Nhìn nhé.

Ông thận trọng nhỏ từ ống tiêm ra một giọt huyết thanh thỏ vào giọt nước ép đầu tiên. Giọt nước ép to lên nhưng vẫn trong.

- Bây giờ đến giọt thứ hai, Samuel...

Huyết thanh chỉ vừa mới hòa vào giọt nước ép thứ hai nó đã lập tức trở nên đục, tưởng như người ta nhỏ sữa vào đó.

- Hay thật! - tôi thì thầm. - Có nghĩa là...

- Nghĩa là cây thứ nhất khỏe, cái cây thứ hai bị bệnh, - Dobby nói về quan trọng. Thỏ đã tạo ra trong cơ thể nó cái mà người ta gọi là những ngưng kết tố có tác dụng làm kết dính và đông tụ m ầm lầy. Đối với người, cũng bằng cách ấy, người ta có thể biết nó có mắc bệnh thương hàn hay không.

Tinh thần tôi đang ở trạng thái hưng phấn, nhưng nó còn bị kích thích mạnh hơn nữa khi Dobby nói:

- Chắc anh hiểu rồi chứ? Thật không? Được, bây giờ thì anh hãy tự làm

lấy thí nghiệm...

Tay tôi run lấy bấy khi cần vào miếng kính mang tiêu bản. Thí nghiệm của tôi đã thành công. Dobby khuyến khích:

- Tốt lắm. Bây giờ thì hàng ngày anh phải lên đây kiểm tra tại huyết thanh của các động vật chúng ta nuôi dưới sự giám sát của tôi. Tôi đã truyền cho chúng các loại virus khác nhau, và cần phải quan sát kết quả. Tôi sẽ được rảnh để viết bản thảo. Samuel ạ, đó sẽ là một quyển sách tốt.

- Ô thưa ông, tôi tin chắc như vậy, - tôi nói và vui sướng nhìn Dobby.

Và thế là tôi đã bắt đầu được làm việc cạnh Dobby trong phòng thí nghiệm. Ông dạy tôi cách lấy máu những động vật thí nghiệm, cách dùng máy ly tâm tách huyết thanh khỏi các tiểu cầu máu, và tôi đã bắt đầu tưởng rằng mình hiểu biết nhiều lắm.

Dobby đã chữa cho tôi khỏi bệnh thiếu máu, khỏi cái hậu quả khốn của bệnh sốt vàng, và tôi đã cảm thấy hết sức yêu đời. Trong lúc quá cởi mở tôi đã kể cho Dobby nghe một vài chuyện xảy ra trong những chuyến phiêu lãng và ngừng lại ở đoạn sống bên Ấn-độ và Miến Điện. Tôi e dè không dám nhắc tới chuyện vũ đài và Mazatlán. Chà, cái ông tiến sĩ Rolls tội nghiệp!... Cho tới nay tôi vẫn thấy đau lòng mỗi khi nghĩ đến ông.

Một lần trong bữa ăn trưa tôi hỏi Dobby là tại sao ông lại leo lên đây, lên cái khoảnh đất trên mỏm Hai Bông Hồng này. Dobby im lặng hồi lâu, và tôi cho rằng ông không muốn trả lời. Nhưng ông buồn rầu nhìn tôi và nói:

- Samuel ạ, anh lại quên bản hợp đồng rồi. Tuy nhiên chỗ này có liên quan đến một câu chuyện thần thoại cổ xưa mà tôi rất thích. Xưa kia, trên khoảnh đất này, Cupidon đã tặng Harpocrates, ông thần im lặng, hai bông hồng để ông ta không nói với ai về những trò tinh nghịch của các thần.

Nhưng Harpocrates đã nổi giận và ném hai bông hồng xuống vực. Hai bông hồng rơi xuống, cứng lại và hóa đá... Bông hồng, Samuel ạ, là biểu tượng của im lặng, những cánh nụ của nó ngậm chặt như đôi môi không muốn hé ra đi đầu bí mật. Khi còn chưa hết hạn hợp đồng thì anh hãy nhớ tới bông hồng và im lặng...

Ngày hôm ấy Dobby có vẻ đăm chiêu, buồn phiền và hình như đau khổ.

Buổi chiều tôi đến bên hàng rào sắt để ngắm nhìn tảng đá Hai Bông Hồng, nhưng tôi đã phải nhảy lùi trở lại. Trên đường nhựa, cạnh tảng đá ở phía dưới có một người đang dùng ống nhòm chăm chú nhìn về phía biệt thự của Dobby.



Chương chín

I

Thế là mùa đông đã trôi qua. Nỗi buồn nhớ nhà ngày càng da diết, và cuối cùng thì cái buổi sáng mùa xuân ấy đã đến vào lúc tôi đang thiết tha muốn trở về để được nhìn thấy cha, bác và Edith Winters, dù chỉ trong khoảnh khắc. Tôi không tài nào kìm lòng được nữa và quyết định rằng tôi nhất định giữ vững hợp đồng, về Ashworth tôi sẽ không hé miệng nói với ai một lời. Tôi chỉ đứng đằng xa nhìn qua ngôi nhà nhỏ của cha, nhìn Edith một lát rồi trở về ngay. Vừa hay gặp một dịp rất thuận tiện để chuồn đi. Dobby đóng chặt cửa buồng ngủ rồi trên gác và nói rằng ông đang bận viết lại bản thảo và sẽ không đi ăn trưa. Bác Migli đang bận rộn trong bếp. Tôi đại dốt nói với bác là tôi sẽ làm việc ở nhà nuôi thú và mong bác đừng làm phiền tôi. Chả là cái bác Migli ấy có thói rất kỳ cục: bỗng nhiên bác ta lộ mặt vào nhà kho, nhìn tôi một cái, mỉm cười nói lâu lâu đi đâu gì đấy rồi lại biến đi.

Tôi run sợ bước qua ngưỡng cửa hàng rào sắt.

Đi theo những đường mòn mà tôi đã biết từ hồi bé, tôi nhanh chóng xuống núi trở về Ashworth. Đi như thế sẽ gần hơn. Tôi vui sướng nồng nễ như một con chim sổ lồng. Dường như mới hôm qua đây tôi cùng với thằng bé Ed và các bạn cùng lứa tuổi khác chạy trên những ngọn đồi này, rồi xuống dưới theo những cái dốc mọc đầy mận gai hoang dại này. Chính ở nơi đây tôi đã từng ước mơ đi khắp thiên hạ.Ồ, cuộc du lịch vòng quanh thế giới mà tôi tưởng tượng ra hồi bấy giờ mới tươi đẹp chứ, chẳng khác nào như một ngày hội, còn trong thực tế thì nó lại là một thử thách khắc

nghiệt làm sao! Tuy thế, tôi cũng không lấy làm tiếc về chuyện này. Sau khi đã nếm mùi khổ cực của cuộc sống vô gia cư, tôi đồng thời thấy rõ sức hấp dẫn của những ấn tượng luôn luôn thay đổi. Sự khắc nghiệt của số phận thường chỉ là tưởng tượng. Số phận đã buộc tôi phải lang thang đây đó trên hành tinh này, nhưng dù sao nó cũng làm tôi hiểu biết cuộc sống với những biểu hiện thú vị nhất của nó.

Những ý nghĩ ấy đến với tôi khi tôi đang mải miết đi đến gần tảng đá Hai Bông Hồng và nhanh nhẹn đi xuống dưới theo con đường quanh co đã quen biết. Vẫn như ngày trước, con đường lổn nhồn đá và ở hai bên rìa mọc toàn loại eriko đang tỉnh dậy dưới tác dụng của không khí mùa xuân và ánh mặt trời sau một đợt ngủ đông. Kia, cái thân cụt già cỗi và cháy sém của một cây sồi lớn trước đây đã bị bốc cháy vì sấm sét. Cạnh nó là những cây hoa tím thắm to lớn mọc chen qua những cành lá năm ngoái khiến tôi nhớ lại cặp mắt của Edith. Những cây địa y bám quanh vỏ cháy đen của cây cụt già cỗi, còn lũ kiến bận rộn thì đã dựng lên ở đấy cái thành phố nhỏ kỳ dị của chúng. Chúng đã làm việc này khi nào nhỉ? Phải, những ngày thơ ấu của tôi đã qua rồi. Nó đã lùi xa về phía sau cùng với cái đêm bão táp khủng khiếp ấy, khi cả thành phố Ashworth ngược nhìn lên cây sồi đang bốc cháy.

Và đây rồi, cái tảng đá Hai Bông Hồng! Mưa gió đã xói mòn đỉnh của những tảng đá lớn. Trông xa chúng giống như những cánh hoa căng phồng. Biết bao lần tôi đã đứng đây ngắm nghía không chán mắt cảnh đẹp mê hồn của bờ biển! Biết bao lần tôi đã đứng đây ngắm nghía không chán mắt cảnh đẹp mê hồn của bờ biển! Đứng đây thấy phong cảnh rõ nét và đẹp hơn đứng trên Đồi Đen. Trước mắt tôi là biển rộng mênh mông và đường vòng duyên dáng của vịnh Ashworth. Cây hải đăng ở cạnh mũi

Cape Jen trông chỉ còn là một que diêm bé tẹo cắm vào bờ biển uốn khúc. Ở phía chân trời xa, những lớp mây thấp hòa lẫn với những vạch khói dày. Phía ấy có những con tàu đang đi trên tuyến đường Âu - Mỹ. Trên bờ, về bên phải, qua lớp sương mỏng của một buổi sáng vui tươi ấm áp là Oldmount nằm kéo dài. Không thấy được những ngôi nhà nhỏ và những đập nước trên kênh đào ở Wesley - chúng bị che khuất bởi ngọn núi Sharpy, đường ngấm Thomas nhất định phải kéo dài ra ở sau quả núi ấy. Một vệt xám của mái lâu đài với bốn tháp nhỏ kiến trúc kiểu Gothic ló ra từ những ngọn đồi có rừng cây. Đó là lâu đài Oldmount. Còn Ashworth ở gần ngay phía dưới chân tôi. Cạnh bờ là những hình dáng lò mồi quen thuộc của các bến, những cột thuyền buồm đánh cá, những vệt buồm trắng của thuyền đua. Ở bên trái, về phía con ngòi là hàng dãy những nhà kho thấp lợp ngói chạy dài. Lại còn thấy cả chỗ đường ngoặt nữa, tôi trông thấy cái cầu nhỏ đầy kỷ niệm, nơi tôi đã chia tay cùng Edith...

Tôi bước chậm với lòng đầy kính cẩn trên những đường phố thân thuộc của Ashworth cổ kính, kéo sụp mũ xuống quá mắt để không ai nhận ra. Tất cả vẫn như xưa. Không, nói cho đúng hơn, chỉ gần như xưa thôi. Ở ngoài cửa khách sạn “Neptune” vẫn thấy treo lủng lẳng trên những vòng sắt gỉ tấm biển đã phai màu mang hình cây đinh ba góm ghiếc của thần biển. Nhưng bây giờ không còn thấy mặt ông thần đâu nữa. Nó đã bị cuốn đi bởi những trận mưa rào mùa thu. Còn cây đinh ba thì cong queo và bất lực. Nhưng vẫn như thường thấy trước đây, dưới cái giàn che bằng vải bạt, các thủy thủ vẫn ngỗ chơi súc xắc, đập cốc xuống bàn và chuyện trò với nhau bằng những lời lẽ thô tục. Ở cửa sổ hiệu thuốc vẫn trưng bày con thần lặn khô, còn những bình cầu thủy tinh to tướng đựng chất lỏng đủ màu sắc thì bày la liệt khắp bốn phía xung quanh con thần lặn. Tôi nhớ là

cứ tới đến ông già Orfi lại thấp những mẫu nến cháy dở phía sau các bình cầy; thế là con thằn lằn nổi lên trong thứ ánh sáng xanh mờ huyền ảo. Và bất cứ ai cũng rõ đó là hiệu thuốc.

Khi tôi bước vào hiệu thuốc thì không thấy ông già Orfi đâu, chỉ có một chàng trai trẻ đang tiếp khách hàng. Căn cứ vào đôi mắt lờ lờ như mắt cừu và những vết tàn nhang trên mặt, tôi nhận ra đó là Ed. Nhưng lạ lùng thay, Ed không nhận ra tôi, mặc dù vì quên, tôi đã hát mũ lên và Ed nhìn thấy rõ. Chúng tôi chỉ đứng cách nhau bởi cái quầy bán thuốc. Và Ed nhìn thẳng vào mắt tôi vẻ thăm dò.

- Thưa, ông cần gì ạ?

- Anh có thuốc chữa bệnh khó thở không? - tôi hỏi, nín thở vì hồi hộp và lo rằng Ed sẽ nhận ra. Về phía tôi, rẽ vào hiệu thuốc là hết sức thiếu thận trọng. Cần phải rời ngay khỏi đây.

Nhưng Ed làm ra vẻ nhã nhặn như những người bán hàng vẫn thường làm đối với khách mua chưa quen biết.

-Ồ, có chứ... Đây là thuốc viên... Còn tinh dầu thì đắt hơn một chút...

Ed sửa lại cravate thắt trên cái cổ cằn. Giọng nói của anh ta cũng có cái vẻ dịu dàng cảm động như của cha:

- Thưa ông cho phép giới thiệu cả hai thứ chứ ạ? Chúng tôi chế thuốc này theo đơn của bác sĩ Fleet. Luôn đây tôi xin gửi ông địa chỉ đường phố và danh thiếp của bác sĩ. Ngày nào ông ấy cũng khám bệnh.

Tôi lặng lẽ gạt đầu và trả tiền. Một người nào đấy bước vào hiệu, kiên quyết đòi mua bằng được bột cam thảo. Đó là một người nhỏ bé đội mũ lưỡi trai dài. Lúc đến gần quầy bán ông ta hích cả vào tôi mà không xin lỗi. Đút viên thuốc và tinh dầu vào túi xong, tôi vội vã đi ngay.

Và đây nữa, hiệu ăn “Hổ Vương”. Bọn trẻ con bán báo chạy ngược về phía tôi và vui vẻ xướng lên những tin tức sau:

- Vụ đánh cắp kim cương của công tước phu nhân Axit nhá! Có tin về cuộc mít-tinh của thợ mỏ ở Wesley đây!

Một ông già cụt tay, cao, đôi mắt lơ đãng đã bạc và mặc áo trào kiêu cổ đứng lại ở cạnh tôi: Ê, báo!

Một thằng bé ăn mặc rách rưới cúi cho ông già tờ báo mới rồi lại chạy vụt đi. Ông già khéo léo dùng cánh tay còn lại mở tờ báo ra, nhìn lướt qua các trang báo rồi nhìn tôi với vẻ thờ ơ.

Bác Reggie, đúng là bác rồi, cũng như Ed, bác không nhận ra tôi. Kìa, bác đang bước đi trên vỉa hè, cố giữ hai vai cho thẳng và uốn ngực ra. Tôi chỉ muốn chạy theo bác và hét lên: “Bác thân yêu ơi, dừng lại cái đã! Cháu đây, thằng Samuel bé bỏng của bác đây mà. Hãy kể cho cháu nghe về cha cháu. Edith sống ra sao? Còn bác thì tối nào cũng tới hiệu ăn “Hổ Vương” để uống rượu chanh chứ? Bác thân yêu của cháu, bác có còn hay triết lý với các bạn của bác nữa hay không?”

Bác tôi ngoặt vào hiệu ăn, còn tôi thì đi qua phố bên tới bãi chợ cũ nong nặc mùi cá và mùi rau cỏ thối. Chỉ còn phải đi qua các quầy hàng là tôi sẽ nhìn thấy mái ngôi nhà nhỏ của cha ở sau góc phố. Nhưng ở cái góc phố nhỏ bé lặng lẽ trước đây hiện nay đã dựng lên một nhà bạt làm tôi nhớ tới thời kỳ làm nghệ nhân lang thang của mình. Một tấm biển trình bày thô thiển quảng cáo về các buổi diễn của một người nuôi dạy thú dữ nào đó, và lũ trẻ hiếu kỳ xúm xít gần quầy bán vé của đoàn xiếc lang thang.

Với vẻ mặt quan trọng, bác sĩ Fleet cùng những cô con gái xấu xí của mình hình như đang đi mua vé xem xiếc. Họ rất quen biết tôi. Thế mà nay chạm trán nhau, cả ba đều nhìn tôi với vẻ thờ ơ lãnh đạm.

Ngôi nhà nhỏ của cha tôi hình như không có ai ở. Khói không tỏa trên ống khói nhà bếp. Trên tấm biển nhỏ đề tên chủ nhân là Reginald Brand chứ không phải Isidore Pingle.

- Trời ơi... Lẽ nào cha tôi?..

U già Olivia ng ỡi đan trên bậc tam cấp và không nhận ra tôi. Hay là đến hỏi bà? Nhưng còn lời hứa? Hợp đồng? Dù sao thì Dobby cũng đã thực sự cứu tôi thoát chết. Cần phải đối xử với ông cho trung thực.

Tôi khoát tay. Trong mảnh vườn nhỏ của gia đình Winters cũng vắng bóng người. Tôi từ từ quay trở lại, cố nén trong lòng nỗi buồn đau chưa từng thấy.

“Cái bản hợp đồng khốn kiếp! - tôi nghĩ và đồng thời rảo bước. - Đến giờ phải trở về ồi. Chà, giá mà sớm được thoát khỏi đây...”

II

Ngày hôm ấy đã bùng lên vẻ đẹp của một mùa xuân. Mặt trời ấm áp chiếu tỏa trên mặt biển lặng. Ngọn gió mát mẻ nhẹ lướt qua mặt tôi. Việc leo núi chẳng mệt nhọc gì vì từ bé tôi đã quen trèo núi.

“Nhưng tại sao ở Ashworth không ai nhận ra tôi? Lẽ nào tôi đã thay đổi đến như vậy?” - Tôi nghĩ khi đã leo lên tới khoảnh đất trong g ầi biệt thự. Sau hàng rào con Kip sửa lên mừng rỡ khi cảm thấy tôi tới g ầi.

Tôi dừng lại, thở hổn hển, lấy mùi xoa lau mồ hôi trán và rùng mình: tôi thấy như mặt tôi... không phải là của tôi, mà là của người khác.

Tôi lao nhanh như chớp về phía biệt thự. Con Kip vui mừng chạy đến bên tôi, nhưng nó bị một cú đá nên thân. Tôi chạy vụt vào bếp. Con Kip bị xúc phạm kêu lên ăng ẳng ở phía sau. Migli đang bận rộn bên bếp lò với

bình cà phê.

- Anh lĩnh đi đâu thế? - Migli nói rít lên. - Ông Dobby hỏi anh mãi... này chờ cái đã...

Nhưng tôi nhìn ông bếp chăm chăm.

- Bác Migli, hãy nhìn tôi xem...

Bác ta liếc nhìn.

- Nào, thì nhìn. Nhưng sao chứ?

- Bác không nhận thấy gì ư?

- Chẳng thấy gì hết.

- Sao lại không thấy nhỉ? Bác nhìn kỹ xem...

Migli nghiêm nghị nhướn lông mày lên.

- Samuel, chớ đùa nữa. Chắc hẳn anh cũng thấy là tôi đang bận. Có chuyện gì thế?

Tôi ghé sát mặt tôi vào mặt Migli.

- Tôi không đùa đâu. Chẳng lẽ bác không thấy gì à?

Migli dậm chân.

- Thấy rồi... Xì... Anh say như một tên say rượu chính cống. Anh ăn mặc lôi thôi quá. Và cứ như thế mà dám vào trình diện Dobby à? Về phòng mà ngủ đi...

Bỗng nhiên một ý nghĩ đập vào óc tôi: “Gương!”

Tôi tóm lấy tay Migli, ngực thở khò khè:

- Cho tôi mượn cái gương...

Những ý nghĩ cứ l ùng lên trong óc tôi như lũ ngựa phi nước đại trên vũ đài: “Trong cái nhà này không có lấy một cái gương. Cái lão ả sĩ huyề

bí ấy không thềm chăm chút tới bề ngoài của hắn, thế mà hắn lại đã cạo râu cho ta? Ha ha!”

- Bác Migli, tôi van bác, tôi xin đổi bất cứ cái gì lấy một mảnh gương!

Nhưng bác ta đẩy tôi ra.

- Khẽ chứ! Ông Dobby nghe thấy bây giờ. Hình dạng như thế mà...

Tôi rít lên:

- Đồ quỷ sứ diêm vương! Ở đây cấm dùng gương sao?

Cái bình cà phê phình bụng sáng nhoáng đang hâm trên bếp lò. A ha!... Tôi chớp lấy bình cà phê đang chảy tong tong, soi vào nó như soi gương, vẫn không phân biệt được gì hết nên tôi lại đặt nó vào cạnh bếp lò. Bình cà phê sôi réo lên và cà phê đen trào ra thành vũng lênh láng trên mặt sàn. Như một con mèo điên, tôi lao tới bên ngăn bếp, trượt chân vào vũng nước, tuy nhiên tôi vẫn giắt được cái xoong đồng sạch bong treo trên cái đinh rồi đưa đáy xoong lên soi mặt. Tôi cuống cuống soi đi soi lại mãi vào cái gương thô sơ ấy. Từ trong đáy xoong một bộ mặt xa lạ nhìn tôi. Thế là tôi cười rộ lên, lấy xoong múc nước trong thùng, rồi vẫn vừa cười vừa chạy ra ngoài. Tôi đã biết có thể dùng gì để thay gương. Tổ tiên chúng ta vẫn dùng mặt nước làm gương soi mặt. Tôi đặt xoong xuống sân và đợi cho đến khi mặt nước thôi sóng sánh. Tôi chẳng thềm để ý tới những tiếng kêu phẫn nộ của bác Migli trong bếp đang vọng ra. Tôi đang bận rộn với bản thân tôi, tôi nghiêng mình soi trên mặt nước tròn trong suốt.

Người tôi lạnh toát từ đầu đến chân. Mặt nước phản ánh một bộ mặt hoàn toàn không phải của tôi.

Nhưng bộ mặt ấy đã biến đi. Nước cũng biến đi. Tôi đã đổ ụp xoong nước lên cái đầu đang nóng như lửa đốt của tôi. Một giọng nghiêm khắc vang lên ở phía trên:

- Samuel, anh dám đi uống rượu ở đâu về mà say khướt thế?

Cái nhìn nhạo báng của Dobby bắt gặp cặp mắt của tôi đang ngược lên. Dobby quả mắng tôi với vẻ hơi kinh tởm:

- Mà bỏ đi như vậy là vi phạm hợp đồng. Anh lại còn nghiện rượu nữa à? Dù sao thì tôi cũng đã yêu cầu anh chưa được khôi phục lại những mối quen biết ở Ashworth. Trời ơi... Thế mà tôi đã cho anh chàng nghiện rượu này vào phòng thí nghiệm! Có lẽ rồi anh sẽ uống cả thuốc thử và nhấm với những tiêu bản. Với anh thì bây giờ chuyện gì cũng có thể xảy ra được.

Tôi đứng dậy, toàn thân run lẩy bẩy.

- Thưa ông Dobby kính mến, mong ông tin cho tôi rằng tôi không uống một giọt rượu nào. Tôi xin thề danh dự. Quả thật tôi đã về thăm Ashworth, nhưng ở đây buồn đến nỗi...

- Đi đâu đó cũng không tha thứ cho anh được, - Dobby nói lạnh lùng. - Tại sao anh lại vào phá quấy trong bếp?

- Thưa ông, tôi biết làm thế nào được? - tôi kêu lên. - Ed tóc hung không nhận ra tôi. Ông bác cũng thế! Không hiểu mặt tôi nó ra làm sao ấy. Tôi sẽ kể lại cho ông nghe chi tiết... Ngay cả tôi cũng không nhận ra mình.

Migli đến bên và nói cầu nhàu:

- Đuổi hắn đi ông ạ. Nhưng trước hết hãy bắt hắn lau lại sàn bếp đã. Thật là tởm, không biết xấu hổ...

Nhưng Dobby đã trêu mến ôm lấy tôi lúc bấy giờ đang lảo đảo và như kẻ mất hồn.

- Anh về buồng nghỉ đi, còn bác Migli, hãy đưa sữa lạnh cho anh ấy uống. Anh ấy đi nắng nên bị đau đầu. Samuel ạ, anh bị chứng đau nửa

đầu...

- Thừa ông, ông quá tốt với một kẻ lêu lổng, - Migli cầu nhàu. Nhưng chỉ lát sau ông đã đổi giận làm lành nói với tôi: - Ta đi nào, thôi thì cũng đành...

Tôi uống ừng ực hết cả ca sữa trong bếp và cảm thấy người dễ chịu hơn. Tôi ngồi trên giường ở phòng mình. Dobby đứng ngoài cửa, hiên lành và hồ hởi.

- Thế nào, Samuel? Bị suy nhược thần kinh rồi, ái dà dà!.. Đầu anh vẫn đang còn trên đôi vai, và đó là điều chủ yếu nhất...

Tôi buồn ngủ ghê gớm. Và tôi đã nằm mơ một giấc mơ đẹp, tôi thấy tôi ngồi trên chiếc thuyền buồm thể thao rất đẹp của mình và lướt trên vùng biển Caribbe. Tôi ngồi duỗi thẳng chân tay trên một chiếc ghế mây tiện lợi ở đầu khoang phía dưới mái bạt kẻ sọc của boong trên. Ở trên chiếc bàn con trước mặt tôi là cốc si-rô đá. Trời nóng. Tôi giơ tay với cốc nước nhưng không sao với được...

Tay tôi đập phải thành tường cứng đau quá và tỉnh dậy.

Cái cửa sổ quen thuộc phản chiếu đường viền mờ của nó trong bóng đêm, ngay lúc ấy tôi chưa nhận ra là mình đang nằm trên giường trong nhà Dobby, mà vẫn ngỡ là đang trên boong thuyền buồm. Tôi muốn ngáp, nhưng cổ tôi tắc lại. Tôi thấy như có người nào đó bước đi rất nhẹ, hình như chân đi bít tất len, vừa mới ra khỏi phòng tôi và thận trọng khép cửa lại. Cuộc sống đã ít nhiều làm cho tôi sáng trí ra. Tôi nằm yên không động dậy, cẩn thận duỗi thẳng người, thở chậm và êm, hai tay tôi nắm lại, sẵn sàng bật dậy vật lộn với kẻ gian. Cũng ngay lúc ấy chính tôi lại ngạc nhiên trước sự quyết tâm của mình. Hồi còn nhỏ đêm nào tôi cũng thấy những nỗi sợ hãi không đâu và đã biết đấu tranh với chúng. Cần phải nghĩ tới

một đi đâu gì đó thật thú vị, khi ấy nỗi sợ tự nó sẽ biến mất.

“Ed không nhận ra tôi... Trời nắng gắt làm tôi nhức đầu... Đã xảy ra chuyện gì nhỉ?”

Khát quá, tôi quờ tay về phía chiếc bàn đêm. Ca đầy sữa. Tôi uống cạn và nghe ngóng. Xung quanh mới lặng lẽ làm sao! Có lẽ Dobby đang ngủ ở trong phòng làm việc, còn Migli thì ngủ ở phòng bên. Tôi đặt ca vào chỗ cũ và... chờ người ra. Một bóng người lạ thấp thoáng ngoài khung cửa sổ. Nó vụt biến đi rồi lại xuất hiện ngay cạnh cửa kính. Tôi đã kịp ngả đầu xuống gối và nhắm mắt lại, chỉ nhìn ti hí qua kẽ nhỏ ở giữa hai mí mắt như những con báo vẫn thường làm khi chúng giả vờ ngủ.

Ánh đèn pin lóe lên sau cửa kính, ánh sáng của nó như phát ra từ một chiếc đèn pha nhỏ, dừng lại trên mặt tôi khoảng hai ba giây rồi vụt tắt. Còn tôi thì vẫn nằm chờ người ra như trước ra vẻ như người đang ngủ say. Ánh sáng lại lóe lên, lại rơi vào mặt tôi rồi tắt đi. Khoảng hai phút sau tôi từ từ mở mắt. Cái bóng sau cửa sổ đã biến mất. Những vì sao xa thẳm ngoài cửa sổ vẫn bình thản chiếu sáng và làm tôi yên tâm. Bỗng nhiên lòng tôi thấy thờ ơ lãnh đạm với mọi vật xung quanh, những ý nghĩ của tôi trở nên sắc bén và rõ ràng.

Kẻ trộm ư? Cố sao cho thật dễ dàng, tôi nhòm dậy nhìn qua cửa sổ. Ánh sáng từ phòng thí nghiệm hắt vào một cái cây.

Tôi thận trọng mở cửa phòng mình. Cửa dẫn ra một hành lang mà mỗi góc nhỏ của nó tôi đều biết tường tận. Tôi không muốn đánh thức Migli và Dobby dậy một cách vội vàng. Tôi luồn qua bếp và nhẹ nhàng khép cửa lại từ phía ngoài. Bất ngờ con Kip từ trong bóng tối xõ ra và trườn mếu liếm tay tôi. Tôi vuốt đầu con chó ở khoảng giữa hai tai như thể mong nó tha lỗi cho tôi vì cái hành động thô bạo lúc ban ngày của tôi. Con Kip cọ người

vào chân tôi và thở dài, có lẽ nó đã tha thứ cho tôi và đang vui sướng vì việc hòa giải này. Nó hiểu rằng bây giờ thì không nên rít lên. Tôi thấy rõ là nó đang ve vẩy đuôi rất mạnh.

Mắt tôi đã quen nhìn đêm tối. Vẫn chưa quá hai giờ đêm. Rạng đông chỉ có thể bắt đầu từ lúc ba giờ. Hình như trên mặt biển là những lớp mây dày đặc và ở đấy hun hút một khoảng trống đen tối, sâu thẳm. Trên đầu tôi là ngôi sao Cassiopeia hình chữ vê đúp của hệ thống thiên tự vĩnh cửu chiếu sáng thành một đường lượn cố định. Sau biệt thự, nhờ nền trời lấp lánh sao của dải Ngân hà có thể thấy được dải núi thấp phía dưới. Đằng sau nó, người ta cảm thấy ngay, hơn là trông thấy, những ánh phản chiếu lờ mờ của những cụm đèn của một thành phố lớn.

Con Kip vẫn chưa muốn chui ngay vào ngủ trong chuồng của nó ở cạnh bậc tam cấp. Nó hít ngửi đất và thở phì phì, cuối cùng thở dài một cái rồi nằm yên. Thế có nghĩa là không một người lạ nào đã vào sân. Tôi yên tâm nhưng lại muốn xem đêm đêm việc gì đã diễn ra ở trên gác, nơi Dobby ở. Tôi quay ngoặt sang phía sau góc nhà, nhẹ nhàng lùi lại gần những vòm hình mẫu của cây dẻ. Cửa sổ sáng ánh đèn được che bởi cái rèm trắng trông rõ mồn một. Một bóng người lờ mờ chuyển động in trên nền rèm, bóng ấy không giống Dobby, cũng không giống Migli. Nó làm tôi nhớ tới ai nhỉ? Khỉ thật!

Tôi đứng ngay ra như phỗng, thậm chí không thể nào đưa tay lên vuốt tóc ra sau gáy, và chỉ tỉnh lại khi một người nào đấy xô vào tôi và làm tôi ngã gục. Hai bàn tay xù xì mạnh mẽ ghì chặt tôi xuống đất đến phát đau lên...

- Lại đây, ông ơi, lại đây! - giọng bác Migli thốt lên phía trên tôi. - Tôi tóm được hần rồi.

- Này buông ra, - tôi giãy giụa, cố thoát ra khỏi hai cánh tay ông bế. -
Kìa bố già, điên hả!

Trong lúc vật nhau chúng tôi lăn người trên ô cỏ. Con Kip chạy tới bên
sua văng lên.

- A ha, ra thế đấy! - Dobby nói. - Migli, giữ chặt lấy nó!

Dobby cầm đèn pin chạy lại. Trong tay ông ánh lên “đồ chơi” mà tôi
chẳng thích nó hướng vào tôi chút nào. Nó làm tôi nhớ lại cung cách của
del Aronzo.

Dobby tiến lại sát bên và ra lệnh:

- Migli, gọi Samuel dậy!

- Tôi đây, thưa ông, - tôi nói lầm bầm. - Xin ông bảo bác Migli buông tôi
ra.

Ánh đèn pin rọi vào mặt tôi. Hai tay bác Migli đã buông ra. Tôi ng ồi
dậy trên thảm cỏ, tựa người vào thân cây dẻ. Dobby nghiêng răng ken két.

- Samuel! Quỷ bắt anh đi, anh lên vào đây làm gì?

Tôi cúi đầu nhận tội.

- Xin ông tha lỗi cho, tôi quên không nói trước với ông rằng toàn thể họ
hàng tôi khi ở lứa tuổi như tôi đều bị bệnh miên hành. Tôi mắc bệnh gia
truyền ấy. Xin cảm ơn bác Migli tốt bụng, nếu không có bác thì tôi đã đi
lạc đến tận đường cái và lao xuống vực r ấ...

- Thưa ông, đừng nghe hấn, - Migli nói giọng trầm bực tức. - Hấn nói
dối. Hấn đi đi lại lại ở đây đã hơn một tiếng r ấ. Cứ nhốt hấn vào h ầm
nhà, sáng ra ta mới xét xem hấn bị cái bệnh gia truyền gì.

- Thưa ông Dobby, xin ông hãy tin tôi, - tôi nói đồng thời đứng dậy và
đưa tay lên đỡ cổ. - Tôi thấy hình như có ai nhìn vào tôi qua cửa sổ...

Migli lắc đầu quây quây.

- Anh bạn ạ, anh cứ hình như những chuyện vô lý như vậy quá nhiều rồi. Về phía anh mà nói, làm ông Dobby sợ hãi như vậy là vô lương tâm.

Dobby cất “đồ chơi” vào túi và hất đầu về phía tôi.

- Anh đi ngủ đi. Sáng mai tôi sẽ phân giải những hành động ngu xuẩn của anh.

Bầu trời hồng lên ở phía trên những ngọn núi. Khi trở về nằm ở phòng mình tôi nghe rõ tiếng Dobby bước lên cầu thang vào phòng thí nghiệm.

III

Ánh mặt trời mùa xuân tươi vui lọt vào phòng tôi qua cửa sổ. Và vẫn như mọi khi, có tiếng gõ cửa rất ý tứ.

- Samuel ơi, dậy thôi. Bữa sáng đã dọn rồi, - giọng cầu nhàu của bác Migli vang lên ở sau cửa.

Tôi nhanh chóng rửa mặt và mặc quần áo. Mọi việc trong bếp vẫn diễn ra như cũ.

- Chào bác.

Migli gật đầu.

- Chào anh.

Bác ta chào lại rất thân mật, có thể nói là trìu mến nữa và nói thêm với vẻ nghiêm trọng:

- Ông Dobby bảo anh ăn sáng ở đây, rồi chuẩn bị các lồng thú số sáu và bảy. Ông sẽ gọi anh muộn hơn một chút.

- Vâng.

- Trời đẹp quá, - Migli nhìn tôi, nói.

- Đúng thế, - tôi trả lời sẽ sàng và nhã nhặn đồng thời đưa mắt nhìn cái chảo rán những miếng bít tết ngon lành đang kêu xèo xèo. Mùi khoai tây rán thơm lừng khắp gian bếp. Tôi thấy thèm ăn ghê gớm.

Trong khi đổ nước xốt hành vào trong chảo, Migli nói:

- Cắt bánh mì ra mà ăn chứ, Samuel. Sao anh cứ ng ỡ đợc ra thế? Trông anh có vẻ như còn chưa tỉnh ngủ...

- Bác biết đấy, tôi chỉ ngủ được có nửa đêm, - tôi nói ám chỉ tới sự việc vừa xảy ra và c ần bánh mì lên.

Nhưng Migli châu môi ra với vẻ giễu cợt.

- Anh ngáy suốt đêm thì có.

Tôi sừng sốt há hốc m ồm.

- Migli, bác nói gì vậy? Thế đêm qua kẻ nào suýt bẻ gãy cổ tôi đấy? Chẳng là bác tưởng tôi là kẻ trộm mà.

Bác bếp từ từ đặt đĩa bít tết xuống bàn và chậm rãi lắc đầu.

- Cắt bánh mì r ỗ chứ? Thôi nào ăn đi, ăn đi kìa, kéo nguội mất thịt. Ăn xong r ỗ đi mà tắm, và chớ có nói huyền thuyên nữa. Tôi bẻ gãy cổ anh khi nào?

- Chà, lại còn không ư? May mà... - tôi nói lảm bảm ngáp ngừng và sờ tay lên trán. Nhưng nó chẳng có triệu chứng gì tỏ ra là tôi sốt cả.

Miếng bít tết trên đĩa cùng với nước của nó tiết ra trông thật ngon lành, và tôi cắm dĩa vào, c ần phải tăng cường thể lực. Vừa nuốt xong miếng thịt thứ nhất kèm theo với thứ nước xốt hành ngon tuyệt tôi li ền nhớ tới một tình tiết đặc biệt của những sự kiện đêm qua nên vội nhảy ra phía bậc tam cấp.

- Có chuyện gì thế? - Migli lao ra theo tôi. - Anh bị nghẹn à?

- Hơi bị ngạt thở, - tôi trả lời dịu dàng, ra sức hít lấy hít để khí trời tới căng lồng ngực ra mới thôi. - Bác Migli ạ, tôi cần đi dạo một lát.

Tôi cố làm ra vẻ thờ ơ ngắm nhìn cây để nhiều cảnh đang nảy lộc mùa xuân, nhưng kỳ thực lại chú ý xem xét cỏ ở phía dưới. Thảm cỏ bị đè hơi đồ rập xuống.

- Samuel, chớ dẫm lên cỏ! - Migli la lên khi thấy tôi định đi tới cạnh gốc cây. - Ở đây ông Dobby đã gieo loại sen cạn...

Tôi thở dài, trở lại bếp. Miếng bít tết đã nguội. Tôi bực tức, vừa nhai miếng thịt vừa nghĩ: “Chẳng lẽ ta nằm mê hay sao?”

Lúc ngửi uống cà phê tôi nói với bác bếp:

- Bác Migli ạ, nếu như đã có lúc nào đấy tôi làm phiền lòng bác thì mong bác bỏ quá cho nhé...

Nhưng bác ta đã trả lời mộc mạc:

- Sao lại nói thế, Samuel!.. Tôi chưa từng gặp người nào tệ hơn anh. Uống tách nữa nhé?

Sau khi đã cảm ơn bác Migli bằng những lời lẽ tử tế nhất, tôi cần tách cà phê bác đưa cho, nhưng bỗng một hồi chuông vang lên gọi tôi vào phòng thí nghiệm.

Dobby tiếp đón tôi như không có chuyện gì xảy ra.

- Chào anh. Anh làm ơn chuẩn bị cho những kính phết lấy từ các ống nghiệm mười ba - hai mươi chín. Rồi đổ c ần vào các bình c ần.

Ông chỉ vào một dãy các chai lọ đựng đầy những quả khô để trên bàn.

- Thưa ông vâng.

- Samuel, sao trông anh buồn rầu thế, - Dobby nói khi tôi bắt đầu c ần

bi đông đưng c ần. - Lòng mày thì cau có lại. Thử ngấm mà xem.

Chà, lại giễu cợt! Tôi tức run lên.

- Thừa ông Dobby, trong hợp đồng không hề nói rằng ông có quyền nhạo báng tôi...

- Anh nói sao? - Dobby bình tĩnh đứng giữa phòng thí nghiệm. Ông nói giọng cứng rắn và rõ ràng. - Thế là thế nào? Tôi thương anh, chứ không hề nhạo anh. Tôi muốn giúp anh.

- Giúp ư?

- Phải. Anh có nhớ hôm qua anh hóa đại như thế nào không? Samuel ạ, anh nói đúng đấy. Hãy lấy gương trong tủ mà soi xem.

- Hình như trong nhà này cấm dùng gương, - tôi nhắc nhớ nói.

Dobby cau lông mày lại.

- Ai bảo anh thế? Lấy gương ra. Trong tủ ấy.

Cố nén xúc động, tôi mở tủ. Ở trên ngăn giữa các vỏ bọc và các đồ chai lọ có một cái gương bỏ túi xinh xắn.

Ôi, mặt mới khiếp chứ, còn ngái ngủ và đầy râu! Một bộ mặt xa lạ! Đây không phải là tôi!

Cái gương rời khỏi tay tôi và vỡ tan tành.

- Anh hậu đậu quá! - Dobby nói vẻ bức dọc đồng thời nhặt những mảnh vỡ lên.

Tôi làm sao thế này? - tôi sợ hãi nói thì thào và sờ tay lên mặt. - Hùi ư?

Dobby nắm hai vai ấn tôi ngã xuống ghế.

- Một đứa trẻ hay khóc! Một tên hèn nhát mà tôi lại cho là người dũng cảm! Thôi đừng có ti ti nữa!

- Ông làm ơn cho biết tôi làm sao thế này? - tôi nói giọng lạnh lùng.

Dobby nhếch mép cười.

- Samuel ạ, sao mắt anh trông có vẻ căm uất và khó hiểu thế. Hãy cố mà hiểu những điều tôi sắp nói, và anh sẽ thấy ngỡ ngàng vì sự thiếu thiện chí của anh... Hừm... Hừm... Hoàn toàn không có chuyện gì xảy ra với anh ở đây hết... Nhưng anh đã từng sống ở Miến Điện, đã cầm rắn jirr trong tay và bị lây chúng cái bệnh mà người ta gọi là “bệnh của những người lùn”. Đó là một loại virus độc, nó gây ra những biến đổi trong các mô của cơ thể. Người ta biết rằng một vài loại jirr là vật trung gian truyền virus này.

Không kìm được mình, tôi đứng phắt dậy.

- Tôi không tin ông! Milrois hiểu biết về rắn hơn ông! Nếu những con jirr truyền virus thì làm gì mà ông ấy không nói cho tôi biết. Cứ gửi điện về Rangoon mà hỏi xem... Ông ấy còn hiểu virus hơn ông. Ông ấy là một bác học chân chính, ông Milrois tốt bụng của tôi...

Dobby lắc đầu.

- Chà, anh Samuel ạ, lẽ nào tôi không biết tất cả những người đã hoặc đang nghiên cứu virus? Được, ta cứ thử hỏi Milrois xem, nhưng rồi ông cũng sẽ trả lời như thế thôi. Có rất nhiều con đường truyền bệnh virus. Còn phải nghiên cứu chúng lâu dài hơn nữa. Đó là cách tốt nhất để khám phá ra những điều thú vị. Tôi chỉ nói cho anh rõ một điều như thế này. Điều đó có quan hệ đến anh...

Để tỏ vẻ đồng ý, tôi cúi đầu và ngẩng xuống ghế.

IV

- Đã lâu lắm rồi, - Dobby bắt đầu nói, - tôi có một người bạn trẻ. Bây giờ anh ấy đã không còn trên đời này nữa. Anh ấy bị một tai họa. Tôi quen

anh ấy ở... Berbera. Ở Somalia, một thuộc địa của chúng ta có một cảnh như thế. Anh biết chứ, ở Phi Châu ấy mà? Bao giờ anh bạn ấy cũng bị lôi cuốn bởi những chuyến du lịch. Ở tuổi thanh niên anh ấy không phải chỉ lo lắng tới chỗ đứng dưới ánh mặt trời, cũng không chỉ lo tới mẩu bánh mì. Cái đâu cũng đòi được ăn. Trí óc phát triển là do đọc nhiều sách hay. Anh bạn tôi thường xuyên bị đói, nhưng anh đọc ngón ngấu tất cả những gì có liên quan tới động vật và thực vật. Anh muốn trở thành một bác học. Anh cóp nhặt tiền bạc và đi sang Trung Phi. Và thế là chúng tôi quen biết nhau trên đường đi tới đó.

“Tôi muốn, - anh ấy nói, - có được một phát kiến nào đó thật xuất sắc về địa lý. Ông Dobby ạ, giá mà ông biết được ý nghĩ đó đang giày vò tôi đến như thế nào nhỉ!”

Nhưng tôi biết trả lời anh ấy ra sao? Trả lời rằng cần làm việc một cách trung thực ư? Rằng thường người ta không phát kiến một cách ngẫu nhiên ư? Rằng nhà du lịch địa lý phải luôn luôn sẵn sàng lập kỳ công ư?

Chính tôi đi sang Trung Phi với sự chuẩn bị khá đầy đủ và với một mục đích rõ ràng - tìm kiếm những virus thực vật thú vị. Tôi đặc biệt kết thân với con người trẻ tuổi ấy khi chúng tôi đến Harar. Chúng tôi quyết định cùng nhau đi tiếp. Ở thủ Addis Ababa, chúng tôi hợp nhất những con vật nhỏ tải đồ của chúng tôi lại rồi đi về hướng tây.

Vượt qua đèo Brng, chúng tôi tới cao nguyên Ugogo. Dân cư ở đây vóc người rất thấp, họ sống trong những túp nhà bằng sậy, luôn luôn bị thú dữ đe dọa, nhưng những nhà kinh doanh địa phương, những kẻ buộc họ phải đào những lòng suối cạn để lấy cát đãi vàng còn đe dọa họ nhiều hơn nữa. Tôi với người bạn cùng sống trong một túp nhà gỗ chật hẹp để chờ đợi cho cái mùa đông nhiệt đới với những trận mưa khó chịu qua đi.

Không thể nói là những vùng ở Ugogo có phong cảnh đẹp được. Những cánh rừng nhỏ chỉ giống như những oase giữa những khoảng không rộng bao la có những bụi hoang cây dại mọc. Những cánh đồng cạnh làng - tôi không còn nhớ là làng gì nữa - thì cằn cỗi và nhỏ bé. Những người lùn Ugogo hái những quả màu da cam ở các bụi cây vùi tán nhỏ ra rồi trộn với ngô, nhào thành chất bột sền sệt đem nấu bánh và nướng chúng trên than hồng. Đó là món ăn chủ yếu của những người lùn. Cái cảnh đại loại như thế thì chúng tôi cũng đã được thấy từ khi còn trên đường đi Uganda. Nhưng Uganda về phía đông từ Ugogo, gần biển hơn. Ở Uganda thỉnh thoảng người ta còn được nếm thịt trâu tươi và những đồ hộp nơi khác đem đến. Còn Ugogo thì quả là một chốn đáng nguy hiểm rửa. Đối với tôi ở đây chẳng có gì gọi là thú vị, và cả hai chúng tôi đã tính chuyện quay trở về. Chúng tôi muốn đi lên phương bắc, tới tận những ngọn nguồn sông Nile gần Wadeli, rồi đi xuống phía Aswan và sẽ từ biệt Phi Châu ở Cairo.

Một lần bạn tôi vào rừng, tìm thấy một bụi cây gai có nhiều quả màu vàng, bên trong có chất dầu nhớt. Loại cây ấy làm tôi chú ý. Nhưng nó chẳng gây ở anh bạn trẻ một ấn tượng nào. Anh ấy khát khao những phát minh phi thường, và vì thế quan tâm tới những cây hình dáng xấu xí giống như loại bách trùn chẳng? Nói chung anh thất vọng về chuyến đi này của chúng tôi đến nỗi chẳng bao lâu sau đã bỏ lên phương bắc mà không chờ đợi tôi.

Một lần, khi tôi đem cây có quả vàng về làng, những người dân địa phương, qua người thông ngôn, nói với tôi rằng ở đây họ gọi cây đó là “cây gai của người Bushmen”, và nước ép của loại cây quả vàng ấy có một sức mạnh huyền bí. Tôi đã bắt đầu thu thập một bộ sưu tập thực vật về các loại gai khác nhau, và lập tức nhận thấy rằng dưới những bụi cây ấy lúc

nhúc nhủ rắn jirr. Những chuyến đi nghiên cứu thực vật của tôi trở nên rất nguy hiểm. Tôi mang theo hai chục người địa phương, và họ đã rất dũng cảm và khéo léo đuổi lũ rắn ra khỏi các bụi, cho đến nay tôi vẫn còn cảm thấy ghê tởm những con rắn ấy. Bây giờ tôi phải làm việc rất nhiều, nhưng tôi không hối tiếc gì về điều này. Tôi rất thích loại cây gai ấy. Những quả của nó cũng được những người lùn Ugogo dùng làm món ăn, nhưng chỉ vào một thời gian nhất định trong năm thôi. Và đây, sự việc xảy ra như thế này.

Khi những trận mưa đã chấm dứt, và dân làng chuẩn bị ăn mừng ngày đầu tuần trăng non thì những người phụ nữ đi ra thảo nguyên, lúc về họ mang theo những túi đầy quả mà tôi đã biết. Họ ép chúng thành thứ nước sánh chất rồi hòa thêm nước vào, sau đó lấy chất lắng đọng ở dưới nhào với bánh mì. Tôi chăm chú quan sát việc làm này của những bà chủ da đen. Tôi có một người thông ngôn rất tốt, giàu kinh nghiệm, và có một ít cần dự trữ. Nhờ vậy những ông già Ugogo sẵn lòng mời tôi tham dự ngày lễ. Mặt trời vừa lặn thì những người địa phương bắt đầu nhảy và chơi một thứ nhạc mọi rợ bằng các ống sậy kèm theo với những tiếng trống rung. Sau đó dân Ugogo uống nước quả ép, hình như nước này bốc men rất nhanh, bởi vì những người nhảy bị say rất nhanh, và những bà vợ phải đưa họ vào ngủ trong những túp nhà. Ba ngày liền dân làng ăn những bánh làm bằng chất nước quả gai đó. Họ cũng mời tôi, nhưng bản thân người thông ngôn không ăn và khuyên cả tôi không nên ăn. Anh ta nói thế này: “Người Ugogo cho rằng quả cây gai tăng thêm sức mạnh, tinh thần sáng suốt và đời sống lâu dài cho những ai biết dùng nó làm món ăn. Nhưng chúng làm cho con người không lớn lên được và suốt đời trở thành những người lùn”.

Thật vậy, trong đám người lùn Ugogo có những người vóc dáng rất nhỏ bé với những cái bụng xệ như ở những kẻ phàm ăn, nhưng khỏe ghê gớm mặc dù râu cằm đã bạc phơ và nét mặt đã nhăn nhúm.

- Thế rồi sao nữa? - tôi hỏi.

- Tôi đã lấy được từ các quả vàng những virus thuần khiết, loại virus này làm cho lá một số cây trở thành có gai. Tôi đã sống ở Ugogo hai năm và đã kiểm tra lại sự biến dạng này qua thí nghiệm. Việc này đã kích thích và thúc đẩy tôi dứt khoát hiến cả đời mình cho công cuộc nghiên cứu virus. Tất cả những gì đang xảy đến với anh đều khẳng định những phát hiện của tôi. Thôi đừng thất vọng nữa. Tôi sẽ giúp anh. Tôi sẽ chữa cho anh khỏi bệnh.

Câu chuyện của Dobby có vẻ đúng thật. Bây giờ thì tôi chẳng còn tính gì tới chuyện tranh cãi với ông chủ nữa. Thôi thì cứ để ông ấy chữa cho tôi khỏi cái bệnh virus này. Và tôi nói bằng giọng của một người có tội:

- Thưa ông, mong ông tha lỗi cho; có lẽ tôi là một con người hết sức vong ân bội nghĩa. Nhưng ông hãy thử đặt vào địa vị tôi...

- Samuel ạ, rồi sẽ ổn cả, - Dobby thân ái vỗ vai tôi. - Virus lấy từ những cây lùn là loại virus đầu tiên mà về sau tôi đã đem truyền cho động vật trong phòng thí nghiệm. Tôi nghiên cứu virus với mục đích gì? Nghiên cứu để thuần hóa chúng, làm cho chúng trở thành một công cụ có lợi trong tay con người.

Chà, cái ông Dobby này biết nói và buộc người khác phải nghe mình!

- Samuel ạ, bệnh của anh sẽ khỏi hẳn mà không để lại vết tích gì, - Dobby nói chắc chắn.

- Xin lỗi ông, vậy tôi không nhờ người lại và không trở thành một tên

lùn chứ? - tôi sợ hãi hỏi.

- Không đời nào, - Dobby cười. - Thôi nào, anh đổ c òn vào những bình c òn đi. Vừa hay trong đó, anh thấy chứ, là những quả khô màu vàng “cây gai của người Bushmen”. Chúng ta sẽ lấy chất chiết xuất từ những quả ấy, tách c òn ra và có được một chất kết tinh có đặc tính riêng rất thú vị. Nếu tiêm chất ấy cho thỏ thì huyết thanh của thỏ sẽ trở nên có khả năng làm trung hòa tác dụng của virus cây gai. Samuel ạ, huyết thanh ấy sẽ chữa cho anh khỏi bệnh hoàn toàn...

- Cám ơn ông! - tôi mừng rỡ nói. - Thế thì tôi phải gắng giúp ông lấy được loại huyết thanh này.

Ngày hôm ấy tôi đã làm việc rất hăng say.

Lúc ăn trưa tôi hỏi Dobby:

- Người bạn mà ông kể đã gặp tai họa gì, thưa ông?

Dobby thở dài ảo não.

- Từ bấy đến nay tôi không gặp lại anh ấy. Tôi đã đọc thấy trên tạp chí những bài báo tài ba ký tên người bác sĩ Mỹ trẻ tuổi đó. Nhưng mới đây có tin là anh ấy bị những người h ãi của mình giết chết ở Mexico...

- Tiến sĩ Rolls? - tôi nói lầm bầm.

- A, anh cũng biết anh ấy à? - Dobby nheo mắt lại.

- Ô không!.. Tôi chỉ đọc thấy trên báo về vụ giết người bí ẩn ở Samatlan...

Tôi cố tình nói chệch tên thành phố Mazatlán đi, và phải cố gắng lắm mới nén nổi nỗi xúc động đang tràn ngập tâm h ãn tôi.

Chương mười

I

Mỗi lần khẩn cấp đeo đẳng tôi mãi. Những sự việc bất ngờ huyênh hoang xảy ra trong cái đêm có người nào đẩy ngó nhìn vào tôi ở trong phòng là nghĩa thế nào? Tại sao Dobby lại có vẻ như thất vọng khi thấy tôi bị bắt dưới gốc cây dẻ? Và Dobby lại quen biết tiến sĩ Rolls đã quá cố mới kỳ lạ chứ. Có lẽ không phải ông ta đã khám phá ra loại virus ở những “cây gai của người Bushmen”, mà là Rolls tội nghiệp, chính con người sau đó đã bị thiệt mạng... Mà nếu quả như thế thì...

Tuy nhiên làm việc trong phòng thí nghiệm rất thú vị.

Trong một vài ngày chúng tôi đã tách c ần ra khỏi chất chiết xuất, và, cuối cùng, Dobby đã thu được ở đáy bình c ần gần một ounce* chất keo d ầu thẫm.

- Nhưng vẫn chưa xong đâu, - ông vừa nói vừa ngắm nhìn sản phẩm đã thu lượm được. - Ở đây virus vẫn còn nằm lẫn lộn với một lượng các chất đậm khác nữa. C ần phải tách nó ra.

Và lại một lần nữa sản phẩm được đem hòa tan vào các thuốc thử, rồi dung dịch được đem lọc và đưa vào máy ly tâm.

Máy ly tâm của Dobby quay với tốc độ sáu mươi nghìn vòng phút, và chỉ sau khi để máy làm việc ba tiếng liền Dobby mới ngắt c ần dao và lấy ống nghiệm ra khỏi máy.

- Đó là virus ở dạng thuần khiết! - Dobby nói vẻ mừng rỡ và c ần ống nghiệm lên. - Anh nhìn này.

Một chất bột kết tinh màu hơi vàng lắng dưới ống nghiệm.

Kim của cái cân điện tử có độ nhạy cao chỉ vào số: 14,55701.

- Chúng ta sẽ trừ trọng lượng của ống nghiệm đi, - Dobby nói. - Nó bằng 14,55 gam. Chúng ta sẽ làm hiệu chỉnh cả về độ ẩm và áp lực không khí nữa. - Ông hơi nheo mắt lại rồi nói: - Gần mười lăm miligam virus. Anh đưa sáu con thỏ ở lồng số chín lại đây.

Nửa giờ sau tôi đã lần lượt xách tai thỏ đem lại cho Dobby. Ông đã kịp hòa một phần virus vào dung dịch sinh lý và dùng bơm tiêm tiêm cho thỏ. Phần dung dịch còn lại trong bình cầu được đưa vào bộ điều nhiệt. Tôi đốt đèn Bunsen. Dobby thận trọng gắn đầu ống tiêm đựng virus lại và đưa vào bộ sưu tập của mình.

Tay ông hơi run run khi dùng bút chì bằng sáp viết lên nhãn ống tiêm: “Cây gai của người Bushmen. V. 12”.

- Samuel ạ, bây giờ tôi mới yên tâm, - Dobby nói với vẻ thỏa mãn ra mặt. - Toàn bộ số lượng virus tôi lấy được trước đây đã dùng vào thí nghiệm hết. Vậy mà tôi thì lại cần có một bộ sưu tập đầy đủ các virus. Và lại còn phải giúp anh nữa chứ. Mới rồi, rốt cuộc tôi đã nhận được các quả gai gửi từ Ugogo tới qua văn phòng thương mại ở Trung Phi.

- Để làm việc này ông phải trả nhiều tiền lắm không? - tôi hỏi.

Dobby vẫn nhìn tôi với cái vẻ như trước mà tôi vẫn thích.

- Hừm... Một khi đã làm việc vì khoa học thì đừng tính toán tới việc chi tiêu... - Ông nói thêm: - Với khoa học không được tiếc cả công sức lẫn tiền của. Sau một tuần lễ tiêm liên tục thì huyết thanh thỏ sẽ tích lũy được thể đối kháng virus và sẽ chế tạo được thuốc mới chữa bệnh cho anh.

- Thưa ông thế thì tuyệt quá, - tôi trả lời. - Vậy thì công trình của ông sẽ

được kiểm nghiệm lại qua bản thân tôi. Phải nói rằng trước đây đã có lúc tôi muốn được tham gia vào một thí nghiệm kiểu như thế.

- Hừm... Thế à?

- Vâng, thưa ông. Lord Pucklington ở lâu đài Oldmount...

- À, cái ông làm công tác khoa học không chuyên nghiệp bất hạnh bị đuổi ra khỏi vương quốc chứ gì? - Dobby hỏi. - Cả anh cũng biết ông ta à?

- Không, thưa ông. Chưa bao giờ tôi được thấy ông ấy. Nhưng câu chuyện...

- Câu chuyện về những tội lỗi của ông ấy truyền đi khắp thiên hạ, - Dobby nói về giễu cợt. - Và ông ta đã chết một cách còn thảm hại hơn cả Rolls bất hạnh nữa kia.

- Thảm hại hơn cả một người bị giết hay sao? - tôi thì thầm.

- Hừm... Về việc này người ta đã đăng trên các báo. Ông ta không chịu nổi nổi bất hạnh. Vỡ tim.

- Tội nghiệp! - tôi chân thành đáp.

II

Một tuần lễ sau, huyết thanh đã sẵn sàng, và tôi, sau khi đã tiêm loại thuốc chống virus mới làm ra, đang nóng lòng chờ đợi kết quả chữa bệnh.

Phần lớn thì giờ Dobby ngồi sau bàn trong phòng làm việc để sắp xếp lại bản thảo quan trọng của mình. Ông ít đến làm việc ở phòng thí nghiệm, chỉ thỉnh thoảng mới tới và quan sát những công việc tôi làm.

Ông dạy tôi làm các phản ứng hóa học với các chất đậm, và tôi đã làm được những phản ứng này rất tốt.

- Samuel ạ, mẫu bánh mì của anh sẽ luôn luôn được bảo đảm. Khoa học không phải chỉ cần những người phục vụ trong phòng thí nghiệm, mà còn cần đến cả những người thích làm những thí nghiệm sinh động. Lĩnh vực nghiên cứu virus là rộng lớn vô cùng. Bất cứ người nào làm công tác nghiên cứu virus đều sẽ lấy làm vui sướng có được một người như anh giúp việc.

Tôi bắt đầu thấy thích nghiên cứu virus. Dobby uyên bác hơn nhiều so với cái ông “giáo sư rần” mà bây giờ tôi thấy ông ta chỉ quan tâm tới thu nhập của cái trại ghê gớm của ông là nhiều hơn. Qua các bài giảng của Dobby tôi đã khai thác được nhiều kiến thức đầy đủ và thú vị.

Nếu mới chỉ tách được virus ra ở dạng thuần khiết thôi thì còn ít quá. Dobby đã tìm ra cách làm thay đổi những đặc tính của chúng.

- Samuel ạ, virus là những thể chất đậm, - có lần Dobby nói. - Phân tử của chất đậm, theo tôi hiểu, gồm một nhân trung tâm và những chuỗi bên. Cả Erlich cũng nghĩ như vậy. Chúng là những chuỗi hoạt động. Chúng là chất cơ bản muôn hình muôn vẻ của các thể chất đậm với những đặc tính kỳ lạ của chúng là thường xuyên trao đổi với môi trường xung quanh. Tôi thường tự hỏi: “Ta biết cấu tạo hóa học của các chuỗi. Ta biết cấu tạo phân tử của virus bệnh khảm thuốc lá. Vậy thì đặc tính lây bệnh của virus phụ thuộc vào sự có mặt của chuỗi nào?” Tôi vứt đi một chuỗi. Nhưng virus vẫn hoàn là virus. Có nghĩa là mầm lây không phụ thuộc vào chuỗi này. Tôi đã thử đi thử lại nhiều khả năng, và, rốt cuộc, sự việc không đến nỗi quá phức tạp như tôi tưởng. Trong mỗi virus có một chuỗi mà tôi gọi là chuỗi ký sinh. Qua chuỗi này phân tử virus có thể thực hiện việc trao đổi với môi trường ngoài dễ dàng hơn cả, nó chọn lấy ở môi trường ngoài không phải chỉ những chất đơn giản riêng lẻ, mà là cả những tập hợp

nguyên vẹn của các phân tử chất đạm khác. Nhưng để làm được việc đó phân tử virus phải phá hủy được phân tử chất đạm khác không phải là virus như chúng ta vẫn thấy trong tự nhiên. Phòng nuôi thú thí nghiệm của tôi là gồm những động vật mà tôi đang dùng để thử những dạng virus biến đổi khác nhau. Tất cả là như vậy đấy...

- Xin lỗi ông, - tôi nói trong khi đang nghĩ tới những điều Dobby đã nói, - ông vừa nói tới những phân tử, tới những chuỗi bên. Và ông cứ nói như thể ông đã nhìn thấy chúng vậy. Lẽ nào có thể nhìn thấy ư?..

- Có thể chứ, - Dobby trả lời nghiêm trang, - không phải qua kính hiển vi bình thường, mà bằng một máy đặc biệt. Nó đây.

Dobby đi ngay đến bên tủ kê phía trên máy ly tâm và mở cánh tủ đó để chữ “E.M.”.

Trong tủ thấy có một máy lớn có vỏ bọc.

- Samuel ạ, trước mắt anh là một kính hiển vi điện tử. Những sóng ánh sáng thô quá khiến mắt chúng ta không thể thấy các phân tử chất đạm được. Nhưng nếu chúng ta dùng dòng điện tử thay cho các tia sáng thì chúng sẽ làm hiện lên kính ảnh hình phóng đại tương ứng của các phân tử ở tiêu bản. Cũng bằng cách đó người ta dùng dòng các tia Röntgen để có được hình ảnh sự sắp xếp nguyên tử trong các tinh thể. Trong kính hiển vi điện tử vấn đề cũng không có gì phức tạp hơn.

Dobby tháo vỏ máy rồi đặt nó lên bàn thí nghiệm.

Ông nói:

- Tôi lấy một lượng nhỏ virus, đặt lên một phiến celloidin rồi đưa phiến đó, đây, vào trong ngăn dưới này. - Dobby chỉ cho tôi thấy một ngăn. - Sau đó tôi đóng kín lại rồi mở bơm khí nén. - Ông bơm hết không khí ra khỏi ngăn kín để không gì có thể làm ảnh hưởng đến dòng điện tử chạy qua

ngăn. Nếu không các phân tử khí của không khí sẽ làm sai lệch ảnh. - Đây nhé tôi đưa hộp tối đựng kính ảnh vào đây. - Dobby chỉ cho tôi. - Tiêu điểm quang đã được đo trước và cố định. Khi đã sắp đặt đầu vào đấy rồi thì đóng mạch điện lại. Dòng điện trong mạch kín sẽ tạo ra một từ trường. Những điện tử sẽ chạy theo một hướng xác định. Chúng đi qua tiêu bản, sau đó đi qua trường điện từ và chiếu ảnh của cấu tạo virus siêu hiển vi nhỏ bé nhất, nghĩa là chiếu ảnh của các phân tử của nó lên kính ảnh. Thời gian lộ sáng kéo dài không quá mười giây. Tôi ngắt dòng điện. Bây giờ chỉ còn có việc tráng phim, và sau đó thì rửa ảnh...

Với lòng vô cùng khâm phục tôi nhìn chiếc máy “E.M.” - một thành tựu tuyệt vời của tư tưởng khoa học.

- Không phải tôi đã phát minh ra kính hiển vi điện tử. Nhưng do sự chỉ dẫn của tôi, cấu tạo của chiếc máy này đã phần nào đơn giản hơn, - Dobby nói thêm với vẻ khiêm tốn. - À, và đây... - Dobby lấy trong ngăn bàn ra một vài tấm ảnh và đưa tôi xem: - Anh xem đi. Ảnh của các phân tử virus đấy. Đây là các phân tử virus bệnh khảm thuốc lá. Anh thấy không, chúng giống như những cái que con. Những đầu nhọn của chúng ngoắc vào nhau thành những sợi dài. Những tính toán trong phòng thí nghiệm cho thấy rằng trọng lượng phân tử của nhiều virus rất lớn, tới hàng triệu đơn vị.

Tôi nhìn tấm ảnh. Vậy thì lời giải đáp cho bệnh khảm là ở chỗ nào? Đó, chính những cái que nhỏ ấy đã làm nhiễm bệnh cây cối ở các đồn điền Ấn-độ, đã tạo ra những vòng chết trên lá thuốc và sự tê cứng của thân...

Khoa học đã phải làm tôi kinh ngạc bởi sự vĩ đại của nó đã để lại dấu ấn trên những tấm ảnh giản dị này. Bây giờ đối với tôi, con đường kiếm sống riêng cho bản thân với những cú nhảy trên vũ đài và sự tìm kiếm những đất nước kỳ lạ có nhiều báu vật phi thường thật là nhỏ nhen biết bao!

Tôi xem lại tập ảnh lần nữa rồi giúp Dobby cho máy “E.M.” vào hộp trong tủ.

III

Trong chuồng số sáu là mèo, trong chuồng số bảy là những chú chó săn thỏ chân cong, còn trong chuồng số tám là những chú chó xồm nhỏ lông đen.

Tôi nhớ là sau khi làm quen với máy “E.M.” tôi tới phòng nuôi thú để xem những chú thỏ của tôi sống ra sao. Qua một ngày nữa tôi sẽ được tiêm chủng lần cuối cùng. Chiếc gương bảo tôi rằng hiện giờ hình dáng bề ngoài của tôi vẫn chưa có gì thay đổi đặc biệt.

Các chú thỏ vẫn đang ních cổ mà tôi cất ở bãi đất trống về cho chúng, và không có triệu chứng gì đặc biệt.

Bỗng nhiên tôi nghe thấy tiếng meo meo gì đó rất kỳ lạ. Tôi đến bên chuồng nuôi mèo. Những chú mèo nằm rất yên lành. Nhưng lạ lùng thay - tiếng meo meo vẫn tiếp tục. Những con chó chân cong kêu meo meo! Tôi hết sức kinh ngạc đứng quan sát những con vật trong chuồng số bảy. Một con chó đang ngẩng trên hai chân sau và rửa mặt bằng chân trước.

- Êu-Êu, - tôi gọi và đập vào chấn song chuồng.

Việc này làm những con mèo chuồng bên tỉnh dậy, và chúng... sủa gâu gâu ầm lên. Thực vậy, chúng sủa chưa giống hẳn với giọng chó. Nhưng đó là tiếng sủa.

“Lạ thật, - tôi nghĩ. - Nhưng đó chẳng qua là kết quả của những virus đã bị làm biến đổi. Cần phải chạy tới báo cho Dobby...”

Nhưng một ý nghĩ đã khiến tôi dừng lại.

“Thế nhờ con người ấy lừa dối và dối với ông ta chính tôi cũng là một động vật thí nghiệm thì sao? Bỗng nhiên cả tôi cũng kêu meo meo thì sao?”

Tôi bắt đầu sợ hãi đến nỗi cảm thấy việc nằm trong máy phóng để bay vọt lên không cũng chỉ là một trò đùa.

Tôi có cảm giác rằng mặt mèo cũng trở nên giống mõm chó. Để xem lại cho rõ, tôi mở cửa chuồng. Nhưng hình như những con vật chỉ chờ đợi có giây phút đó. Những con mèo rít lên vì vui mừng, sửa bằng thứ tiếng meo meo lạ lùng rồi nhảy tọt ra khỏi chuồng. Vì định giữ chúng lại tôi đã làm đổ chuồng chó, cửa chuồng mở tung ra...

- Bác Migli! Giúp tôi một tay với! - vừa chạy khỏi phòng thú tôi vừa kêu rần lên.

Dobby và ông bếp chạy đến. Tôi nín thở, kể lại sự việc vừa xảy ra.

- Đi vào nhà! - Dobby quát tôi. - Hôm nay, theo lệnh của tôi, bác Migli đã kê lại các chuồng rồi.

- Thưa ông, hoàn toàn đúng như vậy, - Migli khẳng định. - Cái anh Samuel này thì chuyên môn bịa chuyện. Tôi dám thề rằng anh ta đúng là kẻ mắc bệnh miên hành.

- Cuốn xéo đi, nghe rõ chưa? - Dobby ra lệnh. - Tự tôi sẽ sắp xếp lại động vật trong các chuồng.

- Nhưng thưa ông, tôi dám chắc rằng lũ mèo đã sửa... - tôi nói lắp bắp.

- Xéo đi! - Dobby thét. - Dựa vào hợp đồng anh sẽ bị phạt vì không vâng lời.

Tôi buồn rầu lùi ra khỏi phòng thú.

“Lẽ nào mọi việc chỉ là tôi tưởng tượng ra? - tôi buồn phiền suy nghĩ trong khi tháo bỏ những ống nghiệm ra khỏi máy ly tâm và dùng bàn chải

đánh sạch chúng. - Được! Ngày mai tiêm phát thuốc chống virus cuối cùng, và xin vĩnh biệt ông, thưa ông Dobby. Thà ng ồi nhịn đói ở Ashworth còn hơn ng ồi ăn ở trên mồm Hai Bông Hồng, trong cái biệt thự virus này!”

Dobby bước vào phòng thí nghiệm với những bước chân nặng nề và rửa tay rất lâu.

- Những con vật lý thú nhất chạy mất r ồi, - ông nói về cái kính trong khi dùng khăn mặt lau tay. - Anh hỏng quá mất r ồi, Samuel ạ. Chữa cho anh khỏi bệnh xong là chúng ta chia tay thôi. Anh làm tôi lo lắng đến nỗi...

- Thưa ông, xin ông tha tội cho, - tôi nói khô khan.

Nhưng cơn tức giận của Dobby đã nguôi.

- Chớ làm cho những ngày cùng làm việc cuối cùng của chúng ta đen tối đi anh Samuel ạ, - ông nói. - R ồi đây mọi vật đều phải biến đổi. Hừm... Còn bây giờ thì hòa giải nhé. Thời gian gần đây đầu óc tôi cũng căng thẳng quá. Đó là hậu quả do công việc gấp rút gây ra. Ngày mai tôi muốn làm một chuyến đi chơi xa. Tôi ngấy cái cảnh sống giam hãm này lắm r ồi.

IV

Sáng sớm Dobby chuẩn bị đi chơi tới vùng mỏ bỏ hoang.

- Samuel ạ, cần phải thay đổi ấn tượng đôi chút, - ông nói trong khi nhét cái gói bọc bữa cơm sáng do bác Migli đã chuẩn bị chu đáo vào trong túi. Sau đó ông cầm bình nước r ồi quàng chiếc đèn điện dùng đi mở vào cổ.

- Ông mang theo chiếc “Emmy” chứ? - tôi kêu lên, tay chỉ vào chiếc đèn.

- Phải đấy, và mang theo cả một trăm yard* dây thừng nữa, - Dobby trả

lời.

- Đừng có trợn mắt lên mà ngạc nhiên như vậy, nói chung tôi không có ý định chui xuống trung tâm trái đất đâu, chẳng qua chỉ muốn biết đi đâu gì đã xảy ra trong một cái mỏ cũ. Tôi đã nghe nói tới nó từ lâu...

Lòng tôi tràn ngập những hồi ức về thời thơ ấu.

-Ồ thưa ông!.. Có đèn thì còn sợ gì nữa... Thế mà hồi còn bé tôi với Ed đã xuống đấy chẳng đèn đóm gì hết.

- Thôi đi, đừng nói phét Samuel ạ, - Dobby xua tay.

- Xin thề danh dự, thưa ông! - tôi la lên. - Tôi đã mò xuống các mỏ ở Patrick và cạnh núi Thiếu Nữ. Chỉ còn...

Đến đây tôi cầm bật.

- Chỉ còn chưa xuống Vòi Dài thôi chứ gì? - Dobby cười. - Hừm... Vừa hay chính lần này tôi sẽ tới đó.

Tôi nhớ lại về Vòi Dài. Người ta gọi một cái giếng mỏ cũ bỏ hoang như thế. Có đủ các thứ chuyện hoang đường đầy bí ẩn và phiêu lưu mạo hiểm về nơi đó; những khách hàng quen của hiệu ăn “Hổ Vương” thích kể những chuyện bịa đặt khủng khiếp về nó. Hồi còn bé tôi chưa tới được Vòi Dài, nhưng biết rõ đường đi tới đó. Ed Orfi đã đến đấy và khoác lác tưởng như nó đã xuống đến tận đáy cái giếng than này. Và lúc bấy giờ tôi ghen với người dũng cảm đó.

- Thưa ông đường đi tới đó rắc rối lắm, - tôi nói. - Đầu tiên phải từ Đồi Đen đi xuống tới những Mỏ Chết, rồi sau đó ngoặt sang phải...

Dobby do dự:

- Hừm. Có lẽ tôi sẽ không tìm thấy đường mất.

- Thưa ông, xin ông cho phép tôi đưa ông đi, - tôi đề nghị. - Đi thăm các

Mỏ Chết thì phải hết sức thận trọng. Trong số đó có một vài mỏ không có đáy...

- Anh làm tôi sợ, - Dobby nói trăn ngâm. - Thôi được, ta cùng đi vậy. Anh vào phòng ăn lấy thêm một bình đựng nước nữa rồi chúng ta lên đường. Thật là đúng lúc, đi chơi trong không khí trong lành sẽ có lợi cho chúng ta.

Tôi quàng bình nước qua vai, nhét vào túi một vài chiếc bánh sandwich rồi đeo cuộn dây thừng đằng sau vai.

Sau khi được bác Migli đưa tiễn với những lời chúc tốt đẹp, chúng tôi lên đường và đã leo qua Đồi Đen một cách tương đối nhanh chóng và nhẹ nhàng. Sau đấy thì địa hình trở nên phức tạp hơn. Trong các khe núi những giếng mỏ âm thầm khoét rộng và sâu thẳm xuống dưới. Những đồng bụi than ử dột chồng chất bên nhau. Cách đây đã lâu người ta đã bới tìm ở đấy lấy những mẫu than có thể đốt được. Mưa và tuyết đã chảy xói những bụi than, còn thời gian và sự nóng nực thì lại một lần nữa nén chặt cấn của hỗn hợp ấy thành từng lớp một.

Chúng tôi đã đi cách xa biệt thự khoảng hai dặm, và một cao nguyên hoang vắng mở ra trước mắt chúng tôi khi chúng tôi đi ra khỏi cái khe cuối cùng.

Trước đây tôi chưa từng đến cao nguyên. Thời còn thơ ấu Khe Đen là ranh giới cuối cùng, nơi kết thúc những chuyến đi của lũ trẻ. Bây giờ cảnh không gian chưa ai từng biết đến mở ra ở phía sau làm cho chúng tôi mê say vì sự huyền bí của nó.

Bạn hãy tưởng tượng một đáy hồ đã cạn nước bị những chuyển động núi lửa ngày xưa đẩy cao lên trên mặt biển thì sẽ hiểu được phong cảnh mở ra trước mắt chúng tôi là như thế nào sau khi chúng tôi đã đi bộ một tiếng

đồng hồ tới gần Vòi Dài ở giữa cao nguyên.

Một lũy dày các sa thạch bã bị phong hóa bao quanh cái vùng sét trũng rộng lớn này. Những tảng sa thạch có hình dáng kỳ diệu nhất đứng sừng sững xung quanh, có tảng giống những cây nấm khổng lồ kỳ lạ, có tảng lại giống con ngư long hóa đá to bằng cái nhà ba tầng đang đứng dựng lên bằng chân sau và há cái mồm đầy răng của mình ra. Ở giữa thung lũng khoét sâu một lỗ đen ngòm của cái mỏ than bỏ hoang. Cảnh điêu tàn buồn thảm của những công trình bằng ngói với những cái mái đổ sụp vẫn còn giữ nguyên như cũ, còn những thanh sắt gỉ của khung đỡ thì giống như những cái xương của bộ xương quái vật, chúng nhô ra khỏi lớp mùn mục rửa của những mái gỗ. Và khắp nơi đều phủ đầy một lớp bụi dày ảo não.

Đó chính là mỏ Vòi Dài nổi tiếng.

- Phải hết sức thận trọng, - Dobby nghiêm nghị nói.

Tôi thôi không nhìn cái cảnh trí buồn thảm xung quanh nữa. Chúng tôi đi tới bên rìa Vòi. Dobby ném xuống một hòn đá nhỏ và lắng nghe, nhưng từ đáy giếng sâu không thấy vẳng lại một âm hưởng nào.

- Giếng này không có đáy, - tôi nói lầm bầm.

- Hừm... - Dobby cười, - bởi vậy hòn đá tôi vừa ném xuống sẽ bay qua hành tinh của chúng ta, rồi bất ngờ nhoi lên ở một nơi nào đấy ví dụ như Chile chẳng hạn? Toàn chuyện nhảm nhí.

Ông dừng cảm buộc dây thừng vòng quanh bụng rồi thắt chặt chiếc “Emmy” vào ngực.

- Ông định nhảy xuống đáy Vòi thật à? - tôi la lên, trong lòng đầy khâm phục. Tôi rất thích lòng dũng cảm của Dobby.

Ông đã hiểu ý vui sướng trong câu hỏi của tôi.

- Lần này thì tôi nhân nhượng cho phép anh vượt ra khỏi nội dung hợp đồng, - ông nói nghiêm túc. - Tôi không muốn để anh nhìn tôi như nhìn một kẻ kỳ quặc. Tôi thích những công việc nghiêm túc. Phải, tôi sẽ xuống Vòi, nhưng không phải vì một trò đùa con trẻ. Anh biết không, Samuel, tôi không đến nỗi giàu như anh tưởng. Tôi luôn luôn thích tiện nghi, nhưng khinh miệt tính hoang phí. Mỗi đồng tôi tiêu là đều do lao động nặng nhọc mới có được. Kẻ nào chỉ làm việc và kiếm tiền để sống và chỉ nghĩ đến cái dạ dày của mình, đến những tiện nghi của cá nhân là kẻ tở. Phải nghĩ đến nhân dân mà chúng ta là con em, nghĩ đến đất đai thân yêu nơi chúng ta sinh ra và sẽ tiếp nhận hài cốt chúng ta trong lòng nó khi chúng ta kết thúc bước đường đời. Samuel ạ, phải nghĩ đến tổ quốc.

- Thưa ông, tôi chưa hiểu ý ông lắm, - tôi nói dè chừng.

- Rồi anh sẽ hiểu ngay bây giờ, - Dobby nói với giọng rất chân thành và cảm động lòng người. - Câu chuyện của anh về những mỏ bỏ hoang ở đây làm tôi xúc động sâu sắc. Người ta bỏ không khai thác có vẻ như vì chúng không sinh lợi. Nhưng nếu không phải thế thì sao? Nếu ở đây vẫn còn vô vàn của cải, còn hàng triệu tấn than mà đất nước chúng ta có thể khai thác chứ không phải chở từ xa lại thì sao? Nếu những mỏ bị bỏ hoang chỉ là vì các ông chủ tham lam của những vùng mỏ này thấy kiếm được ít lời lãi thì sao? Nếu họ lười làm việc để khôi phục lại việc khai thác thì sao? - Dobby nhìn xa xăm. - Chúng ta cần noi gương người Nga, - ông nói trang trọng. - Chúng ta còn hiểu quá ít về cái dân tộc yêu lao động tuyệt diệu này. Cách đây không lâu lắm họ đã hợp nhất lại quanh mình một đại gia đình dân tộc hữu nghị thành một nước lớn. Họ đã bắt đầu xây dựng kinh tế bằng những cánh tay rắn chắc của mình. Công cuộc khai thác khoáng sản của họ mới tuyệt làm sao! Công cuộc khôi phục lại ở Ural hàng trăm mỏ do bọn chủ cũ

bỏ hoang cũng vì nguyên nhân không sinh lợi giả dối mới vĩ đại làm sao! Nhưng nhân dân đã bắt tay vào công việc. Và hóa ra mỏ có lõi! Về than mà nói, người Nga đang có khả năng chiếm vị trí hàng đầu...

- Lẽ nào chúng ta đang cần than à? - tôi hỏi.

- Rồi sẽ đến lúc, Samuel ạ, chúng ta sẽ thấy quý từng bụi than một, - Dobby trả lời.

- Vậy ông muốn gì?

- Trước hết tự tôi sẽ kiểm tra xem đi đâu gì đã xảy ra ở dưới đáy. Rồi sau sẽ mời các chuyên viên. Tôi sẽ đòi bằng được để người ta phải cho tôi thuê những chỗ này. Và có lẽ công việc sẽ không phải không có lời.

- Ô thưa ông Dobby! - tôi lắc đầu. - Một công việc nghiêm túc...

- Còn anh nghĩ sao? - ông mỉm cười. - Thôi được... Cần phải xuống và xem xét. Tối về chúng ta sẽ kể lại cho Migli của chúng ta nghe những chuyện hấp dẫn! Anh thử tưởng tượng xem, bác ta cứ tha hồ mà à với àn! Nào, giữ dây cho thật chắc vào. Nếu ở dưới tôi giật hai lần thì kéo giúp tôi trèo lên nhé.

Chúng tôi đã buộc sẵn đầu dây kia vào một cột sắt nhô trên mặt đất.

- Samuel, tạm biệt nhé - Dobby nói vui vẻ đồng thời thả chân xuống dưới. - Hừm... anh biết không, ở đây có những bậc xuống rất tiện.

Đầu Dobby khuất hẳn. Tôi cẩn thận níu dây thừng. Dobby xuống sâu hết cả chiều dài cuộn dây. Bây giờ thì cái dây lặng lẽ kéo căng đến tận đầu của nó. Ngó nhìn xuống dưới tôi thấy rõ một đốm sáng nhỏ đang di động trong bóng tối đen ngòm.

- A-lô! - tôi hẫ hẫ hộp thét lên.

Đáp lại tôi, dây thừng giật lên một cái. “Nghe thấy”, - tôi nghĩ. Sau đó

một hồi lâu dây thừng không nhúc nhích. Việc này làm tôi hoảng hốt. Trong mỏ có thể có khí than, như vậy Dobby bị đe dọa chết ngạt. Cuối cùng, tôi mừng quá, dây thừng lại chuyển động. Tôi bắt đầu kéo dây lên, cảm thấy sức nặng của Dobby. Khi ông thò mặt lên khỏi giếng tôi thấy nó còn đen hơn cả người da đen. Một ông thợ nạo ống khói nhem nhuốc nào đó chứ không phải Dobby.

- Anh đừng quá sốt sắng như vậy, - ông nói lầm bầm và nhổ bãi nước miếng đen sì. - Anh kéo nhanh làm tôi vất vả lắm mới theo kịp.

- Thưa ông, tôi lo cho ông quá.

Dobby leo lên rồi ngã phệt xuống đất. Mồ hôi đen bắn chảy như suối trên hai má Dobby. Ông khoan khoái hít thở khí trời trong sạch.

- Tuyệt, Samuel ạ, - ông cười, răng nhe ra trắng nhởn. - Ở dưới đó có cái hang nhũ đá đẹp không tưởng được... Nào, anh bạn, ta ăn sáng đi thôi...

Ông mở gói bánh rồi lăn lên.

- Hừm... Thế có bực không!

- Có chuyện gì vậy, thưa ông? - tôi hỏi.

- Hừm... Có gì đâu! Tôi để rơi mất cái tàu. Dù sao thì cũng tiếc. Nhưng ngày mai tôi sẽ tìm lại được.

Ông trằn ngâm nhai bánh sandwich với jambon.

- Thưa ông, xin ông hãy kể lại về cái hang nhũ đá ấy, - tôi đề nghị.

- Không thể tả lại được Samuel ạ. Mọi vật đều ánh lên như những thứ đá quý. Nhưng tôi nói đùa đấy. Thực ra, có lẽ ở đây than vẫn còn khá nhiều.

Bánh đã ăn hết.

- Samuel ạ, bây giờ được hút thì thú quá, - Dobby nói rồi lại bực dọc

nói thêm: - Chà, cái tàu! Samuel, bây giờ anh lại thả tôi xuống lần nữa.

Lòng hăng hái tự nhiên của tuổi trẻ đã buộc tôi nói:

- Xin ông cho phép tôi xuống.

Nhưng Dobby đi đến bên rìa rồi chỉ tay xuống giếng:

- Xuống đấy ư? Không đâu, anh bạn ạ. Rõ ràng số tôi hôm nay được vui sướng hai lần. Phải, anh mà xuống để bôi than vào người làm gì kia chứ?

Nhưng tôi đã nài xin kỳ được. Lòng tôi bùng lên những ước mơ trẻ con về những bí mật của Vòi Dài và tôi thiết tha van vỉ Dobby đến nỗi suýt nhào xuống vực.

Dobby dứt khoát xua tay.

- Thả tôi xuống và đừng có rềnh rĩ nữa!

Nhưng tôi vẫn tóm lấy Dobby mà khẩn khoản đồng thời viện ra hàng nghìn lý do để nói rằng chính tôi là người cần phải xuống lấy cái tàu lên. Cuối cùng Dobby đã dịu giọng hơn.

- Anh muốn xuống để chiêm ngưỡng nhũ đá ư? Ở dưới đó làm gì có. Tôi đùa đấy. Tuy nhiên hãy xuống để mà hồi tưởng lại những trò tinh nghịch trẻ thơ của mình. Nhưng có đi đâu là đừng xuống sâu quá đến hết chiều dài của dây.

Ông nói giọng thân ái và cởi nút dây ở bụng mình ra.

- Nghe đây, Samuel. Thoạt đầu có những bậc dẫn xuống gắn trên tường như kiểu những bậc thang. Hãy tụt xuống theo những bậc ấy thật chậm và thận trọng.

- Vâng, tôi biết cách leo trèo trong các mỏ than rồi! - tôi vui vẻ trả lời.

Dobby nhướn hai hàng lông mày rậm lên.

- Đừng có ngắt lời tôi. Ngắt lời người lớn tuổi là một thói rất xấu. Xuống sâu đến khoảng năm hoặc mười yard sẽ gặp một chiếc ghế, bên trái nó là một cầu thang. Nhưng đừng đặt chân trên nó: tất cả các bậc đều đã mục. Tôi khuyên anh chớ có xuống quá nữa mà phải lập tức lên ngay. Nếu không thấy cái cầu ở đó thì đừng tìm.

- Thế còn hang?

- Không có hang nào hết! Khi nào các chuyên viên đến đây thì muốn cùng họ leo trèo bao nhiêu tùy thích. Còn bây giờ phải cẩn thận.

Trong khi dọn đồ, Dobby quàng dây thừng quanh bụng tôi và buộc lại ở phía sau.

- Có lẽ chắc rồi đây, trông có vẻ như nút đi biển - không thể tuột ra được. Tôi nhắc lại: chỉ xuống đến chiếc ghế thôi rồi ra hiệu ngay - tôi sẽ kéo anh lên.

- Đền, thưa ông?

- Hừm... à phải.

Dobby đeo chiếc “Emmy” vào ngực tôi. Tôi bấm thử - đèn pin còn tốt.

- Samuel ạ, hay là anh bỏ bình đựng nước ra, - Dobby nói khi tôi vừa thò chân tụt xuống.

- Thưa ông nó chẳng ảnh hưởng gì đến tôi hết.

- Xuống đi. Tôi giữ dây rồi, - Dobby nói đồng thời chuẩn bị nối dây thừng xuống theo tôi.

- Cảm ơn ông, - nói đoạn, tôi dùng chân mò mẫm bậc nhô ra trên tường và bắt đầu xuống.

- Khá lắm, Samuel ạ, - tôi nghe thấy giọng động viên của Dobby ở phía trên. - Chú ý nhìn các bậc ở phía dưới nhé.

Tôi bám đèn. Vòi chẳng đáng sợ tí nào. Ánh sáng của đèn “Emmy” đủ để định hướng. Trong lúc xuống tôi chẳng thấy có gì là phi thường. Theo thói quen vốn có tôi đã đếm các bậc xuống để khi trở lên cho chắc chắn hơn. Ở phía dưới lũ dơi bay kêu chít chít. Xuống được mười sáu bậc thì chân tôi đọng vào một chiếu nghỉ tương đối rộng. Những bộ xương chim đang mục rữa ngổn ngang bên rìa chiếu. Hình như lũ chim cú định làm tổ ở cái nơi hẻo lánh này. Tôi ngẩng đầu lên. Phía trên, một mảnh trời xanh xám đang chiếu sáng như vầy gọi, còn phía dưới chiếu nghỉ là một vực thẳm đen ngòm. Ở cạnh tường, tôi thấy những vết giầy đinh mới của Dobby và cái tàu thuốc của ông. Tôi nhặt lên và đút vào túi. Tất nhiên là Dobby đã xuống sâu hơn nữa. Tôi hoàn toàn không muốn làm hiệu quay trở về chút nào.

Những thanh gỗ bắc ngang đã mục một nửa không đáng tin cậy dẫn xuống dưới. Lựa chọn một mấu đá chắc chắn, bấu hai tay vào đấy, tôi trườn người khỏi chiếu nghỉ và dùng chân lặn mò một điểm tựa. Việc tụt xuống sẽ rất khó khăn. Giếng mở mở rộng ra và tôi lặn theo một trong những thành tường trườn sâu xuống mãi, dùng hai tay, và hai chân bám chặt vào những mấu nhô ra. Tôi quên hết mọi chuyện, thậm chí quên cả nỗi sợ. Lòng tự hào ngậy thơ tràn ngập tâm hồn tôi. “Thế là chính ta đang ở trong Vòi Dài, - tôi nghĩ. - Bây giờ thì Ed đừng có hòng mà làm bộ. Đây không phải là cái giếng cạnh rừng Patrick”. Cái giếng ấy không sâu, chúng tôi thường xuống đấy bắt dơi về dọa tụi con gái.

Tôi định ra hiệu gửi lời chào Dobby và túm lấy dây thừng. Nói đúng ra, tôi muốn túm lấy dây thừng và tưởng rằng đã túm lấy nó. Nhưng tôi chỉ còn có việc há hốc miệng ra vì ngạc nhiên, bởi vì thực ra nó đã lặng lẽ tuồn lên trên như chú rắn jirr. Bụi than và đủ các thứ đất đá khốn kiếp rắc

xuống mũ tôi. Dây thừng đã biến mất. Tôi muốn vỗ vào cái trán đầu độn của mình, nhưng hai tay đều đang bận: người tôi treo lơ lửng trên hai tay.

Bỗng nhiên đầu tôi nhẹ bẫng đi như sau khi đã uống một cốc cà phê đặc nhất. Một ý nghĩ vụt đến như con nham: “Nút đi biển mà thế đấy!”

V

Tôi dùng cằm ấn vào nút bấm của “Emmy”, và chiếc đèn ngoan ngoãn vâng lệnh tắt đi. Sau khi nằm sóng soài người ra, tôi đã kịp thời nép sát người vào tường giếng. Một tảng đá lớn rơi vụt qua bên cạnh tôi với tốc độ của một thiên thạch. Trong bóng tối cô tịch tôi vẫn cảm thấy nó mù quáng bay đi. Nó lao xuống rầm rầm, bật từ bên tường này rồi đập sang bên tường kia. Tiếp theo nó, một tảng đá thứ hai đập vào chỗ nhô ra của chiếu nghỉ và vỡ tung tóe. Những mảnh con của nó bắn ra làm xây xát tay và má tôi.

Tôi không thích cái trò dội bom ấy. Nếu cạnh đấy có một chỗ hõm vào thì có thể nấu được. Tôi dùng một tay để bấu, còn tay kia thì quờ quạng trên tường. Chân phải tôi sờ thấy một chỗ nhô ra, tôi dựa chân vào đấy và nín thở. Đá lại theo nhau lao xuống ầm ầm sạt qua người tôi. Ngay một hòn đá nhỏ khi rơi từ trên cao xuống cũng có tốc độ như viên đạn. Soài người ra và nép vào sát tường, tôi tìm cách thoát thân phía dưới chiếu nghỉ. Bỗng nhiên chân tôi bị trượt đi, tôi chúi người xuống dưới và ấn cằm vào cái nút bấm dự phòng của chiếc “Emmy”. Một lỗ hẹp của đường vào bên sườn dẫn về một phía ở ngay cạnh dưới chân tôi. Tôi khó nhọc tuồn vào, hai chân đưa về phía trước. Sau đó tôi lật mình lại, tắt chiếc “Emmy” rồi mò đi.

Bỗng nhiên đất rung chuyển ở phía sau tôi, nó gập lên, điên loạn. Và rồi đến cái im lặng thê lương kín vĩnh cửu ở dưới lòng đất như trong một nấm mộ đã bị chôn vùi. Việc gì đã xảy ra nhỉ? Dobby thất nút kém ư? Hay ông ta... cố tình?

Nhưng tôi không có thì giờ để phân xét những nguyên nhân hành động của Dobby.

Tôi thử quay trở lại, nhưng những dự kiến xấu nhất của tôi đã trở thành hiện thực. Lối vào giếng chính đã bị lấp kín. Chỉ còn có cách tiến về phía trước theo con đường giếng bên. Nếu tìm ra được đường thông gió thì còn gì bằng. Chắc chắn là nó sẽ đưa tôi lên trên. Nếu đây là những mỏ cũ ở Patrick thì áng chừng tôi còn biết cách bố trí của chúng. Nhưng Vòi Dài là mỏ lớn nhất trong tất cả những mỏ bỏ hoang thì tôi lại hoàn toàn không biết gì. Nếu ở đây không có dòng không khí đi vào thì tôi sẽ chết ngạt như con chuột trong trap kín.

Nằm trong đường ngách hẹp, tôi đã vạch ra kế hoạch thoát thân. Người ta đã trù tính những chiếc đèn đi mỏ “Emmy” chạy pin khô loại “X-8” có thể làm việc liên tục trong tám giờ liên. Chiếc đèn bị chôn vùi cùng với tôi đã được sử dụng tới gần một tiếng. Bởi vậy tôi chỉ còn có thể sử dụng được sáu tiếng nữa, nếu Dobby đã không làm hỏng pin khi xuống Vòi. Cần phải dự tính mọi chuyện. Nhưng sau sáu tiếng nữa thì sao?

“Bóng tối vĩnh cửu, - tôi tự trả lời. - Nhưng, Samuel Pingle ạ, cứ bình tĩnh. Rốt cuộc người đã được một bài học tốt, và ngớ ngẩn như vậy là đủ rồi”.

Trước mắt tôi vụt hiện ra một cách rõ ràng nhất tất cả những tai họa tôi gặp phải từ lúc ở Ashworth trở về biệt thự của Dobby.

Nhưng hiện nay thời giờ rất quý giá. Tôi đã kiểm kê lại tài sản của

mình. Trong các túi còn lại một hộp thuốc lá năm điếu, hai mươi ba que diêm, một chiếc khăn mùi xoa và chiếc bánh sandwich với pho mát ăn dở. Bây giờ tất cả những thứ đó đều hoàn toàn vô ích, và tôi chỉ thèm có mỗi con dao nhíp. Nếu tôi có mang theo cái cắt móng tay thì đó cũng còn có thể xem là một công cụ. Chiếc mũ kepi đã bị đá làm tung mất, và tôi cũng chẳng tiếc gì. Chỉ có chiếc “Emmy” và bình nước là những vật quý. Tôi uống một ngụm rồi bò đi.

Nếu đường hầm này là một đường nối giữa hai lò dọc vỉa thì có thể thử thoát ra qua lò dọc vỉa bên cạnh. Nhưng nhờ cả lò ấy cũng bị bít kín thì sao?

Tôi bò và luôn định ninh rằng dù sao cũng phải tiết kiệm ánh sáng và nước. Nhờ ánh sáng của “Emmy” tôi nhìn về phía trước, nhớ lấy đường rồi lại tắt đi. Sau đó tôi bò bằng cả hai chân và hai tay, dùng tay sờ soạng đất. Nếu đụng đầu thì lại bật đèn để nhìn. Lối đi giữa các vỉa than lúc thì hẹp lại, lúc lại mở rộng ra. Cái đáng sợ nhất là sự sụt lở hoặc nghẽn lối. Nhưng tôi không ngại thử. Nghĩa là không khí vẫn vào được tới đây. Việc tiến lên phía trước của tôi chỉ có thể đem so sánh với sự ngụp lặn trong một bể tắm chứa đầy mực. Tôi bò đi như thể con pholidota cổ sơ, trong lòng thôi thúc một nguyện vọng duy nhất là tìm thấy ánh sáng tự do.



Bỗng nhiên cánh tay quờ quạng của tôi cảm thấy một khoảng trống.

Qua ánh sáng của “Emmy” tôi thấy rằng mình đang nằm trên bờ vực thẳm. Một mái vòm đen mở rộng ra phía trên tôi. Những vĩa than dày phân cách rõ ràng trên các tường hang.

Nước nhỏ giọt xuống các cột chống lò. Không khí lạnh và ẩm từ phía dưới lùa lên. Đi đâu bây giờ? Một vài mỏ ở Ashworth có những lối đi ra ở phía dưới chân những ngọn đồi - có lẽ vì thế mà tôi có ý định tụt xuống dưới.

- Chà, Pingle ạ, - tôi bật thốt to lên, và giọng tôi vọng lại ầm vang trong cái hang dưới mặt đất này, - sống hay chết là ở chỗ này đây.

Nước bắn chảy róc rách ở đáy chỗ đất nẻ. Một vài bộ xương ngựa được rửa sạch bởi dòng suối ngầm ở dưới đất này. Tôi vất vả tụt xuống dưới và lặn theo dòng nước. Suối chảy vòng theo mỏ, và tôi không biết đã lặn mò trong bóng tối bao lâu ở dưới đất, thỉnh thoảng tôi thò tay xuống suối để xem nó chảy về hướng nào rồi đi theo hướng đó.

Mụ người đi vì mệt mỏi, tôi thậm chí không cảm thấy vui sướng khi một làn gió mát mẻ thổi nhẹ vào người tôi từ phía bên. Dòng không khí trong sạch làm tôi yên lòng. Ngả lưng vào thành lò dọc vĩa cũ, tôi ngủ thiếp đi. Nhưng lúc tỉnh dậy thì tôi đã biết mình đang ở đâu, và tôi tin tưởng bò ngược hướng gió.

Rừng Patrick với những ngọn thông đứng đưa niền nở đón tiếp tôi trong những vòng tay xanh rờn của nó. Mặt trời đang lặn chiếu xuống những thân cây lâu đời màu nâu thành những vệt sáng sắc sỡ đỏ tía. Không khí tràn đầy mùi nhựa cây thơm phức, những con chim đậu khuất hót líu lo thánh thót, châu chấu nhảy lách tách, cây cối lay động rì rào. Những lá nhọn từ trên các cây thông xanh rơi khắp người tôi. Một người nào đấy cưỡi mô-tô lao đi trên đường cái. Ở đây thật tuyệt diệu và mùi nhựa cây

mới thơm ngát trong lành làm sao! Nằm trên bãi cỏ mà những bụi rậm của nó đã che khuất mất đường đi ra khỏi cái mỏ cũ Ống Sáo Ấm - nơi tụi trẻ con ở Ashworth đứa nào cũng biết, tôi hít không khí tràn đầy sức sống vào căng lồng ngực. Và những đợt bão mùa thu ở đây lúc nào gió cũng rít lên buồn thảm, còn dòng suối nhỏ dưới đất thì vọt lên trên, dòng nước đập vào những tảng đá rồi trôi xuống dưới về phía Ashworth qua cái cầu.

Tôi đã rơi vào một nơi như vậy đó! Tôi không rõ giếng Vòi ngẫu nhiên bị lở sứt hay do Dobby cố ý gây nên. Nếu là ngẫu nhiên thì tôi phải quay trở lại biệt thự để tiêm nốt thuốc chống virus và làm yên lòng ông chủ. Và hơn nữa tiền của tôi vẫn còn để lại đó. Nhưng nếu mọi việc đều được bố trí một cách cố tình để hòng thoát khỏi tôi thì sao? Tôi thấy đi đâu này có lẽ đúng hơn. Ông ta thí nghiệm virus của mình vào người tôi, tôi không tin cái câu chuyện thần thoại của ông về việc lây bệnh của rắn jirr, ông ta không thể chữa cho tôi khỏi bệnh, sợ chuyện ầm ĩ lên, và thế là...

Tôi quyết định hãy chờ xem đã. Cứ mặc do Dobby tưởng rằng tôi đã vĩnh viễn ở lại dưới Vòi Dài. Được, để rồi xem...

Một người đội mũ lưới trai nằm úp bụng xuống đất trong một khu rừng thưa giữa các bụi cây và rất chăm chú nhìn ống nhòm về phía nào đó ở trên. Tôi đã nhận ra người này. Chính là hắn đã hích vào tôi ở hiệu thuốc. Chính hắn đã quan sát biệt thự của Dobby. Bây giờ tôi đã bắt gặp hắn đang làm cái việc đó. Nhưng hắn mãi mê quan sát biệt thự đến nỗi không biết tôi đang dừng lại cách ba bước sau lưng hắn. Bây giờ cuộc sống đã dạy tôi không nên nhúng vào công việc của kẻ khác, còn những chuyện quen biết tình cờ thì tôi đã chán ngấy đến cỡ rồi. Nhưng những lá khô kêu sột soạt dưới chân tôi, và người ấy ngoảnh lại.

- Anh cần gì ở đây? - hắn ta hỏi với giọng cáu kỉnh. Bộ mặt tròn vành

với nhiều nếp nhăn nhỏ của hần biểu lộ thái độ hết sức khó chịu.

- Tôi không có ý định làm phiền ông, - tôi trả lời tương đối thô lỗ. - Nhưng việc gì mà ông nằm soài ra ngang đường thế, ông định làm mồi cho bánh xe ô tô của tôi...

- Đường ở phía dưới kia, - hần cầu nhàu. - Cút đi. Anh có hình dạng thật đáng sợ... Chắc là anh vừa đi thăm địa ngục về..

- Ông đoán đúng, - tôi nói. - Ở đây có những hang vù đá rất kỳ diệu. Vĩnh biệt.

Và tôi đi xuống đường cái phía dưới. Hần gọi tôi lại.

- Sao? - tôi quay lại. - Ông cần gì?

Bấy giờ hần đứng bên cây thông, vui vẻ nâng lưỡi trai của mũ kepi và mỉm cười.

- Đừng nghĩ xấu về tôi. Tôi chẳng qua chỉ là một người nghèo và đi rình bẫy chim. Ông nhòm giúp tôi tìm được tổ của chúng và chọn chỗ đặt bẫy.

- Đi đâu ấy chẳng can gì đến tôi, - tôi trả lời lãnh đạm rồi bỏ đi.

VI

Ông Tom Bridge chẳng già đi chút nào kể từ ngày tôi gặp ông lần cuối. Ông thư thả thò cái đầu nhăn thín như quả bóng ra ngoài cửa sổ khi tôi sẽ gõ vào trong khung cửa và gọi ông từ phía sân giống như những khách quen của hiệu ăn “Hổ Vương” vẫn thường làm nếu họ cần thu xếp một công việc khó khăn nào đó.

- Chào ông Tom, - tôi nói, cố sao cho giọng không có vẻ gì quá kín đáo.

Cặp mắt nhỏ hơi xanh trên bộ mặt mồm mỉm của Bridge không tỏ ra là

sẵn sàng tiếp chuyện.

Trong những mối quan hệ về công việc ông chủ hiệu ăn thích ngắn gọn và chính xác. Vì vậy bằng giọng hơi suồng sã của một người bạn cũ tôi đề nghị:

- Này bác Tom, nghe đây, bác có muốn mua lại của tôi chiếc đèn “Emmy” và cái bầu đựng nước không? Rất cần cho những chuyến du lịch và các cuộc đi chơi xa.

- Trời ơi, chỉ vì những chuyện vặt vãi ấy mà người ta cũng làm tôi phải bỏ công bỏ việc! - Bridge nói khò khè bằng giọng trầm trầm với vẻ không hài lòng, đồng thời vươn dài người ra hơn nữa qua cửa sổ để nhìn cho rõ hơn thân hình tôi từ chân cho tới đầu.

Những sự kiện xảy ra trong những năm gần đây đã dạy tôi biết tự chủ, và tôi đã bình tĩnh chịu đựng cái nhìn sắc như dao của Bridge, thậm chí còn lấy tay mân mê bao thuốc lá với những điếu còn lại ở trong túi.

- Thôi được, đưa hàng đây xem, anh bạn, - Bridge nói, dường như đã phần nào dịu dàng hơn và đặt những lá bài đang chơi cần trên tay xuống bệ cửa sổ.

Tôi hiểu ngay rằng tôi đã phá quấy trong lúc ông ta đang mê mải chơi bài. Tôi đã xin lỗi, nhưng Bridge chẳng để ý gì, và hình như miễn cưỡng chìa bàn tay nổi đầy mạch máu đỏ tía ra cần lấy chiếc “Emmy” của tôi.

- Ăn cắp được à? - Bridge hạ thấp cái giọng khò khè của mình xuống thành những tiếng thì thào thận trọng, rồi lại nhìn chăm chăm vào tôi.

- Không hẳn thế, - tôi trả lời và cầu thả châm thuốc hút. - Chẳng qua là tôi đã phải bỏ cái công việc mà mới đầu cứ tưởng hời. Không, không khi nào tôi trở về cái chốn chết tiệt ấy nữa.

- Anh từ Wesley đến à?

- Thế thì có can gì đến bác, hả? - tôi hỏi. - Tôi cần một chỗ ở tiện nghi trong vài ngày, nơi không một ai có thể thấy tôi.

Trong khi ấy Bridge ấn vào nút chiếc “Emmy”, quan sát ánh sáng rực của nó và hình như thích thú với việc ấy. Nhưng tôi đã đoán được sự láu lỉnh của ông ta. Mặt trời gần như đã lặn hẳn, Bridge làm như vậy vì muốn nhìn tôi cho rõ hơn trong lúc trời nhá nhem tối. Tôi nhích gần lại sao cho ánh đèn chiếu rõ mặt tôi.

- Chà, anh bạn ạ, - Bridge nói khò khè, - tôi hoàn toàn không quen mặt anh. Liệu anh là một trong những kẻ sẵn sàng hạ thủ một người đi lang thang trong đêm khuya khoắt?

Lại một lần nữa tôi chịu đựng nổi cái nhìn như đâm vào người của Bridge.

- Bác Tom, tôi không thích cái lối ăn nói kiểu ấy, - tôi nói chân thành. - Nhưng không phải ai cũng nhất định phải ăn bánh mì với bơ. Tôi bán đồ vật của mình đi để mua cái ăn. Khoảng hai ngày nữa thì tôi có thể thoát khỏi tai họa.

Bridge đặt chiếc “Emmy” xuống bệ cửa sổ.

- Anh bạn ạ, với anh có thể xảy ra tai họa, - ông ta nói lầm bầm về lợc lỏi và chăm chú nhìn với vẻ thèm khát chiếc bình đựng nước có gắn theo bên cái cốc nhỏ bằng bạc.

- Nhưng bác Tom ạ, bác là người tốt bụng nhất trong vùng, - tôi nói. - Mọi người ở Wesley và Ashworth đều biết rằng không ai chơi bài giỏi bằng Tom Bridge của chúng ta, còn lòng tốt hay giúp đỡ anh em của bác thì...

Tôi đã phải ném ra trước Bridge con chủ bài cuối cùng là sự nịnh hót khôn khéo, giống như Dobby đã từng dùng để bẫy tôi mới đây. Não của Bridge không phải được làm bằng gỗ thông, vì thế lão béo đã mềm nhũn người ra như thể chiếc bánh ngọt ngày lễ làm bằng mứt hoa quả vừa đổ khuôn.

- Chà, rõ ràng là phải giúp đỡ r ồi, - Bridge nói lẩm nhẩm bằng giọng khàn khàn. - Nào, anh bạn, hãy đi vào gian nhà phụ. Nhưng tôi muốn biết tên anh...

- Jack.

Bridge nhăn mặt lại.

- Jack ạ, người anh bạn như cái chổi quét bếp ấy.

- Tôi từ chỗ làm việc về thẳng đây, - tôi cho là cần phải trả lời ông ta. - Ở chỗ người ta vẫn chưa xây buồng tắm bằng đá hoa với những hoa sen nước nóng cho chúng tôi.

Bridge mỉm cười ranh mãnh.

- Nhưng đây là lần đầu tiên trong đời thấy một người thợ mỏ xuống gương lò nóng chảy mồ hôi mà lại đi gi ầy đinh hảo hạng, thắt cravate vải tơ và mang theo một bình nước sang trọng như thế kia.

Tôi chỉ còn biết thở dài, còn Bridge thì cũng đã ngán đi sâu vào các chi tiết vềtiểu sử của tôi.

- Thôi được. Đợi nhé, tôi sẽ ra ngay...

- Ồ, những ý nghĩ tốt đẹp của tôi về một người bạn cũ như bác chẳng bao giờ sai! - tôi lại tăng bốc thêm đồng thời cảnh giác lấy lại cái đèn và bình đựng nước trên bệ cửa sổ.

Bridge không quên c ầm những lá bài lên r ồi đóng sập cửa sổ lại.

Trên sân, Bridge chỉ cho tôi một gian nhà kho ở trong các kiến trúc phụ thấp, lợp bằng ngói mà người ta có thể lạc đường trong các xó xỉnh của nó như trong Vòi Dài vậy.

- Beach Boy bao giờ cũng nghỉ chân tại đây, - Bridge nói với vẻ tự hào.
- Tiếc rằng anh ta đã bị treo cổ. Nhưng đó chẳng qua chỉ do hiểu lầm.

Beach Boy chẳng làm tôi lưu ý. Tôi chỉ muốn làm hợp đồng cho nhanh, và chúng tôi đã thỏa thuận xong.

- Bác Tom, thế là đã dứt khoát. Hãy cần lấy những vật mua rẻ bằng một phần tư giá thành.

Bridge hết sức khoái chí: - Jack ạ, anh không thiệt đâu, cứ nhớ lấy lời tôi. Những người nghỉ chân có tiếng tăm bao giờ cũng thích gian phòng này. Mà này, tôi trông anh như con sẻ bị bắt ấy. Nghỉ đi. Tôi sẽ bảo người đến hầu anh rửa ráy và thay quần áo, rồi sau đấy anh tới gian lớn nhé. Hôm nay, tôi làm bữa cơm chiều thịnh soạn để đãi khách. Có món xúp nấu bằng đầu bê. Món thứ hai là thịt cừu nấu khoai tây. Đồ uống thì, ngoài một cốc bia ra, ai uống gì sẽ tự trả tiền, - thông báo xong, Bridge để tôi ở lại một mình trong nơi ở mới.

Vừa đi khỏi, Bridge liền bấm nút chiếc “Emmy”. Chiếc đèn sáng lóe lên trong khoảnh khắc như để từ biệt tôi. Tôi bắt đầu tiếc là đã đẩy nó đi. Có thể là đầu tiên chỉ nên bán bầu nước thôi. Bởi vì chiếc đèn đi mỏ là người bạn đường duy nhất trung thực và đáng tin cậy của tôi trong chuyến du lịch dưới mặt đất. Nếu không có “Emmy” bên mình thì tôi không thể nào thoát ra khỏi cái mỏ Vòi khủng khiếp ấy được.

Tôi nằm nghỉ trên chiếc đi-văng thủng khoảng mười lăm phút. Có tiếng gõ cửa. Một đứa bé gái nhem nhuốc đi chân không xuất hiện ngoài ngưỡng cửa.

- Ông chủ gửi cho ông áo choàng và bảo cháu nói rằng mặc thứ ấy rất hợp với bữa cơm khách, - nó nói giọng choe chõe vẻ giễu cợt.

Cặp mắt nhỏ bé của nó ánh lên như hai hạt thủy tinh màu gấm trên đầu con chuột làm đồ chơi. Nó mở các gói vừa đem đến ra và nói liến thoắng.

- Cháu tên là Kate. Cháu thay nước trong các bình. Cháu biết quét nhà và dùng giẻ lau, lau bàn ghế. Nếu ông cần sai bảo gì thì chỉ cần thét về phía sân: “Kate, đến đây!” và thế là hai giây sau cháu sẽ có mặt. Cháu rửa củ ở dưới bếp, rửa gọt, thái để nấu...

- Cháu lên mấy? - tôi hỏi, trong lòng thấy vui vui vì những lời lẽ sinh động của con người và tính cởi mở thơ ngây của một đứa bé đã thổ lộ cho tôi biết những công việc nhỏ bé của mình.

- Lên chín.

Từ phía sân vọng lại một giọng đàn bà đang rít lên:

- Kate, lại đây mau!

Cặp mắt nhỏ bé của con bé cười tinh quái.

- Đây là bà Bridge. Nhưng chẳng có chuyện gì đâu, dù là bà ấy có thét lên.

- Kate, để người ta phải đợi là không tốt, - tôi nói nghiêm khắc, và thế là con bé nhảy tót ra khỏi phòng.

Tôi đã rửa ráy xong và vẫn không nhận ra mình qua tấm gương treo trước chậu rửa mặt.

Bridge gửi cho tôi chiếc áo cánh đã sờn, cái quần có dây đeo và chiếc mũ kepi lưới trai đã gãy. Sau khi đã rửa ráy xong tôi thay quần áo và nghĩ: “Ngày mai ta sẽ tìm hiểu mọi chuyện ở Ashworth, rồi thì sẽ thanh toán với Dobby”.

VII

Trong gian lớn của hiệu ăn “Hỗ Vương” khói thuốc lá và hơi ẩm bốc lên bay nghi ngút thành những đám mây. Chúng rung rinh lay động khi cửa vào bếp được mở rộng ra. Từ trong bếp đưa ra mùi thịt cừu rán, mùi bắp cải chua và hơi bia đã lên men nồng nặc. Ánh sáng từ lò sưởi hắt vào chân những người đang tụ tập ở cạnh quầy bán thức ăn. Sau bàn, ông Bridge trang nghiêm đang rót rượu mạnh vào các cốc nhỏ. Chiếc tàu lớn uốn cong xuống ở phía dưới đang cuộn khói dày đặc. Cứ mỗi lần Bridge rít một hơi thì đầu mũi của ông lại được chiếu sáng hừng lên trong chốc lát. Bằng những động tác khéo léo của lưỡi và môi Bridge đẩy tàu thuốc từ mép này sang mép kia; đồng thời ông tính tiền, trao đổi chuyện trò với hàng chục người một lúc và thỉnh thoảng lại thét vào trong bếp.

- Cốc thứ hai chứ? Mời ông... Xin gửi lại tiền thừa của ông... Kate, lại đây! Peggy! Đừng có ngẩng mà ngáp ruồi thế. Chúng không ngon như các người tưởng đâu... Peggy! Đem hai cốc bia tới góc trái cho các ông...

Ngồi sau những chiếc bàn lớn thảm đầy mỡ của đồ ăn và ướt át vì đồ uống là những người đánh cá, phu khuân vác bến cảng, thợ mỏ ở Ashworth và những con người lạng lẽ là những người thích ngồi hút thuốc và nghe ngóng xem thiên hạ đang xảy ra chuyện gì.

Thấy tôi, Bridge hất đầu về phía chiếc bàn con bỏ trống, cạnh bàn là một cái ghế bằng gỗ có lưng tựa cao. Đó là một chỗ thuận tiện. Được lưng ghế che khuất, tôi có thể nghe được hết mọi chuyện người ta bàn tán trong hiệu ăn và qua chiếc gương dài treo trên tủ đồ ăn sau quầy bán tôi thấy được tất cả những gì đang diễn ra. Hỡi Beach Boy dũng cảm, phải chăng anh đã ngồi ở đây?

Peggy tóc hung đỏ đem đồ ăn lại cho tôi. Tôi gặm một miếng xương cừu béo n्हấy. Người ta chơi bài cạnh cửa sổ. Những tiếng kêu thét ầm ỉ và cu ồng nhiệt vang lên. Sau khi đã uống rượu ở cạnh qu ầy, mọi người cho rằng mình có nghĩa vụ phải đến bên những người chơi bài và thả ra những lời lẽ châm chọc.

- Michael vẫn chưa bị chặt... Không cần giữ những con át!

- Ha-ha! Đánh những con tẩy xuống!

Một cặp mắt sắc sảo và trông quen đến kỳ lạ nhìn tôi từ trong gương. Người bầy chim bé nhỏ đứng cạnh cửa vào cùng với một ông già cụt tay. Sau đó họ đi qua khắp gian lớn tới thẳng qu ầy bán. Bridge mỉm cười ni ềm nở.

- Chào các ông!..

Có lẽ người bầy chim đang trong một tâm trạng tinh thần rất vui vẻ. Chiếc mũ bằng dạ có lưỡi trai dài đội hất ra phía gáy, cổ áo sơ mi mở phanh ra. Hắn ta nói to:

- A, ông khỏe chứ? Vậy thì rót cho... hai cốc nhé. Rượu chanh. Uống đi ông Brand.

Bác tôi đưa cánh tay run rẩy ra cần lấy cốc rượu nhỏ.

- Tôi không từ chối.

- Vì sức khỏe của ông, - người bầy chim nói. - Ông uống đi rồi hãy kể nốt câu chuyện.

Bác tôi và người bầy chim đứng cách tôi ba bước, họ nốc rượu và chẳng để ý đến ai.

- Phải, thằng bé nhà tôi không may, - bác tôi nói văn hoa. - Nó là một đứa trẻ lêu lổng. Nếu tôi nói rằng nó bẩm sinh đã là một tên lưu manh thì

cũng không có gì là sai sự thật. Toàn thể Ashworth đều khuyên cha nó phải trừng trị bằng roi vọt, bởi vì cần phải thế. Cùng với mười đứa lêu lổng khác, nó lần mò ra các vùng xung quanh, phá các tổ chim, chui xuống các mỏ bỏ hoang. Và đây này, bác Tom có thể kể cho mà nghe bác ấy đã kéo thằng bé lêu lổng của chúng tôi ra khỏi cái khe như thế nào. Chà, bác bạn ư, Bridge? Xin cảm ơn, tôi sẽ uống cạn. Lẽ ra đã không cần... Mỗi cốc rượu là cái đỉnh thừa đóng vào quan tài của tôi. Và thế là, sau khi đã lang thang khắp xó xỉnh, thằng bé trở về nhà mới bắt đầu chứ, làm u già Olivia phải phát khóc lên khi rửa ráy cho nó trong cái chậu giặt. Kể ra nó không ngã lộn cổ xuống cái mỏ Vòi không đáy nào đấy thì cũng thật là lạ... Nhưng em gái tôi, mẹ nó, và chú Isidore đến là yêu thương thằng nhóc...

Tôi rùng mình và chút nữa thì hóc xương. Câu chuyện nói về tôi. Vừa lúc ấy những người chơi bài tranh cãi nhau ồn ã làm lấp cả lời nói của bác tôi. Sự can thiệp của ông Bridge đã dẹp yên được những người đang cãi cọ. Và tôi lại nghe được câu chuyện của ông bác:

- Nhưng giá mà ông được thấy nó khi nó trở về đây với mảnh băng. Một cậu ấm chính cống. Nhưng tôi cảm thấy rằng cái trường học của con em giới quý tộc đã làm hỏng tính tình thằng bé. Nó cần món tiền cuối cùng của cha rồi ra đi lập thân. Thoạt đầu nó viết thư báo rằng nó đang sống tốt đẹp, rồi sau đấy thì im lặng. Cha nó chờ đợi từng tin nhỏ, và rồi thì không đợi được nữa. - Bác tôi bức tức lắc đầu quây quây, còn tim tôi thì thất lại. Thế là tôi biết ngay: cha tôi đã không còn. Thả mình theo nỗi đau khổ, trong một lúc lâu tôi không còn nhận ra mình đang ở đâu. Sau khi tỉnh lại, tôi lại nghe rõ giọng nói của bác:

- Cái thằng lêu lổng ấy cũng làm cả tôi phải bận bịu lo lắng đến phát điên lên. Ông thử tưởng tượng xem, quan đại tụng Seyton gọi tôi lên và

nói: “Tôi được biết tin chắc chắn rằng thằng cháu ông đang ngủ trong một nhà tù bên kia đại dương”. Tôi đã trả lời: “Thưa ông Seyton, việc này sẽ làm cho cha mẹ nó hết sức đau buồn nếu cha mẹ nó còn sống. Có thể làm cách nào giúp đỡ thằng bé được không?” Ông có thể tưởng tượng tôi lo lắng đến thế nào! Nhưng quan đại tể đã đọc cho tôi nghe một điều gì đấy trong bộ luật và cúi tiết lên! Nhưng sau đó ông lại gọi tôi đến. “Ông Brand, - ông nói bức dọc, - bây giờ thì chẳng còn gì có thể giúp được cháu ông”. Và tôi được ông báo cho biết ngay rằng thằng bé đã chết chìm trên một con tàu đánh cua bêche ở California. Lại một lần nữa tôi phải mang băng tang trên tay áo.

- Câu chuyện buồn thảm quá, - người bẫy chim đáp, - Còn gì nữa ngày mai ông kể nốt tôi nghe, được chứ?

Bác tôi rầu rĩ gật đầu. Sau đó ông lê bước ra phía cửa, còn người bẫy chim thì, sau khi đã nhìn ngó xung quanh, tiến đến cạnh bàn tôi.

- Xin lỗi. Chẳng còn chỗ nào nữa. Mong anh cho phép...

Tôi mở mồm định nói không được, nhưng người bẫy chim đã ngủ ngay vào chỗ đối diện và búng ngón tay.

- Cô Peggy xinh đẹp ời! Mời cô lại đây!

Bridge ngủ gật chễm chệ trên ghế ông chủ của mình thét lên bằng cái giọng khò khè về phía Peggy:

- Đừng có mà mơ màng, Peggy! Chạy đến chỗ các ông ngủ bên phải, mau!

Người bẫy chim bỏ chiếc mũ lưới trai xuống và cằn nó phe phẩy như một cái quạt.

- Nóng quá, ông?..

Tôi nín lặng. Trong cuộc sống, đã quá nhiều lần tôi bắt chuyện với những người không quen biết, và việc ấy chẳng đem lại cho tôi điều gì tốt đẹp. Cái tên lùn này cần gì ở tôi? Uống hết cốc bia, tôi rút điều thuốc lá cuối cùng ra.

- Anh cho phép tôi hắt lửa chứ? - người bầy chim nói rồi nhanh nhẩu đưa chiếc bật lửa về phía mặt tôi.

Tôi đã từng biết cái cách khôn khéo dùng ánh lửa của que diêm để quan sát mặt người mình ngờ vực, và vì thế tôi giận dữ thổi tắt ngọn lửa rồi lấy diêm của mình ra châm thuốc hút, đồng thời nhả khói vào mặt người bầy chim.

- Tôi không vì thế mà giận anh, - hắn nói với vẻ khiêm tốn, sau khi đã hắt xì hơi vì khói. - Nhiều người ưa tự tay mình làm lấy ngay cả trong việc hút thuốc. Xin lỗi, nhưng dù sao tôi với anh đã từng gặp nhau rồi. Sao anh lại im tiếng thế? Tôi đã có vinh dự được thấy anh trong rừng. Hoặc là trước đó ít lâu? À, phải rồi!.. Xin anh tha lỗi cho... Tôi đã huých vào anh trong hiệu thuốc... Trời ơi, sao anh kín đáo thế!

Peggy đem bia lại. Tên bầy chim đưa cốc lên.

- Dù sao cũng xin anh cho phép tôi cạn cốc vì sức khỏe của anh.

Tôi không trả lời một câu nào về những lời lẽ huyền thuyên của hắn. Tôi nghĩ tới những lời bác tôi nói. Những lời ấy làm tôi tin chắc chắn rằng cha tôi đã không còn nữa. Tôi lại tiếp tục nhả khói thuốc thẳng vào mũi cái tên lằng giềng không mời mà đến ấy, nhưng thẳng đều vẫn trơ mặt ra.

- Hỡi này những con người ở Ashworth và các vùng lân cận mới thật lạ lùng, - hắn nói lẩm bẩm rồi nốc bia ừng ực. - Tính lễ độ ngày trước của họ biến đâu rồi không biết? Ít khi thấy họ gọi nhau bằng “ông”. Anh mời một người anh ưa thích uống bia, thế mà hắn cứ nhả khói vào mũi anh. Tôi giải

thích đi đâu này bằng ảnh hưởng của những xú khí huyền bí lan đi trong không khí và nó đang đầu độc chúng ta. Sao? Anh không biết à? Chỉ vờ vĩnh thôi... Chả lẽ anh không nghe nói tới sự việc xảy ra với cha Jeremiah đáng kính à? Anh không biết câu chuyện về những bệnh nhân của bác sĩ Fleet hay sao? Không, thế thì quả là kỳ lạ. Lẽ nào anh từ trên cung trăng rơi xuống ư?

Tôi chậm rãi dụi tắt mẫu thuốc và, gõ nhẹ nắm đấm vào bàn, tôi nghiêng người về phía tên bầy chim.

- Đúng đấy. Tôi từ trên cung trăng rơi xuống, nhưng cái cốc này lại có thể rơi vào đầu ông. Tôi chỉ nói lần này thôi, nhưng phải nhớ mãi rằng tôi điếc và câm từ lúc mới lọt lòng. Bởi vậy, những lời lẽ văn hoa của ông chỉ như giọt nước mưa rơi vào đồng lửa trại. Nó tan biến đi ngay. Hy vọng rằng ông cũng sẽ biến khỏi mặt đường tôi đang đi.

Lúc đi qua nhà bếp để về phòng mình ở nhà kho, tôi bảo con bé Kate bảy giờ đang ném thìa vào chậu gỗ kêu leng xeng:

- Này, con chuột nhắt, đánh thức tao dậy sớm nhé.

- Thưa ông, xin cứ yên tâm. Chúc ông ngủ ngon.

Tôi dừng lại nghe ngóng ở cạnh cửa vào, thận trọng và căng thẳng, tôi nín thở như những kẻ bị theo dõi vẫn thường làm. Phải, cái tên bầy chim ấy đã làm cho những thói quen ngày xưa của một kẻ vô gia cư thức dậy trong tôi một lần nữa.

Nhưng trong sân nhà Bridge vẫn yên ắng.

VIII

Kể từ ngày tôi còn thơ ấu cho tới nay, phố King, một phố chính của

Ashworth, vẫn không thay đổi gì. Vẫn cái toàn cảnh muôn hình muôn vẻ và lạnh lẽo như xưa của các hiệu thợ giặt, bánh mì và các tiệm buôn cũ kỹ với các tủ kính phủ đầy bụi, những người bán hàng ng ẩ ngáp vật và những ông chủ béo phệ mặc gi-lê bằng vải nhung.

Tôi bước đi trên những phiến đá của một đường phố quen thuộc, và mặt trời ấm áp đang mỉm cười với tôi. Lòng tôi trở nên buồn khôn tả khi chân bước tới công viên.

Đây kia cái ghế dài nhỏ mà trước đây ba năm tôi đã cùng ng ẩ với Edith. Trong cái đường vi ền xanh ở một khóm hoa người thợ vườn vẫn trồng những flokso như xưa. Ở phía ghế nhìn chếch sang là một quán bán nước quả, và hình như người bán là một người tôi quen biết. Tôi tới gần hơn. Một thanh niên mặt đỏ xúng xính trong bộ quần áo mới tinh đứng cạnh qu ầy và tán tỉnh cô gái đang sẻ bán siropo. Những búp tóc quăn trên hai thái dương cô gái làm ngực tôi thót lại. Cái cổ áo trắng bẻ cần thận trên đôi vai g ầy và mỗi cử động của đôi bàn tay nhỏ bé của cô đều làm cổ áo cô rung lên.

- Chà, cô Winters ạ, đi trên chiếc thuyền đua của tôi thì thật tuyệt! Chúng ta có thể đến tận mũi Cape Jen và dạo chơi cạnh hải đăng, - chàng thanh niên nói nhỏ và liếc nhìn cô gái:

Tất nhiên, đó là Edith. Tôi nhận ra nàng trước khi nhìn rõ đôi mắt đáng yêu của nàng, đôi mắt mà suốt đời tôi không bao giờ quên được, ngay cả lúc ở ngưỡng cửa của cái chết trong vụ đắm tàu “Buksus”, khi những vòng nước xoáy chìm tôi xuống vực thẳm của đại dương.

Tôi không nghe thấy Edith đã trả lời gì. Nhưng đối với tôi, việc trước mắt là đi tới bên chàng thanh niên kia và nói với anh ta một cách hết sức thân ái rằng:

- Bob ạ, cậu hãy nghe đây. Chiếc thuyền đua của cậu vừa bị tuột neo, và bọn trẻ con đang tìm cậu khắp Ashworth. Chạy quãng lên, kéo nó lại đâm vào đá tan ra bây giờ...

Bob Birdworth sợ hãi liếc nhìn tôi và chạy xuống dưới dọc theo đường phố về phía cảng.

- Cô Winters, trăm ngàn lần xin lỗi cô, - tôi lầm bầm nói rất nhanh rồi quay ngoắt lại và bỏ đi.

Tôi đã đi ra rồi mà vẫn cảm thấy cái nhìn chăm chú và lo âu của Edith ở phía sau lưng. Tôi rất muốn ngoái lại, nhưng tôi đã không làm việc đó. Edith đã không nhận ra tôi và không thể nào nhận ra được bởi vì mặt tôi đã không phải là mặt của Samuel Pingle nữa rồi. Nhưng cô ấy đang lo lắng, tất nhiên, cô lo lắng cho Bob Birdworth...

Lúc còn thơ ấu, mỗi khi đau khổ hoặc buồn bực vì một điều gì, bao giờ tôi cũng tìm thấy sự an ủi ở mẹ tôi. Tôi chạy đến bên cạnh bà, kể cho bà nghe những nỗi tủi cực phiền muộn của mình, và lúc nào bà cũng tìm được những lời lẽ vỗ về thấm thiết đầy thân thương trìu mến của một người mẹ để an ủi tôi. Và giờ đây lòng tôi đang cháy bỏng nỗi niềm thèm muốn khát khao được đến thăm mộ cha mẹ để làm dịu bớt phần nào cái tâm hồn đang hoảng loạn của mình.

Nghĩa địa ở Ashworth chiếm một phần của cái công viên dẫn về phía bờ dốc đứng. Ở phía dưới, ngay cạnh những tảng đá, sóng biển xô nhau đập vào. Tôi đi tạt ngang qua chòi gác, qua nhà thờ cổ lạng lẽ xây bằng đá hoa cương xám có những cây dây thường xuân leo mọc chằng chịt phía ngoài, qua một dãy những bức tượng nghiêm trang rầu rĩ nằm trong các bụi hoa và cây um tùm. Nơi an nghỉ ngàn thu của cha mẹ tôi nằm dưới bóng hai cây thông tư lự, cách bờ vực mười yard, phía sau con đường

ngoặt.

Khi đã tới bên cái chôn thiêng liêng ấy, tôi kính cẩn ngả mũ và quỳ hai chân. Những giọt lệ chảy nhòa hai mắt, tôi nói thì thầm:

- Thừa cha mẹ vô vàn lần thân thương! Cha mẹ đã cho con cuộc sống...
Giá như bây giờ cha mẹ có thể thấy được đứa con của mình! Con đây...

Nỗi đau xót tràn ngập lòng tôi, và tôi đã khóc, mà không phải vì xấu hổ vì những giọt nước mắt nóng bỏng yêu thương và buồn đau vô tận này.

Tôi đọc qua nước mắt những hàng chữ trên tấm bia mà phía trên có đặt những vòng hoa đơn sơ kết bằng những cây hoa cúc bất tử:

"Anna Maria Pingle.

192...

Chồng và con trai

lòng đau như thắt

cúi đầu khóc thương

người vợ và người mẹ hiền

mãi mãi không quên".

"Isidore Theophilus Pingle.

193...

Trong ngày Phán quyết cầu Chúa đừng xét xử những

việc làm của con, mà hãy xét xử theo ân huệ của Chúa".

Tôi cúi đầu và kể lại câu chuyện của những ngày lang thang phiêu bạt đầy bất hạnh của mình, tưởng chừng như mẹ tôi có thể nghe thấy được.

Bỗng nhiên, cách tôi không xa lắm, ở một nơi nào đấy sau những khóm hoa hồng vang lên tiếng huýt sáo nhẹ nhàng bắt chước tiếng chim hót. Đối

với tôi, tiếng huýt sáo như vậy ở trên nghĩa địa là không đúng chỗ. Tôi quay lại.

Tên bầy chim đang đi trên đường với đầy đủ lệ bộ đẹp đẽ của một người đi săn. Chiếc ống nhòm đeo bên phải, còn chéo qua vai là cái bình đựng nước mà hôm qua tôi đã bán cho Bridge.

Chính là tên đó vừa huýt sáo vừa ngửa đầu nhìn lên đỉnh các ngọn cây.

“Chà, nếu cái thằng càn rỡ ấy lại sấn đến bên tôi lần nữa thì hẳn sẽ biết tay!” Tôi đứng dậy và nắm tay lại. Cái máu càn rỡ của hắn quả là vẫn chưa cạn. Dừng lại cách tôi hai bước, hắn dang rộng hai tay như muốn ôm chầm lấy người bạn đã mất hút lâu ngày và vừa mới tìm lại được.

- Anh đấy ư? - hắn la lên. - Tất nhiên, đúng là anh r ồi! Tôi biết chắc sẽ tìm thấy anh ở đây. Bây giờ thì tôi không còn ngờ...

Hình dáng tức cười của tên bầy chim hiện ra trên nền trời mùa xuân phía trên mặt đại dương bao la xanh thẫm trông lơ mơ mỏng mảnh như được cắt ra từ một tờ giấy. Ồ cái tên càn rỡ, nó sẽ biến ra mây khói nếu tôi buộc nó phải lao đầu xuống những tảng đá ở phía dưới!

Tôi nói rít qua kẽ răng:

- Không còn ngờ mày là thằng đại đầu! Mày đi theo vết tao. Nhưng tao thì hay nổi cơn điên...

Và tôi đã vung tay định đấm.

- Khoan đã! - tên bầy chim thét lên. - Chớ vội, Samuel Pingle!

- Tao chưa bao giờ là Samuel Pingle hết! - Trong cơn điên đại tôi nghiêng răng kèn kẹt. - Mày nhầm r ồi...

Tên bầy chim bắt chéo hai tay lên ngực vẻ c ầu khẩn.

- Pingle ạ, xin anh tin cho là chính anh l ầm. Lạy Chúa, anh khó mà nhận

ra tôi... Anh hãy nhớ lại ông tiến sĩ ở Mazatlán!

Vì bối rối, tôi lùi lại.

- Sao? Anh là Rolls ư?

Nhưng người bầy chim lắc đầu thiếu não.

- Không... Tôi là Vandock...

Chương mười một

I

Phải xin lỗi các độc giả của cuốn sách này vì tôi sẽ nói ra ngoài đề một chút, nhưng tôi không thể không kể về những sự kiện kỳ lạ đã xảy ra ở Ashworth trong thời gian này. Tôi được biết rõ các sự kiện ấy qua lời kể lại của các nhân vật, rất nhiều người được chứng kiến đã khẳng định chúng, và người ta không có cơ sở nào để nghi ngờ tính chất đúng đắn của các sự kiện.

Có lẽ chuyện kể về các bệnh tật ở bệnh viện là một kiểu văn học chán ngán nhất. Tuy nhiên, như bác sĩ Fleet đã khẳng định, thì những quyển sổ ghi kín đặc các nét chữ khác nhau của các bác sĩ đi điều trị và có đính kèm theo đủ các loại biểu đồ nhiệt độ, ảnh chụp X quang và các bản phân tích, là những tài liệu quý giá nhất của con người, bởi vì những bi hài kịch trong cuộc sống hàng ngày tìm thấy ở đây sự phản ảnh khách quan nhất. Thật vậy, ông trưởng phòng cảnh sát ở Ashworth là Fredson cũng giữ một quan điểm như vậy đối với những biên bản đi điều tra tội phạm, còn quan đại t tụng Seyton thì lại có quan điểm như thế về các chúc thư của những người chết. Nhưng, hình như ông bác sĩ nói đúng hơn cả. Người ta thường gặp thấy, ông khẳng định, những trường hợp rắc rối trong y học mà tính kỳ lạ của chúng lại không hề gạt bỏ tính đúng đắn đầy đủ nhất của chúng.

Vào một buổi sáng tháng năm đẹp trời, bác sĩ Fleet ng ồi ở trong hiệu thuốc của ông Orfi. Bác sĩ ghé vào đây để lấy tiền mà người ta trả cho những viên thuốc chữa chứng khó thở của ông. Ed vừa mở nút chai nước sôi để ăn mừng cái chiến dịch thương mại nhỏ bé ấy thì người hầu gái

của ông thăm phán chạy lao vào trong hiệu như một trận cuồng phong và báo tin rằng người phụng sự đáng kính của nền tư pháp đang cần đến sự giúp đỡ khẩn cấp của y học. Người hầu gái vội giục bác sĩ đi ngay và cô ta không thể kể cặn kẽ một chút nào về căn bệnh của ông chủ được.

Đúng hai phút sau bác sĩ Fleet đã thông thả bước đi trên đường tới nhà ông thăm phán. Ông mang theo một va-li nhỏ trong đựng các dụng cụ và nghĩ, không hiểu cái thiên nhiên quỷ quyết sẽ tặng ông một món bất ngờ gì đây và rồi ông sẽ phải giải quyết nhiệm vụ chẩn đoán ấy ra sao. Cái con hầu gái ngu xuẩn vừa đi bên cạnh vừa nói liên lấu với tốc độ ba trăm từ trong một giây, và bác sĩ chỉ có thể hiểu rằng buổi sáng ông thăm phán đi ra nhà thị chính, nhưng rồi ông lại trở về ngay. Bước vào trong nhà, ông nói với: “Ồ cô Cilli tốt bụng, chớ có nhìn tôi”, - và thế là ông lấy khăn mùi xoa che mặt rồi chạy ngay lên phòng ngủ ở trên gác. Cilli, theo lời cô ta kể, không bao giờ tò mò. Nhưng lần này thì cô đến bên cửa phòng ngủ để đợi xem ông chủ có cần gì đến cô ta không. Và cô đã không làm. Cô nghe thấy tiếng kính vỡ ở phía sau cửa và nghe ông thăm phán thét lên:

- Cilli đâu, đồ quỷ! Chạy đến chỗ ông Fleet và sống chết thế nào cũng phải dẫn ông ta đến đây ngay! Nói với ông ấy rằng tôi bị ốm.

Tính vội vàng không nằm trong số những nhược điểm của bác sĩ Fleet. Ngược lại ông bác sĩ có tính là người ta càng rối rít đề nghị ông tới ngay chỗ bệnh nhân bao nhiêu thì ông lại càng bình tâm đủng đỉnh bấy nhiêu.

Và bây giờ, khi đi đến gần nhà ông thăm phán, bác sĩ ghì bước trên những bậc ở lối vào, và đọc hàng chữ quen thuộc trên tấm biển:

“WEASLEY, PHÁP QUAN TỐI CAO ASHWORTH”

Cilli mở rộng cửa, và bác sĩ bước qua ngưỡng cửa với cái vẻ long trọng u sầu vốn có của những con người có trọng trách khi thực hiện những

nhiệm vụ mà không phải lúc nào cũng đem lại sự vui thích cho người trong cuộc. Bác sĩ lặng lẽ bỏ mũ lễ đen của mình ra, dùng mùi xoa lau mồ hôi trên chỗ đầu hói và nhìn Cilli như muốn hỏi. Cilli bước lên trước dẫn đường và thận trọng đi trên đầu ngón chân chứ không đập gót xuống sàn như thường ngày.

Đi qua phòng khách, bác sĩ lên tầng hai. Giữa các tủ cao đựng đầy những luận văn pháp lý và các bộ luật thấy hiện lên cái cửa bằng gỗ sồi. Cilli gõ cửa. Rồi đến bác sĩ cũng gõ. Và bây giờ thấy vọng ra giọng nói của ông thẩm phán Weasley:

- Còn gõ gì nữa ông Fleet, một khi đã biết người ta đang sốt ruột chờ đợi ông. Ông vào đi, và xin ông đuổi cái con Cilli ấy xuống nhà cho, kẻo nó lại nghe trộm. Nó thường vẫn có cái thói xấu ấy.

Bước vào phòng, bác sĩ đóng chặt ngay cửa lại ở phía sau. Phòng ngủ sáng ánh đèn và nện, mặc dù những tia nắng mặt trời đang vui vẻ ủa vào các cửa sổ. Ông thẩm phán Weasley ngẩng trên ghế quay lưng về phía cửa mà bác sĩ vừa bước vào, và ông không hề quay lại. Ông đang mải mê xem xét một vật gì đó cầm ở trong tay.

- Chào ông Weasley! - bác sĩ nói to bằng một giọng hiên hòa mà ông vẫn quen dùng để làm cho bệnh nhân yên tâm và hy vọng.

- Chào ông Fleet, - vẫn không ngoảnh lại, ông thẩm phán nói lầm bầm. - Mà xin ông chờ đến gần tôi. Trước hết hãy để cái va-li của ông xuống đã, rồi thì ngẩng xuống đây. Ông hãy chuẩn bị tinh thần mà xem một cảnh tượng khó chịu. Tôi sợ rằng ông sẽ ngắt đi và đánh vỡ những chai lọ đựng thuốc của ông.

- Nhưng có chuyện gì chứ? - bác sĩ la lên, mặc dù ông vẫn đặt va-li xuống chiếc ghế bành đầu tiên ông nhìn thấy, bởi vì ông đã quen thực hiện

những yêu cầu của người phụng sự luật pháp, vả lại ông cũng rất quý chiếc bơm tiêm hai ounce do cha ông để lại. Ngày trước cha ông cũng đã dùng nó để chữa bệnh ở Ashworth.

- Đứng lại, Fleet! - không chịu đựng được nữa, ông thẳm phán gào lên. - Đừng có nhìn tôi và hãy nghe đây. Hãy quên những lời lẽ mà con Cilli nó ba hoa với ông đi. Ông đừng cãi, tôi thừa biết miệng lưỡi nó r ấ...

Fleet hiểu rất rõ cái lối chuyện trò của ông thẳm phán và ông im lặng ngắm nghía cái gáy có tóc bạc béo lẳn của Weasley. Ông thẳm phán bực tức nói:

- Hôm nay tôi đã kết án một tên vô lại không chịu hối cải. Tôi vừa bắt đầu viết bản án. Bỗng nghe thấy viên thư ký nói: “Thưa ông Weasley, ông làm sao thế ạ?” Tôi ngừng đầu lên và thấy mọi người xung quanh đang trở mắt nhìn. Họ nhìn tôi như nhìn một kẻ từ bên kia thế giới tới. Tôi cho tạm nghỉ r ấ vào phòng riêng, viên thư ký đem lại cho tôi chiếc gương...

- R ấ sao nữa? - bác sĩ thản nhiên hỏi, bằng linh tính của một thầy thuốc có kinh nghiệm ông cảm thấy chính lúc này mới là lúc không được mất tinh thần.

Người chuyên nghiên cứu về các bệnh dịch khác thường có thể tự mình tìm đọc những bản ghi chép của bác sĩ Fleet con. Chỉ cần người ấy đến phòng lưu trữ tài liệu ở Ashworth đề nghị cho xem cặp giấy số CXXI/14. Trong ấy, ở trang một trăm hai mươi chín, chính tay bác sĩ Fleet đã viết nháp bản báo cáo gửi Hội y học:

“Trường hợp bệnh của ông thẳm phán Weasley là trường hợp khó hiểu. Dưới ảnh hưởng của quá trình bệnh mà thực chất của nó là gì tôi không rõ, các xương mặt, da và những mô lỏng lẻo dưới da đã bị biến dạng đi...”

Sau khi đã nhìn rõ mặt ông thẳm phán lúc ông ta quay lại, bác sĩ kinh

ngạc la lên:

- Ông Weasley, ông đâu còn là ông nữa!

Thật vậy, chỉ còn dựa vào giọng nói và chiếc áo trào người ta mới có thể nhận ra người ngồi phía trước bác sĩ Fleet với chiếc gương trong tay là ngài thẩm phán Weasley.

- Chính tôi cũng không nhận ra tôi, - ngài thẩm phán nói càu nhàu. - Khi về đến nhà tôi ngẩng nhìn mũi mình, và sợ quá tôi làm vỡ mất cái gương ở phòng rửa mặt. Tôi thấy mặt tôi giống như cái tổ kiến. Chà! Con Cilli kêu rít lên ở sau cửa. Nó nghe lỏm, quân vô dụng...

Bác sĩ Fleet đã tự chủ được. Sau khi dùng chân hất các mảnh gương vỡ đi, ông cầm tay ngài thẩm phán.

- Xin cứ yên tâm. Tôi sẽ xem mạch. Ông cho xem lưỡi nào.

Công việc chẩn đoán nghiêm túc của y học bắt đầu. Nửa giờ sau thì kết thúc. Bác sĩ Fleet viết đơn thuốc:

- Chế độ ăn uống... Thuốc rửa mũi...

- Tôi hy vọng, - ngài thẩm phán cần nhằn. - Ông giam tôi ở nhà ba hôm chứ? Tôi không phản đối. Tôi không thể vác cái mặt như thế này tới nhà thị chính được. Dù sao thì cũng là một lần trong đời chính tôi bị bắt giam.

Đúng lúc ấy tiếng chuông điện thoại réo lên. Ông bác sĩ già cần ống nghe. Quan đại tụng Seyton hỏi bác sĩ Fleet có ở đây không.

- Vâng, chính tôi đang ở đây, - bác sĩ trả lời. - À, ông muốn tôi đến chỗ ông à? Xin vui lòng. Chẳng có gì phiền hà hết. Ngược lại, đó là nghĩa vụ của tôi. Sức khỏe của ông Weasley ư? Tốt... Chà, ông đã biết tin rồi à?Ồ, chuyện vặt ấy mà... Hơi bị sưng thôi. Sao ạ? Ông cũng mới bị sưng à? Tốt lắm. Nghĩa là tôi muốn nói rằng cái bệnh sưng vù lên ấy chỉ là chuyện

vật...

Bác sĩ Fleet bước tới nhà quan đại tụng Seyton trong tâm trạng không còn thanh thản như trước nữa. Những ý nghĩ lo lắng bắt đầu giày vò tâm trí ông, cái tâm trí đã quen với dòng đời lặng lẽ ở Ashworth. Có lẽ người ta đã bắt đầu phát hiện ra những tảng đá ngầm ở những chỗ an toàn nhất.

II

Căn cứ vào những lời bác sĩ Fleet ghi lại thì trường hợp xảy ra với ông Seyton, quan đại tụng Ashworth, được mô tả ở dạng có hơi khác. Sau này Ed Orfi, một kẻ có tài đóng kịch xuất chúng đã tường thuật lại cho tôi nghe một cách hết sức sinh động về Fleet và các bệnh nhân của ông, bởi vì những tin đồn về người mắc bệnh và khỏi bệnh luôn luôn được những người có liên quan truyền đến hiệu thuốc.

Vào buổi sáng, khi ông thẩm phán Weasley đang viết bản án của một tên ăn cắp nào đó, thì quan đại tụng đang ngồi trong phòng làm việc ở văn phòng của mình và vui đầu đọc bản dự thảo chúc thư mà trong đó bà quả phụ đáng kính Alisa Bolivar, một con chiên mộ đạo đã cao tuổi của cha Jeremiah, trao lại cho Hội từ thiện toàn bộ tài sản của mình trị giá một nghìn một trăm ba mươi đồng vàng.

Người giúp việc mới của quan đại tụng bước vào phòng với một bản báo cáo khẩn trong tay. Anh ta là cháu của một trong những bà ủy thác giàu có của ngài Seyton, và vì vậy anh được phép vào nơi sảnh đường tôn nghiêm của quan đại tụng, vả lại bà cô đã ra điều kiện, dọa tước quyền thừa kế tài sản nếu người cháu không từ bỏ việc luyện tập đua thuyền. Đó là Bob Birdworth, và ở đây tôi muốn nói thêm rằng Bob có cặp mắt lợn

luộc và đôi tai xấu kinh khủng.

Vậy là Bob bước vào, chuẩn bị báo tin rằng có điện gọi từ văn phòng của lâu đài Oldmount. Ngài Seyton ngừng đọc, nghiêm nghị nhướn lông mày lên. Nhưng Bob không tài nào cất lên lời được. Anh ta quá ngạc nhiên. Bob có cảm giác rằng quan đại tể tướng đã bôi mặt bằng thuốc màu hoặc đã đeo chiếc mặt nạ Ấn-độ khủng khiếp.

- Bob, sao anh cứ giương mắt lên thế? - quan đại tể tướng cau tiết hỏi.

Khó khăn lắm Bob mới nói nổi nên lời.

- Lạy chúa tôi, - anh ta lắp bắp, - thưa ông Seyton, ông làm sao thế?

Bob sợ khiếp vía. Chiếc mặt nạ trên mặt quan đại tể tướng lúc này trông càng có vẻ khủng khiếp hơn nữa.

- Làm sao, hả! - quan đại tể tướng thét lên và đứng dậy khỏi chiếc ghế bành kiêu cố.

- Mặt ông kìa!.. - Bob thét lên man rợ rồi chạy biến khỏi phòng.

Quan đại tể tướng ngạc nhiên vì hành vi của Bob. Hành vi ấy rõ ràng là khác thường. Cái thằng điên ấy nói lắp bắp những gì về mặt với mũi nhỉ? Và quan đại tể tướng kiên trì gọi điện tới ba lần.

Nghe gọi, Tim, một người hầu già, bước vào, nhiệm vụ của bác ta là cứ cách một giờ lại đem tới cho quan đại tể tướng một tách chè đặc và nóng. Tim mang chiếc khay đựng chén chè vào, nhưng cái cảnh tượng mà lão bắt gặp thật là kỳ quặc.

Ngài Seyton đứng đối diện với cửa sổ, đang ra sức so vai lại, và hình như đang cố gắng nhìn mãi vào trong cửa kính. Hóa ra là trong phòng làm việc không có gương nên quan đã soi mình qua kính cửa sổ. Và quan không hề ngạc nhiên khi thấy rằng một bên má của quan đã sưng vù lên

một cách quái gở. Những công việc dân sự mà quan đang tiến hành đã tước bỏ mất ở quan một trong những đặc điểm hấp dẫn của con người sống là khả năng biết ngạc nhiên.

- Gương! - Seyton ra lệnh cho Tim một cách ngắn gọn.

Việc ngắm nghía rất lâu bên má sừng không dẫn quan Seyton tới một kết luận nào ngoài một đi đầu: cần phải gọi cho bác sĩ Fleet đến. Đối với quan điểm ấy có thể chấp nhận được nếu Fleet không tăng giá quy định và có thể hạn chế việc đến thăm bệnh bằng một lần duy nhất. Quan đại tụng không muốn trả tiền vô ích vì một câu mà người ta sẽ nói với ông: “Sừng ời là sừng”. Nhưng cái chỗ sừng khốn kiếp ấy ý chừng còn muốn lan ra cả tai.

- Tim, không được cho ai vào, - quan ra lệnh. - Không một ai, ngoài bác sĩ Fleet. Đi đi. Tuy nhiên, khoan đã. Có lẽ ông Birdworth cũng không được khỏe?

Người hầu già đã được rèn giữa hiểu rõ từng sắc thái nhỏ trong giọng nói của ông chủ và cúi đầu:

- Thưa ông, con sợ phải nói, nhưng...

Chữ “nhưng” ấy hàm ý rằng lão ta lấy làm khó chịu vì Bob cứ hay quên cái lệ phải đãi lão ta rượu trắng vào ngày thứ bảy hàng tuần. Lúc lão Tim bước ra khỏi phòng thì Bob đang sôi nổi đọc đi đầu gì đó cho một cô ghi tốc ký. Cây mình là người đã làm việc lâu năm ở văn phòng, lão Tim nói thì thào vào tai Bob:

- Nếu anh muốn làm việc ở cạnh ông Seyton thì đừng có kêu thét lên khi nom thấy cái mặt không ổn của ông chủ...

Seyton gọi điện thoại để tìm Fleet. Bác sĩ xuất hiện, thăm bệnh cho quan đại tụng rồi viết đơn thuốc.

Khi bác sĩ Fleet ra khỏi văn phòng của quan đại tụng thì mặt trời gần như đã ngả về tây. Ông đi theo phố King chưa được đến vài trăm bước thì một viên cảnh sát có râu mép đeo lon cai chạy đuổi theo ông.

- Bác sĩ Fleet phải không? - viên cai hỏi đồng thời giơ tay đeo găng trắng lên chào.

- Lẽ nào anh không nhận ra tôi sao, Phil? - bác sĩ dừng lại, rung mình và đưa tay lên sờ gò má.

- Đương nhiên là tôi nhận được, - viên cai báo cáo. - Nhưng quan cảnh sát trưởng...

- Ông Fredson bị ốm à? - bác sĩ dò hỏi.

- Xin phép ông cho tôi được báo cáo. Từ sáng nay quan cảnh sát trưởng còn rất khỏe. Nhưng sau khi ăn điếm tâm lần thứ hai, lúc bà Fredson bước vào phòng ăn, nơi mà bà đã để phu quân ở lại trong mấy phút, thì phát hiện ra mặt của quan Fred...

Viên cai Philip Dreg vẫn chưa báo cáo xong. Bác sĩ Fleet vội lao ngay đến nhà vợ chồng Fredson nhanh đến nỗi viên cảnh sát không tài nào theo kịp ông được. Ed lúc ấy đang đổ vào lọ mười ounce hai porcio hợp dịch dựa theo những đơn thuốc kê giống nhau của Fleet cho ông thăm phán và quan đại tụng. Qua cửa sổ hiệu thuốc anh ta nhìn thấy bác sĩ Fleet chạy và viên cai đuổi theo. Cilli và lão Tim đang ngồi chờ thuốc cũng nhìn thấy như vậy, và cả ba người đều đồng ý rằng Phil đang định bắt giam bác sĩ. Bà Fredson đón chào bác sĩ Fleet với cặp mắt còn đắm lệ.

- Ôi, khủng khiếp quá!..

- Bệnh nhân đâu, - bác sĩ hỏi ngay, quên cả chào bà chủ và bỏ mũ lễ.

- Trong phòng ăn ạ, - bà Fredson trả lời và khóc nức nở.

Bác sĩ phải bước qua những mảnh đồ vỡ nằm ngổn ngang. Sau chiếc bàn tròn trên bày các thứ còn lại của bữa điếm tâm như chai lọ và rõ ràng là còn có đủ các loại gương có trong nhà, quan cảnh sát trưởng Fredson đang ng ẩ, khuy áo choàng để hở, và đang lúc lắc đầu tạo nên những tiếng kêu chẳng ra một thứ âm thanh nào cả.

- Ông ấy bị súng bắt đầu từ lỗ mũi bên trái, - nước mắt chan hòa, bà Fredson nói thì th ầm, bước theo sau bác sĩ.

Tấm khăn ăn vẫn còn nhét trên áo gi-lê của ngài Fredson. Nghĩa là tai họa đã đến với ngài một cách bất ngờ trong lúc ăn tráng miệng, khi mà không ai có thể ngờ rằng xương mặt của ngài, vì tuân theo một sức mạnh lạ lùng nào đấy, bỗng nhiên bị biến dạng v ề cơ bản. Chứng phù lan tới cả hàm và cầm làm cho mặt ngài có cái vẻ rất kinh tởm.

- Lại trường hợp thứ ba, - bác sĩ nói với giọng sôi nổi đ ồng thời đặt tay lên vai Fredson. - R ồi sẽ tìm ra ngay thôi... Ông đại tá, tỉnh lại đi! Trước mắt ông là tôi, Fleet đây...

Fredson ngược mắt nhìn bác sĩ.

- A, ông đấy ư? Tôi rất mừng... Nhưng cái mặt mới gớm chưa! Xin lỗi ông, tôi nói v ề tôi đấy thôi.

- George, tỉnh lại đi anh! - bà Fredson nói với giọng van v ỉ và đưa chiếc khăn mùi xoa thêu ren lên cặp mắt ướt.

- Tôi không việc gì phải tỉnh dậy, - Fredson phản đối lại bằng giọng tương đối tỉnh táo. - Bác sĩ ạ, bà nhà tôi được cái cứ hơi tí là hoảng sợ, nhưng tôi muốn biết ý kiến ông. Tôi soi vào gương và tự hỏi: “Tôi hay là ai?” Đấy, vẫn đ ều là như vậy!

- R ồi chúng ta sẽ lý giải được, - bác sĩ Fleet trả lời. - Ông hãy kể lại

xem sự thể bắt đầu ra sao...

Vợ chồng Fredson đã kể lại. Còn bác sĩ Fleet thì vừa thoát nhìn đã biết ngay rằng trước mắt ông là trường hợp thứ ba của cùng một bệnh. Bệnh gì? Fleet không biết. Ví thử như ngay bây giờ đây ông có kịp lật xem tất cả các bộ “dao trích” và mười sáu cuốn của “Tủ điển bách khoa toàn thư” thì ông cũng sẽ không thể tìm thấy ở đây một lời nào đả động đến bệnh thay đổi diện mạo như ở ông thăm phán, quan đại tụng và ông cảnh sát trưởng. Vậy thì đã xảy ra chuyện gì?

“Nếu lấy hình một người anh biết rõ in lên giấy rồi vò nhàu đi thì những đường nét sẽ chuyển chỗ đến nỗi không còn thấy giống nữa”. Chính tay bác sĩ Fleet đã ghi như vậy ở trang hai trăm bốn mươi chín trong cặp hồ sơ lưu trữ nói trên.

Tuy nhiên Fredson rất lo lắng.

- Không ai có thể bắt buộc tôi phải nằm nhà. Công việc, bác sĩ ời, ông hiểu chứ? Tôi phải làm việc chứ không phải là ốm.

- Mọi việc rồi sẽ ổn, - bác sĩ Fleet nói lúng búng.

Rồi ông lại nói chậm rãi. Những suy nghĩ đưa ông đến kết luận: “Rõ ràng là còn nhiều điều chưa rõ, cho nên phương pháp chữa bệnh cần chừng ở đây là tốt nhất”.

- Chà, ông đã làm tôi yên lòng, - Fredson nói với vẻ tin tưởng và đi tới bên tủ đựng đồ ăn. - Tôi cảm thấy mình mạnh khỏe, đối với công vụ diện mạo chẳng có gì là quan trọng cả. Bác sĩ ạ, luôn tiện cho ông biết, với cái bệnh của tôi hiện tại thì dùng thứ rượu nào có lợi hơn - rum hay cognac?

Một kết luận mới bật ra khỏi miệng bác sĩ Fleet:

- Đây không phải là bệnh, mà là một thể trạng.

Fredson cứ loay hoay mãi bên tủ ăn với chai rượu.

- Không phải bệnh à? Càng hay. Nhưng thể trạng có trở lại bình thường...

Ngài Fredson rót hai cốc rum, uống cạn một cốc, mặt đỏ tía lên, nhưng giọng ngài nói nghe nhẹ nhàng hơn:

- Uống đi, bác sĩ, và đừng an ủi tôi nữa. Tôi là một chiến binh và thích nhìn thẳng vào mọi nguy hiểm. Hôm qua tại một đoàn xiếc trên quảng trường, con hươu cao cổ đã được luyện tập cũng bị cái bệnh như thế. Tôi đã áp dụng những phương sách của mình là cử viên thứ y tới. Tôi biết về bệnh tật của ông thâm phán, của quan đại tụng và cảm thấy trước rằng bác sĩ Fleet đang phải làm việc nhiều. Ông không muốn uống ư? Vậy thì tạm biệt. Đừng bắt tay tôi. Như thế tốt hơn...

Bác sĩ Fleet đành cằn lặt lấy mũ và nghiêng mình chào. Ông hỏi bà Fredson bây giờ đang đón ông ở ngoài hành lang xem chỗ rửa tay ở đâu, và ông loay hoay bên vòi nước nóng rất lâu, ông rửa tay cẩn thận bằng xà phòng và bàn chải.

III

Ngày hôm ấy bác sĩ Fleet không thể ăn cơm trưa đúng giờ giấc quy định truyền thống được. Ông vừa ra khỏi nhà Fredson thì tên gác cổng nhà thờ là Michael vội đuổi theo gọi ông tới chỗ bệnh nhân thứ tư.

Cha Jeremiah nằm trong phòng ngủ, chung quanh mình đặt những túi nước nóng. Trong bóng tối lờ mờ huyền ảo bác sĩ Fleet chỉ thấy rõ được chiếc bàn đêm ở đầu giường. Ba bà quý phái đáng kính đang ngồi nghiêm chỉnh trên những chiếc ghế cạnh giường cha trưởng đạo. Một trong ba bà

đang đọc to quyển kinh cầu nguyện, chỉ cần nghe giọng đọc bác sĩ cũng đủ nhận ra người bệnh ngày xưa của ông, đó là bà Birdworth, cô của vận động viên Bob. Không ai trong những người ấy để ý đến bác sĩ khi ông bước vào, bởi vì cả ba đều đang mải thành kính đọc kinh.

- “Và cầu xin Chúa rủ lòng thương kẻ nô lệ trung thành của Chúa, - bà già đọc và cứ sau ba chữ lại thở dài náo nuột. - Và chúng con ca tụng Chúa, sáng danh Chúa đời đời...”

- A men, - giọng yếu ớt của cha Jeremiah cất lên. - Ai vào thế nhỉ? A, ông đẩy ư, bác sĩ kính yêu?

- Xin chào cha, thưa cha trưởng đạo, - bác sĩ nói vẻ trịnh trọng, kính cẩn nghiêng mình về phía đầu giường và phía ba bà quý phái.

- Chào ông, - cha Jeremiah lại cất giọng rên rỉ. - Ông tới với kẻ đau khổ này thật là phúc đức, bởi vì đã có câu viết: “Tôi ốm, và người ta đã đến thăm tôi”.

- Nhưng có chuyện gì xảy đến với cha vậy? - bác sĩ Fleet hỏi, đoạn tiến đến bên giường. - Ở đây tối quá. Cần phải bật đèn lên...

Cha xua tay yếu ớt.

- Ồ không, ông đừng bật đèn vội. Tôi vừa nghe những lời cầu nguyện của thánh Boniface, và những lời lẽ khích lệ của Người vẫn còn vang vọng mãi trong lòng tôi...

- Bà Birdworth vẫn còn chưa đọc hết bài kinh cầu nguyện, - giọng nói nghiêm khắc của bà thứ hai vang lên.

- Ồ, ta biết, bà Bolivar, người con tinh thần quý mến của ta ạ, - cha Jeremiah nói lúng búng bằng giọng còn dịu dàng hơn nữa. - Trong quyển kinh vẫn còn lại bốn đoạn tụng chưa đọc, nhưng Chúa nhân từ sẽ rộng lòng

thương xót kẻ đau khổ này.

Bác sĩ Fleet không còn chịu đựng và kiềm chế nổi mình nữa. Ông đang đói và mệt vì những công việc bận rộn đổ lên đầu ông ngày hôm nay. Ông nghiêng mình xuống sát môi của cha trưởng đạo chạm vào tai mình và nghe được những lời thì thầm quyết liệt: Fleet thân mến, xin ông tống khứ ngay những mụ ấy đi cho.

Đối với bác sĩ việc đứng thẳng người dậy cho có tư thế nghiêm trang chỉ là một việc làm trong giây lát.

- Thưa các bà, tôi đề nghị các bà để cho tôi được nói chuyện riêng với bệnh nhân, - bác sĩ nói với giọng oai nghiêm đoạn rung chiếc va-li làm cho những bơm tiêm và những ống dùng vào việc chuyên môn gì đó kêu leng keng như báo trước đi đâu chẳng lành.

Hoảng hốt vì tiếng kêu leng keng của những đầu ampul thủy tinh chạm vào nhau, các bà vội đứng dậy.

- Các con của ta, ng ồi đợi ở phòng khách nhé, - Jeremiah nói rên rĩ. - Lát nữa cha sẽ cần đến sự giúp đỡ quý báu của các con, có lẽ thế. Các con là những người hết sức hạnh phúc vì có tấm lòng trong sạch. Các con sẽ không bị trừng phạt.

Với vẻ trang trọng, ba bà bước ra khỏi phòng ngủ. Bác sĩ Fleet đóng cửa lại.

- Ông hãy quay hai vòng khóa và bỏ những mảnh cửa xuống.

Bác sĩ Fleet đã thực hiện đúng theo lời yêu cầu.

- Còn bây giờ... - bác sĩ vừa mới bắt đầu định nói, trong tay vẫn còn cần sợi dây màu vàng dùng để buộc tấm rèm cửa bằng nhung mịn.

- Còn bây giờ, - Jeremiah nói tiếp bằng cái giọng của con người hoàn

toàn khỏe mạnh, tung chăn ra rồi ngẩng dậy ở mép giường, - xin phép cho tôi được cảm ơn ông vì ông đã cứu tôi thoát khỏi các bà ấy. Những con người mộ đạo đáng kính, biết làm thế nào được... Tự tôi yêu cầu họ ra thì không nên...

- Thế cha vẫn khỏe mạnh đấy chứ? - bác sĩ Fleet nói lầm bầm.

- Tôi không cảm thấy mình ốm tới mức phải nhận ra sự quấy rầy của các bà ấy, - giọng Jeremiah vang lên. - Thực vậy, từ sáng tới giờ tôi phải trốn mọi người sau cái bình phong... Ông hãy bật đèn lên rồi xem hộ...

Bác sĩ mò tìm được công tắc rồi bật cây đèn chùm bùng sáng lên soi rõ cha trưởng đạo đang ngẩng. Lại một trường hợp thứ tư của cái bệnh dịch kỳ quái! Đối với bác sĩ Fleet bấy nhiêu trường hợp trong một ngày thì quả là nhiều.

- Khiếp quá phải không? - Jeremiah hỏi dò bác sĩ. - Tôi sợ phải nhìn vào gương, cứ y như là người ta đã đánh tráo tôi ấy. Tôi không thích cái kiểu biến dạng này chút nào. Trong quyền kinh thánh có nói: “Bộ mặt là kẻ làm chứng của anh”. Thế nhưng bộ mặt sưng vù này của tôi có thể làm chứng được cái gì? Trong một bài thơ của Browning có viết rằng: “Ô anh thân yêu, tâm hồn anh tỏa hương thơm ngát trên nét mặt anh”. Nhưng tôi làm sao có thể vác cái mặt như thế này ra trước những con người mộ đạo của tôi được. Họ sẽ có những ý nghĩ xấu về tâm hồn tôi. Fleet, tôi nói cởi mở với ông tới mức mà một bác sĩ về tâm hồn của con người có thể cởi mở được trước một bác sĩ về thể xác.

- Có chuyện gì vậy? - bác sĩ hỏi lạnh lùng. Ông chẳng quan tâm gì tới thơ trữ tình của Browning cũng như những đoạn văn trích trong kinh thánh. Ông thêm khát những sự kiện.

- Rồi ông sẽ biết, - Jeremiah nói, đoạn đứng dậy đi tới bên chiếc bàn

cạnh cửa sổ. Cha nhắc bỏ chiếc khăn đậy trên những đĩa, bát đựng đồ ăn. - A a, - cha vui vẻ lau tay. - Các bà già ấy đã chăm lo đến tôi. Từ sáng tới giờ tôi vẫn chưa ăn, nhịn chay và chờ đợi ông. Nhưng khó khăn lắm Michael mới tìm thấy ông. Ông bận và tất nhiên, vẫn chưa ăn gì. Nào, ông ngồi xuống đây và ăn đi... Pâté thịt chim săn đấy. Bà Bolivar nấu thì tuyệt. Những bệnh nhân cũng giống hết như các bà mộ đạo, họ làm ông không được ăn trưa đúng giờ.

- Cha nói đúng, - bác sĩ Fleet thở dài nói đồng thời ngồi xuống cạnh bàn. - Trong bát này, hình như là, món cá bơn bằm?

- Phải, món biếu của bà Birdworth đấy. Thôi nào, chúng ta bắt đầu từ món cá bơn.

Jeremiah cầm cái ve lên, mở nút rượu:

- A ha, rượu ribes nigrum... Do bà Lotis chế. Mỗi bữa chỉ cần bốn ounce là đủ. - Cha rót vào cái ly nhỏ.

Hai hàm của cha đạo nhai như thể những chiếc cối xay lắp khít và đã được tra dầu nhờn đang nghiền những cùi bánh mì nướng kẹp bơ và pho mát.

“Chức năng của bộ máy nhai của cha trưởng đạo, - về sau bác sĩ Fleet ghi lại, - vẫn hoàn toàn được bảo toàn, mặc dù hình dáng của hai hàm đã bị biến đổi đi rất nhiều, đặc biệt là hàm dưới, nó trở nên có dáng tròn”.

Ăn no rồi, bác sĩ Fleet nhận thấy mình chẳng muốn ngồi lại đây chút nào, vả lại giả thuyết của Fredson về tính chất lây của bệnh đã buộc ông phải đề phòng. Hôm qua bác sĩ đã nghe nói đi đâu gì đấy về sự việc xảy ra ở đoàn xiếc lang thang, nhưng ông chẳng coi vào đâu những lời nói huyền thuyên ấy của dân thành thị. Nếu như con hươu cao cổ của đoàn xiếc có bị bệnh lở mồm long móng đi nữa thì cũng chẳng liên can gì tới bệnh tật của

Jeremiah cũng như ba bệnh nhân khác còn lại. Khả năng thụ cảm của con người với bệnh lở mồm long móng nói chung không lớn. Nhưng hôm nay bác sĩ đã có thể khẳng định rằng, dù những hình thức bề ngoài của bốn trường hợp có nhiều vẻ khác nhau đi nữa thì chúng cũng giống nhau trên cơ bản: sự biến dạng của mặt dẫn tới việc con người trở nên không nhận ra được.

- Này, bác sĩ Fleet ạ, - đưa chiếc tăm xỉa răng vào miệng, Jeremiah nói, - ông nghe đây. Chuyện xảy ra ngay sáng nay. Tôi đang cạo râu trước gương, và mọi việc đều tốt lành. Tôi đã lau mặt bằng nước hoa và cất bộ đồ cạo vào trong hộp; vô tình tôi nhìn vào gương. Thoạt đầu tôi tưởng rằng do vô ý tôi đụng vào nó và làm nó nứt ra, nhưng thực tế lại chính là mặt tôi bị nứt. Như thế có một bàn tay kinh tởm nào đấy đã vận hành tôi về một phía. Tôi bấm chuông gọi Michael rồi nằm xuống giường. Nhưng sau khi biết tin tôi ốm, các bà mộ đạo đã đến bất ngờ với những quyển kinh cầu nguyện và những quà biếu. Bác sĩ ạ, giúp tôi với! Tôi đã quen với bộ mặt của tôi, và cả các bà mộ đạo cũng đã quen với nó. Họ khó mà quen được với việc nghe truyền đạo từ một người không quen biết. Tôi hiểu tâm lý họ, và ông hãy hiểu tâm lý tôi.

- Tôi muốn đi sâu vào thực chất vấn đề, - bác sĩ Fleet nói. - Theo ông thì việc phát sinh ra cái bệnh... biến dạng này có thể bắt nguồn từ đâu?

Jeremiah suy nghĩ.

- Tôi không thể hiểu được... Hôm qua... Hôm qua làm sao nhỉ? Một ngày bình thường. Tuy nhiên, gờm đã, bác sĩ... Không, đó chẳng qua chỉ là một giấc mơ...

- Cha hãy kể giấc mơ ấy xem! - bác sĩ Fleet ra lệnh.

- Hôm qua người quản gia của tôi là bà Hughes về thăm bà con thân

thích ở Guul - Jeremiah bắt đầu kể. - Tôi ng ồi đọc những bài giảng đạo đến tận bữa cơm chiều. Ăn xong, tôi mang sách tới đây và mở cửa sổ. - Nói đến đây Jeremiah đưa tay ra kéo cái rèm cửa bằng nhung. - Ông thấy đây, cửa sổ nhìn ra vườn. Thẳng phía trước mặt là sân chơi croquet, còn bên phải là vườn hoa hồng. Tôi đã đọc hết bài “Về sự khoá i lạc của t ần tại”, tôi cởi quần áo và tắt đèn. Chỉ còn có ánh sáng phản chiếu của chiếc đèn cạnh nhà thờ là hắt được vào đây. Đó, như thế này này... - Jeremiah tắt đèn chum. Bây giờ phòng ngủ chỉ còn được chiếu sáng bởi một vệt sáng từ ngoài hắt vào. - Tôi thấy hình như là tôi chỉ ngủ được hơn một tiếng, đây trên chiếc giường này, mặt quay về phía cửa sổ. Bỗng nhiên tôi tỉnh dậy vì những tiếng kêu ngoao ngoao, như thể một con vật nhỏ đã tộp cái gì đó. Mở mắt ra, tôi nhìn thấy bóng dáng lơ mơ của một con chó nhỏ chạy qua trên bệ cửa sổ. Hình như nó chạm vào chiếc cốc và làm cho cái thìa ở trong cốc kêu lên đánh keng một cái. Tôi vẫn còn nhớ rất rõ tiếng kêu ấy. Trong khi tôi còn đang suy xét xem bằng cách nào mà con chó con lại có thể trèo lên cành cây s ồi chia về phía cửa sổ thì con vật lại ngoái đầu về phía tôi mà kêu meo meo r ền rĩ...

- Cha muốn nói là: sửa chứ gì? - bác sĩ chữa lại.

- Không, ông Fleet ạ, không! Cái đi ều kỳ quái nhất trong giấc mơ này là ở chỗ chính con chó lại kêu meo meo như con mèo r ồi biến mất.

- R ồi sao nữa? - Fleet hỏi.

- Tôi đập thành thịch. Không hiểu sao giấc mơ ấy làm tôi lo lắng h ồi hộp. Tôi đến bên cửa sổ - mọi vật vẫn im lặng. Nói đúng ra, cành cây s ồi có hơi đu đưa.

- Sau đó thì cha đã làm gì?

- Sau đó à? Như đã nói r ồi đây, tôi có phần h ồi hộp và uống ừng ực hết

cốc nước.

- Cái cốc nước để trên bệ cửa ấy à?

- Phải. Thế thì sao?

- Chẳng sao cả. Xin lỗi vì đã ngắt lời cha, - bác sĩ Fleet nói nhanh. - Nước trong cốc có ngon không?

- Chẳng có vị gì đặc biệt hết. Tôi không uống nước lã. Bà Hughes đã pha bằng nước đun sôi. Rồi thì tôi đóng cửa sổ, buông rèm và ngủ thiếp đi.

- Thế thôi à? - bác sĩ Fleet hỏi với giọng khàn khàn.

Phía sau cửa lớn vọng vào những tiếng nói của phụ nữ, Jeremiah sợ hãi nói thì thào:

- Đúng như vậy, bà ta đấy!

Mắt bác sĩ tỏ vẻ băn khoăn.

- Ai?

Jeremiah phẩy tay với vẻ chán ngán, gần như là tuyệt vọng.

- Bà Hughes. Có lẽ Michael đã đánh điện cho bà ấy về bệnh tật của tôi, và thế là bà ta lờ mờ về. Tắt đèn đi, ông Fleet thân mến ạ.

Trong bóng tối lờ mờ Jeremiah vội trèo ngay lên giường. Ngoài cửa có tiếng đập tay thành thịch. Bác sĩ Fleet mò mẫm lục lọi mãi trong phòng để tìm cái va-li, bởi vì ông không còn nhớ mình đã để đâu.

- Chà, tôi đã trùm kín chắn rồi, - Jeremiah vừa rên rỉ vừa cựa mình trên đệm. - Ông mở hộc cửa ra cho bà ấy vào. Tôi có thể hy vọng cái chứng biến dạng này rồi sẽ chấm dứt chứ?

Bác sĩ đã tìm được va-li.

- Chế độ ăn uống, chế độ nghỉ ngơi và uống hợp dịch, - ông trả lời có vẻ sáng khoái. - Thừa cha trưởng đạo, kể từ hồi Hippocrates tới nay, ba

môn thuốc thần thánh này chưa hề biết thất bại là gì. - Bác sĩ vặn khóa cửa. - Thừa bà Hughes, mời bà vào.

Bà quản gia của cha Jeremiah đáng kính xộc vào, bà vẫn chưa bỏ khăn voan đi đường khỏi mũ.

- Có gì nghiêm trọng không bác sĩ? Tại sao ông lại khóa cửa?

- Cha Jeremiah đáng kính bị mệt vì những công việc phục vụ nhân loại, - bác sĩ Fleet trả lời chắc nịch. - Những tư tưởng đạo đức và triết lý quan trọng mà cha đang bận tâm suy nghĩ đòi hỏi cấm không một ai được quấy rầy cha. Phải, ngay cả bà nữa, bà Hughes ạ. Ta cùng ra phòng làm việc đi. Tôi sẽ viết đơn thuốc. Bà hãy thực hiện những mệnh lệnh của tôi. Và phải nín lặng. Cha đáng kính đã thuộc lòng những câu kinh cầu nguyện và cha sẽ thần đọc nó trong lòng mình. Việc cho những người ngoài vào thăm là không cần thiết.

- Ông tốt quá, thưa bác sĩ! - bà Hughes nói lắp bắp.

Bác sĩ Fleet thông thả trở về nhà, trầm tư và mệt mỏi. Lần đầu tiên trong cuộc đời chữa bệnh ông gặp những trường hợp như thế. Ta thường thấy những người mũi hếch và mũi dài, trán thấp và trán cao, và đi đầu ấy chẳng làm ai lo sợ. Nhưng nếu người mũi hếch bỗng dựng trở thành mũi dài hoặc cằm của một người bất thành hình thay đổi hẳn hình dáng thì sao? Chỉ khi nào người ta vẫn quen thấy hàng ngày bỗng nhiên thay đổi đi mới làm ta lo lắng. Lẽ nào nét mặt của mọi người lại không đang biến đổi theo thời gian đó sao? Lẽ nào hiện nay nhìn ông già Orfi người ta vẫn nhận ra cái anh chàng trẻ tuổi ba mươi năm trước đã đến làm quen với Fleet? Và lẽ nào ngày nay nhìn bác sĩ Fleet béo mỗ và phì nộn, mũi đỏ, hai tay nổi đầy gân xanh, một người nào đó đã nhận ra chàng sinh viên trẻ tuổi ngày xưa? Vậy mà đó vẫn chỉ là một người - Horace Fleet.



“Có nghĩa là, - bác sĩ Fleet kết luận, - tính bất ngờ chẳng qua chỉ là một chức năng của thời gian”.

IV

Những sự kiện ấy xảy ra ở Ashworth vào đúng cái ngày tôi đang dò dẫm tìm đường dưới mỏ Vòi Dài. Còn bây giờ thì tôi đang đứng trước tên bầy chim.

- Vandock à? - tôi hỏi và buông hai nắm đấm ra.

Đây là một việc bất thường. Khó có thể tin được. Nhưng tên bầy chim đã nhắc lại với tôi về các buổi gặp nhau trong công viên của “giáo sư rắn” và trong phiên tòa ở Rangoon, khiến tôi không còn gì để ngờ vực nữa. Phải, đó chính là Vandock! Tâm vóc hắn đã nhỏ đi hơn, nhưng chú ý nhìn và lắng nghe thì, có lẽ, vẫn tìm thấy những nét nào đấy hơi giống cái anh chàng ngày xưa đã thua cuộc tôi một dollar ở Bell Harbor lúc mới biết nhau.

- Vandock, anh thay đổi ghê gớm quá, - tôi thốt lên sau khi nghe tên bầy chim nói xong, - nhưng anh vẫn không ngừng là một thằng đều. Ngoài việc âm mưu ăn cắp ra, anh còn giết tiến sĩ Rolls...

- Thôi đi, Pingle, - Vandock nghiêm trang đáp lại.

- Câm đi! Vì anh mà suýt nữa tôi phải ngửi ghê điện. Mà bây giờ thì anh lại ở đây, tên ăn cắp rắn, tên cướp Carnero?..

- Pingle ạ, hãy bình tĩnh lại, - Vandock ngắt lời tôi. - Tôi không phải là Carnero và cũng không giết Rolls. Những câu hỏi và sự nghi ngờ của anh là hoàn toàn hợp lý. Chính tôi muốn làm sáng tỏ những vấn đề có liên quan tới việc làm tôi và anh biến đổi đi như thế này. Do đó chúng ta đừng nói những chuyện chán ngán ấy nữa, mà cần phải lấy lại tinh thần. Ngửi xuống nào, anh bạn cũ của tôi, chúng ta sẽ bàn bạc tình hình xem sao.

Chúng tôi cùng ngửi xuống một tảng đá ở cạnh ngôi mộ của một người

nào đấy, và Vandock bắt đầu câu chuyện.

- Pingle ạ, tôi hy vọng rằng, để đáp lại sự cởi mở của tôi, anh sẽ thành thật thừa nhận những đi đầu gì tôi nói là đúng. Đi đầu này có lợi cho quyền lợi chung của cả hai ta. Anh nghe nhé. Có một hãng buôn chuyên sản xuất và bán chất pha chế thuốc đã giao cho tôi nhiệm vụ tìm kiếm một giáo sư Milrois nào đấy và phải theo dõi ông ta. Tôi nghĩ rằng hãng ấy sợ Milrois lừa dối sau khi đã nhận thù cung cấp nguyên liệu gốc dưới dạng nọc độc rắn mới khai thác. Họ trả công cho nhiệm vụ này rất hậu. Hàng tuần tôi phải thận trọng gửi các báo cáo về qua bưu điện. Tôi đã hoàn thành nhiệm vụ một cách trung thực. Tôi đã tìm thấy Milrois ở New York, bây giờ ông đang tiến hành hội đàm với các công ty nhập khẩu lớn nhất. Bởi vì nhiệm vụ của tôi là phải không ngừng theo dõi ông, nên tôi đã theo vết ông ngay cả ở Bell Harbor. Milrois bày ra cái kế đi tắm biển. Tôi thấy ông ta đang lặn vào những làn sóng, thế mà đúng lúc ấy lại xuất hiện một thanh niên cân đối và ngời xuống cạnh tôi, phá rối tôi quan sát Milrois tắm.

- Đó là tôi ư? - vô tình tôi bật lên câu hỏi.

- Pingle ạ, anh đoán giỏi thế là cùng, - Vandock trả lời. - Nhưng tính bướng bỉnh cũng là một trong toàn bộ những đặc điểm tính tình của anh. Phải đẩy anh lên cầu để lột trần những lời bốc phét, làm như anh có thể nhảy tào hình được.

- Chính tôi đã nhảy được. Còn anh thì thua cuộc, Vandock...

- Hãy cầm lấy đồng dollar của anh, - hần nhếch mép cười. - Tôi mang theo cái đồng tiền thắng cuộc của anh trong túi áo gi-lê đã ba năm rồi. Nhưng Pingle ạ, bằng cú nhảy của mình, anh đã làm hỏng hết mọi việc của tôi. Ở bãi tắm người ta chạy nhốn nháo lên. Clips bám chặt lấy anh, và rồi thì tôi đã nhìn thấy ở cửa rạp xiếc “Colosseum” những tấm áp phích có vẽ

hình anh. Bây giờ tôi nghĩ rằng anh là con người khác hẳn với cái anh chàng vờ vĩnh ở bãi tắm. Nhưng cái chính là Milrois đã chìm nghỉm dưới nước...

- Tôi đã cứu ông ta, - tôi nói về quan trọng và đồng thời cất đồng dollar bằng giấy đã nhàu nát vào trong túi.

- Sao? - Vandock ngạc nhiên.

- Đúng thế, - tôi nói. - Tôi không định nhảy từ trên chiếc cầu quỷ quái ấy xuống để cho anh vui lòng! Nhưng phía dưới một người đang chìm xuống đáy, và tôi phải cứu người ấy lên.

- Rồi sao nữa?

- Tôi túm lấy tóc ông ta lôi lên. Một chiếc xuồng nhỏ chạy đến rồi đem ông ta đi.

- Thế là về phía anh, lại một việc làm nữa không đúng lúc, - Vandock nhăn mặt. - Quần áo của Milrois cứ để mãi trong ca-bin cho đến khi một người cảnh sát đến mang đi. Anh hiểu chứ? Tôi không tìm thấy tử thi của Milrois trong các nhà xác. Bởi vì nếu ông ta chết đuối thì thế nào cũng có xác ở trong đó. Nhưng những nhân viên trong văn phòng của các hãng thương mại hay bép xép vô cùng, và vì thế tôi đã tìm lại được Milrois ở trong ổ răn của lão. Đối với chúng ta mà nói, cái chỗ mới khủng khiếp chứ. Milrois sống ở đó, như anh biết đấy, khá kín đáo. Có một lần ông ta đi chơi xa, hai vai đeo ba-lô. Việc này làm tôi chú ý, và tôi theo dõi ông ta từ một khoảng cách khá xa. Nhưng Pingle ạ, anh thử tưởng tượng xem, ông ta mò vào rừng mà lại còn vào cái làng đang có bệnh dịch hạch. Thật hù vía, may mà bọn lính canh ngăn tôi lại và đuổi đi. Tôi vẫn còn nhớ, bây giờ tôi có những cảm giác thật ghê tởm. Tôi đặc biệt thấy khó chịu khi phải thừa nhận rằng Milrois đã chết ở trong làng. Trung sĩ Boro trong đồn

đã báo tin chắc chắn là người đeo ba-lô định thoát ra khỏi làng dịch hạch, nhưng một vài phát súng bắn chỉ thiên đã buộc ông ta phải quay lại, còn mảnh giấy cài theo mũi tên thì cảnh cáo ông phải sẵn sàng mà đón nhận lấy cái giờ phút cuối cùng.

Câu chuyện của Vandock hoàn toàn đúng sự thật, và tôi quyết định không ngắt lời hẳn.

- Bây giờ, Pingle ạ, anh thử tưởng tượng xem tôi kinh ngạc đến như thế nào khi tạt vào trại rắn với tính cách một người bán rắn, tôi vẫn gặp Milrois hoàn toàn khỏe mạnh. Ông ra lệnh cho người giúp việc mình là cô Liz trả tôi ba paise một con và nói để tôi cuốn xéo đi. “Chúng tôi đã có đủ rắn jirr cho đến mùa thu, thôi anh không phải bắt nữa”, cái cô Liz ấy tuyên bố với tôi như vậy, Pingle, anh nhớ chứ, trước mặt cô ta bao giờ anh cũng chỉ có việc là cụp đuôi xuống. Nhưng dù sao thì tôi vẫn cứ phải theo dõi hành vi của Milrois... Chà, Pingle ạ, chưa bao giờ anh ở vào tình cảnh khó xử của một kẻ trung gian trong việc buôn bán và chắc gì có thể thấy được, đôi khi loại người này phải hiểu biết toàn diện về mọi việc đến như thế nào. Ngày xưa, lúc còn bé tôi đã sống ở Java rất lâu. Ở đấy cha tôi làm việc trong vườn thực vật. Pingle ạ, đấy mới thật là thiên đường của tự nhiên! Tôi mơ ước được về đấy một lần nữa. Trước đây tôi với các bạn cùng lứa tuổi bắt rắn rất giỏi, và đi đầu này đã có lợi cho tôi khi ở Rangoon. Tôi đã nghĩ cách bắt rắn jirr của Milrois rồi lại đem bán cho ông. Tôi cho rằng trong cái trò chơi ấy sẽ không có thua. Nhưng tôi đã lại chạm trán anh ở công viên, và đi đầu đó đã làm rối tung những ý định của tôi. Tuy nhiên, anh là kẻ rất thích những câu chuyện nghe bù tai và dễ dàng chịu ảnh hưởng của người khác. Do đó, nhờ sự giúp đỡ của anh tôi đã biết rõ rằng Milrois đã ra đi cùng người cháu là Rolls. Cho tới bây giờ tôi vẫn phải

cám ơn anh vì việc này...

- Có gì đâu... - Bây giờ câu chuyện này đã làm tôi rất đau khổ, còn bây giờ thì có nghĩa gì nữa. - Anh cũng đã giúp đỡ tôi bằng Mất Bò Đực của anh, - tôi nói.

- Pingle ạ, làm gì những chuyện vặt ấy. Ơn trả ơn thôi. Cái người đưa anh ra khỏi Rangoon chẳng qua là ông chủ căn phòng tôi thuê. Một con người rất sẵn lòng giúp đỡ kẻ khác. Chính ông ta đã che giấu tôi khi tôi đang vội vã chạy thoát ông thẩm phán. Nhưng mà chúng ta đã lạc đề rồi đấy. Qua anh tôi biết được Mazatlán, và rồi tôi đã tới đó để tìm Rolls. Tôi cũng chắc chắn rằng qua ông ta tôi sẽ biết rõ Milrois chuẩn đi đâu. Kẻ trung gian thương mại như tôi sống nhờ vào những nhiệm vụ đã được giao phó. Và Pingle ạ, thật là khó chịu khi một công việc có lợi mà anh đang sống dựa vào đấy bỗng nhiên tuột khỏi tay. Rồi sau đó, phải thừa nhận, chuyện này đụng chạm đến lòng tự ái của tôi nữa. Đường xá xa xôi tôi còn chẳng quản nữa là cái đất Mexico nóng nực. Ở Mazatlán người ta đã chỉ cho tôi ngôi nhà của Rolls, và cái ông tiến sĩ ấy đã sẵn lòng nhận tôi vào làm kẻ hầu hạ trong nhà, chỉ vì tôi đã tới chỗ ông trong vai một kẻ cầu xin khốn nạn. Trước đây tôi chưa gặp ông ta bao giờ; ông ta trông khác xa với vẻ mặt của ông chú Milrois. Có đi đâu là cỗ hống của ông ta không được ổn, và ông ta cứ hay ho như thế này: hừm... hừm... Ông ta hút thuốc lá Thổ trộn lẫn với thuốc Madurese. Tôi rất quen cái mùi thuốc lá này. Rolls ra cho tôi hai điều kiện: không được rời nhà đi đâu và không được cạo râu. Điều này làm anh ngạc nhiên phải không? Tôi cũng ngạc nhiên vì cái tính kỳ quặc ấy. Nhưng nếu một người có tiền và cho anh việc làm thì người ta có quyền làm những việc kỳ quặc. Rolls yêu cầu tôi không được cạo râu! Tự ông ta sẽ cạo khi nào ông muốn.

- Hừm, hừm... - tôi ho và nhớ tới Dobby, tôi hỏi: - Ngoài ra, trong nhà ông Rolls không có lấy một mảnh gương nào phải không?

- Sao anh biết? - Vandock nheo mắt lại nhìn tôi với vẻ ngờ vực. - Ấy thế mà, sự thực là đúng như vậy. Chà, tôi đồng ý với mọi đi đầu kiện, và những ngày tháng của tôi cứ lặng lẽ trôi qua. Người ta đem thức ăn từ nhà ăn lên cho chúng tôi, mặc dù tôi chẳng thích thú gì những món ăn Mexico. Ở đây thì cái gì cũng đem rán với dầu olive. Pingle ạ, tôi xin thề là lúc nào cũng sẵn sàng cảm ơn cái số phận đang dẫn dắt tôi tới một bến bờ êm ả. Sau khi thu dọn các phòng và hâm lại bữa cơm trưa, tôi đã no nê, nằm dài ra trong phòng mình ở phía dưới, anh đã biết cái phòng ấy...

- Phải, biết quá đi chứ, - tôi trả lời với giọng mỉa mai độc ác. - Thôi đi Vandock, đừng nói ngoắt ngoéo nữa...

- Lay Chúa, tôi nói ngoắt ngoéo để làm gì một khi tôi đang kể tóm tắt các sự kiện một cách chính xác nhất! Suốt ngày Rolls ngẩn ngơ viết trong phòng mình ở trên gác, còn tôi, anh hiểu không, phải làm cách nào đó biết được tin tức về người chú ông ta để rồi lại lên đường nối lại mối quen biết cũ. Rolls đặc biệt không ưa chuyện trò. Tôi đã thử hỏi dò ông ta về người chú Milrois, theo dõi những thư từ gửi đến, nhưng... Pingle ạ, quả là không may! Thực vậy, người ta có thể tiến hành trao đổi liên lạc với nhau bằng những bức mật mã công bố trên các báo, và Rolls chỉ nhận báo. Nhưng tôi có thể làm gì được trong cái cảnh bị giam cầm bất đắc chí này, nếu như muốn bỏ một bưu thiếp vào hòm thư cũng không thể nào làm được! Rolls đã cạo râu cho tôi sau một tháng làm việc, lúc râu cằm của tôi đã mọc cứng ra. Lúc đầu tôi cứ thấp thỏm lo cho cái tai của mình. Nhưng tiến sĩ Rolls tỏ ra là một thợ cắt tóc hết sức tài ba, một thợ cạo sành nghề chính cống. Thế là gần bốn tháng đã trôi qua. Có một lần vào buổi sáng,

sau khi tỉnh dậy, tôi hết sức kinh ngạc vì sự lặng lẽ kỳ lạ ở trong nhà. Không còn thấy vang lên tiếng chân bước của Rolls ở trên gác nữa. Thường thường ông ta thích đi bách bộ trong phòng làm việc vào những lúc tạm nghỉ. Cũng không thấy có tiếng chuông gọi như mọi ngày của ông. Bây giờ tôi mới lên gác... Chúng ta hút cái đã, Pingle ạ. Tôi có ít thuốc Madurese, đã trộn thêm sợi khô cho nặng. Cuộn thuốc đi, Pingle...

Vandock ngừng kê để đãi tôi thuốc lá.

Sau khi đã rút mấy hơi thật dài, hắn lại tiếp:

- Ô Pingle ạ, trong phòng làm việc của Rolls tôi bắt gặp một cảnh tượng khủng khiếp! Mọi vật đều bị đổ vỡ ngổn ngang. Trên sàn và trên tường thấy những vết máu tươi. Ý nghĩ đầu tiên của tôi - Rolls bị giết! Và tôi bỏ đi tìm tử thi của con người bất hạnh. Lần theo dấu vết thì rõ ràng là tên giết người hoặc những tên giết người đã kéo ông xuống vực qua khu vườn...

- Rồi quăng xuống biển, - tôi nói nhanh, rùng mình khi nghĩ lại những giờ phút khủng khiếp của tôi ở Mazatlán.

- Tôi cũng đã nghĩ thế, - Vandock đồng ý. - Nhưng khi những cảm giác đầu tiên đã dịu xuống, tôi quyết định phải lý giải mọi việc chung quanh một cách tỉnh táo. Nếu tôi đâm bổ đến đồn cảnh sát ngay... Chắc hẳn anh cũng thừa biết, đi đâu đó có nghĩa là thế nào - cảnh sát Mazatlán ư? Hay là đến lãnh sự quán... Và sẽ không ai tin tôi hết.

Tôi nắm hai tay lại:

- A, và thế là anh chạy chứ gì?

- Không, Pingle. Tôi cởi quần áo và nhảy xuống nước. Nhảy xuống đúng cái chỗ ở phía dưới vực, nơi mà người ta quăng...

- Rolls?

- Không. Cái túi đựng đá. Tôi tìm thấy nó ở dưới đáy, một cái túi đẹp màu xanh thẫm, hợp với màu rong biển một cách kỳ lạ, tôi nhớ tới một ông thám phán sáng suốt, ông ta tuân theo một nguyên tắc là, nếu không phát hiện được tử thi thì giả thuyết về một vụ án mạng là không nhất thiết. Và bây giờ tôi đã trở về nhà với một tâm trạng hoàn toàn bình tĩnh. Lại thật, các phòng đều vấy máu. Có ba người bị giết thì cũng chỉ ngần ấy máu là cùng. Những tia máu vọt lên sáu bức tường. Hể cứ tưởng tượng đến khung cảnh của vụ giết người ấy thì đều phải giả thiết rằng xương sọ của Rolls đã bị đập vỡ ba lần liên ở trong ba phòng. Vậy thử hỏi, sau khi đã bị tử thương trong thư viện, thì làm sao sau đó ông lại vẫn tiếp tục chống đỡ ở trong phòng làm việc được? Ở đây ông lại bị đập vỡ đầu, và ông đã bỏ chạy vào phòng khách cạnh cầu thang, và ở đây ông lại bị giết một lần thứ ba nữa ư? Vậy mà tôi chẳng nghe thấy gì, mặc dầu tôi ngủ ngay phía dưới phòng làm việc?

- Anh cũng hiểu biết về khoa hình pháp ư? - vô tình tôi nêu lên một câu hỏi.

Vandock nhún vai.

- Không... Ý nghĩ lành mạnh đã đưa tôi tới cái logic của sự vật. Tôi cho rằng máu đã được phun lên một cách cố tình. Bởi vì Rolls có thể có máu lưu trữ trong các bình cầu. Có thể lấy một ít máu trên tường rồi đem phân tích hóa học và soi qua kính hiển vi thì sẽ biết chính xác máu đó thuộc loại sinh vật nào. Thậm chí có thể biết hơn nữa: sẽ xác định được nhóm máu. Nhưng tôi không có thời gian cạo máu khô trên tường. Tôi cân nhắc nhanh chóng và bắt đầu hiểu rằng chính Rolls... Đúng, đúng, Pingle ạ! Rolls có lý do để hành động như vậy. Nhưng kể cả tên phạm tội cũng như kẻ giả vờ

đầu để lại những vết tích và dấu hiệu nghề nghiệp. Rolls phun máu như vậy là quá mức. Nhưng khi tôi phát hiện được hai gói ở cạnh phòng tôi, trong đó có những thứ không có giá trị, thì đối với tôi giả thiết về một vụ giả vờ giết người và cướp bóc đã trở thành hiển nhiên. Vậy thì ai sẽ có lợi trong việc giả vờ giết Rolls và hướng việc ngờ vực vào tôi? Bởi vì nếu đã giết Rolls thì tại sao lại tha tôi? Nếu họ đã thực hiện được việc bịt đầu mối bằng cách quăng xác xuống dưới nước một cách thuận lợi thì tại sao họ lại không mang đi những của đã bị cướp đoạt? Chỉ có một kết luận: Rolls muốn thoát khỏi tôi nên đã lập mưu nộp tôi cho cảnh sát, còn chính ông ta thì chuồn đi, cũng giống như “giáo sư răn” - chú ông ta vậy. Nhưng bây giờ tôi không những phải thoát khỏi tay cảnh sát, mà còn phải đuổi kịp Rolls nữa. Tôi vào phòng tắm và thay quần áo thì lại vớ được ngay cái gương bỏ túi của Rolls để quên. Tôi soi vào và... không nhận ra mình nữa. Bây giờ đây anh có thể thấy rõ tôi có giống Vandock ngày trước nữa hay không.

- Một chút thôi, - tôi khẳng định.

- Hoàn toàn không giống, - Vandock đau khổ lắc đầu. - Và qua cửa sổ tôi thấy ở phía xa bọn cảnh sát đang tụ tập trên phố. Bởi vì nếu Rolls quyết chí định giết tôi thì chính ông có thể gọi điện báo trước cho viên giám đốc sở cảnh sát biết, đúng thế không? Chà, trong trường hợp như vậy thì thường là chẳng đắn đo gì nữa, mà chỉ có chạy thôi. Pingle, vừa đúng lúc ấy thì anh đến bên cửa vườn...

- Anh đã khôn khéo lừa tôi vào, đồ quỷ! - tôi rùng mình vì những hồi ức khó chịu.

- Nhưng anh bảo tôi biết làm thế nào? Những biện pháp khôn khéo bao giờ cũng đơn giản. Tôi không thể xuất đầu lộ diện được. Anh sẽ không

nhận ra tôi. Việc gặp gỡ anh sẽ làm tôi chậm mất, và dám chắc rằng cả hai chúng ta đều không thoát. Tôi cho rằng nếu cảnh sát bắt gặp anh một mình ở trong nhà thì anh cũng dễ dàng chứng minh mình vô tội. Tôi thừa nhận rằng đây là một kế táo tợn, và tôi không có tội nếu như anh đã gặp khó khăn. Trên các báo người ta đã đăng những tin tức về vụ án Carnero với tất cả mọi chi tiết... À mà này, Pingle, anh có biết cái gì đã cứu thoát anh không?

- Không.

- Cái việc ở trong tù anh đã không trả lời mẫu giấy của Bigden - bạn của Carnero chính cống - và đã quyết định tự bào chữa trước tòa. Thế giới tội phạm rất thích thú việc này. Người ta nói rằng bọn kẻ cướp ở đó đã đến xem xét xử và hình như chúng đã xì ti ền ra thuê luật sư cho anh.

- Do đâu anh biết được những chi tiết ấy, Vandock? - tôi la lên và nhìn vào mặt tên bầy chim với vẻ ngờ vực.

- Tất cả những chuyện ấy đều đăng trên các báo, Pingle thân mến ạ. Nhưng bây giờ đi đâu đó không quan trọng. Còn lúc ấy, khi đã bảo anh vào ngồi trong phòng của mình rồi, trong ý nghĩ, tôi thậm chí xin lỗi anh, và trườn từ trên vực xuống nước. Tôi gấp lắm. Rolls ra đi trước tôi ít nhất cũng ba tiếng rồi. Dân đánh cá ở Mazatlán là những người phúc hậu, và chiếc thuyền buồm của người đánh cá Quartaro xuất hiện rất đúng lúc, nó đã kéo tôi lên. Khi tôi đã sang được tới bờ vịnh bên kia, gần mũi Luke, thì tôi được biết tin về vụ đắm tàu “Buksus” và biết rằng buổi sáng một chiếc xuồng đánh cá đã chở một người Mỹ mang va-li rời khỏi Mazatlán. Và thế là tôi thấy yên tâm. Tôi lao theo vết Rolls như một con chó săn. Tôi đã đi cùng ông ta trên một chuyến xe lửa, nhưng đến một đoạn đường cong ở Gurlwood trước một cái cầu ông đã nhảy xuống. Tôi đành phải nhảy

xuống ở phía bờ sông bên kia. Tôi đã đuổi kịp ông ta ở Rawlins, khi ông lên chiếc máy bay gấp trên tuyến đường Frisco-Renault-Elco Chicago. Tiền ư? Pingle, lẽ nào anh không biết rằng một hãng buôn không hề ngần ngại trước bất cứ khoản chi phí nào một khi nó cần phải theo dõi đối thủ? Tôi đến Wellefong trước Rolls, sau khi máy bay tôi vượt máy bay ông trên các vùng lân cận Detroit. Nhưng cái con người tinh quái ấy đã kịp lên tàu thủy “Ketukki” trước tôi. Tôi ở lại bến cảng của công ty “White Star”. Không cần phải kể lại tỉ mỉ những cuộc tìm kiếm Rolls ở châu Âu làm gì. Cuối cùng thì những dấu vết của ông đã dẫn tôi tới Ashworth. Người mẹ đã quá cố của tôi gốc ở Wesley, nhưng theo cha tôi tới Java đã từ lâu. Tôi ở cạnh kênh đào và bắt đầu tìm kiếm khắp các vùng lân cận. Qua người bán thuốc trẻ tuổi Orfi tôi đã biết rõ về cái biệt thự mới xây dựng nằm ngoài cạnh tảng đá Hai Bông Hồng và về ông tiến sĩ mới đến ở đó cùng với người hầu già. Ông Dobby đã làm tôi phải chú ý bởi chỗ Orfi rõ ràng vợ được món tiền rất lớn do đã cung cấp cho ông ta nhiều dụng cụ thí nghiệm và các thuốc thử. Cách đây nửa năm, thật may mắn cho tôi, khi phát hiện thấy từ phía dưới qua ống nhòm không phải là hai, mà là ba người trên sân biệt thự. Chúng ta hãy giả thiết rằng, nếu ở đấy chỉ có hai người đang sống là Rolls và người hầu, vậy thì kẻ thứ ba là ai? Phải chăng bỗng nhiên người chú của ông đã đến? Phải nói rằng thời gian gần đây tôi không báo một tin tức gì cho người nhận thư lưu của tôi. Tôi muốn báo một tin gì đó thật quan trọng, còn nếu viết sự thật thì chẳng hóa ra tôi đã mất hút cả chú lẫn cháu. Và tôi đã đi đến một quyết định liều lĩnh - lén vào biệt thự...

- Thế ra là anh đã trèo vào cửa sổ phòng tôi? - tôi nói lầm bầm. - Sao chớ lại không cần anh nhỉ?

- Chớ có tin vào mèo với chó, Pingle ạ. Trong lũ chó có những con chỉ vì một miếng thịt nướng là căm hòng liền, ngay cả khi người ta trèo vào cửa sổ trước mõm chúng. Nhưng đó chỉ là chuyện vặt. Con chó của anh đã khoái chí với một mẩu thịt mỡ, còn tôi thì nhòm vào cửa sổ, sau khi đã dùng cái cửa này...- Vandock chìa ra cho tôi xem một chiếc đèn pin nhỏ nhắn làm như kiểu cái cúc gài trong khuyết áo cánh của hắn.- Nhưng có một người trẻ tuổi nằm trên giường trong phòng, người ấy nhắm nghiền mắt lại và cố gắng nín thở. Tôi không quen mặt người này. Đối với tôi, chuyển thăm hỏi đầu tiên như thế là đủ rồi. Có thể trèo lên cây dẻ và từ đó quan sát xem những gì đang xảy ra ở tầng hai. Nhưng nghe có tiếng ào xào ở phía sau góc nhà, và tôi cho rằng nên rời biệt thự là tốt hơn cả. Bây giờ là đi đâu cuối cùng. Sang ngày thứ ba tôi nhận thấy rằng có hai người rời biệt thự đi chơi núi, mà chỉ có một người trở về. Từ rừng Patrick nhìn thấy rõ được cả hai cổng vào biệt thự, và tôi đã nằm dài ra với cái ống nhòm này. Nó đây... - Nói tới đây, Vandock đưa tôi xem một chiếc ống nhòm đẹp. - Tôi nhìn và đợi xem người thứ hai có trở lại biệt thự hay không...

- Cũng có thể người thứ nhất chỉ tiễn người thứ hai thì sao? - tôi hỏi Vandock.

- Tiễn đưa gì mà kỳ lạ thế, một khi cả hai người đều mang theo đèn "Emmy", bình đựng nước và cuộn dây thừng. Tôi nhìn thấy rõ mồn một. Ống nhòm của tôi cho phép phân biệt được con ruồi đậu trên mũi người thủy thủ đứng làm nhiệm vụ trực nhật trên boong xa sáu hải lý, thế mà anh không tin...

Tôi liền thử đi đầu chỉnh ống nhòm nhìn về phía hải đăng trên mũi Cape Jen và nhìn thấy đàn nhạn bay lượn vòng ở đó rõ ràng như chúng chỉ cách

tôi có vài inch*.

- Tôi nằm trong rừng nhìn lên biệt thự, - Vandock nói, lấy lại chiếc ống nhòm trong tay tôi. - Bỗng nhiên phía sau tôi xuất hiện một bóng ma khủng khiếp - một người lem luốc, quần áo rách bươm, quàng chiếc “Emmy” trên cổ và đây, mang cái bình nước này cạnh sườn. Ngay chiều tối hôm ấy anh đã bán nó cho Bridge, còn tôi thì đã mua lại của ông ta vào sáng nay. Qua cung cách nói chuyện anh đã làm tôi nhớ lại buổi gặp gỡ của chúng ta ở công viên rần. Và bây giờ trí óc tôi bắt đầu làm việc căng thẳng. Tôi kêu anh quay lại để nhìn cho rõ hơn. Tôi đã đối chiếu việc biến mất người thứ hai ở trên núi với việc xuất hiện bóng ma bên thềm ở phía dưới. Luôn tiện tôi muốn hỏi, từ trên núi anh đã rơi đi đâu vậy?

- Chúng tôi mò xuống Vòi Dài, - tôi nói lầm bầm, thích thú nghe câu chuyện kể về mình.

- Anh đã luồn qua đường Ống Sáo Ấm phải không? Trông vẻ mặt anh bây giờ có vẻ rất dũng cảm. Tôi đã nhận ra cái bình nước của anh. Tiến sĩ Rolls đã từng đeo nó bên mình khi đi trên chiếc cầu ván dẫn lên boong tàu “Ketukki”. Chiếc bình nước trông rất thích mắt, một vật cổ, có thể đưa vào bảo tàng được. Cái cốc bạc ấy ít ra cũng phải đến hai trăm năm rồi. Anh xem này, một vật trang trí đẹp chưa, những chữ cái viết tắt tên họ mới tuyệt tác làm sao!.. Và anh đã bán một vật như thế cho Bridge với giá quá rẻ mạt! Tôi phải đưa đại tá Fredson ra để dọa ông ta vì cái tội mua lại của ăn cắp, và ông ta đã bán cho tôi với giá rẻ bằng một nửa giá trị của cái đồ cổ này.

Chúng tôi ngắm nghía bình nước, tháo cái cốc nhỏ ra, rồi lại xoay vặn nó vào, và Vandock kết thúc câu chuyện của mình:

- Anh hết sức bất lịch sự trong cách cư xử với tôi ở trong hiệu ăn “Hố

Vương”, khi tôi muốn chạm cốc với anh. Trước lúc đó, câu chuyện do tôi bày cách để bác anh kể lại đã gây cho anh một ấn tượng mạnh, nhưng anh vẫn giữ thái độ im lặng. Tôi hiểu rằng anh đang tập trung mọi suy nghĩ để tìm ra phương hướng hành động đúng. Đúng không? Và dù sao tôi vẫn chưa tin rằng người mang bình nước từ đường Ống Sáo Ấm chui ra chính là Samuel Pingle. Và chỉ ở đây, khi anh quỳ gối trước hai nấm mộ này, tôi mới dám chắc rằng anh là con trai của vợ chồng ông Pingle quá cố.

Vandock đứng dậy, trật mũ ra và kính cẩn nghiêng mình trước hai nấm mộ của cha mẹ tôi.

- Còn bây giờ, Pingle ạ, - hấn phá tan bầu không khí im lặng bằng một giọng nhỏ nhẹ, - chúng ta hãy trở về thành phố. Tôi nghỉ chân ở khách sạn “Neptune”, trong lúc ăn trưa ở đây, tôi đề nghị anh bổ sung thêm câu chuyện của tôi, và chúng ta sẽ quyết định sau đây phải làm gì...

V

Khách sạn “Neptune” rất tiện lợi, vì ở đây có những phòng riêng, có thể ngồi trong phòng nhắm rượu và nói chuyện kín được.

Tôi kể lại cho Vandock nghe những chuyến phiêu lưu của mình và chửi mắng hấn đủ đi đầu về cái trò xấu chơi mà hấn đã giở ra với tôi ở Mazatlán.

- Pingle ạ, một lần nữa mong anh độ lượng tha lỗi cho, - Vandock trả lời giọng run run. - Tự anh cũng thấy đấy: tôi thực không có tội, mà do hoàn cảnh.

Chúng tôi đã ăn một bữa cơm trưa rất tuyệt và bây giờ vừa hút thuốc vừa tổng kết các sự kiện.

- Nghĩa là Dobby cũng muốn anh với đi đầu kiện ông ta sẽ là thợ cắt tóc

cho anh? - Vandock hỏi lại. - Chà, bây giờ thì đã rõ đó chính là Rolls, cháu của “giáo sư rắn”. Anh đã dùng nước làm gương, khéo đấy! Dobby của anh, và cũng chính là Rolls của tôi không muốn để chúng ta nhận thấy diện mạo mình bị biến dạng, như thế có lợi hơn. Và cái “hừm, hừm” ấy... Họng của cả hai đều không ổn vì thuốc lá. Và cái bình đựng nước với đồ trang trí... Phải, Pingle ạ, tiến sĩ Rolls còn sống và vẫn yên ổn ngồi trong biệt thự dưới cái tên Dobby. Và chúng ta phải...

Đúng lúc ấy phía sau cửa hơi có tiếng ồn ào. Vandock bật dậy rồi mở toang cửa ra.

- Có chuyện gì vậy? Ai thế?

Ngoài hành lang có hai người hầu gái đang trò chuyện sôi nổi.

- Các cô gái xinh đẹp ời, mời các cô vào đây, - Vandock mời. - Các cô dọn bàn đi và đưa vào cho nửa chai rượu trắng nhé. À mà có chuyện gì thế?

Các cô thu dọn bát đĩa vào khay. Một cô kể:

- Thừa chính Susie vừa được nghe khách ăn ngoài gian lớn đang kể một câu chuyện lạ lùng, hình như là bà Lotis, người thích nuôi mèo có tiếng, hôm qua bắt ở ngoài phố về một con mèo nhỏ xinh xắn, bà cho nó uống sữa, rồi đột nhiên nó sữa lên cắn bà.

- Mèo à? - Vandock hỏi, mỉm cười và nháy mắt với tôi. - Sữa ư?

- Vâng, - Susie nói xen vào. - Lão gác cổng Michael nói thế, lão nghe được qua bà quản gia của cha trưởng đạo. Bà già quên cả mang tất và giầy, chạy ngay đến nhà cha trưởng đạo để xin cha cầu nguyện cho bà thoát khỏi những cám dỗ của quỷ dữ...

- Nhưng chính cha trưởng đạo cũng đang ốm, - cô kia ngắt lời. - Hình

như đầu cha bị sưng phồng lên. Còn ông thăm phán thì mọc thêm cái mũi thứ hai. Người hầu gái của ông là Cilli đã kể chuyện này cho các bạn nghe ở ngoài chợ, chỉ mãi tới khi con Phil xinh đẹp dọa đưa nó tới sở cảnh sát nó mới thôi...

- Sở thì làm quái gì được nó, nếu Fredson là bạn Weasley? - Susie cười.
- Và lại mọi người còn nói rằng Fredson cũng bị ốm ba ngày nay rồi, đến nỗi ngay ở sở cũng không ai nhận ra ông ta.

- Các cô gái ơi, các cô cười giễu tôi đó sao? - Vandock nói khích hai cô hầu gái.

- Chúng tôi giễu để làm gì? - Susie, cô gái lạnh lợi mắt đen, bực mình. - Ông cứ thử ra mà xem người ta đang kể chuyện gì ngoài gian lớn.

Susie hãnh diện nhún vai, rồi cả hai nâng cao khay bát đĩa đi ra.

- Sao hả? - Vandock hướng về phía tôi. - Sau khi thoát khỏi anh Rolls lại bắt đầu đùa giỡn chứ gì? Pingle, anh ngồi lại đây năm phút nhé, tôi tạt vào chỗ Bridge một lát xem người ta đang nói gì bên quây ông ta...

- Không, bạn thân mến ạ, - tôi đứng dậy. - Bây giờ thì anh không dự được tôi nữa đâu.

- Sao? - Vandock ngạc nhiên.

- Sao à, vì tôi không muốn lại phải ngửi một lần thứ hai cái bông hoa kim hương kiểu tiểu liên mười hai viên lấp sẵn. Đối với tôi thì Mazatlán cũng là đủ lắm rồi.

- Nhưng, Pingle...

- Không “nhưng” gì cả, mà đúng như thế. Anh đi khỏi, rồi thì Fredson xuất hiện và kết tội rằng tôi đã thả ra ở Ashworth những con mèo sữa như chó. Xin cảm ơn anh.

Vandock cúi tiết lên, thiếu chút nữa là hấn chồm dậy.

- Anh muốn cãi nhau phải không? Phải, bây giờ thì tôi không còn tin rằng anh không cùng một giuộc với Rolls nữa.

- Tôi cũng một giuộc với hấn à? Chính tôi muốn thanh toán với hấn hơn bất kỳ thứ gì trên đời! - tôi thét lên.

- Thật không? Tuyệt. Vừa hay, Susie đây rồi...

Vandock đón chai rượu và hai cốc vại mà người hầu gái đem vào.

- Những người bạn đồng minh không nên cãi nhau, Pingle ạ. Ngược lại thì kẻ thứ ba sẽ vui sướng. Chúng ta cần phải chọc thủng gôn của Rolls trước khi hấn kịp tỉnh lại. Pingle, hãy vì hòa giải và thành công! Trước cuộc hành quân bao giờ người ta cũng phải để cho đầu óc sáng khoái một chút.

Chúng tôi chạm cốc. Sau đó Vandock nán lại bên quầy bán ở gian chính của “Neptune”. Hấn cần phải đổi phiếu chuyển ngân lấy tiền lẻ để trả những người hầu gái, và chúng tôi có dịp nghe ngóng những lời bàn tán gay cấn của các khách ăn đã ngồi chật hết các bàn.

“Một lời của nhà thông thái còn hơn cả trăm ngàn lần những lời nói dài dòng của một đứa ngu”, - ở Miến Điện người ta vẫn thích nói như vậy. Và chỉ một vài câu gợi ý do Vandock nêu ra một cách như vô ý bên quầy bán cũng đã làm sáng tỏ nhiều điều.

Ashworth tràn ngập những tin đồn nhảm và những chuyện khó chịu trong các gia đình. Mặc dù con hươu cao cổ ở đoàn xiếc đã khỏe mạnh, nhưng trên các đường phố ở Ashworth lại bỗng nhiên xuất hiện những con mèo và chó kỳ quặc. Những con mèo sủa rần lên rồi lao vào cắn bấp chân những người đi đường, còn những con chó thì cố nhảy phắt lên trèo trên

các hàng rào. Lão Michael tóm được một đôi những con vật ấy và toan lôi chúng tới đoàn xiếc để bán cho họ làm thú biểu diễn. Người chủ đoàn xiếc đã mua sau khi hỏi ý kiến thú y sĩ. Và một tờ báo đã đăng bài phỏng vấn một thú y sĩ. Ông này đã khẳng định có sự tồn tại của hai loại mèo-chó và chó-mèo ấy trong tự nhiên.

Độc giả chắc đã biết rõ những bệnh nhân của Fleet. Số lượng bệnh nhân cứ tăng lên. Bà Gladys bỗng nhiên nói giọng baritone. Người gác cổng đã không cho ngài giám đốc sở bưu điện vào cửa, vì cái người mặc áo choàng ấy đến cơ quan hoàn toàn không giống ngài Collie. Cô hầu phòng Klaw của bà Lotis bị ốm, hơn nữa bề ngoài của bệnh nhân đã làm bà chủ ngạc nhiên kinh hãi đến nỗi bà đã phải dựng ụ chiến đấu ngay trong nhà và đọc kinh cầu nguyện âm ỉ lên. Viên thanh tra của văn phòng ngân hàng “May and Little Union” kinh hãi gửi tới bác sĩ Fleet một nhân viên văn phòng cấp dưới của mình là Bill, anh ta mắc một thứ bệnh huyền bí. Lúc Bill tới làm việc người ta thấy ở phía dưới mắt anh ta có một vết tím bầm đã được người thợ cạo ở phố Bưu điện xoa phấn lấp đi. Bill viện cả Chúa ra mà thề rằng anh ta khỏe mạnh và sợ dĩ có vết tím bầm ấy là do ngã xe đạp, chứ không hề nói rõ việc ấy đã xảy ra sau khi anh ghé vào hiệu ăn ở cảng ra. Dù sao Bill cũng vẫn bị đuổi ra khỏi văn phòng cho tới khi khỏi bệnh. Có hai cảnh sát đứng gác cạnh rạp xiếc vắng ngắt trên quảng trường, họ đuổi bất kỳ người nào định mon men tới gần cái công trình chán ngắt ấy quá mười lăm yard. Trên cổng vào cửa nhà thờ, lão Michael treo một tấm biển đề rằng các buổi giảng đạo bị bãi bỏ. Ở nhà thị chính hiện lên một tờ thông báo: “Hoãn các cuộc xét xử, vì ông thẩm phán bị ốm”.

- Chúng ta đến ngay chỗ Rolls đi thôi, - Vandock nói thầm bên tai tôi lúc đi ra khỏi “Neptune”.

Chúng tôi nhanh chóng tạt ngang qua văn phòng của Seyton, lão Tim đang dùng hai bàn tay run rẩy của mình dán lên cửa văn phòng tấm biểu ngữ: “Đình chỉ mọi việc”.

Dân Ashworth tụ tập quanh đấy. Ông già cụt tay đội chiếc mũ lễ kiêu cõ đọc xong tấm biểu ngữ, nhổ nước miếng rồi thét to:

- Cái trò ngớ ngẩn!

Lão già Tim rung rung đầu và nước nở.

Bob Birdworth trong cửa bước ra ghé tai nghe và hỏi:

- Vì sao mọi người tụ tập ở đây?

Trên đường phố, một chiếc xe ngựa hai bánh đang lao đi, bác sĩ Fleet ngồi ở trong, hai tay đang giữ chặt bên mình chiếc va-li đựng đồ thủy tinh kêu leng keng.

- Pingle ơi, không còn thì giờ đâu. Đừng có trở mặt ra mà nhìn họ nữa, - Vandock thúc tôi. - Tôi hiểu: anh muốn biết sức khỏe của cô gái bán hàng ở quây giải khát ra sao. Tôi có thể đảm bảo với anh - rất tốt. Hôm qua tôi đã làm quen với cô ấy. Cô Edith Winters có những kiểu cách hết sức duyên dáng... Quàng lên, Pingle. Tôi không muốn để chim bay khỏi tổ. Chỉ lát nữa là tôi sẽ biết được “giáo sư rắn” đã chuồn đi đâu. Cái tên cháu lão ta sẽ phải mở miệng. Chúng ta sẽ trả hận con người thông minh ấy vì cái hình thù quái gở của chúng ta, vì việc mưu sát anh, vì tất cả...

Dẫn bước mãi lên, chúng tôi bắt đầu cuộc chạy đua vượt chướng ngại vật tới biệt thự của tiến sĩ Rolls.

Chương mười hai

I

Khi tôi và Vandock tới biệt thự thì trời đã tối. Ánh đèn ở tầng trên rất sáng. Tôi nom thấy một bóng người bên cửa hàng rào. Chúng tôi tới gần hơn. Đó là bác Migli, và bác ta chăm chú nhìn chúng tôi. Con Kip rít lên vì mừng rỡ và lao về phía tôi.

- Chào chú mình, Kip, - tôi vuốt ve con chó.

Vandock cũng chào mừng con chó, hất nhét cho nó một miếng ngon gì đó lấy ở trong túi ra.

- Anh đấy ư, Samuel thân mến? - Migli chìa tay ra, nói xúc động. - Thật mừng quá! Vậy mà ông Dobby lo cho anh quá đi...

- Tôi biết ông Dobby của bác là người thế nào rồi! - tôi bực tức trả lời, lạnh lùng chạm vào tay Migli.

- Càng hay, Samuel ạ. Lẽ ra anh phải biết từ lâu rồi chứ... - Sau đó bác ta để ý tới Vandock. - Anh đưa ai theo thế?

Với cái vẻ ngờ nghệch Vandock thở dài thườn thượt và trật mũ lưỡi trai ra khỏi đầu.

- Thưa xin chào ngài. Tôi là một thợ mỏ cũ ở Wesley. Chẳng là tôi đã đào bới được anh Samuel của các ngài từ dưới cái mỏ bỏ hoang lên, hôm qua nó đã bị sụp vì một trận động đất nhỏ. Phải đào mãi đấy ạ. Và không phải anh Samuel đưa tôi tới đây, mà tôi muốn đến trao lại con người trẻ tuổi này cho ông chủ của anh ấy và, nói thực lòng, tôi muốn được thưởng một chầu rượu trắng vì cái công đã cứu được con người chết trông thấy...

- Cần phải báo cáo về anh với ông Dobby! - Migli lẩm bẩm, mắt liếc nhìn cái bình đựng nước đang lắc lư bên thắt lưng Vandock. - Ông vô cùng lo lắng về Samuel...

- Thưa ngài, chẳng dám phiền ngài cất công đi báo cáo, - Vandock nghiêng mình nói với vẻ hết sức lịch sự. - Hình như ngài đang đợi ai ở đây thì phải?

- Phải, có lẽ, - Migli đáp lại rồi lại đưa mắt nhìn vào bóng đêm về phía đường cái bấy giờ đã khó phân biệt được ở phía dưới.

- Đó, ngài thấy không! Không nên để ngài phải rời bỏ nhiệm vụ, - Vandock nói giọng mềm mỏng. - Ngoài ra, hình như ông chủ ngài bị đau tim nặng và hiện giờ thần kinh không được ổn. Báo tin ngay cho ông chủ biết về chuyện cứu anh Samuel sẽ là thiếu thận trọng...

Migli nghĩ ngợi rồi gật đầu.

- Có lẽ, ngay cả trong việc này anh cũng đúng. - Bác ta thở dài. - Ê, bảo này! Thôi được. Samuel ạ, cứ đi qua bếp. Khóa cửa trong ổ...

Tôi cùng Vandock bước qua ngưỡng cửa hàng rào. Migli vẫn đứng lại ở cạnh đấy.

Khi tôi mở khóa cửa vào bếp, Vandock nghiêm giọng nói thì thầm:

- Nghe đây, dù sao cũng cần phải thương hại hắn. Việc anh bất thần xuất hiện trước mắt Rolls thực ra có thể giết chết hắn. Bởi vì hắn tin rằng đã vĩnh viễn thoát được anh. Hãy dẫn tôi vào phòng hắn... Tôi vào trước tiên. Tôi sẽ nói và chuẩn bị trước. Sau rồi thì cả anh có thể vào...

Đi đâu đó tỏ ra hoàn toàn hợp lý.

- Được, - tôi đáp. - Anh đi lên trước đi.

Tôi bật điện ngoài hành lang. Chúng tôi đi tới bên cầu thang.

- Trên gác có ba phòng, - tôi nói. - Nếu không có hắc ở phòng thứ hai, thì tức là hắc ở phòng thí nghiệm...

Vandock lặng lẽ gật đầu. Hắc mở cửa vào phòng thứ nhất và lập tức đưa tay ra hiệu cho tôi. Tôi hiểu rằng ông chủ biệt thự đang ở phòng thứ hai.

- Migli, bác đấy ư? - giọng Dobby vang lên. - Hừm... Công việc ra sao rồi?

- Tuyệt lắm, thưa ông, - Vandock rất bình tĩnh đáp lại sau khi đã nói thầm bảo tôi ở lại trong phòng thứ nhất, còn hắc thì, cầm chắc mũ lưỡi trai trong tay, bước vào phòng Dobby.

Tôi nhích về phía cửa sao cho thật gần. Qua một khe cửa rộng tôi thấy rất rõ tất cả những điều tôi quan tâm.

Trong phòng làm việc lò sưởi cháy sáng rực. Dobby ngồi trước lò sưởi. Ông đã cạo râu nhẵn nhụi, chải đầu, mặc bộ quần áo đi đường màu xám và hút điếu thuốc cắm vào bát. Trước lúc Vandock xuất hiện, hình như ông cầm những thứ giấy tờ gì đó ở chiếc bàn con bên cạnh lên, trầm ngâm xem xét chúng rồi ném vào lửa.

Giấy cháy bùng lên và chiếu sáng Vandock. Dobby hơi ngả người vào lưng ghế. Tôi thấy nét mặt ông thoáng lộ vẻ ngạc nhiên. Nhưng điều này chỉ diễn ra trong khoảnh khắc, và ông nhìn Vandock với cái vẻ gần như thờ ơ.

Tôi không nhìn thấy mặt Vandock, nhưng nghe thấy giọng hắc nói.

- Chào ông, - Vandock nói sau khi đã tiến tới bên lò sưởi. - Chào ông, thưa tiến sĩ Rolls, - hắc nhấn mạnh.

- Chà, thế à! - Dobby đáp. Và trong cặp mắt ông thoáng ánh lên một nụ

cười thù hằn. - Xin chào...

- Tôi nhận ra ông ngay, thưa tiến sĩ Rolls, - hắn đã bắt đầu ăn nói suồng sã hơn, tay cấn vào lưng ghế. Chẳng đợi mời, hắn ngã xuống ở phía bàn bên kia, đối diện với Rolls Dobby.

- Phải, tôi đây, - ông trả lời, cũng vẫn với cái nụ cười ấy trong giọng nói. - Tôi cũng đã có thể nhận ra anh ngay, Vandock, mặc dầu chỉ là dựa vào cách cư xử của anh. Những ngày gần đây anh thường vẫn quanh quẩn quanh ngôi nhà này. Tôi phải thừa nhận rằng tôi vẫn chờ đợi, sớm muộn gì rồi anh cũng có đủ dũng khí và sẽ tới đây chơi cái trò công khai...

Vandock nhún vai.

- Lạ nhỉ!.. Tôi có những yêu cầu nghiêm chỉnh nhất đối với ông. Nhưng thôi được, nếu ông muốn - thì chơi! Ông đi trước, tiến sĩ Rolls!

Tiến sĩ cấn một vài tờ giấy ở trên bàn, xé ra, vút vào lửa rồi buồm rầu nhìn ngọn lửa đang cháy lem lem vào chúng. Sau đó, nheo mắt lại, ông cười.

- Tôi sẽ không chịu trách nhiệm về việc mặt anh bị biến đổi đi. Trong chuyện này chính anh có tội. Và đi đâu này thì anh biết rất rõ. Vandock, đến lượt anh đấy!

Vandock nhếch mép cười.

- Nhưng ông đã làm tôi có thể bị buộc tội trong cái vụ án mạng của ông...

- Nếu anh đã thoát khỏi bị buộc tội - tiến sĩ cười, - thì những yêu cầu đối với tôi là hoàn toàn không thực tế. Mọi việc đã đầu vào đấy rồi, - giả tảng thở dài, ông nói thêm.

Vandock lắc đầu giễu cợt.

- Chà, tiến sĩ Rolls! Tôi là con người thực hành. Nhưng tôi thiết tha yêu lý thuyết. Và tôi quan tâm tới một vài chi tiết. Do đó tôi đã làm phiền lòng ông vào cái giờ không định trước này. Xin ông thứ lỗi, nhưng tôi sợ đến muộn. Một vài hoàn cảnh đã buộc tôi phải vội vã... Hiện nay trời rất ấm. Ngay từ trong thành phố tôi cũng thấy được ống khói phía trên biệt thự nhà khói như ở một nhà thiêu xác. Và người hầu của ông đang nóng lòng chờ đợi một chiếc ô tô đã hẹn. Có lẽ sau đây một giờ thì tôi đã không bắt gặp ông tại chốn này.

Tiến sĩ Rolls đặt bút thuốc xuống và gõ gõ những ngón tay trên bàn.

- Hừ, đây lại là chuyện khác. Hừm... Tính chất cuộc nói chuyện đã thay đổi. Tôi vui mừng được nói chuyện cởi mở. Anh có biết tôi đã chán ngán anh đến thế nào không, Vandock? Từ khi anh bỗng nhiên xuất hiện ở Mazatlán và hạ mình cúi xin tôi cho vào làm người hầu hạ... Chính tôi đã biết, hừm... đã đoán được là anh muốn biết chỗ ở của chú tôi. Nhưng tôi đã giữ lời hứa với ông...

- Vậy ông không nói phỏng? - Vandock bực tức nói.

- Không. Ngay cả trường hợp anh dùng cái gì đấy đe dọa tôi. Tôi không phải là hạng nhát gan. Vandock ạ, trong ván bài anh đang chơi với tôi đây, quân bài trong tay anh không phải là con tầy. Và trước khi anh kịp xĩa cái quân Mất Bò Đực của anh ra thì tôi đã cho anh nếm quân bài sáu điểm. Tôi ngấy anh lắm. Anh đã quan tâm tới thư từ của tôi. Nhưng anh đã không vớ được một bức thư nào của chú tôi. Đúng không? Tôi đã nhận những thư từ ấy trong các hộp thuốc lá do thằng bé Pedro mang từ quỳ bán đến... Mà anh còn nghiên cứu cả những mục thông báo trên các báo chí từ bưu điện gửi tới. Anh cũng đã tìm kiếm ý nghĩa bí mật trong các dòng chữ mà tôi đã dùng bút chì gạch dưới để cố tình trêu đùa anh. Hừm... Tôi buồn cười anh

quá, Vandock! Nhưng anh đã phạm một sai lầm lớn khi bắt đầu lén lút theo dõi công việc nghiên cứu khoa học của tôi. Anh đã mò mẫm mở tủ thí nghiệm. Sau khi anh vào làm cho tôi được một tuần, anh nhớ chứ? Ở đây anh đã làm vỡ một ống tiêm đựng virus, anh bị lây bệnh và bây giờ thì anh đang bị trừng phạt. Nếu anh giúp việc một nhà sinh vật học hoặc nhà hóa học thì anh phải vâng lời ông ta để tránh khỏi những trường hợp không may. Anh có tội với chính anh trong việc mắc bệnh này. Khi ra đi đầu kiện cho anh về việc cạo râu là tôi đã nhìn thấy trước đi đầu đó. Tôi đã tỏ ra là đúng, vì ngay khi biết chắc rằng anh làm hỏng bộ sưu tập virus của tôi và làm hỏng bộ mặt mình, tôi đã viện ra một lý do nào đấy để nghị anh tiêm, nhưng anh đã từ chối.

Vandock ngời lạng lẽ, còn tôi đứng sau cửa và nghĩ rằng cái anh chàng bấy chim này hoàn toàn vẫn chưa phơi bày hết mọi đi đầu khi nói chuyện với tôi ở nghĩa địa.

- Và bây giờ tôi muốn trừng phạt anh, Vandock, bằng một hình phạt làm cho anh thấm thía nhất. Anh hiểu tôi chứ? - tiến sĩ hỏi với giọng đầy ý nghĩa.

- Chưa biết ai sẽ bị trừng phạt thực sự, - rướn thẳng người trên ghế, Vandock trả lời nhấn mạnh, với vẻ hết sức quan trọng. - Mặc dù chính tôi cũng chán ngán ông, nhưng tôi có thể phục vụ ông, nếu như về phần mình, ông giúp tôi gặp được chú ông.

- Tôi không cần đến sự phục vụ của anh, - tiến sĩ nói với vẻ bức tức và hình như hơi buồn.

-Ồ ông, xin đừng có sôi lên! - Vandock cười. - Và mong ông nói chuyện cho dễ dãi hơn. Hãy báo cho tôi biết địa chỉ, và tôi sẽ biến khỏi mặt đường ông đang đi.

- Thế nếu tôi không nói? - tiến sĩ cười rộ lên với vẻ không vui.

Vandock hơi nhòm khỏi ghế.

- Thì tôi sẽ báo cho người cần phải báo, - hắn rút lên một cách bí ẩn, - rằng ông đã chôn vùi người hầu của mình là Samuel Pingle dưới mộ.

Tiến sĩ chồm người khỏi ghế bành.

- Nói láo! Tôi đã đối xử tốt với người thanh niên ấy. Tôi không có một lý do gì để hành động như thế với anh ta.

Tim tôi như ngừng đập khi nghe thấy những lời nói ấy. Cơn giận của tôi đã tan biến đi như tuyết mùa xuân. Tiến sĩ đưa hai tay lên ôm đầu.

- Chà, chà!.. Nghĩa là anh Pingle chết à? Con người đáng thương thay! Tuy nhiên ông sẽ khó chối được cái tội mưu sát anh ta hơn là tôi chối tội giết người ở Mazatlán nếu như bây giờ tôi rơi vào tay cảnh sát. Ái dà dà! Cầu Chúa hãy cứu vớt linh hồn kẻ quá cố! - Và Vandock đổi giọng: - Đưa địa chỉ ông chú ra, thưa tiến sĩ!

Nghe những lời nói ấy, tôi không thể nào kìm giữ được mình nữa nên đã bước nhanh vào phòng.

- Vandock, lừa dối tiến sĩ thế đủ rồi, - tôi nói. - Xin chào ông, - tôi nghiêng mình về phía tiến sĩ và rút cái túi trong túi ra. - Thưa ông, xin ông cho phép tôi trao lại cho ông cái vật nhỏ bé này.

Tiến sĩ dang rộng hai tay vì ngạc nhiên.

- Samuel? Anh đấy ư? Lạy Chúa, sung sướng quá! Anh đã trút bỏ cho lòng tôi một gánh nặng biết chừng nào.

Ông nắm lấy hai vai tôi. Đôi mắt lúc nào cũng nghiêm khắc của ông bây giờ hiền hậu và vui sướng, đắm lệt vì xúc động.

- Phải... Chính là anh, chàng thanh niên! - Ông quay đầu về phía

Vandock. - Đừng đùa như thế, con người độc ác! Hãy ngã xuống và đừng hòng chuồn khỏi đây. Tôi sẽ không buông anh ra chừng nào... Hừm... Samuel, cả anh nữa cũng ngã xuống và kể đi. Samuel ạ, tôi có tội với anh, tôi thừa nhận... tôi có tội là đã cho phép anh tụt xuống mỏ Vòi và rõ ràng là đã buộc nút dây thừng không tốt.

- Thưa ông, xin ông cứ yên tâm, - tôi nói. - Tôi chỉ muốn biết những công nhân đã tìm tôi theo con đường sườn nào.

- Đường sườn bên phải giếng chính, - tiến sĩ trả lời. - Những đường hầm rất rộng. Trước đây đã lâu toàn bộ than được khai thác từ đây.

- Còn tôi thì thoát ra qua con đường bên trái, - tôi giải thích. - Ở đây vẫn còn những lớp than dày rất tuyệt.

Tiến sĩ vui hẳn lên.

- Hay lắm... Anh kể lại toàn bộ đi, Samuel.

Nhưng tôi hất đầu về phía Vandock.

- Không, trước hết hãy để con người lịch lãm này kể lại cho ông nghe, ở Mazatlán hẳn đã đẩy ai vào tay cảnh sát thay cho bản thân hẳn.

Và tôi giật cái mũ lưới trai khỏi tay Vandock.

- Ngồi yên! Chớ có chạy! Hãy nói đúng sự thật.

Cặp mắt ranh mãnh của Vandock nheo lại.

- Nhưng kể lại chuyện ấy một lần nữa làm quái gì! Chà, tôi đã chuồn khỏi Mazatlán, thưa ông, còn Samuel thì phải chịu tội thay cho tôi...

- Sao? - tiến sĩ la lên. - Samuel không nói gì với tôi về việc ấy... Hối hận đi, Vandock! Anh đã đẩy anh Samuel vô tội vào tay cảnh sát thay cho anh như thế nào?

- Tôi đã hối hận, - Vandock nói lầm bầm đồng thời nhìn tôi để tìm kiếm

một sự thông cảm. - Nhưng nếu...

Và Vandock đã kể lại mọi chuyện xảy ra với chúng tôi sau khi tiến sĩ Rolls biến khỏi Mazatlán; tôi đã bổ sung câu chuyện của hắn.

- Tiến sĩ Rolls ạ, chỉ có điều là ông đã hoài công đưa lên sân khấu một vụ án mạng của chính mình, - đã phẫn nộ bình tĩnh lại, và vẫn với kiểu cười như trước, Vandock kết thúc câu chuyện.

Tiến sĩ gõ mạnh nắm đấm vào tay ghế.

- Đồ lười biếng! Bọn chúng đã đến muộn! Bởi vì tôi đã gọi điện cho del Aronzo và ông lãnh sự để kịp thời tóm lấy Carnero...

- Và ông đã phạm sai lầm, - Vandock chớp lời về đặc thắng. - Ông nhắc tới Carnero để làm gì? Chỉ cần nhắc đến tên hắn là bọn cảnh sát ở đây đã khiếp vía rồi. Ông biết không, bọn chúng chuẩn bị bao vây nhà ông ba tiếng. Còn đối với tôi thì việc đó hoàn toàn phù hợp. Tiến sĩ Rolls, nói thật, đáng lẽ tôi đã tóm được vạt áo ông ở gần Gurlwood rồi...

- Nếu như tôi đã không nhảy khỏi tàu ở cạnh cầu qua sông Mayspring, - tiến sĩ chữa lại. - Anh kém hiểu biết về tôi.

- Nhưng tôi đã đuổi kịp ông trên vùng Detroit, - Vandock cười.

- Không, anh đã đuổi kịp chuyến bay thứ mười một, còn tôi thì đã bay quá lên phương bắc, qua các hồ và Niagara, trên một chuyến máy bay thể thao thứ chín mươi chín... Ngay ở dưới mặt đất anh xử sự còn tồi tệ hơn. Cái thói gì lại đi xô đẩy nhau ở nơi bán vé hoặc quầy hàng? Lần cuối cùng, lúc thấy tôi anh đã chen lấn quá quắt trong văn phòng “South Line”... - tiến sĩ nhăn mặt lại.

- Thế nhưng lần theo vết ông, tôi đã lấy được vé xuống tàu thủy “Alaska”, - Vandock cười khì khì. - Nhưng...

- Nhưng..., - tiến sĩ cười, - ngay từ trước lúc ấy chiếc vé đi tàu “Ketukki” đã nằm gọn trong túi tôi. Vandock, anh ngạc nhiên đi... Và chớ có há hốc miệng ra như vậy. Nhưng tôi muốn nêu ra với anh Samuel một câu hỏi. Samuel, tại sao anh không nói một lời nào về sự việc xảy ra ở Mazatlán? Anh đã nói nhiều như thế về chú tôi, vậy mà không nhắc gì tới người cháu của ông. Chính tôi, anh nhớ chứ, đã đề cập tới cái đê-tài này.

Tôi nhớ lại câu chuyện của Dobby về người bạn trẻ. Bây giờ ông ta đã khéo léo gợi ra chuyện này.

- Thừa ông, theo hợp đồng tôi đã cam đoan không được nêu ra những câu hỏi thừa, - tôi trả lời. - Và tôi cho rằng đó là một nghĩa vụ mà cả hai người đều phải thực hiện.

- Hừm... Anh nói đúng, - tiến sĩ trả lời và hất đầu về phía Vandock. - Anh đã nghĩ ra mọi chuyện chưa? Xem ra thì chưa. Anh cứ việc ngạc nhiên nữa đi... Vandock, ở trên bờ Ashworth này, lại một lần nữa tôi chán ngán anh. Tôi không phải là một hành tinh để hàng ngày người ta quan sát tôi qua viễn kính. Hừm... Việc anh lên vào đây lúc ban đêm đã làm cho bác Migli phúc hậu của tôi lo sợ quá chừng! Nếu hôm ấy tóm được không phải là Samuel mà là anh thì chúng tôi đã nện cho một trận nên thân rồi. Vào chính cái đêm ấy anh Samuel cũng bỗng có ý định đi dạo trong sân. Và anh ấy đã phải chịu những quả tống thay cho anh.

Phải thừa nhận rằng lúc ấy tôi muốn tống vỡ mặt Vandock. Và tôi đã giờ nắm đấm lên dọa hấn. Tiến sĩ vẫn nghiêm nghị nói tiếp:

- Hãy nói thẳng ra, tại sao anh theo dõi tôi? Muốn biết địa chỉ chú tôi à? Thôi im đi, tôi không cần anh phải trả lời nữa. Nhưng phải biết rằng nếu anh theo dõi tôi thì một người trung thành với tôi cũng đã theo dõi anh. Anh nghĩ sao, Samuel? Có thể nói cho anh ta biết địa chỉ hiện nay của chú

tôi được chứ? Thế thì Vandock sẽ lao theo vết ông và để cho chúng ta ở lại được yên ổn?

Tôi nghĩ rằng không phải chỉ một mình Vandock bỏ đi theo địa chỉ ấy mà có lẽ, cả tôi cũng sẽ bám theo hắn. Tôi muốn được gặp “giáo sư rắn” của tôi quá chừng và tôi sẽ nói để ông ấy rõ mọi chuyện!

II

- Vâng, thưa tiến sĩ, xin ông cứ nói rõ địa chỉ, - tôi đồng ý.

Vandock xoa hai tay vào nhau vì chắc mẫm vào thắng lợi sắp tới và đồng tai lên nghe. Tiến sĩ Rolls hơi nhòm người trên ghế và gật đầu.

- Hừm... Hời những con người lịch lãm, hiện giáo sư Milrois đang ngời trước mặt các bạn.

Vandock rung mình vì bất ngờ. Còn tôi thì ngạc nhiên và lòng tràn ngập nỗi vui mừng mãnh liệt nhất.

- Sao ạ, thưa giáo sư, chính là ông? Tại sao tôi không nhận ra ông? Hay là ông cũng đã làm thay đổi cả bên ngoài của mình? Tại sao trước đây ông không nói? - tôi kêu lên. - Thế thì mọi chuyện đã khác hẳn rồi...

- Samuel, hãy kiên nhẫn một chút, - Milrois trả lời. - Phải, những dòng suối lẽ ra phải chảy theo những lòng suối khác... Nhưng mạch đời lại gồm những khâu rất phức tạp. Hãy kiên nhẫn, Samuel. Tôi phải thanh toán với Vandock đã. - Milrois đứng dậy và tiến tới bên anh chàng bầy chim đang ngời lạng đi trên ghế. - Sao, thưa ngài đáng kính, ngài muốn biết sự thật ư? Ngài đã không ngừng theo dõi tôi kể từ cái phút ngài thấy tôi trên đường phố New York cách đây ba năm rưỡi.

- Đúng. Ông từ văn phòng “Lowgray Limited” đi ra, - Vandock thì thầm.

- Phải, phải rồi... Trước khi đi Miến Điện tôi đã ký với hãng ấy một hợp đồng nhận cung cấp nọc độc rắn cho nó. Nhưng ngay cả ở Miến Điện anh cũng làm tôi phát chán. Thật ra, tôi rất thích thú là vì anh đã không đếm xỉa đến quyền lợi của mình: đề nghị bán cho chúng tôi rắn jirr với giá ba paise một con, trong khi chính anh phải mua lại của dân địa phương với giá năm paise. Việc đó quả là thiệt cho anh. Anh đã làm việc đó không phải vì cặp mắt tuyệt đẹp của cô Liz Milton, mặc dù lúc đầu tôi có nghĩ như vậy: anh đã khúm núm trước cô Liz khi cô nhận hàng của anh. Nhưng khi có lần cô ấy gặp anh ở Rangoon, anh đã chuyển bức điện đánh đi bằng đường cáp biển theo một địa chỉ anh biết... và cả tôi... cũng biết...

Milrois nói dần những tiếng cuối cùng, và Vandock cúi thấp đầu trước cái nhìn đăm đăm của giáo sư.

-... Thì tôi đã hoàn toàn thay đổi ý kiến về anh và hiểu rõ nghề của anh là cái nghề gì: anh hãy nhớ lại hành động của anh ở Bell Harbor. Ngay cả ở bãi biển anh cũng theo dõi tôi. Khi bơi giữa những người đang tắm tôi vẫn phân biệt được hình dáng anh ở trên bờ. Anh không rời khỏi tôi. Và bây giờ tôi mới nảy ra ý nghĩ làm sao thoát khỏi anh. Nếu tôi giả vờ làm người chết đuối thì xuồng cấp cứu sẽ vớt tôi lên.

- Thưa giáo sư, ông không chết đuối thật à? - tôi hỏi và hồi tưởng lại cái khung cảnh mà tôi nhìn thấy lúc bấy giờ từ phía trên cầu nhảy.

- Phải, tôi không định chết. Nhưng Samuel ạ, anh đã túm chặt lấy tóc tôi khiến tôi suýt nữa kêu lên vì đau và bị uống nước. Samuel, xin cảm ơn anh. Anh đã hết lòng giúp tôi. Trên xuồng không ai có chút mảy may nghi ngờ về việc tôi chết đuối thực sự. Nhưng làm sao mà chính anh lại leo lên đây được nhỉ?

Tôi đã phải kể lại cho Milrois nghe về lần quen biết đầu tiên với

Vandock: hắn đã đùa xỏ tôi trên bãi tắm như thế nào bằng câu chuyện bịa về Black Snake và bắt ép tôi lên cầu ra sao. Vandock cau mày nín lặng. Còn “giáo sư rắn” thì cười vang.

- Có lẽ bây giờ Vandock muốn biết rõ tôi đã gặp lại người cứu mình ở Miến Điện như thế nào? Thôi đã cởi mở thì cởi mở cho chót. Tôi phải đến Nabukhatra để mua một vài con chuột vàng dùng cho thí nghiệm. Ở đây người ta thường bẫy chúng bằng những dây thông lọng. Nhưng Vandock đã bám theo tôi. Ở đây bây giờ vừa phát sinh bệnh dịch hạch. Vandock, nếu như trong khi theo gót tôi mà anh nhảy vào đây, vào Nabukhatra ấy, thì nhất định là anh đã lây bệnh dịch hạch rồi. Tôi đã tự tiêm chủng cho mình từ lâu cả hai loại thuốc chống waba và chống mari. Anh biết không, Vandock, nếu như tôi gặp anh ở cái làng dịch hạch ấy thì tôi sẽ chẳng cần anh bước sang thế giới bên kia làm gì. Trong lúc đi thăm một vài túp nhà bị dịch hạch tôi nhìn thấy một người ở trên đường và tôi nghĩ ngay rằng đó là anh. Tôi đã cảm thấy trước nỗi khoái trá được đối đáp tay đôi với anh, nhưng người đó hóa ra lại là Samuel, người đầy bụi, đang ngổn run rẩy và khiếp đảm trước cái chết. Con người ấy đã quên mình giúp đỡ tôi ở Bell Harbor. Chúng tôi đã nhận ra nhau. Cần phải cứu mạng anh ấy. Nhưng Samuel đã tiếp xúc với những người bệnh. Phải tiêm gấp, mà tôi chỉ mang theo có mỗi một ống huyết thanh chống waba. Samuel đã được tiêm. Thật may cho anh ấy, thì ra ở Nabukhatra đang hoành hành loại waba chứ không phải mari. Chúng tôi đã phải trải qua một chế độ cách ly nhỏ, và trung sĩ Boro, một con người hiểu biết, đã giúp tôi chuyển anh Samuel đã kiệt sức vì những chuyến đi và bị kích động mạnh tới trạm nghiên cứu, ở đây tôi đã tiêm cho anh ấy cả huyết thanh chống loại mari.

- Một lần nữa xin cảm ơn ông, - bất giác tôi thốt lên.

Nhưng Milrois nhăn mặt lại.

- Và dù sao tôi vẫn đang coi anh là người vô ơn, Samuel ạ. Khi ở công viên bắt đầu mất rắn jirr, mà sau đó Vandock, với cái vẻ một con người rách rưới, đến gặp cô Liz để bán lại rắn cho tôi, thì tôi quyết định phải bắt anh ta. Tôi và Liz đã đánh dấu đuôi tất cả mọi con jirr. Và bỗng nhiên vài hôm sau Vandock lại đem đến cho chúng tôi những con rắn đã đánh dấu đuôi! Samuel ạ, anh đã hành động không đúng khi bắt được kẻ cắp, tên ăn cắp kia kìa, trong công viên mà không báo động...

- Tôi thương hắn... - chỉ vào Vandock tôi nói lầm bầm. - Bây giờ hắn đã phải nhịn đói trong bốn ngày...

Milrois cười vang lên với vẻ chân thật.

- Ha-ha-ha! Nhịn đói bốn ngày kia à! Hắn chén trong những hiệu ăn tốt nhất ở Rangoon thì có. Có lẽ hắn đã thuê lại một vài phòng ở những chỗ khác nhau - cả ở trong thành phố và ở những làng lân cận. Bây giờ hắn có nhiều tiền hơn anh nhiều, anh quả là một cậu bé ngây thơ! Chúng tôi còn lần ra được cả những ngu ồn cung cấp tiền bạc cho hắn sống. Còn bây giờ thì anh phải hiểu rằng lúc ấy anh đã phạm một sai lầm trong công viên. Kẻ cắp là kẻ cắp. Đáng ra chúng ta đã phải gột rửa cho hắn lúc ấy, chứ không phải bây giờ...

- Ồ, ông nói đúng lắm! - tôi thốt lên, tự cảm thấy mình vụng về và đáng xấu hổ. Tôi căm tức nhìn Vandock.

- Tất nhiên là tôi đúng, - Milrois nói. - Hừm... chứ sao... Samuel ạ, và chỉ vừa nhận ra sự ăn ở hai lòng của anh là tôi đã hiểu ngay rằng không phải chỉ cần tự giải thoát khỏi Vandock, mà còn phải tránh cả anh nữa. Đúng, đúng thế. Không nên nuôi dưỡng những kẻ phản bội bên nách mình. Có lẽ đơn giản hơn là sa thải anh. Nhưng anh đã quen Vandock. Hắn rất tài

giả vờ. Và hắn sẽ biến anh thành tay sai mất. Nhưng hắn chỉ quan tâm tới một số quyền lợi hẹp hòi. Còn ở anh, Samuel ạ, có những khả năng hết sức rộng lớn. Và tôi với cô Liz đã lập ra một kế hoạch. Tôi có một vài ống nghiệm đựng toàn virus “cây gai của những người Bushmen” mà anh đã biết. Những thí nghiệm trên động vật cho phép tôi có cơ sở để nghĩ rằng việc tiêm loại virus này vào người sẽ có ảnh hưởng đến hình dáng bên ngoài của nó, làm thay đổi những hình dáng ấy đi. Và tôi quyết định kiểm tra việc này ngay trên cơ thể mình, mặc dù cô Liz đã can ngăn tôi đừng làm thí nghiệm liều lĩnh. Tôi đã tiêm cho mình. Việc người cháu không có thật của tôi là tiến sĩ Rolls đến chỉ là một vở kịch. Mũi tiêm đã thực hiện cái nhiệm vụ của nó. Mặt mũi tôi đã biến dạng, nhưng virus còn tác dụng cả tới những dây thanh âm nữa. Giọng nói bị biến đổi đi, và lúc nào tôi cũng bị ho... Hừm... Tôi đã quyết định ra đi để thoát khỏi sự theo dõi của Vandock, để được làm việc yên tĩnh và chữa khỏi bệnh bằng những mũi tiêm huyết thanh chống virus. Tôi chọn một thành phố nhỏ vắng vẻ ở Mexico và đã từ biệt chú tôi, nghĩa là từ biệt chính bản thân mình, tới đó một cách bình an vô sự.

Vandock chồm dậy khỏi ghế và đi đi lại lại trong phòng, hắn xúc động đưa tay lên vò đầu.

- Tôi không thể nào tha thứ cho mình về điều này được! Sao tôi lại không nghĩ tới chuyện ấy nhỉ!

- Vandock, anh khiêm tốn quá, - Milrois vừa cười vừa đáp. - Anh đã nghĩ tới, nhưng muộn rồi, và anh đã không nghĩ cho tới cùng. Nhưng tôi nói tiếp. Tôi ra đi, để Samuel, một chàng thanh niên khá thông minh mà tôi mới đem lòng yêu mến ấy ở lại trạm. Cuộc sống phiêu bạt giang hồ chỉ mới bắt đầu làm hỏng anh ta, và phải hướng anh ta vào con đường thích

hợp với một thanh niên đã tốt nghiệp cấp độ nhất ở trường Dijan. Có lần tôi đã đưa cho anh xem một mảnh giấy ghi công thức để anh chuẩn bị dung dịch trong phòng thí nghiệm. Thế là Samuel đã làm quen với nét chữ của Liz, bởi vì công thức do Liz viết. Nhưng Samuel tưởng rằng đó là nét chữ của tôi. Việc này phù hợp với điều tôi mong muốn. Tôi cố gắng đưa anh ấy vào con đường khoa học. Anh ấy đã quan tâm tới cuốn sách về virus mà tôi trao cho. Và tôi đã đạt được đích. Tôi đã rời khỏi Miến Điện, nhưng Samuel lại tưởng rằng tôi phải nằm lại vì bệnh sốt vàng. Liz đã viết cho Samuel những mẫu giấy như thể của tôi gửi, nhưng tôi thì đã vượt Thái Bình Dương trên một chiếc tàu thủy...

“Ra thế đấy, - tôi nghĩ và hồi tưởng lại mọi chi tiết xảy ra lúc tôi sống ở trạm của “giáo sư rắn”. - Mọi việc đã được xếp đặt một cách rất khéo léo. Tưởng như giáo sư bị ốm, sau đó đã bình phục... Ông bắt đầu làm việc vào ban đêm... Hình bóng trên rèm cửa trông rất giống”.

Vandock cứ thở dài thườn thượt.

- Chà chà! Chính tôi đã nghĩ rất nhiều về “giáo sư rắn” và người cháu ông ta...

Tôi cắt đứt những lời than thở mà tôi đã thấy như có vẻ giả dối của hắn.

- Cả tôi cũng ngán anh lắm rồi, Vandock ạ. Bây giờ hãy trả lời tôi. Tại sao anh lại theo dõi giáo sư?

Milrois thêm:

- Và nói rõ cả chuyện ai đã cử anh đi theo dõi tôi? Anh do dự à? Đừng ngại. Làm quái gì những chuyện vặt ấy! Tôi hứa rằng tôi có thể đáp lại sự cởi mở của anh một cách hào phóng... A, anh sợ mất chỗ làm ăn nếu nói lộ bí mật à? Vậy hãy im lặng, và nếu như tôi nói đúng sự thật thì chỉ cần anh gạt gạt cái đầu thông minh của anh để tỏ ra là đồng ý. Samuel, hãy

nhìn vào anh bạn của anh. Vậy thì, Vandock, anh đã gửi những báo cáo về Milrois theo địa chỉ: “Ashworth, phòng bưu điện, hòm thư lưu, S. S..”. Đúng không?

Vandock gật đầu như bức tượng trong vở vũ kịch của Mozart. Milrois ho, cần chiếc tẩu mà tôi trao lại để trên bàn và nhồi thuốc lá. Vandock tỉnh người lại và vội đưa chiếc bật lửa đã bật cháy lên.

- Xin mời, thưa giáo sư...

Milrois cảm ơn, khoái trá rút thuốc và tiếp tục đưa ra những câu hỏi:

- Nhưng anh không biết ai đã nhận những bức thư ấy à? Tôi sẽ nói cho anh rõ. Quan đại tụng Seyton ở Ashworth đã nhận những lá thư của anh. Và nếu không có tôi thì không bao giờ anh biết được ông ta cần những báo cáo ấy để làm gì. Điều thú vị là ở chỗ chính Seyton cũng không biết nội dung của những bức thư ấy. Nhưng Seyton quản lý công việc của ông chủ lâu đài Oldmount và ông ta đã chuyển lại cho ông chủ lâu đài những bức thư còn nguyên vẹn của anh. Anh không biết điều đó ư, Vandock? Anh không biết à? Anh, tên do thám nổi tiếng số bốn trăm hai mươi một của phòng do thám tư nhân ở Boston chứ gì? Chà, quả là một sai lầm lớn!

III

Vandock lao về phía góc phòng và thọc tay phải vào túi quần. Tôi cũng đã toan lao theo hắn, nhưng Milrois bình tĩnh mỉm cười ngăn tôi lại.

- Khẽ chứ, các vị... Tôi không định làm hại anh, số bốn trăm hai mươi một. Đôi lúc anh đăng trí, và nhờ đó tôi đã phát hiện ra biệt hiệu của anh. Anh đã ký dưới bức điện gửi từ Rangoon về Boston bằng cái biệt hiệu ấy. Liz đã nhìn thấy anh. Anh đã để lại dấu vết của số hiệu ấy trên tờ giấy

thăm trong phòng điện báo. Liz đã báo cho tôi biết. Cô ấy được biết về mọi việc của tôi. Anh mới thật kỳ quặc, Vandock... Khi không còn nói vào đâu được nữa thì anh lại rờ đến khẩu revolver. Cứ để nó ở trong túi. Ngồi xuống, và hút đi.

Vandock trầm ngâm hút thuốc và lắc đầu.

- Quan hệ với một đối thủ như thế mới thật dễ chịu.

- Sự sáng trí và óc tưởng tượng sinh động bao giờ cũng sẽ giúp ta trong những tình huống khó khăn, nếu biết lợi dụng những phẩm chất ấy. Vandock, đi đâu này thì anh biết rõ, - Milrois nói. - Tôi tưởng tượng thấy rõ ràng, là có một lần thủ trưởng phòng do thám gọi một trong những nhân viên khá nhất của mình đến và nói với anh ta: “Số bốn trăm hai mươi một thân mến. Có một nhiệm vụ có lợi. Hãy tìm kiếm giáo sư Milrois và theo dõi những hành động của ông ta. Chớ quản ngại gì về các khoản chi phí”. Thế chứ gì?

- Đại loại là như vậy, - Vandock buộc lòng phải đồng ý.

- Vandock, dường như là tôi nói hết rồi đây, hả? - Milrois cười thoải mái. - Anh có thể đi...

Vandock nhìn giáo sư, và lúc này lần đầu tiên tôi thấy cặp mắt hắn không có vẻ giả hoạt. Hắn nhìn với cái nhìn giản dị và trong sáng của con người.

- Tôi đi đâu bây giờ? Ông nghĩ rằng tôi sẽ đến chỗ ông Seyton và nói với ông ta: “Thưa ông, ông hãy đến biệt thự ở cạnh tầng Hai Bông Hồng, và tự ông hãy làm quen với một con người tuyệt diệu, một con người đã dạy tôi biết kính trọng ông ta”. Không, tôi sẽ tới ngay chỗ thủ trưởng của tôi và nói: “Ông biết không, thưa ông chủ, tôi chán ngán cái công cuộc phiếm du vô nghĩa để rình mò lén lút này lắm rồi...”

Milrois ngắt lời hắn:

- Hoan hô, Vandock! Nhìn mắt anh tôi thấy rằng anh không lừa dối. Samuel, hoan hô anh ấy đi. Đó là đi đầu may mắn lớn lao nhất trong đời tôi. Các bạn, chúng ta hãy uống mừng sự may mắn. Trong cuộc sống của chúng ta ít khi gặp may lắm, cho nên cần phải quý trọng nó. Samuel, hãy lấy trong tủ ra một chai gì đó. Tôi bị khan cổ. Ngay cả thuốc lá cũng chẳng giúp gì được.

Trong tủ có hai chai rượu nhẹ. Tôi lao như tên bắn từ trên gác xuống nhà ăn và chỉ một loáng đã đem về cái vặn nút chai và ba chiếc cốc lớn đặt trên khay.

- Nào, Samuel, - giáo sư nháy tôi, - hãy nhớ lại những nhiệm vụ của anh.

Tôi vặn nút và rót rượu đầy ba cốc.

Milrois đưa tay lịch thiệp.

- Xin mời, - và ông nâng cốc. - Chúng ta hãy cạn cốc mừng đi đầu may mắn.

- Chúc sức khỏe ông, thưa giáo sư, - Vandock lịch sự đáp lời. - Chúc mừng những may mắn của ông!

Milrois uống cạn cốc và lập tức rót đầy cốc thứ hai.

- Còn bây giờ thì tôi muốn cạn cốc vì sức khỏe của anh, Vandock. Chúng ta uống, Samuel thân mến, vì việc Vandock nghĩ tới Milrois, nhưng thực tế lại là đã theo vết lord Pucklington.

Tôi tưởng như tấm sàn gỗ dưới chân tôi đang sụp đổ. Vandock chút nữa làm vỡ cốc.

- Đừng run lẩy bẩy thế, các bạn, - giáo sư nói rất sẽ. - Chính quan đại

tụng Seyton chỉ là cái cầu chuyển đạt giữa Vandock với ông chủ hiện nay của lâu đài Oldmount là Merling, tức Pucklington ngày nay. Cho tới giờ phút này hắn vẫn quan tâm theo dõi xem lord Pucklington cũ, con người mà hắn đã vu khống, đã bị hắn tước đoạt mất lâu đài Oldmount và tất cả mọi thứ, đang làm gì.

- Mẹ kiếp! - Vandock lẩm bẩm. - Chính tôi đã được nghe câu chuyện này...

Lord đưa cốc của mình về phía tôi.

- Nhưng Pucklington cũ vẫn còn sống và bây giờ đây đang chạm cốc với Samuel Pingle, con người mà trước đây ông đã thu xếp cho học ở trường Dijan.

- Ông... Ngài... Đức ông... Lord Pucklington... - tôi lẩm bẩm, run rẩy vì cảm động và chìa cốc ra một cách vô ý thức.

Hai cốc chạm nhau, và tiếng kêu nhẹ của thủy tinh làm tôi trở về với thực tại.

IV

Pucklington uống cạn cốc rượu rồi chờ cho tôi với Vandock cũng uống cạn. Ông ngồi trong ghế bành và châm lại tàu thuốc đã tắt.

- Phải, các bạn ạ, - ông nhắc lại. - Khi tôi mất tất cả thì chỉ có người thừa lại già của tôi là Pingle và người hầu hạ trong lâu đài là Milton mà thời còn thơ ấu tôi vẫn quen gọi đơn giản là Migli vẫn nuôi mối cảm tình với tôi. Họ chỉ có thể lấy cái đó để đền đáp công ơn của tôi đã cho con cái họ được học hành, tức là anh, Samuel ạ, và cô Liz Milton. Cô ấy cũng đi học nhờ vào tiền của tôi. Vandock, anh hãy nhớ lại rằng ở Miến Điện cô ấy

cũng vẫn mang cái họ là Milton. Anh đã báo về chuyện này trong những lá thư của anh. Nhưng hình như là Merling không chú ý tới chi tiết ấy. Hiện nay tôi thấy rằng chỉ có việc tôi giúp đỡ Samuel và Liz là đi đầu tốt đẹp duy nhất mà tôi đã làm trong đời mình trước lúc gặp nỗi bất hạnh. Tôi đã hoàn toàn để tâm trí vào những chuyến du lịch và khoa học. Và khi Merling, cái con người không xứng đáng ấy, đã trở thành ông chủ của chức tước và lâu đài của tôi, thì tôi đã thề rằng nhất định tôi sẽ hoàn lại cho mình tất cả - danh dự, tài sản, tước vị, nhưng tôi sẽ không lấy tên là Pucklington nữa, mà là lord Ashworth. Và mục đích của đời tôi sẽ là chăm lo cho phúc lợi của thành phố này. Tôi sẽ xây New Mount, một lâu đài mới, giống y như lâu đài cũ của cha ông, cạnh tầng Lặng Lẽ, phía trên tầng Hai Bông Hồng, ở đây tôi sẽ sống những giờ phút ngắn ngủi còn lại, nhưng đáng ghi nhớ, cho tới lúc chết... Tôi có cơ sở để đạt tới vinh quang và tước vị. Nhưng tôi không thể nào sống và hít thở thiếu khoa học. Và tôi muốn hoàn lại cho mình tất cả dựa vào những hoạt động khoa học của tôi. Chính tôi đã nghiên cứu bản chất của các virus thực vật trong hai mươi năm. Tôi thích ngành khoa học lớn. Những thành tựu của nó không phải chỉ ảnh hưởng tới các ngành riêng biệt của kỹ thuật và công nghiệp, mà còn ảnh hưởng tới toàn bộ sinh hoạt đời sống của loài người, giải quyết được những vấn đề lớn lao nhất. Ngành khoa học lớn nghiên cứu những hiện tượng cơ bản của cuộc sống. Chỉ có nó mới đưa chúng ta tới gần sự nhận biết tự nhiên một cách sâu sắc nhất. Tôi không muốn trao sự nghiệp của mình cho một kẻ nào khác và tin chắc rằng con người phải tự tay làm lấy công việc của mình. Tôi không được phép làm những thí nghiệm liêu lĩnh. Merling đã lợi dụng chính đi đầu này. Thực ra tôi chỉ làm hai thí nghiệm liêu lĩnh. Lên chính bản thân tôi ở Miến Điện và lên anh, Samuel ạ, ở đây. Và cả hai đã hoàn toàn thành công. Tôi đã làm những thí nghiệm ấy vì khoa học lớn và

vì lợi ích của nhân loại. Những công trình của tôi, khi được đánh giá đúng, sẽ làm vinh dự cho tổ quốc chúng ta, các bạn...

- Thừa ông lớn, ông đã có một phát minh? - Vandock không thể không hỏi.

- Phải, tôi đã khám phá ra rằng virus là những chất đạm ký sinh. Những phân tử của chúng có tác dụng như những mầm lây, nhưng đi đâu chủ yếu là...

- Bẩm đức ông! - Vandock thốt lên. - Cha tôi đã từng làm việc ở vườn thực vật ở Java. Tôi đã từng nghe ông nói một đi đâu gì đấy về sự lây bệnh này.

- Hay lắm. Nghĩa là anh sẽ không ngáp trong lúc tôi nói chuyện. Các virus, hoặc như người ta còn gọi là các virus qua lọc, - cũng là một cả thôi - có thể cải tạo được. Các nhà vi khuẩn học biết cấy những vi trùng có phẩm chất cần thiết cho các thí nghiệm, cũng như các nhà thực vật cấy được các loại thảo mộc. Và ngay cả tôi, sau khi nghiên cứu cấu tạo phân tử của các chất đạm ký sinh đã bắt đầu cải tạo chúng bằng phương pháp hóa học. Với việc cải tạo nhân tạo, trong một số trường hợp virus dần dần mất tính tác hại của nó, còn trong những trường hợp khác chúng lại có thêm những đặc tính sinh vật mới. Tôi đã kiểm tra một đặc tính như thế lên cơ thể mình. Virus đã làm thay đổi nét mặt của tôi. Vandock đã đến với tôi như đến với tiến sĩ Rolls, anh ấy không biết rằng trước mắt anh ấy là Milrois, người mà anh ấy cần theo dõi. Và cả anh nữa, Samuel, không nhận ra Dobby chính là “giáo sư rắn” của mình. Chính virus ấy đã làm thay đổi ngay cả bản thân Vandock. Và từ đấy mới nảy ra một loạt các cuộc phiêu lưu mạo hiểm, không phải chỉ đối với Samuel. Một vài loại virus do tôi gia công và thuần hóa bằng phương pháp nhân tạo đã tỏ ra có

khả năng cải tạo toàn bộ cấu tạo các chất đạm của cơ thể. Bệnh khảm sần của khoai tây, bệnh quăn lá của bông, việc lá biến thành có gai, sự biến đổi những dấu hiệu bên ngoài của cây mía - tất cả những cái đó anh đều đã biết phải không, Samuel?

Và người đỡ đầu của tôi đã kể về chuyện ông bị trục xuất và phải rời về phòng thí nghiệm cũ ở Miến Điện, nơi mà học trò quang vinh của ông là Liz, con gái bác Migli, đã sống và làm việc. Phòng thí nghiệm này cần được cung cấp thêm tiền để tiếp tục những thí nghiệm đã bị bỏ dở ở Oldmount. Ở Mỹ, trên đường sang Miến Điện, lúc nghỉ chân ở một khách sạn, Pucklington đã phạm một sai lầm: ông đã đăng ký với người gác cổng khách sạn bằng cái tên đầu tiên chợt nhớ ra. Đó là tên ông tổ xa xưa về đảng mẹ, tên là William Milrois, cụ sống vào chính cái thời đại cách mạng vĩ đại 17 tháng hai năm 1646 và đã bỏ phiếu tán thành bản tuyên bố của nước cộng hòa. Merling đã đoán được cái tên ấy, hắn chỉ cần đọc xong bản thông báo của thủ trưởng phòng do thám có kèm theo danh sách những người đã đến Tân Thế giới trong thời kỳ từ 6 tháng năm tới 6 tháng sáu năm 193... Người ta đã xác định được sự giống nhau giữa Milrois và Pucklington cũ. Phòng do thám đã nhận được một đề nghị có lợi, và từ giờ phút ấy bắt đầu công việc của Vandock. Những tiêu bản bào chế gửi từ trạm rắn đi tỏ ra là những tiêu bản tốt nhất trên thị trường thế giới, nhưng bí mật của sản xuất thì chỉ lord và Liz biết. Nhờ những nọc rắn, lord đã thu được món tiền lớn gấp đôi toàn bộ giá trị của lâu đài Oldmount. Sau khi nhận thấy sự theo dõi của Vandock, thoát đầu Pucklington nghĩ rằng tên do thám ấy do các hãng cạnh tranh với ông phái đến với mục đích khám phá bí mật của sản xuất. Ông không thể cho phép đi đầu đó...

- Samuel ạ, ngay cả anh tôi cũng đã kiểm tra, nhưng anh chỉ tỏ ra là một

thanh niên hiền hậu và ham hiểu biết, và tôi đã gắn bó với anh. Chính tôi biết rằng anh không phải chỉ là Samuel, mà còn là Pingle... Do đó tôi rất muốn dạy anh làm quen với công việc ở trạm rắn.

- Tôi sẽ nhớ mãi cái trạm ấy, - Vandock nói. - Nhưng, tựu trung, cả tôi cũng nghĩ, không biết liệu mình có tìm ra được một cái trại như thế không. Nói cho trung thực thì, có lẽ, nuôi rắn jirr và các loại rắn khác còn có lợi hơn là nuôi lợn hoặc lừa. Chỉ có điều là trước hết phải có một cái đầu uyên bác, mà cái đó thì tôi không đủ. Bấm xin lỗi đức ông, nhưng tôi muốn nghe cho đến đầu đến đũa về những con virus đáng nguy hiểm rửa ấy. Chúng đã làm tôi thay đổi đến nỗi ngay cả Samuel cũng không nhận ra được. Nếu tôi có thò đầu về phòng do thám thì ông giám đốc cũng cho tôi là một kẻ mạo nhận.

- Anh Vandock ạ, còn có thể làm thay đổi các phân tử virus tới mức, - Pucklington nói, - chúng làm cho cơ thể không thụ cảm được với những loại vi trùng lây bệnh ghê gớm nhất. Sau khi đã được tiêm chủng ở Nabukhatra và ở đây thì anh, Samuel ạ, có khả năng tuyệt đối tránh mọi bệnh lây. Chó dại, chuột mang bệnh dịch hạch có thể cắn anh, muỗi sốt rét có thể đốt anh, nhưng không bao giờ một virus, một vi trùng có thể thích ứng trong cơ thể anh nữa, Samuel ạ...

- Nhưng tôi sẽ vĩnh viễn bị biến dạng đi, - tôi nói thì thào.

- Không, Samuel. Tôi chỉ tiêm vào người anh loại virus đã bị làm yếu đi. Nó chỉ có tác dụng nhất thời. Chẳng qua là anh quá sợ hãi đó thôi. Theo tôi thì đã chẳng còn lại một dấu vết nào của những biến đổi đã đến với anh. Hãy lấy chiếc gương trong tủ ra rồi nhìn xem.

Chiếc gương cho thấy rằng chẳng có chuyện gì ghê gớm xảy đến với tôi hết. Trong gương, một người trẻ tuổi với bộ mặt gầy, rám nắng và

cương nghị đang nhìn tôi.

- A đúng là tôi r'ă! - tôi reo lên sung sướng. - Ông đã chữa khỏi cho tôi r'ă! Muôn vàn cảm ơn ông!

- Đưa gương cho tôi nào, - Vandock đề nghị. Hắn nhìn vào gương và chỉ phẩy tay. - Mẹ đẻ cũng không nhận ra mất! Lẽ nào chỉ nhận ra nhờ có vết sẹo ở sau gáy: trước đây có lần tôi đã đánh lộn với tụi trẻ ở ngoài phố, suýt nữa thì chúng đánh bể đầu tôi.

- Nếu muốn, tôi sẽ chữa khỏi cho anh? - Pucklington hỏi Vandock, nhưng hắn thận trọng đặt chiếc gương xuống bàn và lắc đầu từ chối.

- Xin cảm ơn ông. Việc đó không đáng để ông phải lo lắng. Trên đời này tôi chẳng còn ai thân thiết. Tôi sẽ sống đại khái cho qua ngày với cái hình dáng thế này cũng được. Nó có t'ăi tệ gì hơn những kẻ khác đâu?

Pucklington còn nói thêm một vài dự kiến đáng chú ý về virus nữa. Có lẽ đó là những tàn dư của các vi trùng, trong quá trình tiến hóa hàng chục triệu năm chúng đã quen với trạng thái ký sinh độc đáo như vậy và sau thời gian ấy chúng đã mất những đặc điểm chung vốn có của các vi sinh vật. Dù sao, những virus mà Pucklington nghiên cứu đã trở nên “dễ bảo” và bắt đầu tuân theo khoa học và ý chí của con người.

Trong khi kể cho chúng tôi nghe về bản thân và về virus, lord đã hào hứng lên. Một lần nữa “giáo sư răn” thân yêu ngày trước lại ng'ă trước mặt tôi, và đó cũng chính là người đã giúp đỡ tôi học tập ở trường Dijan, ở Miến Điện, và cả ở đây. Tôi thích thú nghe ông nói, và cảm thấy mỗi lời nói của ông đã làm cho tôi trở nên giàu có hơn.

Pucklington nói rằng nếu tách chất đậm từ những mô của một con chó ra và bằng phương pháp nhân tạo làm cho nó có khả năng sống ký sinh, rồi sau đó đưa nó vào cơ thể của một con mèo sống thì có thể gây nên sự cải tổ về cấu tạo của những chất đậm của mèo; điều đó sẽ làm cho mèo có những đặc tính của chó.

- Phải, Samuel ạ, ở phòng nuôi thú thí nghiệm của tôi chính anh đã thấy rằng chó đã bắt đầu có những biểu hiện như mèo và ngược lại.

Vandock vỗ tay vào trán đánh bốp.

- À phải rồi, có đúng là những con vật của ông đã bất ngờ xuất hiện ở Ashworth ngày hôm kia không? Những con mèo giống chó và những con chó kêu như mèo. Chà, cái chuyện buồn cười!

- Rất tiếc là Samuel đã để sống khỏi chuồng, - Pucklington khẳng định.

- Chà, người ta không cảm ơn ông vì việc ấy đâu, - Vandock lắc đầu và hướng về phía tôi. - Những mèo-chó ấy đã truyền bệnh đi khắp nơi. Bẩm ngài, chỉ cần ngài biết rằng quan đại tể tướng, ông thẩm phán và nhiều người khác đã mắc bệnh ra sao!

- Biết, biết chứ, - Pucklington trả lời. - Hừm... không đáng ngại. Những virus nhân tạo không đến nỗi bền vững như anh tưởng đâu. Người bán thuốc trẻ tuổi vẫn thường cung cấp thuốc thử cho tôi đã báo ngay cho tôi biết về một bệnh dịch bí ẩn và về những nỗi bận rộn do nó gây ra cho bác sĩ Fleet kính mến. Tôi đã được đọc những đơn thuốc của ông. Những đơn thuốc ấy rất đúng. Samuel, tôi thấy rõ là anh đang cười. Không khi nào nên cười về một việc mà anh còn chưa hiểu biết. Fleet đã già, và vì vậy ông là một bác sĩ rất có kinh nghiệm. Ông đã hiểu được vấn đề là ở đâu. Bằng cách hỏi han trò chuyện với các bệnh nhân ông đã đi đầu tra được nguồn gốc của bệnh lây. Hôm nay tôi đã gặp ông. Chúng tôi đã hồi tưởng

lại một chuyện cũ. Vào năm 1918 ở mặt trận xuất hiện một thứ bệnh kỳ lạ mà tất cả các bác sĩ đều thừa nhận là một “bệnh sốt còn chưa rõ nguồn gốc”, bởi vì họ còn chưa biết nó nên đã lẫn lộn trong chẩn đoán, một bác sĩ già đã tìm ra, ông ta chăm chỉ thăm khám có mười bệnh nhân và nói: “Các bạn đồng nghiệp thân mến, đây chính là một bệnh cúm thông thường”. Và ông ta, cái con người thực hành già dặn ấy, đã tỏ ra là đúng. Bệnh sốt không rõ nguồn gốc đã lan thành một bệnh dịch trên khắp hành tinh của chúng ta dưới cái tên “bệnh Tây Ban Nha” không gì khác là influenco gripe, tức là bệnh cúm, một thứ bệnh do virus gây ra, nhưng ở một dạng đặc biệt nặng. Những bệnh nhân của bác sĩ Fleet tất cả đều sẽ khỏi và hiện đang khỏi.

Tôi muốn biết rõ là ở đây, ở phòng thí nghiệm này, Pucklington đã làm thí nghiệm gì lên bản thân tôi. Ông nói:

- Tôi phải trở về quê hương Ashworth sao cho không ai nhận ra mình. Tôi đã làm xong hầu hết các thí nghiệm, chỉ còn phải làm nốt một thí nghiệm cuối cùng nữa và tìm cách khôi phục lại tước vị cũ cho mình. Vandock ạ, tôi tưởng rằng ở Mazatlán tôi đã dứt khoát thoát khỏi anh. Milrois đã biến mất, Rolls cũng biến, và ở đây, ở ngoại ô Ashworth có một ông Dobby nào đó đến ở. Migli trung thành của tôi ở lại sống ở Wesley bằng tiền do tôi gửi qua con gái của bác là Liz, bác đã xây dựng ngôi nhà này với sự giúp đỡ của Isidore Pingle. Rất tiếc là Isidore đáng thương đã từ già cõi đời, tôi đã không được gặp lại ông lúc còn sống. Samuel ạ, Migli sẽ kể lại cho anh nghe những giây phút cuối cùng của cha anh. Ông chết mà trên môi còn mấp máy gọi tên người vợ thân yêu và tên anh...

Nghe những lời nói ấy của Pucklington, bất giác nước mắt trào ra trên

hai khốe mắt tôi.

- Migli là người bạn trung thành nhất của tôi, - Pucklington tiếp khi tôi đã bình tâm lại. - Chính là bác đã theo dõi Vandock ở đây, đã xác định rằng Vandock viết báo cáo của mình ở khách sạn “Neptune” rồi đem đến nhà bưu điện gửi đi theo địa chỉ “S.S.” Chính bác cũng lại đã biết rõ ai là kẻ thực tế nhận những bức thư đó.

Vandock thở dài.

- Ông trưởng phòng bưu điện hàng tuần vẫn được tôi biếu...

Pucklington gật đầu với vẻ đại lượng.

- Nhưng Migli đã biếu ông ta nhiều hơn. Tôi đã đến đây để làm gì? Tôi cần phải hoàn thành một thí nghiệm kiểm tra cuối cùng. Và phải là thí nghiệm lên con người. Ở Miến Điện thì tôi đã có thể thuê bất kỳ một người dân địa phương nào đấy, nhưng ở đây? Cần phải dùng loại virus “cây gai của người Bushmen” đã bị biến đổi để làm thay đổi ngay lập tức cấu tạo chất đạm trong cơ thể con người, rồi sau đó lại phải khôi phục lại trạng thái cũ. Tôi không thể làm hỏng công việc của cả đời tôi. Cần phải tìm một người đang thất vọng. Mùa thu năm ngoái, trên bờ kênh Wesley tôi đã gặp một thanh niên đang định nhảy xuống đáy kênh để thanh toán với cuộc đời. Nhưng khi tôi đưa anh ta về đây thì tôi nhận ra rằng trên đường tôi lại gặp anh, Samuel, con trai ông Pingle của tôi, học sinh của tôi ở Miến Điện, chính con người đã cứu giúp tôi ở Bell Harbor. Và bây giờ lần đầu tiên lòng tôi thoáng thấy không yên.

- Ông đừng nghĩ rằng tôi đã cố tình gặp ông... - tôi đã toan nói vì nhớ lại những nỗi ngờ vực của ông về mối quan hệ của tôi với Vandock.

- Lúc ấy anh có cái vẻ của một con người sẵn sàng đón nhận cái chết tới mức tôi không còn nghi ngờ được nữa, - Pucklington nói một cách rất tự

nhiên. - Tôi đã do dự rất lâu. Nhưng những quyền lợi của khoa học đã thắng. Anh bị đau đầu. Tôi nói rằng đó là do bệnh sốt vàng. Anh đã tin tôi. Tôi đã lấy cơ chữa bệnh để tiêm virus vào người anh. Và tôi đã định làm nốt những việc còn lại mà không để anh biết...

- A, bầm đức ông! - Vandock vỗ tay đánh đét. - Nếu như ở Mazatlán tôi không làm ông nghi ngờ thì ông cũng đã tiêm cho tôi cái của ấy rồi đấy nhỉ? Do đó mà ông đã giấu gương đi và tự tay cạo râu cho tôi hai lần...

- Anh đoán giỏi đấy! - Pucklington cười. - Nhưng khi anh đánh vỡ ống nghiệm đựng virus thì chính là tự anh đã chăm lo đến bản thân mình. Khi Samuel lén tôi bỏ về Ashworth và không ai nhận ra mình thì anh ấy hầu như đã đoán được. Bây giờ anh ấy đã làm ngậu xì lên, và tôi đã phải bịa ra kể cho anh ấy câu chuyện hoang đường về rắn jirr...

- Bây giờ thì chuyện đó đã qua rồi, - tôi đáp.

- Vậy thì chúng ta sẽ nói chuyện hiện tại, - Pucklington nói và cầm từ bàn lên một chiếc phong bì lớn có đóng dấu mang quốc huy. - Nghe đây, Samuel, - ông nói và nhìn vào mắt tôi, - một tháng trước đây tôi đã gửi bản thảo của mình cho Hội khoa học y học. Tôi đã mô tả lại toàn bộ những phát minh và thí nghiệm của tôi. Tôi chờ đợi thư trả lời quyết định số phận tôi. Nhất định tôi phải được phong tước vị vì những hoạt động khoa học của tôi. Nhưng tối hôm qua tôi đã nhận được thư trả lời. Anh đọc đi...

Trên tờ giấy mịn bóng, phía dưới quốc huy là những dòng chữ:

“Ông Dobby kính mến.

Dựa theo báo cáo của một ủy viên trọng trách của Hội phát minh và sáng chế về những thông báo chính thức của ông đề cập tới sự nhận thức bản chất của cái gọi là virus, ông được thưởng tiền trợ cấp danh dự suốt đời mỗi năm một đồng, trong giới các nhà bác học đây là phần thưởng

cao nhất cho những công trình sinh vật học.

Trong khi gửi tới ông lời chào kính cẩn của cá nhân tôi cũng như của các bạn đồng nghiệp của tôi, tôi đồng thời vui mừng nhận thấy có bốn phạm phải báo để ông rõ, rằng những tài liệu của ông về virus đã được gửi về ủy ban chuyên trách, còn quyết định về tiền trợ cấp danh dự thì gửi về Sở tài chính để làm thủ tục.

Mong ông hãy nhận ở tôi lời đoan chắc và vân vân...”

Vandock đứng dậy khỏi ghế và kêu lên:

- Tôi đánh cuộc là lord Pucklington... Nghĩa là Merling đã ký ở dưới!
- Không, - tôi trả lời. - Chữ ký không rõ ràng...
- Phải chăng cũng vẫn thế thôi? - Pucklington cười mỉa mai. - Rõ ràng là Dobby có thể gọi mình bằng bất cứ cái tên gì do ông nghĩ ra thì gọi: Milrois hoặc Rolls. Nhưng ông đã không bao giờ có thể trở thành lord ngày trước được nữa.

Vandock vuốt tóc ra sau gáy.

- Bẩm ông lớn, khó đấu tranh với bọn Merling lắm. Bây giờ thì tôi đã rõ hết mọi chuyện “như soi qua kính hiển vi” vậy, phải cái ông béo vẫn uống soda ở hiệu thuốc thì ông ta đã nói như vậy. Thôi này, Samuel... Ra khỏi đây một cái là anh cứ việc thượng cẳng chân hạ cẳng tay. Hãy nện tôi đi. Tôi sẵn sàng nhận những quả tống mà anh đã phải chịu thay tôi. Và luôn tiện nện thêm cho tôi vài quả nữa. Tôi có tội vì đã giúp Merling.

Sự im lặng nặng nề kéo dài trong giây lát. Tôi đã hiểu rõ tất cả. Trông vẻ mặt lord Pucklington cũ lòng tôi tràn ngập một niềm xót thương sâu sắc.

Nhưng ông không buồn nản.

- Thôi nào, các bạn! - ông nói vui vẻ. - Hãy giúp tôi tống vào lửa cái huy hiệu của lord Ashworth. Trông này, tôi đã sáng tác ra cho mình cả cái hình huy hiệu. Trên cái mộc tôi đã viết một phương châm: “Truyền thống và niềm tin”. Nhưng chúng đã thua thành kiến và sai lầm, cứ mặc cho chúng bùng cháy lên...

Pucklington ném vào lửa bức thư về tiền trợ cấp danh dự, rồi những phong bì, những giấy tờ gì đó, bức ảnh một bà trẻ tuổi nghiêm nghị đeo những vòng ngọc trai quý trên cái cổ mảnh và dài, những quyển vở, những mảnh giấy nháp...

Bức tranh vẽ bằng thuốc nước trên bìa carton bị Vandock nhét vào lò cháy quăn lại thành than rất lâu và cuối cùng cháy bùng lên, một nửa biến thành tro.

- Lẽ nào ông muốn thiêu cháy cả những công trình của mình? - tôi nói lầm bầm, mắt nhìn đống lửa trong lò sưởi. - Nếu ông đã mệt mỏi và không muốn nghiên cứu khoa học nữa, thì hãy nhớ tới Liz... hãy nhớ tới tôi...

- Anh nói đúng, chàng trai ạ, - Pucklington nói với giọng sáng khoái. - Cả hai người đều là học trò của tôi. Và nhờ có hai người mà tôi cũng cảm thấy mình trẻ. Đừng lo, tôi sẽ không ngừng làm việc. Và đừng thương xót tôi. Cái quý nhất còn lại với tôi là khoa học của tôi. Và tôi không đơn độc: tuổi trẻ của các bạn là chỗ dựa của tôi, lực lượng hậu bị của tôi, với lực lượng ấy tôi sẽ tiến xa hơn nữa vào trận chiến đấu chống những thành kiến khoa học. Những cái mà tôi đốt ở đây chỉ là những chuyện nhỏ mọn, những công việc riêng. Còn những hồ sơ lưu trữ khoa học của tôi thì ở trạm rấn kia. Sáng nay tôi đã nhận được một bức điện đáng lo ngại của cô Liz. Cô ấy báo rằng có những nguyên nhân rất quan trọng buộc phải chuyển gấp trạm nghiên cứu và những hồ sơ lưu trữ của tôi từ Miến Điện

về phía tây. Cô ấy đã tìm được một nơi thích hợp ở đâu đấy trong vùng Thượng Punjab. Cô ấy yêu cầu tôi đến ngay. Tôi đã đánh điện đi và đang đợi trả lời.

- Tôi đi với ông! - tôi la lên nài nỉ và im bặt ngay khi nhớ tới Edith.

Vandock đứng dậy và lễ độ nghiêng mình.

- Bẩm đức ông, hãy cho cả tôi đi. Hình như tôi thay đổi nghề nghiệp thế này là quá muộn rồi. Nhưng với tôi thì lũ jirr sẽ phải tắm tấp đầu vào đấy. Đức ông truyền lệnh đưa toàn bộ lũ rắn đi đâu tôi sẽ đưa đi đấy. Dù có phải đưa chúng lên những đỉnh Himalaya cũng được. Xin đức ông cứ yên tâm. Số bốn trăm hai mươi một bây giờ đã vĩnh viễn bị xóa khỏi danh sách những người dân sống trên hành tinh của chúng ta. Chỉ còn lại có Dick Vandock...

Hắn lắng tai nghe. Một chiếc mô-tô lao đi trên đường nhựa tiến tới gần biệt thự.

VI

Migli bước vào phòng, hai tay cầm chiếc khay nhỏ bằng bạc.

- Bẩm điện gửi đức ông, - bác ta nói với vẻ quan trọng.

Pucklington cầm bức điện trên khay lên, ông bóc ra đọc rồi vội đứng dậy.

- Migli!

- Bẩm dạ, - Migli kính cẩn nghiêng đầu.

- Gọi ô tô đến ngay đây! - Pucklington ra lệnh. - Đưa áo cho tôi mặc. Một người sẽ đi cùng tôi... - Pucklington nhìn Vandock, rồi nhìn tôi, rồi lại nhìn Vandock, - Vandock sẽ đi, - ông nói thêm với giọng dứt khoát. - Theo

anh, đi đường nào ngắn hơn?

- Bấm thừa đi ô tô tới sân bay ở bờ phía đông. Từ đó đi máy bay tới Lisbon. Đến Morocco. Đi máy bay dọc theo bờ biển bắc châu Phi, qua Ai Cập, qua kênh Suez, qua Ceyland, còn từ Colombo mất ba tiếng đi thủy phi cơ đến Rangoon.

- Đúng, - Pucklington nói. - Từ Lisbon chúng ta sẽ đánh điện báo cho Liz biết về chuyến bay của chúng ta. Còn anh, Samuel, đừng buồn nhé. Tôi không vĩnh biệt anh đâu. Tôi sẽ trở lại. Tôi biết rằng tôi cần cho nơi đây, cho quê hương tôi. Còn anh thì có biết bao niềm vui sướng lớn lao đang chờ đợi ở Ashworth. Anh sẽ ở lại đây với Migli, bác ấy sẽ cho anh ăn, còn sáng ra thì lên đường về nhà. Tôi để anh lại đây giúp Migli, cả hai người có trách nhiệm bảo vệ ngôi nhà này. Tôi sẽ trở lại và nhất định phải thấy được mọi việc đầu đầu vào đấy.

- Xin ông cứ yên tâm! - tôi nhiệt tình kêu lên.

Như vẫn thường thấy trước mỗi chuyến đi vội vã, trong nhà bắt đầu cảnh chạy ngược chạy xuôi rối rít. Và tôi, trong lúc hăng hái giúp việc bác Migli, không nhận ra ngay có tiếng còi ô tô gọi ở phía ngoài cổng.

Tôi ngồi trong phòng ăn cho tới sáng. Bác Migli đãi tôi một bữa cơm tối thịnh soạn. Còn tôi thì phải kể lại cho bác nghe tất cả những gì tôi biết, tất cả những chi tiết về cô con gái Liz của bác. Bác cho tôi xem ảnh. Liz đứng trên gác sân của ngôi nhà trong bộ quần áo pijama kẻ sọc và cầm trong tay một con yigshu còn đang ngủ. Bức ảnh gây ấn tượng rất mạnh, nhưng Migli cầu nhàu:

- Chụp với ai thì chẳng chụp. Lại chụp với rắn. Chỉ được cái khéo vẽ chuyện!

Bác Migli kể cho tôi nghe nhiều chuyện về lord Pucklington.

- Ông là người thích cô độc, và vì thế không có bạn. Nhưng đối với tôi, cha anh và với con gái tôi thì bao giờ ông cũng tốt bụng. Và cả anh nữa, Samuel ạ, ông cũng rất quý. Hơn nữa ông đã sai tôi mang gửi lương của anh vào nhà băng Ashworth, ghi tên anh, và ông còn ghi thêm một số tiền nữa. Samuel ạ, thế là anh đã có chút tiền nong để mua sắm những thứ cần thiết đầu tiên.

Tiếp theo, câu chuyện nói tới cha tôi và những giây phút cuối cùng của ông, và sau hết, khi Migli đã về phòng mình, tôi đã cho phép tôi tha hồ khóc. Tôi khóc thương người cha nghèo khổ của tôi thế là đã không được thấy niềm hạnh phúc chân chính trong đời mình, và đồng thời, chưa bao giờ như lúc này, tôi cảm thấy sâu sắc rằng hạnh phúc của tôi đang tới gần: chỉ cần đưa tay ra là với tới nó. Toàn bộ lòng ghen tức với Bob, nỗi buồn phiền và lo ngại đầu đã tan biến đi theo dòng nước mắt của cái đêm hôm ấy.

Mệt mỏi, tôi ngủ thiếp đi trong chiếc ghế bành. Những tia nắng mặt trời đã làm tôi bừng tỉnh. Tôi đã tắm rửa, cạo râu, chải đầu. Bác Migli đưa cho tôi bộ quần áo. Và thế là tôi từ biệt người cha của Liz.

Tôi đi xuống thành phố thân thương và nghĩ. Chẳng việc gì mà vội. Cần phải đợi cho tới khi các cửa hiệu mở cửa đã. Tôi sẽ mang một vài món quà mọn cho bác, cho Olivia và cho...

Nhưng khi sờ đến các túi thì tôi mới rõ là chúng đều rỗng không. Tôi không còn lấy một xu. Đi đầu đó làm tôi buồn bực. Nhà băng thì mãi đến mười hai giờ mới mở cửa.

Tôi lặng lẽ đi trên con đường lát đá. Đây kia, những vết tích còn lại của cây sồi bị cháy và tấm thảm hoa tím diễm lệ đang nở về sáng. Tôi hái một bó những bông hoa dịu dàng còn ướt đẫm sương đêm ấy. Tôi khoái trá hít

ngửi hương thơm dịu dịu của chúng. Và cùng với hương hoa, không khí trong lành của quê hương thấm đượm vào mãi trái tim tôi. Như một cơn lốc, tất cả những kỷ niệm của tuổi thơ và thời đầu niên thiếu ùa vào tâm hồn tôi. Tôi cảm thấy như chưa bao giờ tôi rời khỏi nơi đây và lúc nào cũng ở tại chốn này...

Tôi dần bước và gần như chạy lao xuống phía dưới đường nhựa, tôi cảm thấy mặt trời sáng lên một cách đặc biệt; dường như nó vui mừng chào đón tôi trở về. Tôi chạy qua chiếc cầu nhỏ rồi dừng lại để ngắm nhìn Ashworth. Nhưng tôi đã trông thấy Edith.

Cô đi ngược về phía tôi, đầu cúi xuống, xanh xao và trầm mặc.

- Edith!.. - tôi kêu lên và lao về phía cô.

Cô ngược nhìn tôi bằng cặp mắt to dè dặt. Và nụ cười trẻ con tràn trề hạnh phúc đã làm rạng rỡ khuôn mặt cô.

- Anh Samuel! Anh Samuel thân yêu! - cô nói thì thầm.

Chúng tôi nắm tay nhau.

- Edith, anh đã trở về Em lớn quá mất thôi! Không nhận ra được nữa.

- Còn anh... còn anh chẳng thay đổi gì. Chỉ có... - cô nhìn xuống, - chỉ có... khá hơn lên.

- Em vẫn chờ anh chứ? - tôi hỏi và đưa tặng cô bó hoa tím.

- Cảm ơn anh thân yêu, - cô thì thầm và đôi môi ấm áp của cô chạm vào má tôi trong giây lát. - Tất nhiên là em đợi.

Chúng tôi đi rất chậm theo đường nhựa. Trong đời chỉ có một lần có được những khoảnh khắc mà người ta muốn kéo dài mãi mãi.

- Lúc nào em cũng chờ đợi anh, - Edith nói. - Nhưng hôm kia anh đến bên quầy giải khát... Em làm việc ở đấy... Anh nói với Bob rằng chiếc

thuyền đua của hắn trôi ra biển, nhưng rồi chính anh lại bỏ đi ngay...

- Lẽ nào em đã nhận ra anh? - tôi hỏi.

- Anh Samuel, sao em lại có thể không nhận ra anh? Em chỉ nghĩ rằng anh kiêu căng và bây giờ không muốn nhận em nữa. Và em đã quyết định cũng giữ thái độ như thế. Nhưng hôm nay... Chà, em cũng không biết nữa, nhưng có một cái gì đấy đã lôi cuốn em đi về phía cậu...

Chúng tôi nhìn vào mắt nhau và cùng cười.

- Em biết không, Edith... Anh đã trải biết bao nhiêu cuộc phiêu lưu, mà không thể nào kể lại ngay bây giờ được, - tôi nói. - Nhưng bây giờ anh chỉ nghĩ có một điếu: “Anh có cần phải rời khỏi đây nữa không? Vì nếu là để tìm hạnh phúc, thì nó đây, đang ở cạnh anh...”

- Cậu, anh Samuel ạ, - Edith trả lời nghiêm chỉnh. - Chúng ta đã suy nghĩ kỹ về tình bạn của chúng ta. Tình bạn ấy đã khác đi rồi, tốt đẹp hơn, bền vững hơn. Đừng cãi lại em, anh thân yêu. Em hiểu anh hơn cả bản thân anh.

Thế là chúng tôi đã về tới nhà. Bác tôi kêu lên khi nhìn thấy tôi:

- Ai chà, trời!! Cháu tôi! Samuel! Vẫn sống hử, thằng nhóc!..

U già Olivia vừa hôn tôi vừa khóc nức nở vì vui sướng.

- Vừa hay, Samuel ạ, - bác tôi vừa nói khi những giây phút mừng rỡ đầu tiên đã lắng xuống. - Có giấy gọi của văn phòng “Little Junior” gửi cho cháu...

- Của ngân hàng à? - tôi hỏi.

- Phải rồi... một ngân phiếu. Và chẳng hiểu viên chạy giấy còn nói luyên thuyên những gì nữa về một tổng số tiền mà bác không thể nào tin được...

- Phiếu chuyển ngân của địa phương ư? - tôi hỏi dò và nghĩ đến Pucklington.

- Hay là cháu hãy đến ngay đi, rồi sẽ biết, - bác tôi giục.

Sau khi đã bắt Edith phải hứa ở lại chờ, tôi đến nhà băng.

Vừa nghe thấy tên họ tôi viên chánh văn phòng đã chồm dậy khỏi ghế.

- Ông Pingle đây phải không ạ? Ôi chao... ôi chao... Chúng tôi đã gửi giấy báo cho ông đến lần thứ ba rồi. Có một ngân phiếu gửi cho ông từ Hollywood. Và một lá thư... Thưa ông Pingle, chúng tôi hy vọng rằng ông sẽ mở một ngân khoản ở nhà băng chúng tôi chứ ạ?

- Cho xin lá thư! - tôi sốt tiết đề nghị.

Đây là những điều viết trong thư:

“Ông Pingle kính mến!

Xin cho phép tôi báo để ông rõ rằng... Không, Samuel thân mến, tôi không biết viết những lá thư trịnh trọng. Tốt hơn là tôi sẽ viết cho anh một cách mộc mạc như viết cho một học trò tài năng của tôi vậy. Clips của anh đang viết cho anh đây. Xin chào anh, chàng thanh niên ạ. Tôi hy vọng rằng cuối cùng thì anh đã về được tới cái thành phố nhỏ của mình. Luật sư Godwin của chúng tôi đã biết đích xác địa chỉ của anh nhờ một người bạn của mình là ông dự thẩm Greg. Godwin đã cho tôi biết địa chỉ ấy. Cả hai gửi tới anh lời chào nồng nhiệt, đặc biệt là Greg. Ông ta rất hài lòng với lời nhận xét của anh về hoạt động của ông ta do một tay Ben nào đấy mà tôi không biết truyền đạt lại. Tôi viết cho anh để nói rõ một vài chi tiết mà có lẽ anh muốn biết khi nhận được số tiền gửi đến. Anh có thấy chẳng khi người ta giải anh ra tòa lần đầu tiên thì Harry Pimpernel của chúng tôi, ông vua của những nhà viết kịch bản, ngồi ở lô phóng viên. Nhưng số

mệnh nào đã dẫn ông tới đó, ngay giờ đây ông cũng không thể giải thích được. Những miếng lưới độc ác đã khẳng định rằng động cơ đột trong của ông chạy được thường là nhờ vào hơi rượu. Vậy là Harry của chúng tôi đã ngồi trong tòa và lòng thì ngao ngán. Ông đang bị lương tâm cắn rứt, vì ông đã nuốt hết số tiền tạm ứng cho một kịch bản mà người ta đặt ông viết, nhưng ông mới chỉ viết được một nửa phần thứ nhất. Và bỗng nhiên anh tuyên bố với tòa rằng anh là “Người nhẹ hơn không khí”. Và bấy giờ một tia sáng bỗng lóe lên trong óc Harry của chúng tôi, một cảm hứng sáng tạo thần thánh bắt đầu mọc lên trong đầu ông, như thể cái cây trên thiên đường phủ đầy quả vàng. Cái chủ đề, sắc nhọn như con dao nhíp Mexico, đã chuẩn bị xong vào chính giây phút ấy. Samuel ạ, chúng ta là những con người của một nếp công việc. Chỉ một phút sau Godwin đã được thuê cãi cho anh. Godwin đã phải vã mồ hôi, nhưng ông ta đã hoàn thành nhiệm vụ và thắng viên thẩm phán. Nói tóm lại thì kịch bản đã được viết xong sau một đêm. Còn sang ngày hôm sau thì ông vua màn bạc Charlie Beechcher đã được quay trước ống kính trong xưởng phim. Mọi việc đều làm giấu anh để anh khỏi lo lắng. Nhưng Charlie không dám liều mạng nhào lộn trong không khí. Anh ta là một vận động viên tồi. Và cái lỗi của cuốn phim - là cú nhảy chết người - thì anh phải làm thay Charlie. Kết cục của cuốn phim được dự tính theo hai hướng. Một là hướng lạc quan, nếu anh lao đúng thùng đựng nước muối. Hai là hướng buồn thảm, nếu anh trượt ra ngoài. Chủ đề của cuốn phim không phức tạp lắm. Trước lúc quay báo chí cũng viết về nó theo những chiều hướng khác nhau. Tôi đã đóng vai cha anh, một nhà tỉ phú. Floria Get, một ngôi sao màn bạc đóng mẹ anh. Theo kịch bản thì bà ta phải năn nỉ anh đừng nhảy. Thế là bà ta nhảy xổ ra khi tôi với anh bước ra lễ đài. Nói tóm lại, mọi việc đều diễn ra hết sức tốt đẹp. Có thể là anh sẽ được thấy mình trên màn ảnh. Charlie

hóa trang rất tốt nên trông giống anh lắm. Bây giờ thì người ta phải gửi trả tiền đóng phim cho anh. Mười nghìn dollar cho cú nhảy. Còn về tiền đóng phim thì cứ mỗi lời anh nói ra người ta trả một nghìn. Bởi vì anh đã nói năm từ, vì vậy, anh được trả năm nghìn. Tổng cộng lại ban giám đốc gửi cho anh mười lăm nghìn dollar. Khi nhận được anh hãy cho biết tin”.

Tiếp theo Clips đã tả lại một tiết mục mới gì đó của chương trình biểu diễn và nói rằng ông ta chưa mất hy vọng được gặp lại tôi trên vũ đài một lần nữa.

Vì đã mất hết khả năng biết ngạc nhiên nên tôi nhận tập séc mới rồi trở về nhà. Tôi ngó vào chiếc ghế bành của cha ngày trước và kể lại cho mọi người nghe về cái ân huệ bất ngờ của số phận. Sau khi mọi người đã bàn tán ồn ào để biểu thị nỗi vui sướng, bác tôi hỏi:

- Hử, thế bây giờ cháu muốn gì?

Tôi ngắm nhìn những bức tường thân thiết, những cây cối quen thuộc dưới cửa sổ, những khuôn mặt thân yêu và trả lời:

- Cháu chẳng thiết gì những cú nhảy cầu, những công viên rắn, những cú nhảy chết người và những tập séc nữa. Cháu muốn lấy cô Edith Winters. Và cháu muốn lấy ngay, càng nhanh càng tốt.

Bác tôi tung chiếc tàu của mình lên. U Olivia khóc, còn Edith thì đỏ bừng mặt.

Nhưng chúng tôi được sống trong cảnh gia đình yên ấm chẳng bao lâu. Thú vui hạnh phúc sống bên Edith của tôi cũng không được mấy chốc. Chiến tranh đã đến. Những linh cảm của bác tôi và của Pucklington - người đỡ đầu tôi - đã trở thành sự thật. Ở vịnh Ashworth đã xuất hiện những tàu ngầm của bọn phát xít. Những máy bay của chúng đã ném bom xuống những thành phố hòa bình của chúng tôi.

Ngay từ những giờ phút đầu tiên của chiến tranh, toàn thể chúng tôi đã đứng dậy bảo vệ tổ quốc. Bob Birdworth đã làm tới chức thuyền phó trên một chiếc tàu chiến và đã được tặng thưởng một loạt huân chương danh dự. Bác tôi đã tham gia vào đơn vị phòng không của địa phương và đã có nhiều đóng góp quý giá, vì ông đã huấn luyện quân sự cho thanh niên Ashworth. Tôi cũng đã mặc quân phục và vào phục vụ trong quân đội. Edith của tôi cùng với đứa con trai nhỏ mới ra đời của chúng tôi đã phải trải qua nhiều đau khổ. Nhưng Pucklington đã trở về và giúp đỡ vợ con tôi vượt qua những ngày tháng gian lao.

Chiến tranh kết thúc. Tôi làm người giúp việc cho Pucklington. Con trai tôi đã trưởng thành và hiện nay là một tiến sĩ sinh vật học. Trong thời gian đó tôi cũng vẫn là người được chứng kiến nhiều biến cố phi thường. Nhưng những cuộc phiêu lưu kỳ lạ nhất đã rơi vào số phận của Vandock. Có lẽ vào một buổi sáng đẹp trời nào đây tôi lại sẽ cầm bút và viết tiếp những hồi ký của mình nếu người vợ thân yêu của tôi sẽ muốn như vậy...

Đến đây là chấm dứt những hồi ký của Samuel Pingle.

* Lord - một tước hiệu quý tộc cao nhất ở Anh. (Chú thích của người dịch).

* Neptune - thần biển. (Chú thích của người dịch)

* Con bài cao nhất. (Chú thích của người dịch).

* Tháp Babylon: theo thần thoại trong kinh thánh thì người ta định xây tháp này cao tới tận trời nhưng không thành công. (Chú thích của người dịch)

* Cent: đồng tiền ở Mỹ hoặc ở một số nước khác, trị giá bằng một phần trăm đơn vị tiền tệ. (Chú thích của người dịch)

* Foot đơn vị đo chiều dài cũ của Nga và Anh bằng 30.48 cm (Chú thích của người dịch)

* Chơi chữ: Black Snake: tiếng Anh có nghĩa là rắn đen.

* Pound: đơn vị đo trọng lượng bằng 453,6g. (Chú thích của người dịch).

* “Mất Bò đực” - trong ngôn ngữ của những người chơi bài, dùng để chỉ một con bài cao. (Chú thích của người dịch).

* Vị thần cao nhất trong thần thoại Thiên chúa giáo. (Chú thích của biên tập viên.)

* Tác giả viết xong truyện này năm 1945. Hồi đó người ta chỉ biết có 92 nguyên tố hóa học. (Chú thích của biên tập viên).

* Acre: đơn vị đo diện tích ở Anh, Mỹ. bằng 4047 m² (Chú thích của người dịch).

* Ounce: đơn vị cân thuốc bằng 29,8 g. (Chú thích của người dịch)

* Yard: đơn vị đo chiều dài của Anh - 0,9144 m. (Chú thích của người dịch)

* Inch: Tấc Anh bằng 25 milimét. (*Chú thích của người dịch*)